

TẠP CHÍ

SỐ 389

# VĂN HÓA

P H Â T G I Á O

ISSN 2734-9128

HOA ĐÀM  
NGÁT HƯƠNG

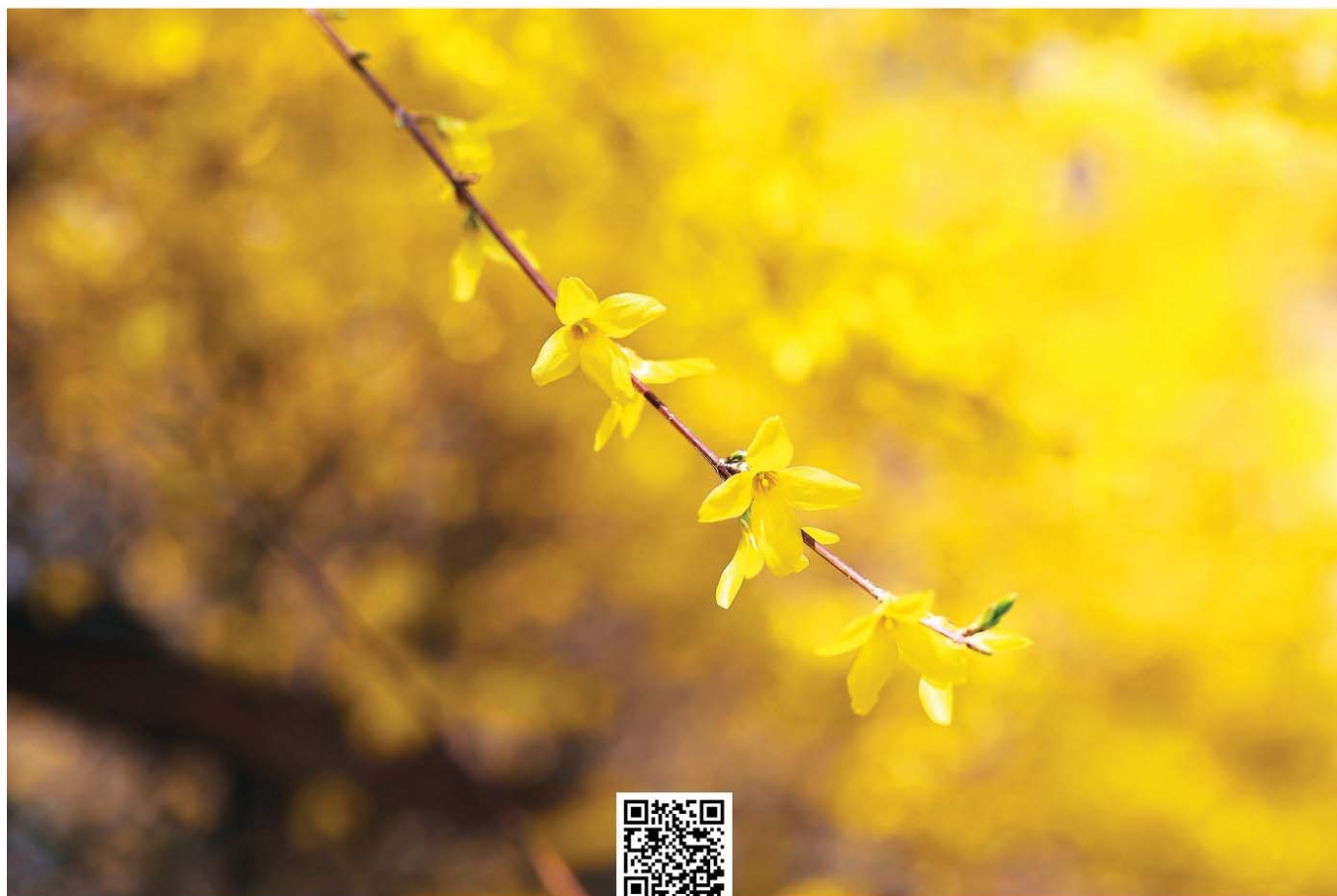
THÔNGIỆP  
ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL.2566 CỦA  
ĐỨC QUYỀN PHÁP CHỦ GHPGVN

DIỄN VĂN PHẬT ĐẢN  
PL.2566 - DL.2022  
CỦA HÒA THƯỢNG CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GHPGVN



TRANG NGHIỆM GIÁO HỘI  
LÀ CỬNG CỐ NGÔI TĂNG BẢO,  
DUY TRÌ MẠNG MẠCH PHẬT PHÁP

Số  
đặc biệt



Thái tử sinh, đất động,  
Ánh sáng rọi khắp nơi,  
Cõi này và cõi khác,  
Trên dưới và các phương.

Phóng quang, cho mắt sáng,  
Trộn đủ nơi thân trời,  
Bằng tịnh tâm hoan hỷ,  
Chuyển xưng tên Bồ-tát.

---

(Kính Trường A Hàm)



**PHÁT HÀNH VÀO ĐẦU VÀ GIỮA THÁNG**

Tổng Biên tập **HT. Thích Hải Ấn**

Phó Tổng Biên tập TT  
kiêm Thư ký Tòa soạn **TT.TS. Thích Minh Nhẫn**

Phó Tổng Biên tập **TT. Thích Minh Hiền**  
**TT. Thích Phước Nghiêm**

Trị sự Tòa soạn **ĐĐ. Thích Minh Ân**

Mỹ thuật & Thiết kế **Anna Huỳnh Trần**  
**Mai Phương Nam**  
**Châu Quốc Hùng**  
**Quách Minh Triết**

Liên hệ Quảng cáo **ĐĐ. Thích Tuệ Tánh**  
**0944 020 802**

Phòng Phát hành **ĐĐ. Thích Minh Thuận**  
Liên hệ **0886 424 842**



**Tòa soạn**

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,  
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-028) 38 484 335 - 0932 850 969  
Email: toasoanvhp@gmail.com  
Website: www.tapchivanhoaphatgiaovn

**Tên tài khoản:**

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo  
Số tài khoản: 0071001053555  
Ngân hàng Vietcombank,  
Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của  
Bộ Thông tin và Truyền thông  
Số 1878/GP. BTTTT  
Ghi bản & in tại Nhà in Hùng Khang  
Q. Tân Phú, TP. HCM

**TRONG SỐ NÀY**

**CHỦ ĐỀ: HOA ĐÀM NGÁT HƯƠNG**

- 6 Thông điệp Đại lễ Phật đản Phật lịch 2566 của Đức Quyền Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam (HĐCMGHPGVN)
- 8 Diễn văn Phật đản PL.2566-DL.2022 của HT. Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (HĐTSGHPGVN)
- 10 Trang nghiêm Giáo hội là củng cố ngôi Tăng bảo, duy trì mạng mạch Phật pháp (HT. Thích Bảo Nghiêm)
- 14 Trí tuệ của Đức Phật (TT.TS. Thích Phước Đạt)
- 18 Sự kiện Bồ tát Đản sanh trong Kinh tạng Pāli (Tỳ kheu Samādhipuñño Định Phúc)
- 24 Giáo hội Phật giáo Việt Nam - Thành viên tích cực trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc (Ngô Sách Thực)
- 30 Kính mừng Phật đản (Trần Quê Hương)

**PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI**

- 34 Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng tinh thần đoàn kết và thống nhất cao độ (HT. Thích Thiện Nhơn)
- 40 Nhìn lại hoạt động Phật sự và hoạt động xã hội của Phật giáo tỉnh Kiên Giang (2017-2022) (Ban Trị sự GHPGVN tỉnh KG)
- 48 Tính cởi mở, bình dân và gần gũi của Phật giáo xứ Quảng (thế kỷ XVII-XIX) (TS. Lê Xuân Thông)
- 54 Phật giáo góp phần đem lại hạnh phúc cho xã hội phương Tây (NCS. Lê Tấn Lộc)

**PHẬT GIÁO - VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG**

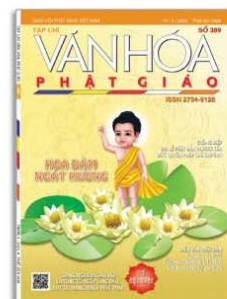
- 64 Giá trị văn hóa - lịch sử chùa Cảnh Phước (TS. Trần Văn Dũng)
- 72 Chùa Tiêu Sơn (Bắc Ninh) và những lớp "trầm tích văn hóa" (SC.Thích Nữ Mai An)
- 80 Di tích kiến trúc Phật giáo thời Lý - Trần trên vùng đất kinh đô Văn Lang (Đỗ Minh Nghĩa, Nguyễn Anh Tuấn)
- 88 Mô típ chung trong truyện cổ tích mang màu sắc Phật giáo ở Đông Nam Á (Dương Thụy)

**PHẬT GIÁO - KHOA HỌC VÀ TRIẾT LÝ**

- 100 Tư tưởng Hồ Chí Minh về Phật giáo (TS. Vũ Trọng Hùng)
- 106 Tìm hiểu ý nghĩa "Người thuyết pháp" thông qua hình ảnh Tôn giả Punnā Mantāniputta (Tỳ kheo Thích Từ Thông)
- 114 Hình tượng Đức Phật Đản sanh và đi bảy bước trên bảy đóa sen (Thiện Giác)

**GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CÁC TỰ VIỆN:**

Chùa Thanh Lương, tỉnh Kiên Giang



Ý tưởng Bìa: Anna Huỳnh Trần  
Thiết kế: Phương Nam



## HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ TIÊU BIỂU TRONG THÁNG



TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI GIỚI THIỆU HÌNH TƯỢNG  
“ĐỨC PHẬT THÍCH CA ĐẢN SINH PHONG CÁCH  
THỜI LÝ” SỬ DỤNG TẠI ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN  
PL.2566-DL.2022

## PHÁP HỘI TRỪNG TỤNG TAM TẠNG PALI - VIỆT LẦN IV



## ĐẠI HỘI PHẬT GIÁO TỈNH BẠC LIÊU LẦN THỨ VI NK 2022 - 2027







KHOÁ HUẤN LUYỆN  
HUYNH TRƯỞNG CẤP 3,  
VẠN HẠNH V, TẠI CHÙA  
TỪ LÂM (HUẾ) VÀ CHÙA  
ĐẠI TÔNG LÂM (BR-VT)



## MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN TIÊU BIỂU





# THƯ TÒA SOẠN

Quý độc giả thân mến!

Trải qua dặm dài lịch sử, Phật giáo không chỉ trở thành nền tảng tinh thần của cư dân Việt mà còn được xem là một trong những thành tố quan trọng, góp phần tạo nên bức tranh lịch sử và bản sắc văn hóa Việt. Dấu ấn văn hóa Phật giáo đã in đậm vào tâm thức người dân, không chỉ hiện hữu qua những tự viện hay món ăn chay, mà còn hiện diện qua các lễ hội Phật giáo. Tiêu biểu trong số các lễ hội đó là lễ Phật đản.

Lễ là dịp để những người con Phật tưởng nhớ ngày Đức Phật ra đời, Ngài đã mang ánh sáng chân lý soi rọi vào cuộc sống, xóa tan những nỗi khổ niềm đau. Kỷ niệm ngày Đức Phật Đản sinh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Tăng Ni, Phật tử trên toàn thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Vì vậy, ngày Đản sinh Đức Phật đã được Liên Hiệp Quốc tổ chức hàng năm, là lễ hội tôn giáo thế giới nhằm tôn vinh những giá trị nhân văn sâu sắc của Phật giáo vì hòa bình cho nhân loại.

Năm tháng trôi qua, ánh đạo vàng đã chiếu sáng khắp năm châu và dẫn dắt nhân loại đi theo chánh đạo. Đặc biệt, lễ Phật đản năm 2022 lại càng có ý nghĩa quan trọng hơn với Phật giáo nước ta, bởi năm nay Giáo hội sẽ tổ chức nhiều sự kiện lớn như: Đại hội Đại biểu GHPGVN các tỉnh, thành nhiệm kỳ 2022-2027, Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX được tổ chức vào tháng 11/2022.

Đại lễ Phật đản năm nay tiếp tục phát huy những giá trị văn hóa tích cực của mình, thắp sáng niềm tin về một tương lai an lành cho thế giới sau thời gian chống chọi với dịch bệnh, góp phần thực hiện mục tiêu đồng hành cùng dân tộc trong sự nghiệp hòa bình, thịnh vượng, mang lại an lạc cho đất nước Việt Nam và toàn thể chúng sinh... Nhân dịp lễ quan trọng này, Ban Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng gửi đến quý độc giả số báo 389 với chủ đề *“Hoa đàm ngát hương”*, bày tỏ niềm tri ân Đức Phật đã xuất hiện trên đời vì hạnh phúc của nhân loại, đồng thời biết ơn chư liệt vị Tổ sư đã dày công xây dựng và cùng cố Tăng đoàn để Phật pháp trường lưu.

Ban Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo







# HOA ĐÀM

## NGÁT HƯƠNG

---





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM  
HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

Hà Nội, ngày mùng Một tháng Tư năm Nhâm Dần  
PL. 2566 - DL. 2022

Thông điệp  
**Đại Lễ Phật Đản**  
PHẬT LỊCH 2566  
CỦA ĐỨC QUYỀN PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

**Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!**

Kính gửi:

- Chư Tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni,
- Quý Cư sĩ, Phật tử Việt Nam ở trong nước và nước ngoài.

Mùa Phật đản lại về, người con Phật khắp năm châu lại hân hoan chào đón ngày đức Đạo sư mang ánh sáng trí tuệ bao la và suối nguồn yêu thương bất tận đến cho nhân loại. Đây là dịp cho tất cả chúng ta ôn lại lịch sử của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, là cơ hội để người Phật tử chiêm nghiệm, sống theo lời dạy vàng ngọc của Ngài, đi theo con đường giác ngộ của Ngài để đưa nhân loại đến hòa bình, an lạc và hạnh phúc.

Đức Phật dạy: Mọi sự vật, hiện tượng đều do duyên sinh. Theo đó, con người có trách nhiệm trong mỗi suy nghĩ, hành động của mình để bảo vệ sự tươi đẹp của hành tinh và có vai trò quyết định sự phồn vinh, thịnh vượng, tương lai của vũ trụ mà chúng ta đang sống.

Trong kinh Tăng Chi Bộ Đức Thế Tôn lại dạy: Người nào không thành tựu Thánh giới, Thánh tuệ, Thánh định và Thánh giải thoát thì người đó tự rời khỏi pháp và luật của Đức Như Lai. Tu tập Giới - Định - Tuệ là thể hiện trách nhiệm của bản thân đối với chính mình, với tha nhân, với nhân sinh và với xã hội. Theo lời dạy của Đức Phật, trách nhiệm xã hội là tiêu chuẩn của cả đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội. Mỗi cá nhân, mỗi tổ chức đều phải có trách



nhiệm, nghĩa vụ hành động vì hạnh phúc, an lạc của nhân loại. Do vậy, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, người đệ tử Phật cũng phải nêu cao đạo hạnh, nghiêm trì giới luật và tuân thủ pháp luật; đồng thời siêng năng thực hành giáo lý từ, bi, hỷ, xả để nuôi dưỡng thân tâm. Đó chính là nền tảng thực hiện trách nhiệm xã hội, xóa bỏ điều ác, hận thù, vô cảm trong xã hội. Đây cũng chính là tiền đề và là động lực để mỗi chúng ta thực hiện trách nhiệm xã hội của mình, cùng nhau xây dựng xã hội tốt đẹp hơn.

Mùa Phật đản năm nay trở về trong không khí hân hoan sau hơn 2 năm dịch bệnh COVID-19 phải thực hiện giãn cách xã hội ở nhiều mức độ khác nhau. Ngay lúc này, người con Phật càng phát huy hơn nữa truyền thống hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc. Mỗi Tăng Ni cần nêu cao trách nhiệm và làm tròn bổn phận của mình trên tinh thần: Kỷ cương - Trách nhiệm - Đoàn kết - Phát triển, nỗ lực không ngừng làm cho Đạo Phật xương minh, xây dựng Giáo hội vững mạnh, tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong khối đại đoàn kết dân tộc, tích cực trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Kính mừng đại Lễ Phật đản, thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi gửi lời tán thán công đức tới chư Tôn đức Tăng, Ni các cấp Giáo hội và cơ sở tự viện trong cả nước, đồng bào Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài đã làm tốt công tác phụng sự nhân sinh, tốt đời đẹp đạo; kính chúc tất cả sống an lành trong giáo pháp của Đức Như Lai!

**Nam mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha tát.**

**ĐỨC QUYỀN PHÁP CHỦ  
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM**



**TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ QUẢNG**





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM  
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

Diễn văn  
**Phật Đản**

PL.2566 - DL.2022  
CỦA HÒA THƯỢNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ  
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

**Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!**

Kính bạch

Chư Tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni!  
Kính thưa Quý vị Cư sĩ, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài!  
Kính thưa quý liệt vị!

Ngược dòng thời gian cách đây 2.646 năm, vào ngày trăng tròn tỏ rạng của tháng Vesak thiêng liêng, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đản sinh tại vườn Lâm Tỳ Ni thuộc xứ Ấn Độ cổ đại, nay là Nepal. Đức Phật đản sinh đã trở thành một sự kiện hy hữu của toàn nhân loại. Ngài là *“Một chúng sinh duy nhất, một con người phi thường xuất hiện trên thế gian này, vì lợi ích cho số đông, vì hạnh phúc cho số đông, vì lòng bi mẫn, vì sự tốt đẹp, vì lợi ích và hạnh phúc cho chư thiên và loài người”*. Trải qua quá trình tu tập chứng nghiệm tâm linh, cũng vào thời khắc trăng tròn Vesak tại Bồ Đề Đạo Tràng Ấn Độ, Ngài đã giác ngộ thành Phật. Trong công cuộc hoằng pháp và độ sinh, Ngài đã để lại cho nhân loại một kho tàng hệ thống tư tưởng giáo lý vô giá về trí tuệ, lòng từ bi, tinh thần bất bạo động, con đường giải thoát khổ đau, hòa hợp và phát triển thông qua giáo lý Bát Chánh Đạo, là bản thể của trung đạo và ba môn vô lậu học Giới, Định, Tuệ là con đường độc nhất đưa chúng sinh đến chứng quả Niết bàn và thành Phật.

Ngày nay, Đại lễ Phật đản - Vesak đã trở thành lễ hội tôn giáo vì hòa bình của Liên hợp quốc, là đại lễ thiêng liêng của hàng triệu tín đồ trên toàn thế giới. Trong bối cảnh nhân loại đã trải qua hơn hai năm dịch bệnh COVID-19, cùng với sự đe dọa của biến đổi khí hậu, xung đột và chiến tranh đã cướp

đi sinh mạng của hàng triệu con người thì Phật đản là thời gian để Liên hợp quốc phát đi Thông điệp của Đức Phật về hòa bình, lòng khoan dung, về thế giới không chiến tranh mà thay vào đó là tình thương, lòng bi mẫn, phụng sự con người và chúng sinh. Tổng Thư ký Liên hợp quốc đã khẳng định rằng: *“Giáo lý của Đức Phật là Thông điệp vượt thời gian về sự đoàn kết và phụng sự tha nhân ngày càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Nhân ngày Phật đản - Vesak, chúng ta hãy cùng nhau tôn vinh trí tuệ của Đức Phật bằng cách hành động vì người khác trên tinh thần từ bi và hòa hợp, cũng như đổi mới cam kết của chúng ta nhằm xây dựng một thế giới hòa bình”*.

Kính thưa quý liệt vị!

Mỗi độ hoa sen nở rộ khắp các miền quê trên đất nước Việt Nam thân yêu của chúng ta, cũng là thời gian Tăng, Ni và Phật tử Việt Nam lại hân hoan cùng với Phật giáo đồ trên thế giới đón mừng ngày khánh đản của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. Năm Phật lịch 2.566, Phật đản năm nay trở về trong niềm vui chung của Nhân dân cả nước, trước tình hình dịch bệnh COVID-19 được kiểm soát. Cuộc sống trở lại bình thường, kinh tế xã hội đang trên đà hồi phục phát triển nhanh và bền vững, đời sống văn hóa, sinh hoạt tâm linh mang lại sự phấn khởi, tươi vui cho tất cả mọi người như Kinh Pháp Cú có dạy:

Vui thay chư Phật ra đời  
Vui thay giáo Pháp khắp nơi hoằng truyền  
Vui thay Tăng chúng đoàn viên  
Vui thay bốn chúng kết duyên tu hành  
(PC 194)

Kính mừng Phật đản năm nay, cũng đúng vào thời gian Giáo hội Phật giáo Việt Nam các tỉnh, thành phố đang tập trung trí tuệ tổ chức thành công Đại hội Đại biểu Phật giáo nhiệm kỳ 2022 – 2027 tiến tới Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ IX sẽ được tổ chức vào tháng 11/2022 tại Thủ đô Hà Nội. Để mọi Phật sự được thành tựu, mỗi Tăng Ni cần khắc ghi và thực hành lời dạy của Đức Phật về giáo lý *Tứ nhiếp pháp*: *“Bố thí là bằng tâm thanh tịnh nhằm giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn sau đại dịch COVID-19. Ái ngữ là dùng lời từ hòa hướng dẫn mọi người an trú vào pháp thiện. Lợi hành là làm lợi ích cho mọi người và xã hội. Đồng sự là hòa hợp dần thân phục vụ để khuyến hóa mọi người phát tâm tu tập theo thiện pháp, hướng đến Nhất thiết trí - thành Phật”*. Đây chính là con đường dẫn đến sự thành công của mọi công tác Phật sự. Đó cũng chính là con đường để giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Giáo hội. Đồng thời là điều kiện quan trọng quyết định sự thanh tịnh, hòa hợp và thành công của Đại hội trên tinh thần Kỷ cương - Trách nhiệm - Đoàn kết và Phát triển.

Trong niềm hoan hỷ vô biên, kính chúc chư Tôn đức Tăng Ni, Quý Cư sĩ và đồng bào Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài một mùa Phật đản an lạc, vô lượng cát tường, thành tựu viên mãn các Phật sự lợi đạo ích đời trong tinh thần xương minh Đạo Pháp, phụng sự chúng sinh là thiết thực cúng dường Đức Phật nhân ngày Đại lễ Phật đản - Vesak năm nay.

**Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật tác đại chứng minh!**



# TRANG NGHIỆM GIÁO HỘI LÀ CUNG CỐ NGÔI TÀNG BẢO,



## *DUY TRÌ MẠNG MẠCH PHẬT PHÁP*



**HT. Thích Bảo Nghiêm\***



**T**rong không khí hân hoan của những ngày đầu hạ Nhâm Dần, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam và Thế giới vui mừng chào đón đại lễ Vesak PL.2566 - DL.2022. Nhân kỷ niệm ba sự kiện lớn: Đản sinh, Thành đạo và Niết bàn của Đức Thế Tôn, chúng ta ôn lại thánh hạnh của Ngài cùng Tăng đoàn năm xưa để thấy được sự chuyển biến, đổi thay rõ nét của xã hội kể từ khi ánh đạo vàng xuất hiện.

Từ một hoàng thái tử, Ngài đã rũ bỏ tóc xanh, trả lại vương bào để sống đời thoát tục với tấm cà sa và bình bát hành tri. Điều đó đã làm thức tỉnh giới thượng lưu, những người quyền thế thời bấy giờ về sự lựa chọn giữa lý tưởng và cách sống; giữa địa vị giàu sang cho bản thân hay lợi ích cho nhân loại. Cùng với đó, Ngài đã thổi một luồng sinh khí mới vào nền văn minh sông Hằng qua việc thành lập Tăng đoàn (*Sangha*) của những vị khất sĩ áo vàng vân du khắp xứ Ấn, làm thay đổi những quy định khắc nghiệt về phân chia đẳng cấp của xã hội đương thời. Theo Đức Phật, tư cách con người được khẳng định bằng thân, khẩu và ý của chính người ấy, không do truyền thừa từ phả hệ. Tôn giả Vasettha thuộc dòng dõi Bà la môn, xuất gia theo Phật đã bị chỉ trích: Tại sao đang ở giai cấp do Phạm Thiên sinh ra mà lại đi theo giai cấp thấp? Tôn giả rất ưu tư và đi đến bạch Phật, được Đức Thế Tôn dạy: Con người có mặt trên đời đều do “thai sinh”, không có một Phạm Thiên nào sinh ra. Bất kể là ai dù thuộc dòng dõi Bà la môn, Sát đế ly, Phệ xá hay Thủ đà la nếu giữ 5 tịnh giới, hay tu 10 điều thiện thì những vị ấy đáng được tán thán. Những ai phá giới, sống ác hạnh dù ở giai cấp nào cũng sẽ bị chỉ trích. Nếu có ai trong bốn giai cấp này trở thành vị Tỳ kheo tu hành tinh tiến, đoạn trừ lậu hoặc, phạm hạnh viên mãn, dứt hết mọi hữu kiết sử, vị ấy được xem là vị tối thượng giữa các loài hữu tình trong đời này. Bạc trí cần có nhận thức như vậy (*Kinh Trường Bộ, phẩm kinh số 27 Khởi thế nhân bốn - Agganna sutta*).

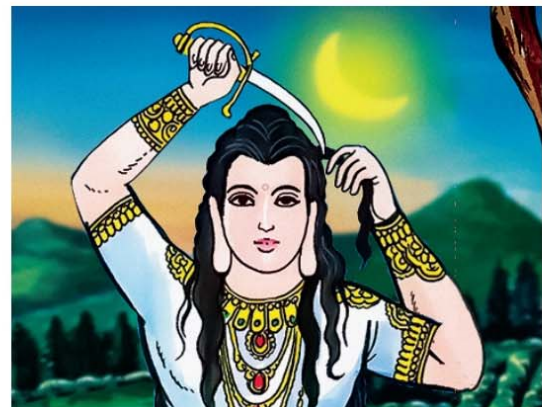
Năm tháng trôi qua, ánh đạo vàng đã chiếu sáng khắp năm châu và dẫn dắt nhân loại đi theo chính đạo. Có được vậy là nhờ liệt vị Tổ sư theo dấu chân Phật, thực hành giáo pháp, củng cố Tăng đoàn để

tiếp nối đạo mạch, làm sáng ngời hình ảnh đáng Đạo Sư trên thế gian này.

Tăng đoàn Phật giáo Việt Nam xa xưa được hình thành bắt đầu từ những vị xuất gia trong một trú xứ là những ngôi chùa, thiền viện, tịnh xá... dần dần được phát triển thành sơn môn, pháp phái, hệ phái. Cho đến đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, Tăng đoàn được kết nối, định hình bằng một tổ chức chung là

Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Đây là sự hòa hợp của 9 tổ chức, Giáo hội, Hệ phái Phật giáo trong cả nước lúc đó, theo nguyện vọng chân chính của những người con Phật Việt Nam, sau khi đất nước được thống nhất. Dù mới chỉ thành lập được 4 thập kỷ nhưng Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã thể hiện được sức sống huyền nhiệm, kế thừa xứng đáng dòng Phật sử suốt gần 26 thế kỷ, với sự truyền thừa hơn 2.000 năm trên quê hương.

Người học Phật với sự thấy biết chân chính và tư duy chân chính, sẽ ý thức rằng Giáo hội Phật giáo Việt Nam không chỉ trên bình diện là một cơ quan hành chính quản lý Tăng Ni, tự viện mà còn là biểu tượng của Tăng bào, là đoàn thể hoà hợp chúng lớn mạnh, thực hành hạnh lợi tha với phương châm: “*Phục vụ chúng sinh là thiết thực cùng dường chư Phật*”. Bản thể của ngôi Tăng bào được biểu hiện qua ba đặc tính:



Từ một hoàng thái tử, Ngài đã rũ bỏ tóc xanh, trả lại vương bào để sống đời thoát tục với tấm cà sa và bình bát hành tri. (Ảnh: thientonphatquang.com)





Dù mới chỉ thành lập được 4 thập kỷ nhưng Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã thể hiện được sức sống huyền nhiệm, kế thừa xứng đáng dòng Phật sử suốt gần 26 thế kỷ, với sự truyền thừa hơn 2.000 năm trên quê hương.

### 1. HỘI CHÚNG THANH TỊNH

Là đoàn thể của những người có lối sống phạm hạnh, sống đời trong sạch không tì vết. Cư sĩ tại gia hay tu sĩ xuất gia đều có những giới luật riêng. Lĩnh thọ giới pháp nào thì vâng giữ giới ấy được gọi là giữ sự thanh tịnh cho đoàn thể. Một người mất phẩm chất, không chỉ khiến người ấy rơi vào sự uế nhiễm, náo phiền mà còn làm ảnh hưởng đến cả hội chúng cũng như vậy, như “Con sâu làm rầu nồi canh”. Do vậy, mọi biểu hiện của mỗi cá nhân đều phản ánh tính sinh hoạt của tập thể. Mỗi cá thể là nhân tố quan trọng để định hình tổ chức, mỗi người tịnh hóa thân tâm bằng giới luật chính là góp phần xây dựng Giáo hội vững mạnh.

### 2. HỘI CHÚNG HOÀ HỢP

Hoà là có mặt cho nhau. Hợp là gắn kết với nhau. Hoà và hợp phải luôn đi cùng với nhau trên sáu pháp: hành động, lời nói, quan điểm, kiến giải, giới học và các nhu yếu cuộc sống. Các thánh đệ tử thời Đức Phật được dự vào dòng thánh là nhờ thực tập pháp hòa kính này. Tôn giả A Na Luật (*Anurudha*) - biểu tượng của tinh thần hòa hợp, thanh tịnh - đã trình bạch lên Đức Thế Tôn niềm hạnh phúc có được nhờ sống nếp sống hoà hợp: “*Bạch Thế*

*Tôn, chúng con thường cùng hòa hợp an ổn, không tranh cãi nhau, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hòa hợp với nhau như nước với sữa, chùng đặc pháp Thượng nhân mà có an lạc. Bạch Thế Tôn, chúng con ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chúng đặc đệ Tử thiên, thành tựu và an trụ”.* (Kinh Trung A Hàm I, phẩm Kinh Ngưu Giác Sa La Lâm số 185).

3/ Hội chúng bình đẳng: Dù là ai, xuất thân từ thành phần xã hội nào, khi dự vào Tăng đoàn đều được xem là bình đẳng như nhau. Đoàn thể bình đẳng sẽ không phân biệt thành phần, địa vị xã hội, chủng tộc, giai cấp, giới tính... một khi đứng vào hàng ngũ Tăng đoàn thì tất cả đều được đối xử bình đẳng; lấy giới phẩm (*Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Sa di, Sa di ni*) theo giới luật làm y cứ và lấy giáo phẩm (*Hoà thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư*) theo giáo định để xác lập trên dưới. Tăng đoàn cũng không phân biệt là Nam tông (*Theravada*), hay Bắc tông (*Mahayana*)... tất cả đều là thành viên trung kiên của Giáo hội, lấy pháp Tỳ ni (*Vinaya*) làm nền tảng để giải quyết việc Tăng; lấy pháp Yết ma (*Kamma*) làm công cụ để dàn hoà Tăng sự trên tinh thần bình đẳng, hòa hợp và tạo tiếng nói chung.





Người đệ tử Phật cũng cần hiểu rằng Giáo hội Phật giáo Việt Nam chính là biểu tượng của ngôi Tăng bảo. Giáo hội vững mạnh thì Đạo pháp hưng long. (Lãnh đạo TP. HCM chúc mừng 40 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam).

Người đệ tử Phật cần chính tín Tam bảo, khi đã xác quyết với niềm tin bất động nơi Phật, Pháp và Tăng thì tâm bồ đề phải luôn kiên định, không thoái chuyển. Người đệ tử Phật cũng cần hiểu rằng Giáo hội Phật giáo Việt Nam chính là biểu tượng của ngôi Tăng bảo. Giáo hội vững mạnh thì Đạo pháp hưng long. Xây dựng ngôi nhà Giáo hội trang nghiêm cũng chính là tôn kính Tam bảo, khiến cho đạo pháp trường tồn nơi thế gian này.

Trong năm qua, các cấp Giáo hội địa phương trực thuộc tỉnh đã Đại hội thành công viên mãn. Năm 2022, Giáo hội tiếp tục củng cố, hoàn thiện về tổ chức và nhân sự cấp tỉnh đề hướng tới Đại hội lần thứ IX của Giáo hội Phật giáo Việt Nam sẽ diễn ra vào cuối năm nay tại Thủ đô Hà Nội. Để việc xây dựng và phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam phù hợp với yêu cầu của hiện nay, mỗi thành viên của Giáo hội cần nhận thức sâu sắc rằng dòng sinh mệnh đạo pháp tuần lưu trong lòng Giáo hội. Vậy nên, nhiệm vụ trọng yếu của người thừa hành Phật sự là phụng sự Giáo hội, xây dựng và củng cố Giáo hội bằng chính đạo lực tự thân. Mỗi người nên thể hiện mình là tướng quân chính pháp, phát huy ánh sáng trí tuệ, nêu cao tinh thần hòa hợp chúng, dẫn thân vì lợi đạo ích đời; nhận diện được vọng và chân, phương tiện và cứu kính, ứng dụng lý - cơ một cách nhuần nhuyễn

vào nếp sống đạo. Có thể mượn vọng để tỏ chân nhưng không bị dính vào vọng, mượn phương tiện để đạt cứu kính nhưng không bị dính mắc vào phương tiện, đó mới là thiện xảo của người hành đạo.

Hướng về Đại lễ Vesak PL.2566 - DL.2022, chúng ta bày tỏ niềm tri ân đấng Đạo sư đã xuất hiện trên đời vì hạnh phúc, vì lợi ích và an lạc cho chư Thiên và loài người. Đồng thời, tri ân chư liệt vị Tổ sư, các vị tiền bối đã dày công xây dựng và củng cố Tăng đoàn để Phật pháp được trường lưu. Chúng ta với tuệ giác tương tức để thấy Thế Tôn vẫn đang có mặt trong Tăng đoàn, giáo pháp vẫn đang có mặt trong Tăng đoàn, Giáo hội Phật giáo Việt Nam là một Tăng đoàn tiêu biểu của thời đại. Vì vậy, mỗi thành viên Tăng Ni thực hiện hữu hiệu phương châm “*Đoàn kết - Hoà hợp, Trường dưỡng đạo tâm - trang nghiêm Giáo hội*” chính là lễ phẩm cao quý nhất dâng lên cúng dàng Đại lễ Vesak PL.2566 này. Đó cũng là phương cách hữu hiệu nhất để xây dựng ngôi nhà chung và duy trì, bồi đắp mạng mạch Phật giáo ngày càng vững mạnh, phát triển.

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

\* Hòa thượng Thích Bảo Nghiêm - Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Trưởng ban Ban Hoằng pháp Trung ương GHPGVN.



# TRÍ TUỆ CỦA *ĐỨC PHẬT*

TT. Thích Phước Đạt\*



Con người với tự thân, tự mình thấp duỗi lên mà đi, tự mình làm  
hòn đảo nương tựa cho chính mình, không nương tựa ai khác, ngay  
cả đấng Thần linh, Thượng đế hay một thể lực siêu hình nào khác.

**K**hông phải ngẫu nhiên, hàng năm, đến ngày Rằm tháng Tư âm lịch, tất cả người con Phật trên khắp hành tinh này đều long trọng tổ chức Đại lễ kỷ niệm Phật đản sinh, vị Giáo chủ sáng lập ra một tôn giáo có một không hai trong lịch sử loài người. Theo P.D Mehta nhận định: *“Tôn giáo được Đức Phật đề xuất thì rất độc đáo, nó khác biệt một cách sống với tất cả các tôn giáo lớn khác. Chánh pháp, mà không phải là một con người thần thánh hay tuyệt đối, là suối nguồn. Mục đích là vô ngã, sự chấm dứt khổ đau, và sự chứng ngộ bất tử, Niết-bàn...”* [1].

Xem ra, sự thị hiện của Đức Phật giữa cõi đời là sự minh chứng và giải trình về trí tuệ siêu việt của Ngài có khả năng thấy biết tự thân sự thật khổ đau, nguyên nhân khổ đau, thấy biết như thật khổ đau đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt khổ đau trong ý nghĩa: *“Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, đây là đời sống cuối cùng, không còn trở lui lại đời sống này nữa”*. Hay nói một cách khác, chính sự hiện hữu trí tuệ này là sự minh chứng, sự hiển lộ làm khác biệt, phân biệt rõ ràng giữa những gì gọi là Phật giáo với các tôn giáo khác có mặt giữa cuộc đời này.

Các kinh điển truyền thống như: Kinh Bà-sa-cù-đa Tam Minh (Tevijja-Vacchagottasuttam, Trung Bộ kinh; Hán tạng: kinh Tam Minh số 26) đều đề cập đến Tam Minh như là sự phân biệt đầu tiên giữa Phật giáo và các tôn giáo khác mà bất cứ ai khi tiếp cận đều không thể lầm lẫn. Tam Minh (Tevijja) bao gồm: Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, Lậu tận minh. Tại đây, Túc mạng minh được nhìn nhận là trí tuệ thấy rõ vô lượng kiếp của tự thân với tất cả nghiệp nhân và nghiệp quả. Thiên nhãn minh là trí tuệ thấy rõ vô

lượng kiếp quá khứ của chúng sanh, thấy rõ sự sinh tử của chúng sanh với tất cả nghiệp nhân nghiệp quả trong dòng sông tương tục. Lậu tận minh là trí tuệ có công năng đoạn tận hết thấy lậu hoặc, chứng vô lậu Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát.

Ngay trong các bản kinh nói trên, chúng ta cũng thấy nội dung ý tưởng đó, đã diễn dịch trí tuệ của Thế Tôn mang tính đặc trưng thù thắng để phân biệt một cách rõ ràng cụ thể: *“Nếu nói rằng Sa môn Gotama là bậc Nhất thiết trí, Nhất thiết kiến, Ngài tự cho là có tri kiến hoàn toàn, khi Ta đi, khi Ta đứng, khi Ta ngủ, khi Ta thức, tri kiến luôn luôn tồn tại và liên tục. Như thế là nói một*

*điều không thực về Ta. Nếu nói rằng Sa môn Gotama là bậc có Tam Minh (với ý nghĩa khi nào Thế Tôn muốn thì Túc mạng minh và Thiên nhãn minh mới khởi lên). Như thế mới không nói điều không thực về Ta”*.

Rõ ràng, chính Thiên nhãn minh (hay Tam Minh), Thế Tôn thấy biết và tuyên bố rằng: *“Không có một người tại gia nào không đoạn trừ kiết sử, sau khi thân hoại có thể diệt tận khổ đau. Không phải một trăm năm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm; nhưng điều hơn như thế là những người tại gia không đoạn trừ kiết sử có thể sanh Thiên”*.

Tuy nhiên, đối với tà mạn ngoại đạo thì Thế Tôn lại dạy: *“Không có một vị tà mạn ngoại đạo nào sau khi thân hoại có thể diệt tận khổ đau và dầu cho Ta nhớ đến chín mươi mốt kiếp, Ta không thấy một vị tà mạn ngoại đạo nào được sanh Thiên, trừ một vị, vị này thuyết về nghiệp và thuyết về tác dụng của nghiệp”*. *“Sự việc này là như vậy, này Vaccha, thời ngoại đạo giới này là trống không, cho đến vấn đề sanh Thiên”*.





## HOA ĐÀM NGÁT HƯƠNG

Bản kinh Bà-sa-cù-đa Hoà dụ (Trung Bộ kinh III), kinh Xuất gia (Đại II, 246b, Đại II 446a, Hán tạng) cũng xác tín, nếu muốn thì các đệ tử Thế Tôn có thể chứng Tam Minh ngay trong hiện tại đời này.

Các bản kinh truyền thống còn giải trình trí tuệ của Thế Tôn qua sự trình bày về mười Như Lai lực như là sự minh chứng vị trí độc tôn của Đức Phật để phân biệt với các đạo giáo khác. Theo kinh Tăng Chi V, phẩm Mười pháp đã thắng thán tuyên bố chính mười Như Lai lực này mà Thế Tôn, bậc Đạo Sư của chúng ta đã cất tiếng rống sư tử và chuyển bánh xe pháp đến khắp mọi nơi trên hành tinh này, đem lại lợi lạc hạnh phúc cho quần sanh. Đó là:

1. *Như Lai như thật biết xứ và phi xứ.*
2. *Như Lai như thật biết các quả báo tùy thuộc sở do, sở nhân của các hành nghiệp quá khứ hiện tại vị lai.*
3. *Như Lai biết như thật con đường đưa các sanh thú.*
4. *Như Lai biết như thật mọi thế giới với mọi sai biệt của chúng.*
5. *Như Lai như thật biết sự hiểu biết sai biệt các loài hữu tình.*
6. *Như Lai như thật biết các tâm tánh sai biệt của tất cả chúng sanh.*

7. *Như Lai như thật biết các tạp nhiễm, thanh tịnh, xuất khởi của các Thiền chứng về Thiền, về giải thoát và về định.*

8. *Như Lai chứng Túc mạng minh.*

9. *Như Lai chứng Thiên nhãn minh.*

10. *Như Lai chứng Lậu tận minh.*

Rõ ràng truyền thống Bắc tạng và Nam tạng đều tán thán Thế Tôn là bậc đầy đủ thập hiệu, thập lực. Thập hiệu bao gồm: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn càng minh chứng Thế Tôn là bậc đầy đủ trí đức và công hạnh giáo hoá muôn loài. Như thế, trí tuệ vô thượng của Thế Tôn là tuệ giác siêu việt vượt thời gian và không gian không thể tìm thấy bất cứ một hệ thống kinh điển nào hiện diện ở bất kỳ tôn giáo, đạo giáo nào đã đang hiện hữu từ trong quá khứ, hiện tại, tương lai ở đời này.

Điều đáng nói nữa, với trí tuệ Đức Phật đã thân chứng, giáo lý Duyên khởi đã được giải trình. Qua giáo lý Duyên khởi, Thế Tôn dạy toàn bộ khổ uẩn là do 12 nhân duyên sinh khởi và toàn bộ khổ uẩn diệt

Sự thị hiện của Đức Phật giữa cõi đời là sự minh chứng và giải trình về trí tuệ siêu việt của Ngài có khả năng thấy biết tự thân sự thật khổ đau, nguyên nhân khổ đau, thấy biết như thật khổ đau đoạn diệt và con đường đưa đến đoạn diệt khổ đau trong ý nghĩa: “*Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, đây là đời sống cuối cùng, không còn trở lui lại đời sống này nữa*”.





Giáo lý Duyên khởi  
mà trí tuệ của Đức Phật  
tự thân chứng ngộ cũng  
minh chứng cho sự thật:  
Tất cả các pháp đều vô  
thường, hết thấy các  
hành là vô thường và  
khổ đau.



là do 12 nhân duyên diệt. Điều đó cũng có nghĩa cội nguồn sinh tử khổ đau chính là do vô minh hay ái, thủ đem lại. Sự khám phá sự thật duyên khởi này của trí tuệ Như Lai không có trong bất cứ hệ thống giáo lý tôn giáo nào ở thế gian này.

Giáo lý Duyên khởi mà trí tuệ của Đức Phật tự thân chứng ngộ cũng minh chứng cho sự thật: Tất cả các pháp đều vô thường, hết thấy các hành là vô thường và khổ đau. Đây chính là “*Ba pháp ấn*” làm nên diện mạo và đặc trưng của Đạo Phật. Chính nhìn sự vật hiện tượng các pháp, ngay cả con người là vô ngã từ giáo lý Duyên khởi dẫn đến con người bước ra khỏi vùng tư duy hữu ngã thường hay gây khổ đau cho người. Chính tư duy vô ngã, khiến con người nhìn nhận thực tại là vô ngã, con người cần phải có trách nhiệm tự thân về chính mình, về môi sinh, về thế giới, con người vạn vật.

Con người với tự thân, tự mình thấp đước lên mà đi, tự mình làm hòn đảo nương tựa cho chính mình, không nương tựa ai khác, ngay cả đấng Thần linh, Thượng đế hay một thể lực siêu hình nào khác. Con người là chủ nhân ông của nghiệp, là người thừa tự nghiệp. Con người sẽ thân chứng, chứng đạt chân

lý nếu sống theo một đời sống hướng thượng như Đức Phật và các bậc Thánh đã đi qua, hoặc sẽ đọa lạc khổ hải trầm luân nếu sống theo một đời sống tha hoá. Đây là điểm đặc thù của giáo lý Thế Tôn tuyên thuyết mà không có tôn giáo nào giải trình. Như thế Đức Phật tuyên bố: “*Ai thấy biết giáo lý Duyên khởi là thấy biết Như Lai. Thấy biết Như Lai là thấy biết giáo lý Duyên khởi*”. Điều đó cũng có nghĩa tuệ giác của Đức Phật chứng ngộ toàn bộ giáo lý Đức Phật đã tự thân tu tập, tự thân hành trì, tự thân chứng ngộ và Ngài trở thành bậc Đạo Sư của trời và muôn loài.

Tại đây, cánh cửa vô sanh bất tử sẽ mở ra một chân trời mới của thế giới tự do, tự tại, hạnh phúc an lạc thật sự khi mỗi cá nhân con người biết “sống với” chứ không phải “nói về”. Hay nói cách khác, tự thân con người hãy đến với nhau bằng sự yêu thương và hiểu biết của trí tuệ như thật mà Đức Phật đã trao truyền cho chúng ta.

#### Chú thích:

\* Thượng tọa Tiến sĩ Thích Phước Đạt - Ủy viên Hội đồng Trị sự, Phó ban kiêm Chánh Thư ký Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

[1] P.D Mehta, *Early Indian Religious Thought*, Nxb. Lusac và Company Limited, 1956, tr.186 -187.



HOA ĐÀM NGÁT HƯƠNG

# SỰ KIỆN BỒ TÁT ĐẢN SANH



## TRONG KINH TẠNG PĀLI



Tỳ khưu Samāhipuñño Định Phúc





Đề cập đến sự ra đời của một vị Bồ tát Chánh Đẳng Chánh Giác, Đức Phật đã dạy rằng: *Một người, này các Tỳ kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người.*

**T**heo truyền thống của Phật giáo Nam truyền Theravāda, ngày trăng tròn tháng Tư âm lịch là ngày kỷ niệm ba sự kiện: Bồ tát Đản sanh, Bồ tát Thành đạo và Đức Phật viên tịch Niết-bàn. Ba sự kiện trọng đại trải trong quãng mấy mươi năm nhưng xảy ra đều trùng hợp vào đêm Rằm tháng Tư, đúng theo ý nguyện của Đức Phật Gotama. Vì vậy, tất cả Phật tử, từ những bậc xuất gia đến các hàng tại gia cư sĩ trên toàn thế giới, đều lấy đêm Rằm tháng Tư làm ngày lễ cúng dường Đức Phật, gọi là: Vesākha-pūjā.

### SỰ RA ĐỜI CỦA VỊ BỒ TÁT CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC

Đề cập đến sự ra đời của một vị Bồ tát Chánh Đẳng Chánh Giác, Đức Phật đã dạy rằng: *Một người, này các Tỳ kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người. Một người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính một người này, này các Tỳ kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người.*

Sự xuất hiện của một người, này các Tỳ kheo, khó gặp được ở đời. Của người nào? Của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sự xuất hiện của một người này, này các Tỳ kheo, khó gặp được ở đời [1].

*Hỡi này Bà-la-môn  
Ta, bậc Chánh Đẳng Giác  
Bậc Tối Thượng Y Vương  
Người xuất hiện như vậy  
Thế gian thật hiếm thấy [2].*

Chính vì Ngài là bậc vĩ đại như thế và khó gặp như thế nên sự kiện ra đời của Ngài cũng trở thành một sự kiện hy hữu, hiếm thấy và rất vi diệu. Không mang hình thức thần thánh và cũng không dính đến vấn đề huyền bí, sự kiện ra đời hay sự Đản sanh của Đức Bồ tát được ghi chép lại qua nhiều bài kinh thuộc hệ tạng Nikāya.



Trong Trường bộ [3], Đức Phật đã giảng về một số phương pháp thông thường khi một vị Đại Bồ tát Đản sanh khác với một phàm phu bình thường, tức loài người chúng ta. Chẳng những Đức Phật Cồ-đàm (Gotama) trong thời hiện tại mà chư Phật trong quá khứ như Đức Phật Tỳ-bà-thi (Vipassī), Đức Phật Thi-khí (Sikhī), Đức Phật Tỳ-xá-bà (Vesabhū), Đức Phật Câu-lưu-tôn (Kakusandha), Đức Phật Câu-na-hàm (Konāgamana), Đức Phật Ca-diếp (Kassapa)... cũng có một số hiện tượng siêu xuất giống nhau khi các Ngài vừa Giáng sanh ra khỏi bào thai của thân mẫu. Sự Đản sanh của chư Phật đều giống nhau như sự xuất hiện của các Ngài giữa thế gian này đã cảm ứng đến thế giới chư thiên và các loài khác; các Ngài đều giáng sanh dưới gốc cây giữa thiên nhiên bao la; các Ngài đều từ hông mẹ bước ra và tuyên bố các Ngài là bậc tối thượng trong tam giới; các Ngài đều có hào tướng với 32 tướng tốt và 80 tướng phụ và thông điệp của các Ngài ở đời là cứu khổ cho chúng sanh. Đức Phật diễn tả cụ thể phương pháp Đản sanh của chư Phật trong quá khứ và hiện tại qua hình ảnh đầy màu sắc của Bồ tát Tỳ-bà-thi và thân mẫu của Ngài.

Phần Nidānakathā [4] (Thuyết Duyên Luận) mở đầu của chú giải chuyện tiền thân được xem như là một bản văn đề cập khá chi tiết về lịch sử cuộc đời Đức Phật trong hệ thống Tam tạng kinh điển Pāli. Văn bản ghi lại rằng: Hoàng hậu Mahāmāyā ngự đến một cây Sālā có thân to, đầy hoa đang nở rộ. Khi đứng đưa cánh tay phải lên, thì cành cây tự nhiên sả xuống, bà đưa tay nắm lấy cành cây với tư thế đáng đứng rất đẹp và rất vững vàng. Liền lúc ấy, Hoàng hậu trở dạ, các cung nữ lập tức che màn xung quanh nơi đang đứng [5]. Lúc ấy, Đức Bồ tát cao quý ra đời một cách nhẹ nhàng, thanh thoi với bàn chân phải bước xuống trước, ví như một vị pháp sư rời khỏi pháp tòa. Đó là ngày thứ sáu, ngày trăng tròn tháng Vesākha (nhằm ngày Rằm tháng Tư) năm 623 TCN, đúng mười tháng thụ thai trong lòng mẹ.

Ngay khi ấy, mười ngàn thế giới rung chuyển. Chư Thiên và Phạm thiên đồng thanh reo mừng và tung rải những nắm hoa trời, tất cả các loại nhạc khí đều tự

nhiên phát ra những âm thanh kỳ diệu. Toàn thể thế giới trở nên thông thấu, trong suốt, khắp các hướng mà không bị ngăn ngại. Tất cả ba mươi hai hiện tượng kỳ diệu đồng loạt xảy ra để báo hiệu sự Đản sanh của Bồ tát. Khi vị Bồ tát từ bụng mẹ sanh ra, khi

ấy một hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp

thế giới, gồm có các thế giới trên chư

Thiên, thế giới của các ma vương,

Phạm thiên và thế giới ở dưới gồm

các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các

vị hoàng tử và dân chúng. Cho

đến các cảnh giới ở giữa các thế

giới, không có nền tảng, tối tăm,

u ám, những cảnh giới mà mặt

trắng, mặt trời với đại thần lực,

đại oai đức như vậy cũng không

thể chiếu thấu, trong những cảnh

giới ấy, một hào quang vô lượng, thắng

xa oai lực của chư Thiên hiện ra. Và các

chúng sanh sống tại những chỗ ấy, nhờ hào quang ấy

mới thấy nhau mà nói: “*Cũng có những chúng sanh*

*khác sống ở đây*”. Và mười ngàn thế giới chuyển

động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang

vô lượng thần diệu ấy thắng xa oai lực của chư Thiên

hiện ra ở thế giới [6].

Lúc Bồ tát Đản sanh, có hai cột nước thuần khiết ẩm

và mát từ trên hư không đổ xuống thân của Bồ tát

và mẹ của Ngài như là một dấu hiệu tôn kính. Khi

vị Bồ tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh

tĩnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhớt nào, không

bị nhiễm ô bởi loại mù nào, không bị nhiễm ô bởi

loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ sự vật

bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch. Khi vị Bồ tát từ

bụng mẹ sanh ra, hai dòng nước từ hư không hiện

ra, một dòng lạnh, một dòng nóng. Hai dòng nước

ấy tắm rửa sạch sẽ cho vị Bồ tát và cho bà mẹ [7].

Bốn vị đại Phạm thiên, những bậc đã xa lìa phiền

não dục, đầu tiên đón nhận Bồ tát trong một tấm

lưới vàng vào lúc Ngài sanh ra. Rồi họ đặt Ngài

trước mặt người mẹ và nói rằng: “*Hoàng hậu hãy*

*hoan hỷ. Hoàng hậu sanh một bậc vĩ nhân*” [8].

Tiếp theo, bốn vị thiên vương đón nhận Bồ tát từ

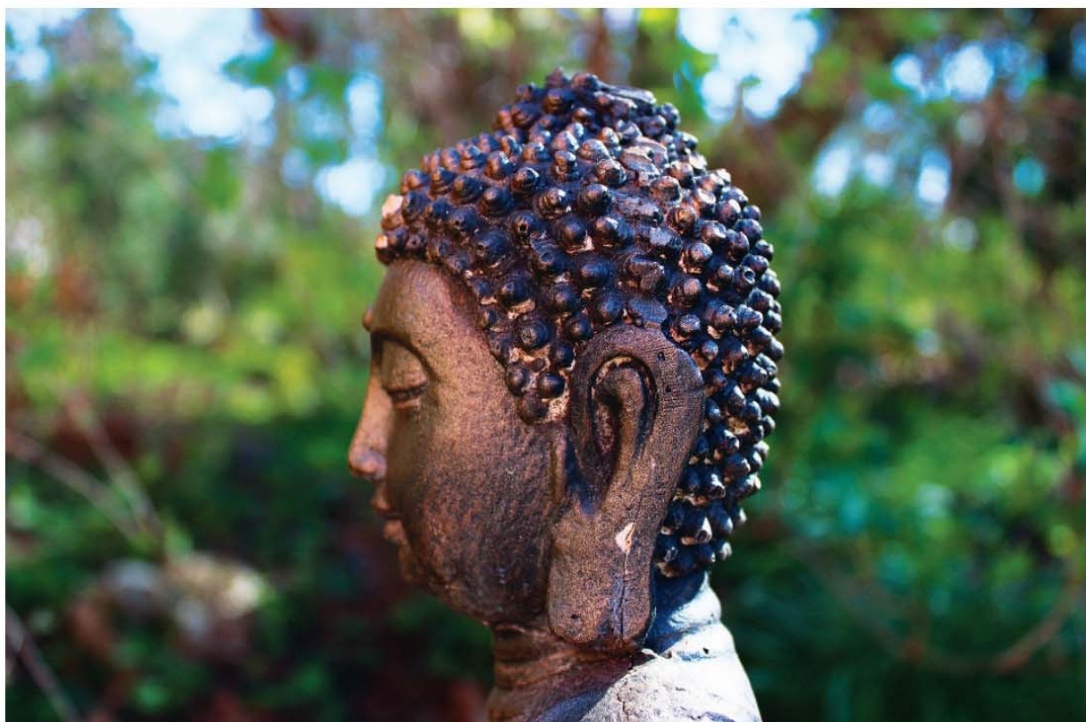
tay của bốn vị Phạm thiên bằng tấm da màu đen của

con sơn dương, được xem là vật may mắn. Lại nữa,

các cung nữ tiếp nhận Bồ tát từ tay của bốn vị thiên

vương bằng tấm vải trắng.





Khi rời khỏi tay của các cung nữ, vị Bồ tát bước đi bảy bước trên mặt đất, bắt đầu bằng chân phải, rồi Ngài dừng lại, nhìn về các hướng và cuối cùng Ngài dừng lại ở hướng Bắc rồi thốt lên câu kệ [9]:

*Ta là bậc tối thượng ở trên đời.*

*Ta là bậc tối tôn ở trên đời.*

*Ta là bậc cao nhất ở trên đời.*

*Nay là đời sống cuối cùng.*

*Không còn phải tái sanh ở đời này nữa [10].*

Theo truyền thống kể lại, điểm đặc biệt cần quan tâm là Ngài thực sự bước đi trên đất, nhưng loài người thì trông thấy Ngài đang lướt đi trên hư không. Bồ tát bước đi với tâm thân trần của một đứa bé mới sanh, nhưng loài người thì thấy Ngài bước đi với y phục đầy đủ. Bồ tát bước đi với hình hài của một đứa bé mới sanh, nhưng loài người lại trông thấy Ngài qua một chàng thanh niên tuấn tú ở tuổi mười sáu [11].

Vua của các Phạm thiên theo hầu Ngài với tay cầm chiếc lọng trắng khi Ngài bước đi. Lại có vị chư Thiên chúa tể cõi Suyāma theo hầu tay cầm cái phất trần bằng lông đuôi của con bò Tây Tạng. Còn các vị khác thì tay cầm những biểu tượng của vua như đôi hia, bảo kiếm và vương miện là những bảo vật của lễ

phong vương theo hầu Bồ tát. Nhân loại lúc ấy không thể trông thấy các vị chư Thiên này, họ chỉ có thể trông thấy các biểu tượng của vua mà thôi.

Theo bản chú giải, các sự kiện khi Đức Bồ tát Đản sanh được cô đọng ý nghĩa và được giải thích như sau: Bốn vị Phạm thiên đến tiếp rước chỉ rằng Ngài sẽ đắc được tứ thiên vô sắc. Rồi đến nhóm cung nữ tiếp rước, là chỉ dấu Ngài sẽ đắc thiên hữu sắc. Hành động đứng trên mặt đất là ngụ ý Ngài đắc được bốn phép nguyện vọng pháp mầu. Ngài đi bảy bước là hiện tượng sau này Ngài đắc được Thất-bồ-đề-phần và truyền bá Phật giáo khắp xứ lớn trong thời kỳ ấy. Ngài được chư Thiên che lọng là hiện tượng sau này Ngài đắc được phép giải thoát. Có chư Thiên cầm năm món đồ của vị Chuyển Luân Vương theo hầu Ngài là hiện tượng sau này Ngài đắc được năm phép giải thoát. Và cuối cùng câu kệ Ngài thốt lên là báo trước Ngài sẽ vượt thoát khỏi luân hồi.

Nơi vườn Lumbini, đạo sĩ Asita hay còn được gọi là Kālādevila, là vị quốc sư, vị thầy khả kính của đức vua Siddhodana nghe được tiếng hò vang, reo mừng của chư Thiên khắp nơi, Ngài thấy những chư



## HOA ĐÀM NGÁT HƯƠNG

Thiên hân hoan ca tụng, tán dương những ân đức  
của Bồ tát nên liền hỏi thăm nhân duyên thế nào.

*Vì sao chúng chư Thiên  
Lại nhiệt tình hoan hỷ?  
Họ cảm áo vui mùa,  
Là do nhân duyên gì?*

Các chư Thiên trả lời như sau:

*Tại xứ Lumbini (Lâm-tì-ni)  
Trong làng các Thích-ca,  
Có sanh vị Bồ tát,  
Báu tối thắng, vô tỷ,  
Ngài sanh, đem an lạc,  
Hạnh phúc cho loài người,  
Do vậy chúng tôi mừng,  
Tâm vô cùng hoan hỷ.  
Ngài, chúng sanh tối thượng,  
Ngài loài Người tối thắng,  
Bậc Ngưu vương loài người,  
Thượng thủ mọi sanh loại;  
Ngài sẽ chuyển Pháp Luân,  
Trong khu rừng ẩn sĩ,  
Rống tiếng rống sư tử,  
Hùng mạnh nhiếp loài thú [12].*

Sau khi nghe chư Thiên trả lời như vậy, đạo sĩ Asita từ cõi trời Tam thập tam đến thẳng hoàng cung để gặp đức vua Suddhodana. Vua Suddhodana hân hoan tiếp rước rất chu đáo và mời Ngài ngồi tại một chỗ trang trọng. An vị xong, đạo sĩ liền hỏi đức vua:

- Thưa đại vương, nghe rằng Hoàng hậu của đại vương vừa hạ sanh được một hoàng nam phải chăng?  
- Bạch Ngài, đúng là như thế.  
- Thưa đại vương, chẳng hay Thái tử đang ở đâu?  
Có thể cho tôi diện kiến qua được không?

Đức vua truyền lệnh cho người bồi Thái tử ra tỏ lòng tôn kính đối với quốc sư. Khi Thái tử được bồi ra để ra mắt vị đạo sĩ, trên không trung, chư Thiên cảm lòng trắng, phát trần, quạt để tỏ lòng tôn kính với vị Bồ tát, nhưng tất cả những sự kiện này không có một người nào thấy được, ngoại trừ vị quốc sư trưởng lão.

*Chư Thiên cảm ngôi lộng,  
Đưa lên giữa hư không,  
Cây lọng có nhiều cành,  
Có hàng ngàn vòng chuyển.  
Họ quạt với phát trần,  
Có tán vàng, lông thú,*

*Nhưng không ai thấy được,  
Kể cảm lộng, phát trần [13].*

Khi Thái tử được đưa ra trước mặt đạo sĩ, chân của Thái tử chợt xoay lên, đạp trên búi tóc của đạo sĩ một cách nhanh chóng, như là tia chớp xẹt qua những đám mây. Mọi người đều kinh hoàng vì không một ai dám xúc phạm đến vị quốc sư khả kính của đức vua. Nhưng ngược lại, đạo sĩ Asita đã đứng dậy, rời khỏi chỗ ngồi và chấp tay đánh lễ Đức Bồ tát một cách tôn kính [14]. Đức vua Suddhodana chứng kiến sự kiện vô cùng phi thường như thế, vua cũng đã chấp tay và cúi mình trước đứa chính con trai của mình [15]. Đây là lần đầu tiên đức vua đánh lễ Bồ tát.

Với năng lực tu tập của mình, đạo sĩ Asita sau khi xem xét kỹ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp trên người của Thái tử, đã suy gẫm xem Thái tử sẽ thành ngôi Chánh Đẳng Chánh Giác hay không?

*Sau khi thấy Thái tử  
Chói sáng như lửa ngọn,  
Thanh tịnh như sao Ngưu  
Vận hành giữa hư không,  
Sáng chiếu như mặt trời  
Giữa trời thu, mây tịnh,  
Án sĩ tâm hân hoan  
Được hỷ lạc rộng lớn [16].*

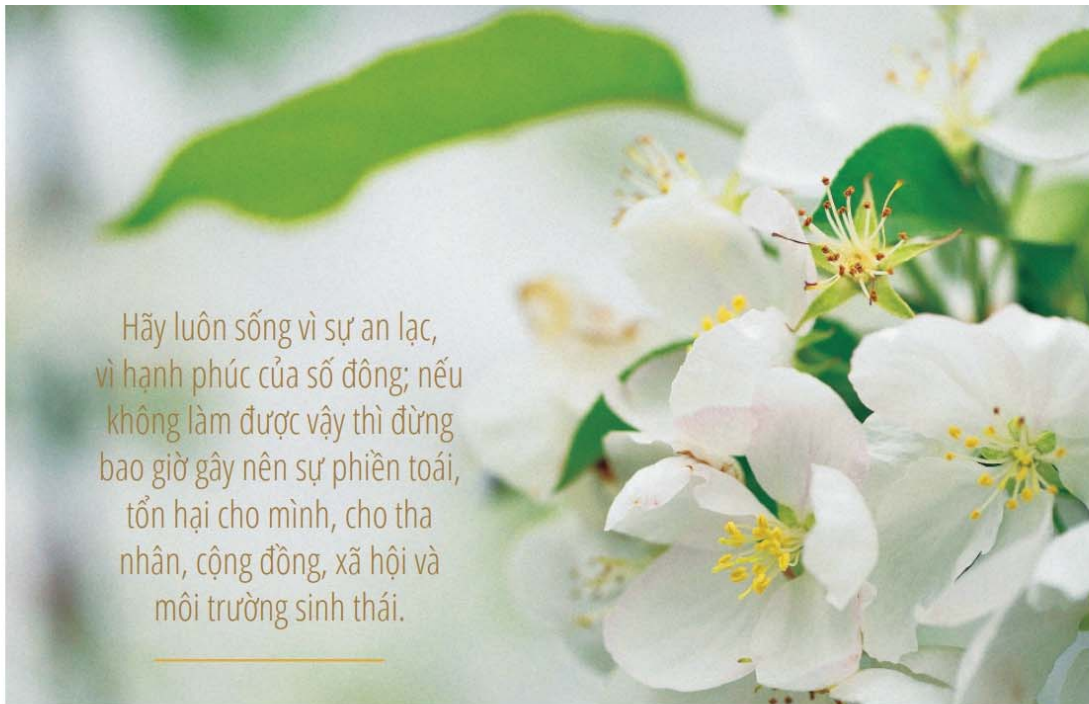
Bằng trí tuệ biết rõ tương lai, đạo sĩ thấy rằng Thái tử chắc chắn sẽ thành Phật Chánh Đẳng Giác vô thượng. Ông bật ra tiếng cười trong nỗi vui mừng to lớn.

*Thái tử này sẽ chứng  
Tối thượng quả Bồ-đề,  
Sẽ chuyển bánh xe pháp,  
Thấy thanh tịnh tối thắng,  
Vì lòng từ thương xót,  
Vì hạnh phúc nhiều người,  
Và đời sống Phạm hạnh,  
Được truyền bá rộng rãi [17].*

Kinh văn ghi lại những vần kệ của một vị Bà-la-môn tên Sela đã xưng tụng và tán thán Ngài như sau:

*Thân tròn đủ chói sáng,  
Khéo sanh và đẹp đẽ,  
Thế Tôn sắc vàng chói,  
Răng trơn, láng, tinh cần.  
Đối với người khéo sanh,  
Những tướng tốt trang trọng,  
Đều có trên thân Ngài,*





Hãy luôn sống vì sự an lạc,  
vì hạnh phúc của số đông; nếu  
không làm được vậy thì đừng  
bao giờ gây nên sự phiền toái,  
tổn hại cho mình, cho tha  
nhân, cộng đồng, xã hội và  
môi trường sinh thái.

*Tất cả đại nhân tướng.  
Mắt sáng, mặt tròn đầy,  
Cân đối, thẳng, hoàn mỹ,  
Giữa chúng Sa-môn Tăng,  
Ngài chói như mặt trời [18].*

Như vậy, chúng ta thấy có rất nhiều điềm cát tường và vi diệu hiện ra khi một bậc vĩ nhân Đản sanh. Nếu các Ngài chọn sự nghiệp thế gian thì sẽ trở thành bậc chuyên luân thánh vương, trị vì khắp bốn châu thiên hạ với sự giàu có thịnh vượng, của cải vật chất phong phú, binh hùng tướng mạnh và danh tiếng lẫy lừng mà thế gian mong muốn. Nhưng các Ngài đã từ bỏ các hạnh phúc ngũ dục đó để tìm con đường giải thoát khỏi miền viển vông cho tất cả chúng sanh, tức là tìm con đường xuất gia học đạo, làm một mẫu mực đạo đức cho thế gian, một bậc thầy của trời người, một bậc tối tôn tối thượng giữa thế gian này. Cho nên sự xuất hiện của các Ngài là một điềm sáng cho nhân loại noi theo, để thoát khỏi cảnh khổ trong sáu đạo. Vì thế, thật may mắn và phước báo cho chúng ta gặp được Tam bảo, và để hôm nay chúng ta có cơ hội chào đón một vĩ nhân, một vị cứu tinh của nhân loại đã ra đời.

Nhân dịp Đại lễ Vesak, chúng ta cùng ôn lại và nghiên cứu những điềm lành tốt đẹp của sự kiện Đức Bồ tát Đản sanh. Thiết nghĩ đó cũng là bài pháp đầy ý nghĩa mà Đức Thế Tôn giảng dạy cho tất cả chúng ta về tinh thần sống của người con Phật, cả xuất gia và tại gia, trong cuộc đời này: Hãy luôn sống vì sự an lạc, vì hạnh phúc của số đông; nếu không làm được vậy thì đừng bao giờ gây nên sự phiền toái, tổn hại cho mình, cho tha nhân, cộng đồng, xã hội và môi trường sinh thái.

Từ đó, chúng ta nỗ lực, tu tập để vượt thoát luân hồi sanh tử, để trọn vẹn đi trên con đường tự giác và giác tha.

#### **Chú thích và tài liệu tham khảo:**

\* Tỷ khuru Định Phúc, Nghiên cứu sinh Tiến sĩ Phật học khóa I tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh.

[1] Tăng Chi Bộ Kinh, Chương Một Pháp, Phẩm Một Người, Phần Như Lai (A.i.22).

[2] Tiểu Bộ Kinh, Kinh Tập, Chương Ba - Đại Phẩm, Kinh Sela (Sn.565).

[3] Trường Bộ Kinh, Kinh Đại Bản (D.ii.14).

[4] JA.i.53

[5] “Trong khi các người đàn bà khác, hoặc ngồi, hoặc nằm mà sanh con, mẹ vị Bồ tát sanh vị Bồ tát không phải như vậy. Mẹ vị Bồ tát đứng mà sanh vị Bồ tát” - Trường Bộ Kinh, Kinh Đại Bản (D.ii.14).

[6] Trường Bộ Kinh, Kinh Đại Bản (D.ii.14).

[7] Trường Bộ Kinh, Kinh Đại Bản (D.ii.14).

[8] Trường Bộ Kinh, Kinh Đại Bản (D.ii.14).

[9] Đức Bồ tát khi sanh ra chỉ có ba kiếp là có thể nói liền, đó là kiếp sanh làm hiền trí Mahosadha, kiếp sanh làm đức vua Vessantara và kiếp cuối này.

[10] Trường Bộ Kinh, Kinh Đại Bản (D.ii.15).

[11] The Great Chronicle of Buddhas, migun sayadaw (Đại Phật Sử - Mahābuddhavaṃsa, TK. Minh Huệ dịch Việt).

[12] Tiểu Bộ Kinh, Kinh Tập, Chương Ba - Đại Phẩm, Kinh Nālaka (Sn.688-689).

[13] Tiểu Bộ Kinh, Kinh Tập, Chương Ba - Đại Phẩm, Kinh Nālaka (Sn.693).

[14] Theo Chú giải Bộ Phật sử, trong kiếp cuối của vị Bồ tát, không ai có thể xứng đáng để Ngài đánh lễ. nếu như đặt đầu của Bồ tát dưới chân của vị đạo sĩ thì tức khắc đầu của vị ấy sẽ bị vỡ ra thành bảy mảnh.

[15] Rājā tam acchariyam disvā attano puttam vandī. (JA.i.54).

[16] Tiểu Bộ Kinh, Kinh Tập, Chương Ba - Đại Phẩm, Kinh Nālaka (Sn.692).

[17] Tiểu Bộ Kinh, Kinh Tập, Chương Ba - Đại Phẩm, Kinh Nālaka (Sn.698).

[18] Tiểu Bộ Kinh, Kinh Tập, Chương Ba - Đại Phẩm, Kinh Sela (Sn.553-554-555).



# GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THÀNH VIÊN TÍCH CỰC TRONG



## *KHOẢI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC*



ThS. Ngô Sách Thực\*



Nhìn lại lịch sử dân tộc, ngay khi được truyền vào Việt Nam, với tinh thần “*Từ khế*” Đạo Phật đã nhanh chóng thích nghi với văn hóa, phong tục, tập quán của người dân Việt Nam và trong quá trình tồn tại và phát triển, Đạo Phật đã khẳng định vai trò, vị trí của mình cùng dòng chảy của lịch sử dân tộc. Những minh triết trong giáo lý Đạo Phật đã lan tỏa, hòa quyện với truyền thống văn hóa “*Yêu nước thương nòi*”, “*Tương thân, tương ái*”, “*Lá lành đùm lá rách*”... của dân tộc Việt Nam tạo nên những tinh hoa trong văn hóa của người Việt Nam, đó là tinh thần “*Hộ quốc, an dân*”, “*Hòa quang, đồng trần*”, “*Dĩ dân vi bản*”, “*Xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo*”... Nhìn lại các triều đại: Đinh, Tiền Lê đến triều Lý, triều Trần, bên cạnh các vị minh quân luôn có nhiều vị cao Tăng phò vua, giúp nước nên Phật giáo luôn có một vai trò rất quan trọng trong việc “*Hộ quốc, an dân*”. Trong các cuộc đấu tranh bảo vệ đất nước, nhiều người con Phật đã đồng hành cùng với đồng bào cả nước “*Cởi áo cà sa, khoác áo chiến bào*” rời bỏ chốn thiền môn, lên đường tòng quân đánh giặc cứu nước, góp phần cùng cả dân tộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước.

Trong niềm vui thống nhất “*Non sông liền một dải*” của cả dân tộc, Tăng, Ni, Phật tử cả nước luôn ước nguyện xây dựng một Giáo hội Phật giáo chung trong cả nước nhằm gắn kết với nhau thành khối đoàn kết chặt chẽ trong khối đại đoàn kết dân tộc, hiện thực hóa lý tưởng giác ngộ “*Chân lý hoà hợp, chúng sinh hoà bình và công bằng xã hội*” của giáo lý Đức Phật, nhằm phục vụ dân tộc, Tổ quốc và nhân loại. Những ước nguyện của chư Tôn đức Giáo phẩm trong các hệ phái đã trở thành hiện thực khi tất cả đều đồng tâm, đồng sức xây dựng Giáo hội duy nhất đại diện cho Tăng Ni, Phật tử, người Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài là Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Cơ duyên đó được bắt đầu từ ngày 12-14/02/1980, tại TP. Hồ Chí Minh, chư Tôn đức Giáo phẩm, cùng hàng ngàn nhân sĩ Phật tử tiêu biểu ba miền Bắc - Trung - Nam đã gặp mặt để bày tỏ thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức, đi đến quyết định thành lập

Ban Vận động Thống nhất Phật giáo do Hòa thượng Thích Trí Thủ làm Trưởng ban. Thành viên Ban Vận động Thống nhất Phật giáo gồm 09 tổ chức, hệ phái Phật giáo trong cả nước. Từ ngày 04 đến ngày 07/11/1981, tại Thủ đô Hà Nội, 187 Đại biểu của 09 tổ chức, hệ phái Phật giáo đã cùng dự Hội nghị và nhất trí thành lập một Giáo hội Phật giáo chung thống nhất trong cả nước. Sự thống nhất các tổ chức, hệ phái Phật giáo trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam có ý nghĩa quan trọng trong lịch sử Phật giáo nước nhà, nhằm tiếp nối truyền thống vẻ vang của 2000 năm truyền bá giáo lý Đức Phật trên đất nước ta. Đại hội đã xác định rõ:

*“Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức Phật giáo duy nhất đại diện cho Phật giáo Việt Nam về mọi mặt quan hệ ở trong nước và nước ngoài. Sự đoàn kết, thống nhất các tổ chức, hệ phái của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là sự nối tiếp lịch sử đồng hành cùng dân tộc của Tăng, Ni, Phật tử cả nước”. Với phương châm hoạt động “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, đây là sự lựa chọn đúng đắn của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, thể hiện tinh thần tiếp tục đồng hành cùng dân tộc để thực hiện mục tiêu “Tốt đời, đẹp đạo”, thực hiện chính sách nhất quán, trước sau như một của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân.*

Trải qua 39 năm xây dựng, phát triển là tổ chức thành viên trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, với tám kỳ Đại hội, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã không ngừng phát triển, lớn mạnh và đã đạt được nhiều thành tựu Phật sự quan trọng trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Giáo hội. Từ lúc ban đầu chỉ thành lập được 27 Ban Trị sự cấp tỉnh/thành, đến nay Giáo hội đã thành lập được Ban Trị sự tại 63/63 tỉnh/thành trong cả nước, gồm 03 cấp hành chính: Trung ương, tỉnh/thành và quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh với 54.773 Tăng Ni, 18.471 tự viện, khoảng 60%/chín mươi sáu triệu dân là tín đồ và hàng triệu người có tín ngưỡng Đạo Phật [1]. Công tác đào tạo Tăng, Ni của Giáo hội có những bước tiến rõ rệt cả về cơ sở vật chất

Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức Phật giáo duy nhất đại diện cho Phật giáo Việt Nam về mọi mặt quan hệ ở trong nước và nước ngoài.





Việc tổ chức Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong 03 lần đăng cai, với sự tham gia đông đảo của chư Tôn đức Giáo phẩm, lãnh đạo các tông môn, pháp phái của Phật giáo, các học giả của khoảng gần 100 quốc gia và vùng lãnh thổ đã đến tham dự,...

lần quy mô, loại hình đào tạo và cấp học (cả tứ chúng) với 04 Học viện Phật giáo Việt Nam tại: Hà Nội, Huế, TP. Hồ Chí Minh và TP. Cần Thơ cùng 34 trường Trung cấp Phật học.

Đáng chú ý, đầu năm 2018 Thủ tướng Chính phủ đã chính thức có chủ trương cho phép các Học viện Phật giáo Việt Nam có đủ điều kiện được mở hệ đào tạo sau Đại học, đào tạo bậc Thạc sĩ và Tiến sĩ Phật học, đây là mốc son đánh dấu sự phát triển của Giáo hội trong công tác đào tạo Tăng, Ni. Công tác hoằng pháp của Giáo hội được mở rộng và đi vào chiều sâu của việc thực tu, thực chứng; hoằng dương chánh pháp, củng cố và trang nghiêm Giáo hội làm ngôi nhà chung tiêu biểu cho Phật tử Phật giáo Việt Nam cả trong và ngoài nước; tăng cường hoằng pháp tới các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài. Công tác nghiên cứu Phật học ngày càng được đầu tư, nghiên cứu, tìm hiểu, thực hành, phổ hóa những giá trị nhân văn, nhân bản trong giáo lý Đạo Phật, đáp ứng nhu cầu tâm linh, nghiên cứu Đạo Phật của Tăng, Ni, Phật tử và các nhà khoa học xã hội. Cùng với việc xây dựng Giáo hội ngày càng lớn mạnh, Giáo hội cũng đẩy mạnh công tác đối ngoại và các hoạt động của Giáo hội trong những năm

gần đây, đã góp phần làm cho bạn bè trên thế giới ngày càng biết nhiều về Việt Nam, về một quốc gia độc lập, có chủ quyền dân tộc, hiện đang hội nhập và phát triển mạnh mẽ; Giáo hội với tư cách là thành viên sáng lập, luôn tích cực trong các hoạt động của các tổ chức Phật giáo trên thế giới, trong đó có Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới tại thủ đô Colombo, Sri Lanka; Hội Phật giáo Châu Á vì Hòa Bình (ABCP); thành viên Ủy ban Quốc tế Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc (IOC, Thái Lan); thành viên Ủy ban Đại học và Cao đẳng Phật giáo Thế giới tại Thái Lan; thành viên tổ chức Liên minh Phật giáo Toàn cầu tại Ấn Độ; tham gia các Đại lễ, Hội nghị, Hội thảo Phật giáo quốc tế tại các nước trong Liên minh Châu Âu, Thái Lan, Trung Quốc, Ấn Độ... đón tiếp các phái đoàn Phật giáo quốc tế tới thăm Việt Nam, đóng góp tích cực vào sự phát triển của Phật giáo khu vực và quốc tế, tăng cường tham gia đối thoại tôn giáo nhằm hợp tác, bảo vệ hoà bình của nhân loại. Hình ảnh và uy tín của Phật giáo Việt Nam ngày càng được khẳng định trong cộng đồng Phật giáo thế giới.

Đặc biệt, với 03 lần đăng cai tổ chức thành công Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc vào các năm: 2008 tại Hà Nội, 2014 tại chùa Bái Đính (Ninh Bình),





năm 2019 tại chùa Tam Chúc, tỉnh Hà Nam. Việc tổ chức Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong 03 lần đăng cai, với sự tham gia đông đảo của chư Tôn đức Giáo phẩm, lãnh đạo các tông môn, pháp phái của Phật giáo, các học giả của khoảng gần 100 quốc gia và vùng lãnh thổ đến tham dự, đã khẳng định với thế giới về tinh thần đoàn kết tôn giáo và đoàn kết các dân tộc ở Việt Nam; giới thiệu hình ảnh, hoạt động văn hóa, kiến trúc Phật giáo Việt Nam đến bạn bè trên thế giới, góp phần nâng cao vị thế của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và của cả đất nước trên trường quốc tế về đất nước, con người Việt Nam yêu chuộng hoà bình, thân thiện, hoà hợp và đoàn kết... Thông qua đó, bạn bè trên thế giới càng hiểu hơn về chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước.

Bên cạnh đó, Giáo hội đã tổ chức nhiều đoàn hoằng pháp thăm viếng, thuyết giảng và tổ chức lễ Cầu an đầu năm, lễ Phật Đản, lễ Vu Lan... tại các Trung tâm Văn hóa Phật giáo ở Châu Âu cho các Phật tử Việt

Giáo hội Phật giáo Việt Nam, theo tôn chỉ của Đạo Phật “*Duy tuệ thị nghiệp*”, dùng trí tuệ làm sự nghiệp để thức tỉnh chính mình và thức tỉnh chúng sinh, cùng mưu cầu hạnh phúc cho muôn loài, thực hiện tốt phương châm “*Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội*” gắn bó mật thiết với Tổ quốc và dân tộc, cùng nhau xây dựng thành công Chủ nghĩa xã hội - một cõi Niết bàn trần gian ở đất nước Việt Nam.

Nam ở nước ngoài. Đến nay, Giáo hội đã công nhận được các Hội Phật tử Việt Nam ở hải ngoại như: Hội Phật tử ở Cộng hoà Czech, Liên bang Nga, Ba Lan, Ukraina... Điều đó đã nói lên rằng, Giáo hội Phật giáo Việt Nam rất quan tâm đến đời sống tinh thần, văn hoá, đặc biệt là tín ngưỡng Phật giáo của đồng bào người Việt đang sinh sống ở nước ngoài.

Với phương châm hoạt động của Giáo hội là: “*Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội*”, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tích cực hưởng ứng các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động như: “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”; “*Ngày vì người nghèo*”; “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”...; sự



## HOA ĐÀM NGÁT HƯƠNG



Những minh triết trong giáo lý Đạo Phật đã lan tỏa, hòa quyện với truyền thống văn hóa “yêu nước thương nòi”, “tương thân, tương ái”, “lá lành đùm lá rách”... của dân tộc Việt Nam tạo lên những tinh hoa trong văn hóa của người Việt Nam, đó là tinh thần “hộ quốc, an dân”, “hòa quang, đồng trần”, “đĩ dân vi bản”, “xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo”...

hường ứng tích cực, chủ động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã được đông đảo Tăng, Ni, Phật tử cả nước tham gia.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam còn tích cực tham gia thực hiện công tác như: Từ thiện xã hội, cứu khổ độ sinh, giúp đỡ người già neo đơn, trẻ em tàn tật, mồ côi, người khó khăn, tham gia xóa đói giảm nghèo, xây dựng nếp sống văn hóa trong cộng đồng với nhiều kết quả thiết thực đóng góp vào phong trào thi đua yêu nước của các tầng lớp Nhân dân cả nước. Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã coi công tác từ thiện là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Giáo hội trong những năm qua. Số tiền giúp cho những người nghèo, trẻ mồ côi không nơi nương tựa, quỹ từ thiện trong nước mỗi năm các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã vận động đóng góp được hơn 2.000 tỷ đồng [2]. Đặc biệt, với tinh thần “*Chống dịch như chống giặc*”, trong năm 2020 và 2021 các cấp Giáo hội đã tích cực hưởng ứng lời kêu gọi của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về “*Toàn dân tham gia phòng, chống dịch*” và “*Toàn dân đoàn kết, ra sức phòng, chống dịch bệnh COVID-19*” với nhiều cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả, Giáo hội đã chung tay cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân bước đầu ngăn chặn và đẩy lùi đại dịch COVID-19; chung tay cùng Đảng, Nhà nước, Mặt trận vận động ủng hộ, giúp đỡ đồng bào miền Trung bước đầu vượt qua khó khăn do giông bão, lũ lụt, lở đất trong những tháng vừa qua.

Không chỉ tham gia hoạt động trong nước, Giáo hội tích cực tham gia ủng hộ bạn bè quốc tế không may bị thiên tai, bão lũ, điển hình là đợt ủng hộ Nhân dân Nhật Bản bị ảnh hưởng bởi động đất, sóng thần; gửi thư chia buồn sâu sắc đến Chính phủ và lãnh đạo Phật giáo Nhật Bản, Myanmar, Campuchia... về những thảm họa do thiên tai gây ra.

Sự đóng góp của Phật giáo Việt Nam đối với dân tộc đã được lịch sử Việt Nam ghi nhận và được Đảng, Nhà nước 02 lần tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Nhà nước đã công nhận 257 chùa là di tích lịch sử cấp quốc gia và có một số đường phố được mang tên những vị cao Tăng có nhiều đóng góp cho Đạo pháp - Dân tộc như: Thiền sư Vạn Hạnh, Quốc sư Khuông Việt, Thiền sư Liễu Quán, Thiền sư Thiện Chiếu, Hòa thượng Thích Quảng Đức... Đảng và Nhà nước cũng đã trao tặng danh hiệu cao quý cho nhiều vị cao Tăng của Giáo hội, như: Trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh cho Hoà thượng Thích Đức Nhuận, Hoà thượng Thích Thiện Hào, Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hoà thượng Thích Thanh Tứ, Hòa thượng Thích Minh Châu... và nhiều vị cao Tăng khác đã được Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trao tặng nhiều huân - huy chương, kỷ niệm chương vì đã có thành tích trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Năm 2022, Giáo hội Phật giáo Việt Nam các tỉnh, thành phố đang tiến hành Đại hội và hướng tới Đại hội



lần thứ IX Giáo hội Phật giáo Việt Nam với mục đích tiếp tục kế thừa và phát huy lòng yêu nước, thương nòi, sát cánh với dân tộc, hoà mình vào dân tộc, quán triệt thuyết “*Vô ngã*” trong mọi Phật sự, hành đạo và truyền đạo đều vì “*Lợi lạc, quần sinh*”, lấy thực tại đất nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam để làm thực tại của Giáo hội, không ngừng phát huy truyền thống đoàn kết mọi giới đồng bào thực hiện mục tiêu “*Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”. Dưới sự điều hành của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, chư Tăng Ni, Phật tử cả nước đang tích cực thực hiện chương trình hành động của Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, theo tôn chỉ của Đạo Phật “*Duy tuệ thị nghiệp*”, dùng trí tuệ làm sự nghiệp để thức tỉnh chính mình và thức tỉnh chúng sinh, cùng mưu cầu hạnh phúc cho muôn loài, thực hiện tốt phương châm “*Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội*” gắn bó mật thiết với Tổ quốc và dân tộc, cùng nhau xây dựng thành công Chủ nghĩa xã hội - một cõi Niết bàn trần gian ở đất nước Việt Nam.

Để tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong quá trình xây dựng và phát triển 40 năm qua trong ngôi nhà chung của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp cần tiếp tục phối hợp thống nhất hành động với Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tiếp tục phát huy vai trò là thành viên tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, luôn đoàn kết, đồng hành cùng dân tộc, hưởng ứng và tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động. Bên cạnh đó, Giáo hội cần đặc biệt quan tâm đến công tác nhân sự, đào tạo lớp kế cận có đủ đức, đủ tài để gánh vác sự nghiệp vẻ vang của Giáo hội; Giáo hội cần tiếp tục tăng cường đoàn kết, mở rộng đối ngoại và trang nghiêm Giáo hội, góp phần xây dựng ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày càng hòa hợp theo đúng tinh thần của Đại hội lần thứ VIII đã đề ra “*Trí tuệ - Kỷ cương - Hội nhập - Phát triển*”.

Trước mắt, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp cần phối hợp giúp đỡ Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức thành công Đại hội Phật giáo các tỉnh, thành phố hướng tới Đại hội Giáo hội Phật giáo Việt Nam lần thứ IX bằng các hành động thiết thực, cụ thể:

*Một là*, phối hợp, tạo điều kiện để Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp thực hiện thành công

Nghị quyết Đại hội Đại biểu Phật giáo lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2017-2022), trong đó chú trọng thực hiện có hiệu quả Điều 13 trong Nghị quyết: “*Đại hội kêu gọi Tăng Ni, Phật tử Việt Nam tích cực tham gia phong trào thi đua yêu nước, hưởng ứng chương trình hành động bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và văn hóa tham gia giao thông*”.

*Hai là*, phối hợp với chính quyền, giúp đỡ, tạo điều kiện để các Ban Trị sự Phật giáo tổ chức thành công Đại hội Phật giáo cấp tỉnh và tiến tới Đại hội Phật giáo Việt Nam nhiệm kỳ IX (2022-2027), tập trung vào các nhiệm vụ như: Công tác kiện toàn và phát triển tổ chức Giáo hội; công tác Tăng sự; công tác đào tạo Tăng Ni; công tác hoằng dương chánh pháp; công tác văn hóa Phật giáo; Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa Phật giáo và văn hóa dân tộc; công tác nghi lễ Phật giáo; công tác hướng dẫn Phật tử; công tác từ thiện xã hội; công tác nghiên cứu Phật học; công tác đối ngoại Phật giáo; công tác truyền thông Phật sự; công tác kinh tế tài chính; và công tác xây dựng, bảo vệ Tổ quốc...

*Ba là*, phối hợp, tạo điều kiện giúp đỡ để Giáo hội Phật giáo Việt Nam thực hiện tốt nhiệm vụ tập hợp, vận động Tăng Ni, Phật tử luôn gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, phụng sự nhân sinh làm trọng tâm, định hướng cho các hoạt động Phật sự, làm cho tinh thần đoàn kết hòa hợp giữa các tổ chức, hệ phái Phật giáo và đông đảo Tăng Ni, Phật tử ngày càng bền chặt, phát triển, tạo thành sức mạnh cho ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

*Bốn là*, phối hợp với Giáo hội Phật giáo Việt Nam vận động Tăng Ni, Phật tử phát huy những giá trị truyền thống tu học của Phật giáo Việt Nam xưa và nay; phát huy tinh thần “*Hộ quốc an dân*”, tích cực tham gia phòng, chống dịch COVID-19 và các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do Mặt trận phát động; tích cực tham gia các hoạt động y tế, giáo dục, từ thiện nhân đạo, tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu...

#### **Chú thích và tài liệu tham khảo:**

\*Thạc sĩ Ngô Sách Thực - Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

[1] Báo cáo của Ban Tăng sự Trung ương tại Hội nghị Tăng sự toàn quốc năm 2020.

[2] Báo cáo Tổng kết Phật sự nhiệm kỳ VII của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.





# KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN

Trần Quê Hương

## **DẪN SINH**

Đức Phật thị hiện độ sinh  
Đài sen bảy đóa tươi xinh nhiệm màu  
Mỗi bước đi, mỗi thắm sâu  
Duy ngã tỏ rạng hồi đầu quang minh.

## **XUẤT GIA**

Hồng trần chìm đắm vô minh  
Kiếp người bao nỗi lênh đênh luân hồi !  
Tình con mẹ, thoát biên đời  
Tăng già nương tựa sáng ngời chơn tâm.

## **THÀNH ĐẠO**

Tự tu tự ngộ thậm thâm  
Phàm phu đoạn phũ mê lầm nhẹ bay  
Êm đêm như ánh sao mai  
Tâm hồn phẳng lặng Như Lai hiện về.

## **CHUYÊN PHÁP LUÂN**

Thương đời giống ruồi sơn khê  
Gian nan nào quản trăm bề khổ vui!  
Mỗi bước đi, mỗi nụ cười ...  
Pháp âm vi diệu độ người thiện duyên.

## **NHẬP NIẾT BÀN**

Thời thời soi sáng an nhiên  
Ngày ngày thể nhập tâm thiền tịch hư.  
Đời đời ảo diệu huyền thư,  
Thường lạc ngã tịch...Chơn như hiển bày.



# HẠT THƯƠNG

**Lê Đan**

Em có biết  
Tình thương là  
Còn mãi

Thân phận người  
Ngấn tựa  
Gang tay

Ta sẽ già  
Ngày kia  
Còn xa lắm!

Lo làm chi  
Xin dùng đủ  
Hôm nay

Gieo hạt vui  
Hạt sâu  
Buông bỏ

Vào nhà kho  
Quảng hết  
Hạt ngậm ngùi

Để lại trong kho  
Hạt thương  
Tươi mới

Sống bên nhau  
Hạnh phúc  
An vui...



**SM. Thanh Hùng**

Phương tiện huệ khai cứu cánh tiên  
Vạn năng chuyển hóa đạt nhân hiền  
Sáng lên tinh lặng gia công đức  
Chiều xuống bình yên lực giải phiền  
Nước gợn nhiễm trong năng gạn tốt  
Bùn ôi tịnh hóa chuyển bưng diên  
Màu sen tươi sắc trần vô nhiễm  
Tự tại bao dung sáng rõ thiên.







**HOÀNG PHÁP**  
Online

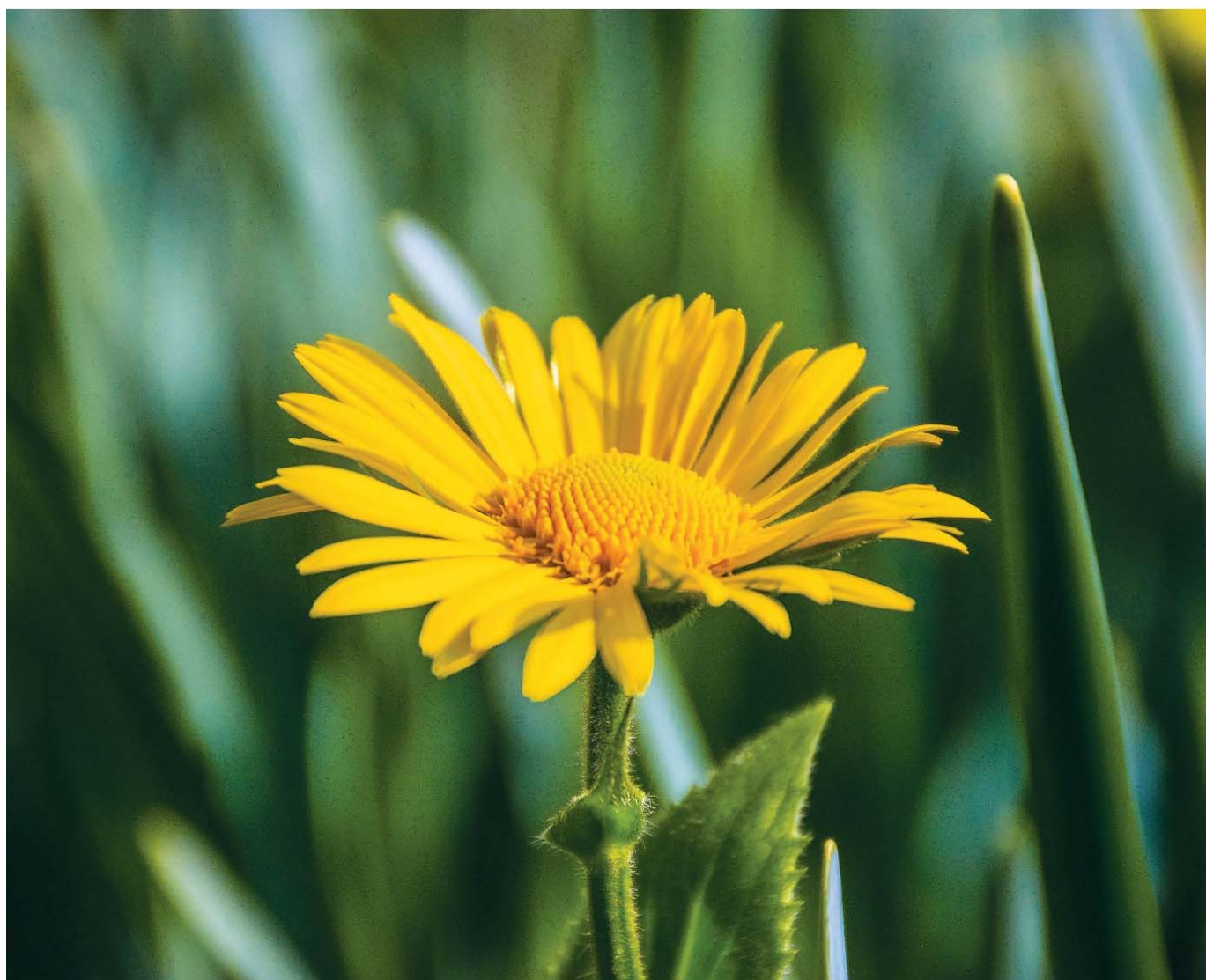
Kênh Youtube chính thức của Hoàng Pháp Online  
"Nơi chia sẻ những thông điệp, bài giảng, thuyết pháp  
của ban Hoàng Pháp Trung Ương GHPGVN"



Mời quý vị Quét mã QR-CODE  
Để xem tất cả các bài Giảng - Thuyết Pháp







PHẬT GIÁO &  
**THỜI ĐẠI**





# Chủ tịch Hồ Chí Minh

là biểu tượng tinh thần đoàn kết  
và thống nhất cao độ

**HT. Thích Thiện Nhơn\***

LTS: Nhân kỷ niệm 132 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2022), Tòa soạn Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng giới thiệu bài viết của Hòa thượng Thích Thiện Nhơn về tư tưởng, tầm nhìn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Phật giáo Việt Nam.

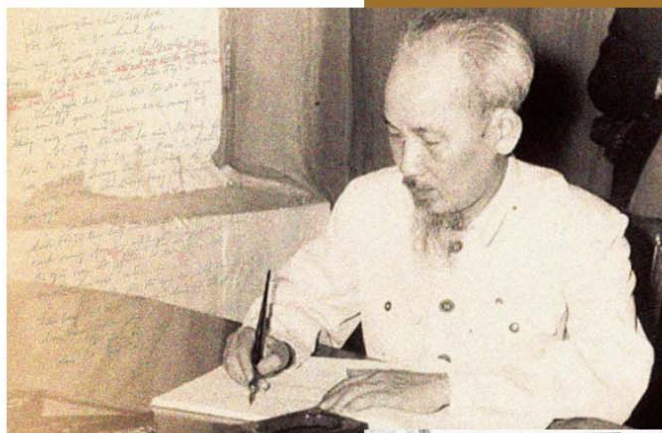


### CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - NGƯỜI KẾT NỐI VIỆT NAM VỚI THẾ GIỚI

Chủ tịch Hồ Chí Minh, người khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, vị lãnh tụ vĩ đại, danh nhân văn hóa kiệt xuất, có nhiều đóng góp cho nền hòa bình và giải phóng dân tộc, đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam và Nhân dân các dân tộc trên thế giới. Do đó, Tổ chức Giáo dục - Khoa học và Văn hóa Liên Hiệp Quốc (UNESCO) vinh danh Người là Anh hùng Giải phóng dân tộc và Nhà Văn hóa kiệt xuất của Việt Nam tại Nghị quyết 24C/18.65 trong khóa họp Đại hội đồng lần thứ 24 tại Paris (Pháp), diễn ra từ ngày 20/10-20/11/1987. Nghị quyết có đoạn viết: “... *Những đóng góp quan trọng và nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật, chính là sự kết tinh của truyền thống văn hóa hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam và những tư tưởng của Người là hiện thân những khát vọng của các dân tộc mong muốn được khẳng định bản sắc văn hóa của mình và mong mọi tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc...*”.

Khởi đầu từ ngày 05/6/1911, chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành đã rời bến cảng Nhà Rồng

(Sài Gòn) ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng quê hương khỏi ách thực dân, nô lệ. Và cũng từ đó, mối quan hệ với các nước trên thế giới được liên kết và thắt chặt hơn trong tình quốc tế tương



thân. Thế giới biết đến Việt Nam qua hình ảnh, tư tưởng, hành động của Hồ Chí Minh, là biểu tượng cao cả, phẩm giá của loài người. Đến khi Bác về thế giới người hiền ngày 02/9/1969 và đã an nghỉ vĩnh viễn tại Quảng trường Ba Đình cho ngàn thu in bóng, mảnh hình hài lồng lộng tựa hư không sẽ sống mãi trong lòng dân tộc và nhân loại toàn thế giới. Đê rồi từ đây, Thủ đô Hà Nội là Thủ đô lương tâm thời đại, là Thủ đô vì hòa bình. Thật sự như vậy, vì ngày nay Việt Nam muốn làm bạn và thực sự là

Bằng tinh thần đoàn kết, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, ngày 14/06/1955 tại Sắc lệnh số 234/SL Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “*Chính phủ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và quyền tự do thờ cúng của Nhân dân*”.

(Ảnh tư liệu)



Chủ tịch Hồ Chí Minh với các Đại biểu Hội Phật giáo Việt Nam, ngày 03/01/1957. (Ảnh tư liệu)



Bằng tinh thần thống nhất cao độ, quyết lòng giải phóng quê hương thống nhất đất nước, Hồ Chủ tịch đã khẳng định: “*Đất nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng chân lý ấy không bao giờ thay đổi*”.

bề bạn khắp năm châu, bốn biển. Việt Nam là thế giới, thế giới là Việt Nam. Quả thực, “Năm châu, bốn bể là huynh đệ/Chung sống bên nhau bảo vệ hòa bình”. Đây là tinh thần đoàn kết quốc tế với Việt Nam mà Hồ Chủ tịch đã dày công xây dựng, vun đắp cho đến ngày hôm nay.

### TINH THẦN ĐOÀN KẾT, TỰ DO TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

Bằng tinh thần đoàn kết, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, ngày 14/6/1955 tại Sắc lệnh số 234/SL Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “*Chính phủ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và quyền tự do thờ cúng của Nhân dân. Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy. Mỗi người Việt Nam đều có quyền tự do theo một tôn giáo, hoặc không theo một tôn giáo nào...*”.

Với tinh thần đoàn kết, hòa hợp, tự do tín ngưỡng của các tôn giáo (trong đó có Phật giáo) và Nhân dân Việt Nam, ngày 13/6/1958 tại Phủ Chủ tịch, trong buổi tiếp đoàn Đại biểu do Hòa thượng Thích Trí Độ dẫn đầu tham dự Đại hội thành lập Hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam thành công, Hồ Chủ tịch đã ân cần tiếp đoàn và có lời tán thán, động viên Tăng Ni, Phật tử. Bác nói:



“... Trong công cuộc kháng chiến cứu nước, đồng bào Phật giáo đã làm được nhiều việc. Tôi cảm ơn đồng bào và mong đồng bào cố gắng thêm, cố gắng thêm mãi cho đến ngày trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi và độc lập thành công...”.

Ngày 28/9/1964, trong thư gửi Hội nghị Đại biểu Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, Bác viết: “*Các vị Tăng Ni và tín đồ Phật giáo trước đây đã có công với kháng chiến, nay thì đang góp sức cùng toàn dân xây dựng miền Bắc giàu mạnh và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà...*”.

Đồng bào Phật giáo cả nước, từ Bắc đến Nam đều cố gắng thực hiện lời Phật dạy là: “*Lợi lạc quần sinh, vô ngã vị tha...*” [1].

Với tinh thần đoàn kết, hòa hợp dân tộc, cùng hiện hữu trên đất nước Việt Nam, do đó, Bác cho rằng dù là Kinh hay Thượng, vùng ngược, miền xuôi, cao nguyên hay đồng bằng, trung du hoặc thượng du... đều là anh em một nhà, một dân tộc Việt Nam, cần phải thương yêu, đùm bọc lẫn nhau, như ca dao Việt Nam có câu: “*Bầu ơi thương lấy bí cùng/ Tuy là khác giống nhưng chung một giàn*”. Như Đức Lục Tổ





day: “Đối với Tổ thì thân phận con người có phân Nam Bắc, chứ Phật tánh thì không có Bắc Nam. Thân hèn hạ này đối với Tổ thời có khác, nhưng Phật tánh thì không có khác” (Kinh Pháp Bảo Đàn). Quả như vậy, đất nước Việt Nam chúng ta có 54 dân tộc anh em đang sống chung trong hòa bình, hạnh phúc, an lạc, cùng tồn tại và cùng phát triển trong đại gia đình dân tộc Việt Nam, chính là nhờ tinh thần bình đẳng, đoàn kết, hòa hợp giữa Phật giáo và tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng dân tộc cùng nòi giống tiên rồng.

Hơn nữa, Việt Nam là một quốc

gia đa tôn giáo, cho nên vấn đề đoàn kết lương giáo, những người có đạo, không có đạo càng quan thiết hơn, vì tinh thần bình đẳng, thống nhất và đoàn kết là sợi dây vô hình ràng buộc lẫn nhau, là chất keo sơn gắn bó chan hòa bất diệt, vì mục đích lợi ích chung, mang lại hòa bình, ấm no, hạnh phúc trên mảnh đất Việt Nam thân yêu. Như Bác Hồ đã nói: “*Trước khi là người có đạo, các vị đã là người Việt Nam*”. Trong khi nước nhà còn chia cắt, Hồ Chủ tịch luôn luôn hướng về miền Nam ruột thịt, đồng bào Tạng Nê, Phật tử đang tranh đấu giành độc lập dân tộc, giải phóng quê hương, thống nhất đất nước. Nhất là khi được tin Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu ngày 13/6/1963 qua đài phát thanh Hà Nội, Bác Hồ đã có bài viết, bình luận và tuyên đọc trên đài như sau: “*Từ bi là không phải nhu nhược, Mỹ - Diệm càng hung ác, các vị Sư sãi và đồng bào theo Đạo Phật càng kiên quyết đấu tranh. Ngọn lửa tự đốt mình của Hòa thượng Thích Quảng Đức đang góp phần vào đóm lửa đốt cháy cơ đồ phát xít của Mỹ - Diệm. Khắp miền Nam, khắp cả nước và khắp thế giới đều khâm phục sự hy sinh cao cả vì nước, vì đạo của Hòa thượng Thích Quảng Đức...*” Và Bác đã làm hai câu đối kính viếng Giác linh Hòa thượng Thích Quảng Đức: “*Vị pháp thiêu thân vạn cổ hùng uy thiên nhật nguyệt. Lưu danh bất tử bách niên chính khí địa sơn hà*” (Vị pháp thiêu thân muôn thuở uy hùng trời nhật nguyệt. Lưu danh bất tử ngàn năm chính khí đất sơn hà) (VNCPHVN).

Tạng Nê, Phật tử đồng bào miền Nam khi hay tin Hồ Chủ tịch từ

trần (tin ngày 03/9/1969) đã cùng cố Hòa thượng Thích Pháp Lan cử hành Lễ truy điệu Hồ Chủ tịch tại chùa Khánh Hưng (Hòa Hưng, Sài Gòn), trước mọi sự dòm ngó, cản ngăn, theo dõi, phá hoại của chính quyền Sài Gòn. Hòa thượng đã tổ chức Lễ truy điệu Hồ Chủ tịch thành công tốt đẹp, giữa lòng địch dưới chế độ Sài Gòn. Hòa thượng đã làm 02 câu thơ: “*Chi khí chan hòa dòng sử Việt/ Minh tri sáng rực cả trời Nam*”. Hiện nay, bản thờ và linh vị Hồ Chủ tịch còn được lưu giữ tại Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh (số 1 đường Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh).

Bằng tinh thần thống nhất cao độ, quyết lòng giải phóng quê hương thống nhất đất nước, Hồ Chủ tịch đã khẳng định: “*Đất nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sống có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng chân lý ấy không bao giờ thay đổi*”. Qua đó, với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, chiến thắng mùa xuân 30/4/1975, đất nước đã hoàn toàn được thống nhất, Bắc Nam sum họp một nhà. Trong cuộc hội thảo về kỷ niệm 30 thống nhất đất nước, Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh trong bài tham luận có đoạn nhấn mạnh: “*Chiến thắng Mùa Xuân lịch sử, chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Chiến thắng ấy là tinh thần đoàn kết, hòa hợp chung cùng một dòng máu Việt, tinh thần ấy chỉ tìm ra được ở con người Hồ Chí Minh*”. Như Hồ Chủ tịch nói: “*Miền Nam trong trái tim Tôi. Với cây vú sữa, đôi cành hoa mai. Vì không có cảnh đông tàn. Làm sao có cảnh huy hoàng ngày xuân...*” [2].





Đoàn Đại biểu Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII viếng lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. (Ảnh: chutichghpgvn.vn)

### TIẾP NỐI TINH THẦN ĐOÀN KẾT, THỐNG NHẤT CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Quả thật, qua chiến thắng mùa xuân 30/4/1975 với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, Bắc Nam sum họp một nhà, các tổ chức đoàn thể đã thống nhất thành một mối. Do đó, Phật giáo Việt Nam cũng phải thống nhất thành một tổ chức duy nhất. Năm 1980, chư Tôn giáo phẩm lãnh đạo các tổ chức Phật giáo cả nước đã họp thành lập Ban Vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam. Ngày 7/11/1981 tại chùa Quán Sứ Thủ đô Hà Nội, trái tim của Tổ quốc, Đại hội Đại biểu Thống nhất Phật giáo Việt Nam, thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức Phật giáo duy nhất, đại diện cho Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước.

Trong diễn văn khai mạc Đại hội Đại biểu Thống nhất Phật giáo Việt Nam từ ngày 4 - 7/11/1981,

Hòa thượng Thích Trí Thủ - Trưởng ban Vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam đã có đoạn nhấn mạnh: “... Hôm nay, lần đầu tiên trong lịch sử 2000 năm Phật giáo Việt Nam chúng ta có được một Hội nghị gồm đủ đại biểu của các tổ chức Giáo hội, Hệ phái Phật giáo trong cả nước: Bắc tông, Nam tông, Khất sĩ, Phật giáo Khmer, Phật giáo Người Hoa, Tăng Ni và Nam nữ cư sĩ già trẻ từ mọi miền đất nước đã vân tập về đây trong Hội trường trang nghiêm và rực rỡ với một quyết tâm sắt đá xây dựng hoàn thành ngôi nhà thống nhất Phật giáo Việt Nam...”.

Sự phát triển đồng bộ và đoàn kết trong lòng dân tộc Việt Nam hơn 40 năm qua, chính là hun đúc tinh thần, tư tưởng của Hồ Chủ tịch: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Nhất là tinh thần đoàn kết, hòa hợp, thống nhất cao độ của Tăng Ni, Phật tử Giáo hội, hệ phái Phật giáo trong cả nước, hoạt động nhịp

nhàng, đồng bộ trong lòng Giáo hội, trong sự lãnh đạo chung “... Sự thống nhất Phật giáo Việt Nam được xây dựng trên nguyên tắc: Thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức; đồng thời vẫn tôn trọng và duy trì các truyền thống Hệ phái, cũng như các pháp môn và phương tiện tu hành đúng chánh pháp...”. (Lời nói đầu Hiến chương GHPGVN). Như Hồ Chủ tịch đã dạy: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”.

Đề tiến đến kỷ niệm 132 năm ngày sinh của Hồ Chủ tịch kính yêu, vị lãnh tụ vĩ đại, Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất, cũng như hướng đến Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX nhiệm kỳ 2022 - 2027, Tăng Ni, Phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam càng trải nghiệm sâu sắc hơn về ý nghĩa, tinh thần đoàn kết, thống nhất cao độ trên mọi bình diện để cùng nhau nỗ lực thực hiện một cách có hiệu quả chương trình hoạt động của Giáo hội trong nhiệm kỳ và những thế kỷ tiếp theo của nhân loại, góp phần làm tốt đạo đẹp đời, thực hiện hiệu quả phương châm: “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội”, để từng mùa xuân của dân tộc và đạo pháp mãi mãi bừng vui, huy hoàng cùng vũ trụ, năm châu, bốn bể, trong ý nghĩa “Hoa đời hoa đạo đua nhau nở/ Mãi mãi ngàn sau vẫn ngát hương”.

#### Chú thích và tài liệu tham khảo:

\* Hòa Thượng Thích Thiện Nhơn - Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật Giáo Việt Nam.

[1] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb. Chính trị Quốc gia-Sự thật, tr.383.

[2] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia-Sự thật, tr.346.



# THÀNH TÂM LÊ CHÙA

**Lê Minh Hải**

Chấp tay trước chốn linh thiêng  
Thành tâm tĩnh tại, an nhiên giữa đời  
Sân si, thù hận quên rồi  
Khoan dung độ lượng xa lời thị phi

Tâm an hóa giải cơn mê  
Lầm đường lạc lối tìm về sáng trong  
Tìm về sắc sắc, không không  
Tìm về một cõi mệnh mông nhân từ

Đem lòng dốc hết ưu tư  
Tìm về thanh thân già từ khổ đau  
Ở đời ai biết nông sâu  
Tiền tài, vật chất làm nhàu chữ nhân

Cũng là một kiếp phù vân  
Làm sao cho được thân tâm an nhàn  
Mai sau về cõi Niết bàn  
Chẳng còn sợ tiếng nhân gian chê cười...



# HOA ĐÀM NGÁT HƯƠNG

**Nguyễn Nhật Quang**

Muôn chim ríu rít ngày xanh  
Chào ánh nắng mới trên cành nở hoa  
Chuông ngân thức tỉnh Ta bà  
Tháng Tư ánh nguyệt chan hòa chúng sinh

Mừng Phật đản - sáng lung linh  
Ngày vui hoan hỷ, an bình thế nhân  
Đạo mầu mạch sống trong ngần  
Gieo miền khổ ải muôn vản lạc hoan

Phật soi tỏa ánh đạo vàng  
Bình minh khai lối pháp quang nhiệm huyền  
Hương hoa ngan ngát cửa thiền  
Phật về giải thoát oan khiên, hận thù

Phật về giữa cõi âm u  
Dắt quần sanh chốn thiên thu rạng ngời  
Cờ thiêng phất phới nơi nơi  
Thắm tình thân ái đạo, đời muôn phương

Hoa đàm nở thắm ngát hương  
Giữa nơi trần thế yêu thương an lành.







# Nhìn lại hoạt động Phật sự và hoạt động xã hội

của Phật giáo tỉnh Kiên Giang  
(2017-2022)



**Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo  
Việt Nam tỉnh Kiên Giang**



## KHÁI QUÁT CHUNG TÌNH HÌNH PHẬT GIÁO TỈNH KIÊN GIANG (2017-2022)

Hiện nay, toàn tỉnh Kiên Giang có 15 huyện, thành phố cùng đồng bào các dân tộc Kinh, Hoa, Khmer... với nhiều tôn giáo như: Phật giáo, Công giáo, Phật giáo Hòa Hảo, Hồi giáo, Cao Đài, Tin Lành và một số tín ngưỡng dân gian khác. Trong đó, Phật giáo là tôn giáo quy tụ số lượng tín đồ đông nhất, luôn thể hiện tinh thần đoàn kết các tôn giáo bạn và đoàn kết dân tộc góp phần xây dựng quê hương Kiên Giang ngày càng phát triển giàu đẹp.

Trong bối cảnh 36 năm đổi mới của đất nước và 41 năm phát triển đạo pháp trong lòng dân tộc, trước những thời cơ thuận lợi và thách thức, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) tỉnh Kiên Giang khóa IX nhiệm kỳ 2017-2022 không ngừng hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy hành chính đạo, cải cách phương thức tổ chức điều hành Phật sự và quản lý hành chánh. Có thể nói, thời gian năm năm của khóa IX, uy tín của Giáo hội tỉnh nhà ngày càng được nâng cao, Tăng Ni, Phật tử ngày càng gắn bó, tin tưởng vào mục tiêu xương minh đạo pháp và phù hợp với phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội”.

Trong nhiệm kỳ hoạt động Phật sự (2017-2022), nhờ vào tinh thần đoàn kết hoà hợp, dân chủ, trí tuệ tập thể và sự đồng tình ủng hộ của chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử trong tỉnh, đặc biệt là sự hỗ trợ của Trung ương Giáo hội, sự quan tâm giúp đỡ của Đảng, chính quyền và Mặt trận các cấp, Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Kiên

Giang đạt được nhiều thành tựu hoạt động Phật sự quan trọng, đáp ứng tốt nhu cầu và nguyện vọng của các thành viên GHPGVN, các Tự viện và Tăng Ni, Phật tử, phù hợp với sự phát triển toàn diện của Giáo hội trong thời kỳ hội nhập phát triển của đất nước. Với sự hoạt động tích cực của Ban Trị sự, nhất là công tác vận động từ thiện nhân đạo, góp phần xoá đói giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, đặc biệt là ứng phó với diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19 cho đến nay, tập thể Ban Trị sự Phật giáo tỉnh được vinh dự đón nhận Bằng khen của Ban Tôn giáo Chính phủ.



Nhờ chủ trương, chính sách tôn giáo đúng đắn của Đảng và Nhà nước, sự quan tâm giúp đỡ của các cơ quan chức năng, góp phần kịp thời giải quyết những yêu cầu chính đáng của các tôn giáo trong tỉnh nói chung và Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Kiên Giang nói riêng. Từ khi Nghị quyết 24/NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra đời, đã xác định “Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều

Có thể nói, thời gian năm năm của khóa IX, uy tín của Giáo hội tỉnh nhà ngày càng được nâng cao, Tăng Ni, Phật tử ngày càng gắn bó, tin tưởng vào mục tiêu xương minh đạo pháp và phù hợp với phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội”. (Ảnh: Minh Triết)



điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới...”. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (có hiệu lực từ ngày 01/01/2018) và Nghị định 162/2017/NĐ-CP của Chính phủ đã thiết lập hành lang pháp lý để quản lý, phát triển công tác tôn giáo ở nước ta trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng với thế giới. Chính sách pháp luật của Nhà nước đã mở ra triển vọng cho hoạt động tín ngưỡng tôn giáo, riêng đối với Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Kiên Giang là sự thuận lợi trong việc thực hiện các hoạt động Phật sự một cách hữu hiệu và kịp thời đáp ứng nhu cầu quần chúng có số đông tín ngưỡng tu học theo Phật giáo. Nhờ đó, đã hoàn thành xuất sắc các công tác Phật sự của Giáo hội cấp trên giao phó, phối hợp tốt với các cơ quan hữu quan, hoạt động hữu hiệu trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, là thành viên tiêu biểu tích cực dưới mái nhà chung của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQVN). Phật giáo - một tôn giáo có lịch sử trên 2.000 năm đồng hành cùng dân tộc - đã, đang và sẽ chung tay góp phần cùng Đảng bộ và chính quyền tỉnh Kiên Giang thực hiện nhiều chương trình an sinh xã hội...

Trong nhiệm kỳ IX (2017-2022) BTS Phật giáo tỉnh Kiên Giang đã thành tựu được một số công tác Phật sự tiêu biểu như sau:

### **1. Quy chế làm việc, hội họp và sinh hoạt Tăng sự**

Trong nhiệm kỳ qua, thành công lớn nhất trong công tác tổ chức của Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Kiên Giang chính là xây dựng được tinh thần trách nhiệm đoàn kết nội bộ và các hệ phái, tạo được sự đồng thuận của tập thể Tăng Ni, Phật tử nên đã hoàn thành xuất

sắc nhiều công tác Phật sự mà Nghị quyết Đại hội Phật giáo khóa IX đã đề ra. Để đạt được điều đó là nhờ vào việc Ban trị sự Phật giáo tỉnh Kiên Giang đã xây dựng và thực hiện tốt nội quy, quy chế hoạt động của Ban Thường trực Ban Trị sự và quy định cụ thể về chế độ tham gia hội họp và bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của Ban Thường trực, Ban Trị sự Phật giáo cấp huyện, thành phố và trụ trì các tự viện.

Hàng tháng, Ban Thường trực Ban Trị sự tổ chức họp định kỳ vào sáng ngày 25 dương lịch để kiểm tra hoạt động Phật sự tháng qua, thống nhất về chủ trương và các chương trình làm việc của tháng kế tiếp. Sau khi Thường trực Ban Trị sự thống nhất thì Ban Thư ký Ban Trị sự chịu trách nhiệm lập kế hoạch triển khai các chương trình của Thường trực Ban Trị sự đã thông qua, giữa hai kỳ họp thì Trưởng ban, Phó trưởng ban Thường trực cùng Ban Thư ký của Giáo hội tỉnh trực tiếp xử lý, những việc lớn ngoài trách nhiệm đã được Ban Thường trực Ban Trị sự phân công thì báo cáo xin ý kiến tập thể Thường trực Ban Trị sự tại kỳ họp định kỳ hàng tháng gần nhất.

Hàng tháng tổ chức họp sinh hoạt Tăng sự vào ngày mùng hai âm lịch. Tham dự có chư Tôn đức Tăng, Ni trụ trì trong toàn tỉnh. Cuộc họp nhằm phổ biến và triển khai các văn bản của Trung ương Giáo hội, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và thông báo các chương trình phối hợp của Mặt trận Tổ quốc với các tổ chức thành viên. Đặc biệt, tại buổi họp Tăng sự này còn báo cáo các công tác Phật sự trong

tháng qua và triển khai các công tác Phật sự tháng tới mà Thường trực Ban Trị sự Phật giáo tỉnh đã thông qua tại kỳ họp Thường trực định kỳ hàng tháng.

Qua đó, chư Tôn đức Tăng, Ni trụ trì các tông lâm, tự viện trong tỉnh nắm bắt kịp thời những thông tin Phật sự cần thiết và phổ biến đến các Phật tử tại tự viện thực hiện đúng chủ trương của Giáo hội, cũng như phương hướng hoạt động Phật sự của Ban Trị sự Phật giáo tỉnh đề ra. Nội quy, quy chế và chế độ họp lệ định kỳ như thế này đã trở thành một nề nếp sinh hoạt truyền thống và đạt được những kết quả rất khả quan. Đồng thời, nhằm để đánh giá về kết quả thực hiện công tác Phật sự và tinh thần trách nhiệm đối với Giáo hội đã phân công, tập thể Ban Trị sự đã thống nhất đề ra các tiêu chí để đánh giá hoạt động Phật sự của từng thành viên Ban Thường trực Ban Trị sự, các Ban Trị sự Phật giáo huyện, thành phố và các tự viện trong tỉnh theo các tiêu chí đã quy định.

### **2. Công tác đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ**

Nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo và hướng dẫn Tăng Ni, Phật tử sinh hoạt, tu học theo đúng Hiến chương GHPGVN, pháp luật Nhà nước, nâng cao trình độ Phật pháp và nắm bắt những thông tin, từ năm 2012 đến nay, hàng năm Thường trực Ban Trị sự Phật giáo tỉnh đều mở khóa bồi dưỡng trụ trì. Hầu hết chư Tôn đức Tăng Ni trụ trì trong toàn tỉnh đều tham dự đầy đủ. Riêng năm 2020 và 2021 do tình hình dịch bệnh COVID-19 nên các khóa tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ trụ trì, các buổi họp dành cho trụ trì không tổ chức trực tiếp. Ban Trị sự GHPGVN





Trong nhiệm kỳ qua, thành công lớn nhất trong công tác tổ chức của Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Kiên Giang chính là xây dựng được tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tạo được sự đồng thuận của tập thể Tăng Ni, Phật tử. Trong ảnh là khóa “*Thất nhật giáo giới*” của chư Tăng, Ni Phật giáo tỉnh với sự quang lâm giáo giới của HT. Thích Thiện Nhơn - Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN  
(Ảnh: Minh Triết)

tỉnh đã thay vào đó là tổ chức bằng hình thức trực tuyến.

Ngoài công tác bồi dưỡng trụ trì hàng năm cho chư Tôn đức Tăng, Ni trụ trì các tự viện trong tỉnh, Ban Trị sự Phật giáo tỉnh còn mở các khoá như: Khoá tín học văn phòng và nghiệp vụ báo chí - thư ký cho các vị thư ký các Ban Trị sự Phật giáo huyện, thành phố; phối hợp Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ mở khoá phổ biến kiến thức quốc phòng và Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; phối hợp cùng trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn - ĐHQG Hà Nội tổ chức

đào tạo cử nhân chuyên ngành Tôn giáo học tại chùa Phật Quang (TP Rạch Giá) dành cho chư Tăng, Ni tỉnh nhà (đã có trên 70 vị tốt nghiệp cử nhân) và đến nay đã có nhiều vị đã tiếp tục theo học các chương trình cao học và tiến sĩ.

### **3. Bổ nhiệm các Ban Trị sự Phật giáo cấp huyện và các ban, ngành trực thuộc Ban Trị sự Phật giáo tỉnh**

Trong 15 huyện, thành phố đã bổ nhiệm được 14 Ban Trị sự (*riêng huyện Kiên Hải hồ sơ đã gửi, đang chờ kết quả của các cơ quan hữu quan*). Đến nay, đã tổ chức

thành công Đại hội Đại biểu Phật giáo cấp huyện, thành phố. Mỗi Ban Trị sự có từ 15 đến 21 thành viên để điều hành công tác Phật sự tại Phật giáo huyện, từng bước đạt được nhiều hiệu quả thiết thực, đồng thời đã hoàn thiện hệ thống tổ chức từ tỉnh đến cấp cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi trong xu thế phát triển và hoàn thành mọi công tác Phật sự.

Nhằm hỗ trợ công tác cho Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Kiên Giang, Thường trực Ban Trị sự đã hoàn tất việc thành lập các ban/ngành trực thuộc với



cơ cấu nhân sự gồm đầy đủ các thành phần của các hệ phái Phật giáo. Mỗi ban/ngành trực thuộc có trung bình từ 15 đến 25 thành viên, đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, quyền và lợi ích chung của các hệ phái Phật giáo, luôn xem GHPGVN là ngôi nhà chung. Vì vậy, sự hoạt động tích cực của các ban/ngành đã làm nên bức tranh nhiều màu sắc sinh động của các mặt hoạt động Phật sự và tạo nên những thành tựu Phật sự quan trọng của Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Kiên Giang khóa IX.

#### **4. Tham gia các cơ quan dân cử và mặt trận, đoàn thể**

Là thành viên trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân theo quy định của pháp luật, Ban Trị sự Phật giáo tỉnh đã giới thiệu những Tăng, Ni ưu tú, tiêu biểu, có uy tín và năng lực ứng cử Đại biểu Hội đồng Nhân dân, tham gia Ủy ban MTTQVN, Hội đồng Nhân dân các cấp, Hội Chữ Thập Đỏ, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Liên hiệp Thanh niên, Liên hiệp Các tổ chức Hữu nghị, Hội Khuyến học, Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo... Các Đại biểu Phật giáo đã làm tốt vai trò, nhiệm vụ của mình, xứng đáng với sự tín nhiệm của quần chúng nhân dân. Đồng thời đã tạo nên sự vận động các tự, viện Tăng Ni, Phật tử phát huy truyền thống đoàn kết hoà hợp nội bộ Phật giáo, xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư, thực hiện hữu hiệu phương châm: “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội” góp phần làm tốt đời đẹp đạo, xứng đáng là thành viên trung kiên của Giáo hội, vừa làm tròn trách nhiệm, bổn phận của người con Phật, vừa làm tốt trách nhiệm, bổn phận của người công dân.

#### **5. Công tác hỗ trợ hệ phái Phật giáo Nam tông**

Trong nhiệm kỳ IX, GHPGVN tỉnh Kiên Giang đã tổ chức các khóa thi tốt nghiệp tiểu học Pali và Kinh luận giới. Được Nhà nước quan tâm giúp đỡ, một số sách giáo khoa chữ Khmer từ lớp 1 đến lớp 5 đã được phân bổ, cấp phát phục vụ cho việc giảng dạy và học tập tại các chùa; tổ chức các lễ hội truyền thống, các lớp học Pali, song ngữ. Chính quyền các cấp còn hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước cấp tỉnh và các huyện, thành phố. Ngoài ra, đã trùng tu, xây dựng tháp 4 Sư liệt sĩ, di tích chùa Phật Lớn, chùa Xẻo Cạn, chùa Tổng Quản, đồng thời xây mới và sửa chữa các lò hỏa táng với tổng kinh phí gần 42 tỷ đồng.

#### **6. Học tập, quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và phổ biến các văn kiện của Trung ương GHPGVN**

Ban Trị sự Phật giáo tỉnh, Ban Trị sự Phật giáo các huyện, thành phố, các tự viện, Tăng Ni, Phật tử đã tập trung tư duy, trí tuệ góp ý sửa đổi các văn kiện như: Góp ý dự thảo quản lý tiền công đức và nhiều văn bản pháp luật Nhà nước... Bên cạnh đó, thông qua các khóa An cư Kiết Hạ, Thất nhật Giáo giới - Kiết đông, khoá bồi dưỡng trụ trì, khoá bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, Thường trực Ban Trị sự đã mời các cơ quan Nhà nước và báo cáo viên đến trình bày chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước và thông tin thời sự.

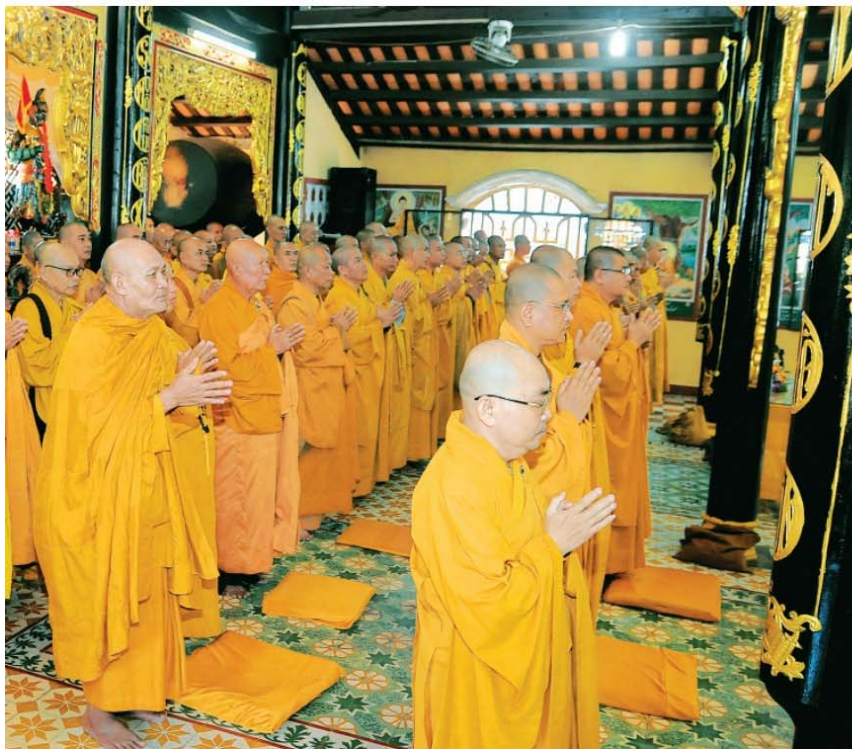
Nhằm tuân thủ sự lãnh đạo của Trung ương Giáo hội, đồng thời để mọi hoạt động Phật sự theo đúng



chánh pháp và những quy định của Hiến chương Giáo hội, Ban Trị sự Phật giáo tỉnh đã phổ biến và triển khai học tập Hiến chương, Nội quy các ban/ngành/viện trực thuộc Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, các Nghị quyết, Chương trình hoạt động và các văn kiện khác của Trung ương Giáo hội đến các thành viên Ban Trị sự, các Ban ngành trực thuộc, Ban Trị sự Phật giáo các huyện, thành phố, các tự viện, Tăng Ni, Phật tử. Từ đó, mọi hoạt động Phật sự của Ban Trị sự Phật giáo tỉnh, các ban/ngành trực thuộc, Ban Trị sự Phật giáo huyện, thành phố sinh hoạt và tu học của các tự viện, Tăng Ni, Phật tử đều đi vào nề nếp và ổn định.

#### **7. Củng cố và phát huy sức mạnh Tăng đoàn và hoàng pháp - truyền thông**





Chư Tôn đức Tăng vân tập về chùa Tam Bảo - Văn phòng Ban Trị sự tỉnh làm lễ Bồ-tát An cư Kiết hạ nhằm trau dồi Giới - Định - Tuệ, giữ gìn quy củ tông lâm, trang nghiêm Giáo hội, lợi lạc tự thân và lợi ích xã hội. (Ảnh: Minh Triết)

Nhằm trau dồi Giới - Định - Tuệ, giữ gìn quy củ tông lâm, trang nghiêm Giáo hội, lợi lạc tự thân và lợi ích xã hội. Hàng năm, từ ngày 16-22/10 âm lịch, GHPGVN tỉnh Kiên Giang đều tổ chức khóa tu “*Thất nhật Giáo giới - Kiết Đông*” dành cho tất cả Tăng, Ni trụ trì trong toàn tỉnh tại 2 trú xứ do Giáo hội tổ chức (1 điểm dành cho chư Tăng và 1 điểm dành cho chư Ni).

Trong tuần lễ Kiết đông “*Thất nhật giáo giới*,” tất cả hành giả đều cầm túc an cư, tắt hết điện thoại, không liên lạc, không tiếp khách. Chư Tăng Ni tập trung tu tập với 3 nội dung chính: Nghe giáo giới từ chư vị Hòa thượng Giáo phẩm, sám hối, lạy Phật và tọa thiền. Đây là dịp để chư Tăng, Ni trụ trì cùng nhau học hỏi kinh

nghiệm, trau dồi giới đức, nương tựa Tăng thân tu hành, biết nhìn lại mình, nỗ lực vững vàng trên bước đường nhập thế hoằng dương lợi sanh.

Để hướng dẫn Phật tử tu học đúng chánh pháp, Ban Hoằng pháp Phật giáo tỉnh đã đến thuyết giảng Phật pháp tại các đạo tràng tu học trong tỉnh như: Đạo tràng Bát quan trai, Đạo tràng niệm Phật, khóa tu một ngày An Lạc, các lớp giáo lý, Đạo tràng Dược Sư... tại các tự viện với số lượng từ 60 - 700 Phật tử tham dự thính pháp và tu học. Các khóa hoằng pháp viên dành cho Phật tử tiêu biểu trong tỉnh quy tụ từ 800-1.000 người tham dự mỗi năm tổ chức 2 khóa (*riêng năm 2020-2021 do dịch bệnh COVID-19 nên không tổ chức*).

Trong nhiệm kỳ qua, Ban Thông tin - Truyền thông đã tuyên truyền chủ trương, kế hoạch hoạt động của Giáo hội một cách hiệu quả, đặc biệt là Đại lễ Phật đản Vesak Liên Hiệp Quốc năm 2019; phối hợp với Ban Biên tập Phật Sự Online tổ chức tuyên truyền trực tuyến hàng trăm cuộc tại các khóa học và các khóa lễ trực tuyến về công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19; tổ chức 7 khóa tập huấn nghiệp vụ báo chí và truyền thông; truyền thông thông tin trung thực, chính xác và chính thống về Phật giáo đến cộng đồng xã hội.

Trong thời điểm diễn biến phức tạp của dịch bệnh, thực hiện theo tinh thần hướng dẫn của Hội đồng Trị sự GHPGVN, Ban Thông tin - Truyền thông đã hỗ trợ tổ chức thành công Đại hội Đại biểu Phật giáo các huyện, thành phố nhiệm kỳ 2021-2026 trong toàn tỉnh bằng hình thức Hội nghị suy cử nhân sự trực tuyến. Nhiều hình thức giảng pháp, tu học trực tuyến (hàng ngày, hàng tuần) đã được triển khai và đã đạt được hiệu quả tốt đẹp. Đặc biệt, mỗi ngày chư Tăng, Ni giảng sư đều giảng pháp trực tuyến trên kênh Phật sự Online và Hoằng pháp Online, lan tỏa trên mạng xã hội





Từ thiện xã hội là một trong những hoạt động nổi bật đã có những đóng góp tích cực cụ thể trong hoạt động từ thiện nhân đạo góp phần xoá đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội. (Ảnh: [phatgiaokiengiang.com](http://phatgiaokiengiang.com))

Facebook và Youtube, thu hút sự quan tâm của hàng nghìn người.

### 8. Công tác trùng tu tôn tạo

Trong 5 năm qua, việc trùng tu, xây dựng mới các tự viện trong toàn tỉnh với tổng kinh phí vận động đóng góp cùng dường của Phật tử trong và ngoài nước trên 180 tỷ đồng. Riêng Phật giáo Nam Tông Khmer đã xây mới 1 tầng kinh cát, 24 chánh điện, 23 giảng đường, 20 tăng xá, 9 cổng, hàng rào chùa, 9 nhà bếp, 6 ngôi bảo tháp, 23 đài hỏa táng và một số công trình phụ trợ khác, trong đó có 8 chùa tổ chức Kiết giới Sima chánh điện.

### 9. Công tác từ thiện xã hội

Đây là một trong những hoạt động nổi bật đã có những đóng góp tích cực cụ thể trong hoạt động từ thiện nhân đạo góp phần xoá đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội và xây dựng nhiều công trình từ thiện phúc lợi xã hội khác. Trung tâm Từ Thiện xã hội Phật Quang là cơ sở từ thiện của Phật giáo Kiên Giang

do Thượng tọa Thích Minh Nhẫn sáng lập và làm Giám đốc, tọa lạc tại ấp Tân Hưng, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đến nay đã đi vào hoạt động được 20 năm. Xuyên suốt trong 20 năm qua đã nuôi dạy nội trú miễn phí toàn phần cho hàng ngàn lượt trẻ em mồ côi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Hiện nay, Trung tâm đang nuôi dưỡng 80 trẻ em, các em đang học từ lớp 1 đến lớp 12 và có 4 em đang học cao đẳng, đại học. Từ ngày 1/1/2013, Trung tâm đã mở thêm nhà trẻ Nhân Ái Phật Quang nuôi dạy bán trú cho 120 trẻ em từ 13 tháng tuổi đến 5 tuổi ở cấp học mẫu giáo thuộc đối tượng con em nhà nghèo, nuôi dạy các em miễn phí toàn phần từ sáng đến chiều để tạo điều kiện cho cha mẹ có cơ hội làm ăn vượt khó thoát nghèo. Trong nhiệm kỳ, Trung tâm Từ thiện xã hội Phật Quang đã hỗ trợ trên 600 hộ gia đình nghèo có cơ hội gởi con vào TTTTXH Phật Quang và nhà trẻ Nhân Ái Phật Quang để có cơ hội đi làm ăn

thoát nghèo. Kinh phí nuôi dạy, điều hành và duy tu cơ sở vật chất trong 5 năm trên 11 tỷ đồng. Vào ngày 27/11/2020, Sư cô Thích Nữ Huệ Tánh - Phó Giám đốc Thường trực đại diện Trung tâm Từ thiện xã hội Phật Quang - đã được Thủ tướng Chính phủ trao tặng bằng khen tại Hội nghị tuyên dương “Những tấm gương sáng thầm lặng vì cộng đồng”.

Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Kiên Giang đã vận động các tự, viện, tịnh xá, tịnh thất trong toàn tỉnh tích cực hưởng ứng nhiều phong trào và triển khai các hoạt động hỗ trợ, tặng quà cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn do dịch bệnh COVID-19 như: Đóng góp mua vaccine phòng dịch, hỗ trợ gạo và tịnh tài, hỗ trợ thực phẩm tại khu cách ly, thuốc, vật tư y tế, bếp ăn cho các chốt phòng chống dịch... Trong thời gian giãn cách xã hội, đã có 20 vị Tăng, Ni tham gia cùng đội ngũ y bác sĩ nơi tuyến đầu chống dịch để hỗ trợ lấy mẫu xét nghiệm COVID-19. Tổng số tiền Phật



giáo Kiên Giang vận động quyên góp trong phòng chống dịch COVID-19 là hơn 18 tỷ.

Ngoài ra, Ban còn tích cực vận động tài chính, thực phẩm cứu trợ nhân đạo cho đồng bào cả nước gặp khó khăn khi xảy ra thiên tai bão lũ và trong cuộc sống, hưởng ứng các chương trình đóng góp quỹ “Ngày vì người nghèo”, tặng quà các gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng, giúp đỡ người già neo đơn, trẻ em mồ côi, phát quà Trung thu cho trẻ em nghèo hàng năm, ủng hộ bếp cháo từ thiện, hớt thuốc nam miễn phí, khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo, xây dựng cầu đường giao thông nông thôn, xây nhà đại đoàn kết, nhà tình thương, nhà an cư lạc nghiệp... do chính quyền và Mặt trận các cấp phát động. Trong 5 năm qua, bằng những việc làm thiết thực Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Kiên Giang đã vận động từ thiện tổng cộng là: 370 tỷ 207 triệu đồng.

#### **10. Phật giáo tỉnh Kiên Giang với công tác xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc**

Giáo hội Phật giáo Việt Nam các huyện, thành phố, Tăng Ni, Phật tử đã tích cực tham gia các phong trào ích nước lợi dân, phúc lợi xã hội, bảo vệ môi sinh, xây dựng nếp sống văn minh đô thị trên địa bàn khu dân cư, xây dựng chùa cảnh văn hóa, ủng hộ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thân yêu; tích cực trong các mặt hoạt động từ thiện xã hội, xóa đói giảm nghèo, ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình thương, tình nghĩa, cứu trợ đồng bào các tỉnh vùng sâu, vùng xa; tham gia xây dựng trường lớp tại vùng sâu vùng xa, đắp lộ, xây

cầu giao thông nông thôn, khoan giếng nước sạch. Nổi bật nhất là bếp ăn từ thiện, nồi cháo tình thương giúp đỡ cho bệnh nhân nghèo tại các bệnh viện được các tự viện, các nhóm Phật tử thực hiện thường xuyên; động viên con em gia đình Phật tử thi hành nghĩa vụ quân sự, làm tròn bổn phận công dân đối với đất nước và xã hội.

Tăng, Ni và Phật tử trong tỉnh luôn giữ vững lập trường, phát huy truyền thống đoàn kết, hòa hợp, độc lập dân tộc, góp phần xây dựng xã hội văn minh, tiến bộ, giàu mạnh. Từ đó, đã xuất hiện nhiều gương điển hình, gương người tốt việc tốt. Ban Trị sự Phật giáo tỉnh và các huyện, thành phố đã tổ chức thực hiện có nhiều biện pháp sáng tạo hữu hiệu đạt nhiều kết quả thiết thực qua 2 chương trình ký kết phối hợp thực hiện giữa Giáo hội tỉnh với MTTQVN tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường về chương trình “Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu” và ký kết phối hợp với Công an tỉnh về chương trình “Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Đặc biệt, trong nhiệm kỳ qua đã tuyên truyền vận động tất cả chư Tăng, Ni trụ trì các cơ sở thờ tự của Phật giáo đã treo cờ nước thường xuyên đạt 100/100.

Nhìn chung, chư Tôn đức Tăng, Ni lãnh đạo Giáo hội tỉnh nhà đều thể hiện tốt tinh thần trách nhiệm của mình, đại diện tiếng nói của Tăng, Ni, Phật tử, là cầu nối rất quan trọng giữa các cấp Giáo hội với Đảng, Nhà nước, tham dự đầy đủ các cuộc họp, Hội nghị do các sở, ban ngành tổ chức, tham gia phát biểu ý kiến đóng góp thiết

thực mang lại hiệu quả cao trong công tác tôn giáo và dân tộc.

#### **BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG NHIỆM KỲ**

**Một là**, luôn phát huy tinh thần đoàn kết nội bộ trong mọi công tác Phật sự, từ đó tạo thành động lực, thống nhất ý chí để hoàn thành các mặt Phật sự quan trọng được giao.

**Hai là**, thực hiện tốt quy chế làm việc, chế độ hội họp hàng tháng, định kỳ triển khai các Phật sự trọng tâm, từ đó các thành viên Ban Trị sự và Tăng Ni quán triệt thực hiện tốt mọi Chủ trương, Nghị quyết của Giáo hội các cấp. Nhất là tổ chức tốt khóa Kiết đông Thất Nhứt Giáo Giới mỗi năm để thúc liễm tu học, trao đổi Phật sự trên tinh thần lục hòa cộng trụ.

**Ba là**, phát huy tinh thần chỉ đạo của các cấp Giáo hội, đồng thời làm tốt công tác phối hợp với các cơ quan chức năng, các ban ngành đoàn thể để từ đó làm tốt công tác tuyên truyền ý nghĩa nhân đạo từ thiện, vận động sự đồng tình ủng hộ của Tăng Ni, Phật tử, các nhà hảo tâm, các vị mạnh thường quân chung sức chung lòng tham gia làm tốt công tác từ thiện xã hội, cũng như các mô hình dân vận khéo mà trong nhiệm kỳ qua đạt được những chỉ tiêu từ thiện đã đề cập.

**Bốn là**, tiếp cận và ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong công tác hoằng pháp lợi sanh, từ đó tạo thuận lợi trong điều hành công tác Phật sự và truyền bá Phật pháp cũng như đáp ứng nhu cầu tu học, nguyện vọng chính đáng của Tăng Ni, Phật tử và các giai tầng trong xã hội.





# Tính cởi mở, bình dân và gần gũi của Phật giáo xứ Quảng (thế kỷ XVII-XIX)

**Lê Xuân Thông\***

## DẪN NHẬP

Phật giáo xứ Quảng (Quảng Nam - Đà Nẵng) có lịch sử phát triển lâu dài và bám sâu, lan tỏa rộng vào đời sống xã hội địa phương. Từ nửa đầu thế kỉ XVII, sau sự kiện chúa Tiên Nguyễn Hoàng cho xây dựng chùa Long Hưng ở phía đông dinh trấn Quảng Nam (năm 1602) và chùa Bảo Châu ở xã Trà Kiệu (năm 1607) thì vài thập niên sau đó, trên vùng đất Quảng Nam - Đà Nẵng, chứng kiến nhiều vị danh Tăng người Việt đến hoằng hóa, trong đó có Thiền sư Huệ Đạo Minh và Minh Châu Hương Hải, đã để lại những dấu ấn Phật giáo quan trọng. Đặc biệt, vào cuối thế kỉ XVII - đầu thế kỉ XVIII, trong không khí các Thiền sư Trung Hoa nhận nhíp sang Đại Việt truyền chánh pháp, thì thương phố Hội An (Quảng Nam), Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng) là những nơi đón nhiều Thiền sư cả Lâm Tế và Tào Động dùng chân xây dựng đạo tràng, xiển dương đạo pháp. Đến giữa thế kỉ XVIII, Minh Hải Pháp Bảo lại biệt xuất bài kệ truyền phái mới, hình thành nên dòng Lâm Tế Chúc Thánh, từng bước không chỉ chiếm lĩnh vị trí quan trọng tại nơi phát tích, mà còn lan rộng vào



khu vực Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Bên cạnh dòng Phật giáo chủ lưu do các sư tăng truyền bá và dẫn dắt, thì ở các làng quê, người dân vẫn có cách riêng của mình để tìm đến chân lý giải thoát của Đức Như Lai, thông qua ngôi chùa dân gian [1].

### HÀNH TRẠNG CỦA CÁC VỊ THIÊN SƯ XỨ QUẢNG

Từ lịch sử phát triển đó, Phật giáo xứ Quảng hình thành nên những đặc điểm vừa mang tính phổ quát của Phật giáo Việt Nam, vừa có những nét riêng, do bị quy định bởi điều kiện địa lí và lịch sử - xã hội riêng, nên tính cởi mở, bình dân và gần gũi là đặc điểm dễ nhận thấy nhất. Có thể thấy ngay rằng, các danh Tăng Phật giáo đất Quảng rất chú trọng thực hành, không thích nghĩa lý rườm rà, ít đề ra chủ thuyết, trước tác sách vở.

Huệ Đạo Minh là một thiên tăng phái Trúc Lâm, lập trắc tích và xiển dương chánh pháp tại Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng), giai đoạn nửa đầu thế kỉ XVII, thu hút rất đông tín đồ. Ngài lập hai văn bia trên ngọn Thủy Sơn thuộc núi Ngũ Hành: “*Ngũ Uẩn sơn cổ tích Phật tịch diệt lạc*” ở động Vân Thông, năm Tân Mùi (1631) và “*Phổ Đà sơn linh trung Phật*” ở động Hoa Nghiêm, năm Canh Thìn (1640). Trong văn bia “*Ngũ Uẩn sơn cổ tích Phật tịch diệt lạc*”, Huệ Đạo Minh đã không ngần ngại mượn một đoạn khấn nguyện từ bài sám “*Nhất tâm quy mạng*” của Từ Vân Tuấn Thúc (964-1032) - Một cao Tăng Trung Quốc để giải bày thay cho tâm mình và tín đồ [2]. Trong trường hợp này, thật bất nhả nếu nghĩ rằng đó là biểu hiện của một sự hạn hẹp tâm trí. Minh Châu Hương Hải (1628-

1715) là một hiện thực đầy thú vị. Khi tu trì ở Đàng Trong gần 30 năm, trong đó ở Quảng Nam khoảng gần 10 năm, Ngài hoàn toàn không trước thuật gì. Cho đến khi ra Đàng Ngoài, Ngài mới bắt đầu hoạt động soạn giải, sáng tác và để lại cho đời một khối lượng tác phẩm tương đối đồ sộ như ta thấy [3].



Đến Minh Hải Đắc Trí Pháp Bảo (1670-1746) - Một sơ Tổ lập phái Lâm Tế Chúc Thánh cũng không cho thấy sự hào hứng trong việc lập thuyết. Bài kệ truyền thừa tông phái do Ngài biệt lập, hoàn toàn vắng bóng các vấn đề bản thể luận hay nhận thức luận, thậm chí còn không bàn đến thiền lí, căn bản là “*Yếu minh học thuật*” tức chỉ bày cách tu hành ngộ đạo [4].

Trường hợp Thiền sư Pháp Kiêm Luật Oai Minh Giác (1747-1830) [5] lại càng đặc biệt, điển hình cho sự phóng khoáng bình dân và gần gũi. Với Ngài, chỉ có lăn xả vào đời sống trần tục, hòa cùng những sinh hoạt triu nặng lo toan của dân chúng thì mới bùng vỡ chân lý giải thoát. Từ một tiểu tăng chùa Phước Lâm (Hội An) “*lấy chuyện khát thực*

Phật giáo xứ Quảng không chủ trương bám víu vào thiền lí, càng không đề cao cái trừu tượng siêu hình; giới luật mà quý Hòa thượng bắt buộc thiền sinh (và kể cả bản thân họ) phải tuân thủ, thậm chí tuân thủ nghiêm ngặt chỉ là bước luyện tập không thể thiếu do căn trí kẻ tu hành phải theo con đường tiệp ngộ, không thể đốn ngộ.



Có lẽ cũng cần nhắc lại những tổ đình Tam Thai, Linh Ứng tại Ngũ Hành Sơn. Đây là những chùa được triều Nguyễn liệt vào hàng quan tự, tức chùa công, chùa của nhà nước (trong sự phân biệt với chùa tư là chùa của sư tăng hay người dân), mọi sinh hoạt do vậy được Nhà nước lo liệu, chu cấp.





Ở làng Phú Xuân Hạ, xã Tam Quang (huyện Núi Thành, Quảng Nam) có một ngôi chùa tương truyền do chính vua Gia Long ban sắc đặt tên là chùa Quảng Phong. (Ảnh: dulichvn.org.vn)

*làm kẻ sinh nhai, sớm hôm vui với pháp kệ”, đã gần như lĩnh hội được mọi thiên tôn yếu chỉ do sư phụ trao truyền, Ngài lại hoàn tục và hoàn hương (Quảng Ngãi) rồi nhập binh tổng chinh trong quân đội chúa Nguyễn [6], đồng thời lấy vợ sinh con tại quê nhà. Tại cuộc chiến ở vùng sơn man [7], Ngài lập được chiến công nên được trao chức chỉ huy. Nhưng như thế càng khiến Ngài thêm day dứt, ân hận. Sự thành bại chẳng qua cũng chỉ là huyễn. Con người vì dục vọng mà để tạo hóa trêu ngươi, lún sâu vào vòng tục lụy. Ngài bèn từ bỏ tất cả để trở lại Hội An, thực hành lối tu khổ hạnh như một cuộc thanh tẩy thân tâm do ít nhiều đã bị vấy đục*

bởi mấy năm làm kẻ phạm trong cuộc đời ô trọc, từ đó khai mở tuệ giác, thực hiện tể độ tha nhân.

Văn bia viết: “*Thân được hơn 10 năm nhân tình lại hóa một phen náo nhiệt, làm khách trong chốn dịch trung. Đương lúc đường công danh rạn rỡ, đặc ý, ai cũng yên tâm, còn Sư thì nhớ lại những chuyện từ trước đến nay, hốt nhiên dành một ngày hợp thỉnh bà con thân thích cùng huynh đệ đến dặn dò, thác việc hương hỏa, mộ phần tiên nhân cùng gia tài, vợ con. Ngài phụng sự Phật đà, từ bỏ trần duyên, tìm lại thủ xưa, xem nhẹ kiếp phù sinh. Trong độ kinh sợ sự thiêu tàn của hỏa trạch. Còn Sư tỉnh tư tiến Phật,*

*chú niệm trong chốn dịch trung, chớ thuyền từ tể độ, nên lại đến phố Hội An ở Quảng Nam phát đại nguyện quét chợ 20 năm, quét sạch bụi cảnh trần ai, đăng đàn tịnh khiết. Trong ngày bát cầu đều không, chúng được nhờ ơn đón cơn gió mát. Trên đường được ơn uống nước trong. Mười thu lao khổ, bận rộn, một lòng kiên trinh. Việc ấy thực là sự đấu tranh công phu ở chỗ khổ tu vạn hạnh”. Sau hơn 20 năm quét chợ tu hành, đạo hạnh của Ngài được nhân dân, tín đồ Phật giáo rất mực ngưỡng mộ. Chư sơn cùng thỉnh khai giới đàn, tôn hiệu Ngài là Minh Giác, lấy ý là giác ngộ theo Phật.*





*Phàm nói hoặc xử trí những việc khó khăn trong việc giữ gìn phẩm hạnh của bản thân đều xem Ngài là vị Phật tử xuất thế vậy". Có thể nói, Thiền sư Minh Giác là một hiện tượng đặc biệt của dòng Lâm Tế Chúc Thánh và cả trong lịch sử Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng. Ngài là một thể nghiệm đầy sinh động, thuyết phục về sự chứng đắc chân lý giác ngộ ngay giữa vòng xoáy của cuộc sống trần tục đầy tội lỗi.*

### **ĐẶC ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO XỨ QUẢNG**

Rõ ràng, Phật giáo xứ Quảng không chủ trương bám víu vào thiền lý, càng không đề cao cái trừu tượng siêu hình, Giới luật mà quý Hòa thượng bắt buộc thiền sinh (và kể cả bản thân họ) phải tuân thủ, thậm chí tuân thủ nghiêm ngặt chỉ là bước luyện tập không thể thiếu do căn trí kẻ tu hành phải theo con đường tiệm ngộ, không thể đón ngộ. Hai vấn đề đó thống nhất biện chứng, không hề mâu thuẫn.

Những ghi chép trong “*Ngũ Hành Sơn lục*” [8], cũng như những cảm nhận của A.Sallet vào đầu thế kỉ XX khi tiếp xúc với Phật giáo ở Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng) [9], hay cuộc đời của những thiền tăng ở các chùa Chúc Thánh, Phước Lâm được hậu nhân ghi lại đã nói lên rằng: Những vị Thiền sư nơi đây, một mặt là người rất chăm chú tu trì giới luật, am tường kinh nghĩa Đạo Phật, lấy tham thiền và cầu nguyện làm pháp tu để giải thoát; mặt khác, dường như họ đã thấu hiểu chân lý vô thường, vô ngã, đoạn trừ được các vọng hoặc, giả tướng nên không câu nệ giáo lý, sống an nhiên tự tại giữa đời trần

cùng với tin đồ nhân quần và tích cực lo việc trần thế. Các Thiền sư như Toàn Nhâm Vi Ý Quán Thông (1798-1883), Ấn Lan Tổ Huệ Từ Trí (1852-1921), Ấn Bản Tổ Nguyễn Vĩnh Gia (1840-1918), .. xứng đáng được coi là những bậc cao Tăng tôn quý, được triều đình ân trọng, tưởng thưởng công đức, nhưng không vì thế mà trở nên xa lánh đời tục, ngược lại họ nhập thế, cứu rỗi tha nhân. Hình ảnh về một vị Tăng cang (Từ Trí) ở hai ngôi quan tự Tam Thai và Linh Ứng qua cảm nhận của Sallet trở nên gần gũi và bình dị lạ thường [10].

Nhìn từ cơ sở thờ tự, chùa *dân gian* là biểu hiện điển hình cho tính cởi mở, bình dân và gần gũi của Phật giáo đất Quảng. Sự đa dạng về vị trí cảnh quan đã cho thấy nó không bị câu thúc bởi những tín điều về dịch lý và thuật phong thủy của chủ thể sáng tạo. Song, đa dạng mà thống nhất, ở chỗ, mọi vị trí dù không ở trung tâm thì tuyệt nhiên vẫn không phải là nơi u tịch hẻo lánh, tách biệt, cô lập với không gian sinh hoạt thường nhật của người dân. Điều này được chứng minh ngay bởi sự phổ biến cảnh quan ruộng đồng nơi ngôi chùa tọa lạc. Thoạt tiên có vẻ mâu thuẫn, nhưng nhớ rằng, xã hội Việt Nam cổ truyền, căn bản là xã hội nông nghiệp, cho nên chính ruộng đồng là nơi con người làng xã gắn bó mật thiết nhất, thường xuyên nhất. Ngôi chùa vì thế xa mà không lạ, luôn hiện ra trước mắt người dân cả trong lúc họ đi lo việc đồng áng, hay nói chung là hoạt động mưu sinh. Quy mô, bố cục chùa dân gian thường nhỏ và đơn giản. Thực tế vẫn ghi nhận chùa dân gian có sự phát triển từ quy mô

Văn bia viết tiếp: “*Sư tính thông tuệ trời sinh, lấy 20 năm tình duyên danh lợi một dao cắt đứt xem như cát sông bọt bèo, lại đem thân vào chốn thị thành bụi bặm, huyên náo, lao tâm khổ chí, cầu lấy sự kiên định vững vàng trong tâm niệm để thành tựu tâm thân chứng đạo. Ngài chẳng những tự khai giác mình mà còn khai giác cho tất cả thấy những người có tình, giống như thức tỉnh sau cơn mộng vậy. Điển tịch nhà Phật có nói: Tự mình giác ngộ, lại giác ngộ cho người khác, như vậy mới thực hiện trọn vẹn sự giác ngộ. Sư hội đủ những điều này nên cử hiệu Minh Giác. Chư sơn xa gần đều thành tâm tôn phục.*



## PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI



Phật giáo xứ Quảng hình thành nên những đặc điểm vừa mang tính phổ quát của Phật giáo Việt Nam vừa có những nét riêng, do bị quy định bởi điều kiện địa lí và lịch sử - xã hội riêng, nên tính cởi mở, bình dân và gần gũi là đặc điểm dễ nhận thấy nhất.

một công trình chính điện, dần dà thêm tiền đường, rồi đông đường và cả công trình ngoại vi như cổng ngõ. Cổng Tam quan được xây dựng có phần hoành tráng, có giá trị nghệ thuật. Tuy vậy, xu hướng này diễn ra hết sức chậm chạp và yếu ớt. Xu hướng bảo tồn quy mô nguyên thủy (tức chỉ mỗi công trình chánh điện) vẫn chiếm thế chủ đạo. Mà chánh điện cũng không lớn và cạn lòng. Nếu xét ở góc độ kiểu thức kiến trúc, với hai loại kiểu vì kèo (vì kèo chèo và vì chồng rường), chùa dân gian mang dáng dấp của nhà dân dụng truyền thống xứ Quảng, mà hiện nay - đặc biệt ở vùng huyện Tiên Phước và TP. Hội An (tỉnh Quảng Nam) còn bảo lưu khá tốt. Nhưng nếu nhìn một cách tổng thể (cả quy mô, bố cục và kiểu thức) thì chùa

dân gian có sự tương hợp rất lớn với nhiều thiết chế văn hóa - tín ngưỡng cổ truyền ở làng xã, như đình làng, nhà thờ tiền hiền, nhà thờ tộc. Như vậy, về mặt này, chùa dân gian không tạo thành một dòng riêng có tính đặc thù của một công trình tôn giáo mà hòa lẫn vào bức tranh văn hóa vật chất truyền thống của địa phương. Đối tượng thờ tự ít và không thống nhất; không gian thờ tự hẹp, án thờ thấp, cách bài trí tập trung nhưng không tạo thành nhiều lớp mà trải đều ra các phía.

Như vậy, xem xét cả kiến trúc và thờ tự, chúng ta thấy chùa dân gian toát lên mạnh mẽ tính cởi mở, bình dị và thân thiện với con người. Nó chấp nhận mọi cái mới và khác, bất chấp điển lệ,

giáo lý Phật giáo chính thống. Nó gần gũi, thân thiện không chỉ ở sự quen thuộc của hình ảnh mà quan trọng là ở chỗ, nó không toát lên tính chất “thông trị” trong sự cảm nhận của người dân. Trong không gian kiến trúc và thờ tự đó, ranh giới vô hình giữa Thần - Phật và người như được dỡ bỏ, con người không bị bao phủ bởi sự huyền hoặc, thần bí, khoảng cách giữa thế giới siêu trần và thế giới trần tục như được rút ngắn. Đến chùa dân gian, đứng trước Đức Phật con người không thấy mình quá nhỏ bé, thái độ cầu cạnh, vì thế, không triển nở một cách quyết liệt.

Với chùa *chính thống*, phải thừa nhận nó có phần nặng tính khuôn phép trong cái nhìn so sánh với chùa dân gian. Tuy nhiên, nó





cũng không mấy xa lạ. Kiến trúc dù có phát triển lên nhiều đơn nguyên nhưng vẫn dè dặt, hoàn toàn không đạt đến dạng quần thể phức tạp. Đó vẫn chỉ là những đạo tràng thuần túy thực hiện chức năng thờ tự và là nơi hành trì tu chứng của thiền tăng. Trong chánh điện, mặc dù sự bài trí thờ tự có hình thành các tầng, lớp nhưng cũng không đủ để tạo ra sự choáng ngợp, vẫn gần gũi và ấm cúng [11].

Có lẽ cũng cần nhắc lại những Tổ đình Tam Thai, Linh Ứng tại Ngũ Hành Sơn. Đây là những chùa được triều Nguyễn liệt vào hàng quan tự, tức chùa công, chùa của Nhà nước (trong sự phân biệt với chùa tư là chùa của sư tăng hay người dân), mọi sinh hoạt do vậy được Nhà nước lo liệu, chu cấp. Theo lẽ thường, với sự nâng đỡ của triều đình, sự mến mộ công đức của thập phương tín đồ, nơi đây phải là những công trình dù không thể phát triển nguy nga, hoành tráng về quy mô do đặc thù của không gian địa lý, thì hẳn phải được tô điểm lộng lẫy, khang trang. Song, trong thực tế lại dung dị lạ thường. Bởi vậy, khi thời cuộc biến đổi dữ dội vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng trải qua những thăng trầm thì diện mạo những đạo tràng ở Ngũ Hành Sơn để tạo cho tín đồ thập phương cảm giác man mác chạnh lòng và những chia sẻ của A.Sallet [12] là một ví dụ.

Tóm lại, trong quá trình phát triển, Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng vừa gìn giữ mạch nguồn truyền thống của Phật giáo dân tộc, vừa nảy sinh những sắc thái riêng do bị quy định bởi hoàn cảnh địa lý -

lịch sử - xã hội mới và khác. Mà điểm trước tiên dễ nhận thấy, đó là Phật giáo không thiên về kinh nghĩa, ít quan tâm đến những vấn đề mang tính triết học cao viễn mà thích sự giản tiện, thực hành; là Phật giáo của giới bình dân và hướng đến sự bình dân; là Phật giáo đặc biệt gần gũi.

#### Chú thích:

\* Tiền sĩ Lê Xuân Thông, Viện KHXH vùng Trung Bộ.

[1] Khái niệm chùa dân gian và nghiên cứu về nó, chúng tôi đã từng bước hoàn thiện qua một số công bố, như: 1. Lê Xuân Thông (2014), “*Chùa dân gian ở Đà Nẵng từ thời chúa Nguyễn đến triều Nguyễn (thế kỷ XVII, XVIII, XIX)*”, *Nghiên cứu lịch sử*, Số 12: 46-58; 2. Lê Xuân Thông (2015), “*Đặc điểm kiến trúc chùa dân gian Quảng Nam - Đà Nẵng thế kỷ XIX*”, *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, Số 5: 41-49; 3. Lê Xuân Thông (2019), “*Chùa dân gian xứ Quảng: tình hình xây dựng, kiến trúc và thờ tự*”, *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, Số 4: 61-80.

[2] Về sư Huệ Đạo Minh, xin tham khảo: Lê Xuân Thông (2016), “*Mạch nguồn thiền phái Trúc Lâm trong Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng thế kỷ XVII*”, *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, Số 6: 41-50.

[3] Minh Châu Hương Hải là một danh tăng của Phật giáo Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII. Thời gian đầu, Ngài dựng thảo am tu trì tại đảo Tiêm Bút La (Cù lao Chàm). Trước tác của Minh Châu Hương Hải, theo *Hương Hải Thiền sư ngữ lục*, ngoài 20 tác phẩm chú giải kinh luận và một bài kệ, còn có 16 đoạn trích văn xuôi cùng 58 bài thơ. Tuy nhiên, Lê Mạnh Thát đã khảo cứu và cho rằng chỉ khoảng 4 bài thơ trong tổng số thơ văn kể trên chính xác là của Thiền sư, còn lại hầu hết có xuất xứ từ Trung Hoa hoặc không đáng tin cậy. Xem: Lê Mạnh Thát (2000), *Toàn tập Minh Châu Hương Hải*, Nxb. TP Hồ Chí Minh; Lê Xuân Thông (2016), “*Mạch nguồn thiền phái Trúc Lâm trong Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng thế kỷ XVII*”, *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, Số 6: 41-50.

[4] Lê Xuân Thông (2020), “*Về hai Thiền sư Minh Hải Pháp Bảo và Minh Lượng Nguyệt Ân của Phật giáo xứ Quảng (và Đà Nẵng)* thế kỷ XVIII”, *Đặc san Nghiên cứu lịch sử xứ Quảng*, Nxb. Đà Nẵng, Số 15: 115-124. Có nhà nghiên cứu cho biết

Minh Hải còn một bài kệ phú chúc trước lúc thị tịch. Xem: Thích Như Tịnh (2009), *Lịch sử truyền thừa thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh*, Nxb. Phương Đông, TP HCM: 110.

[5] Pháp Kiêm Luật Oai Minh Giác, đời thứ 3 dòng Lâm Tế Chúc Thánh, là một trong những đệ tử của Thiền sư Thiệt Đình Chánh Hiền Ân Triêm (1712 - 1796). Tư liệu nói về Ngài có thể tìm thấy ở long vị, văn bia tháp, bản kê khai hiện vật và các đời trụ trì chùa Phước Lâm của ông Lê Văn Thê tức Hòa thượng Phổ Minh (1923), nhưng văn bia *Kê Hòa thượng thuật* là sử liệu đầy đủ, xác đáng nhất. Xem: Văn bia Kê hòa thượng thuật, Chùa Phước Lâm, Cẩm Hà, Hội An, Quảng Nam.

[6] Văn bia viết: *Năm 22 tuổi, chùa chiến bị bãi bỏ, Tăng bèn hoàn hương, nhập bình tông chính* (Niên nhị thập nhị bãi tự, Tăng hoàn hương, thụ bình phần tông chính). Chúng tôi chưa hiểu vì sao có hiện tượng “chùa chiến bị bãi bỏ”, và liệu việc Ngài nhập bình có phải là sự bất buộ hay không.

[7] Có lẽ là cuộc dẹp loạn Thạch Bích Man tức Mọi Đá Vách ở miền tây Quảng Ngãi, dưới sự chỉ huy của Cai bạ Trần Phúc Thành, năm 1770. Thạch Bích Man là tên gọi mà chính quyền chúa Nguyễn (và cả triều Nguyễn sau này) dùng để chỉ nhóm các dân tộc thiểu số - chủ yếu là người Hre - sống ở vùng núi phía tây Quảng Ngãi, nơi có những tảng đá đứng thẳng, trông lên như vách đá.

[8] Tài liệu chữ Hán, do tú tài Hồ Thăng Doanh - một nho sĩ cùng Thiền sư Ân Lan Tô Huệ Từ Trí - một danh Tăng của Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng sống vào nửa sau thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX - và một số người khác, hoàn thành năm 1916.

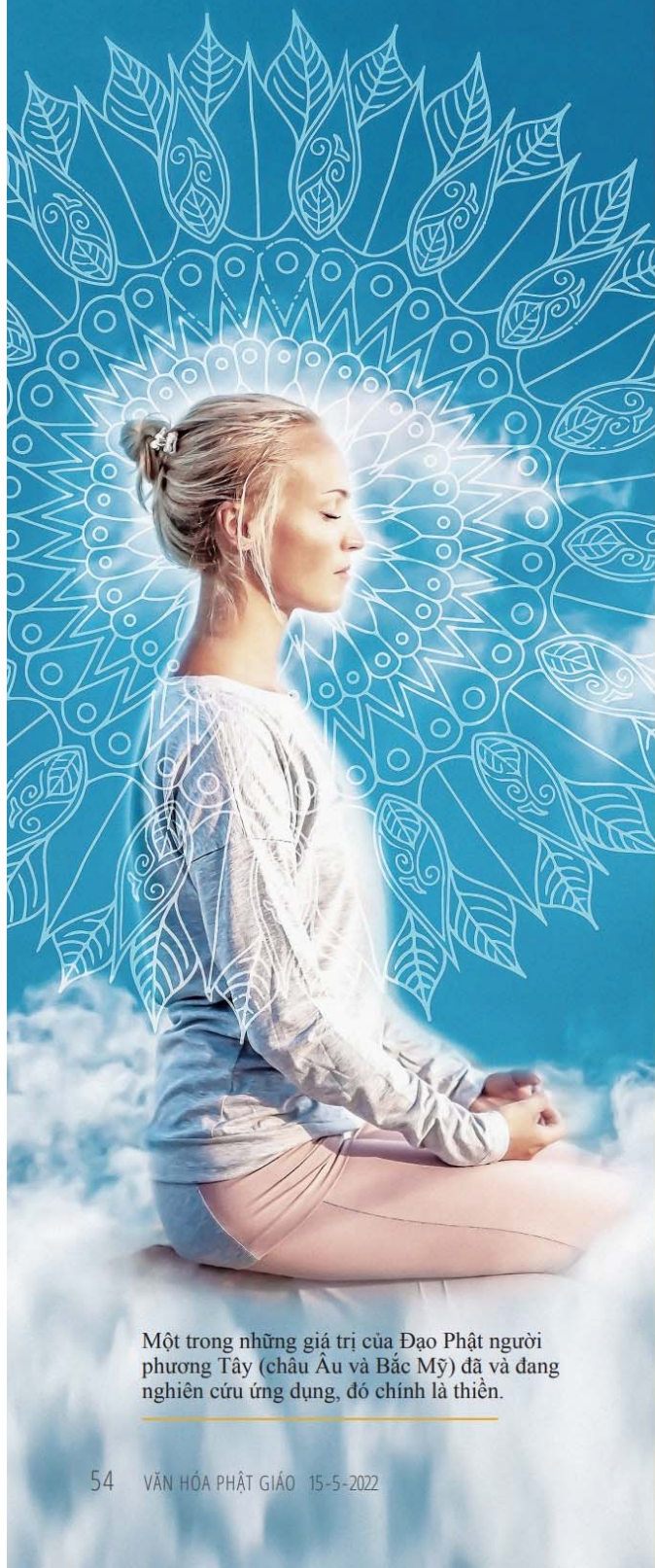
[9] Sallet, A (2002), “*Núi đá hoa cương (Ngũ Hành Sơn)*”, *Những người bạn cố đô Huế* (B.A.V.H), Tập XI, 1924: 5-209.

[10] Về những danh tăng vừa kể, xem thêm: 1. Sallet, A (2002), “*Núi đá hoa cương (Ngũ Hành Sơn)*”, *Những người bạn cố đô Huế* (B.A.V.H), Tập XI, 1924: 5-209; 2. Thích Như Tịnh (2008), *Hành trạng chư Thiền đức xứ Quảng*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội. 3. Lê Xuân Thông (2014), “*Thiền sư đầu tiên của Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng được triều Nguyễn sắc chuẩn Tăng cang*”, *Văn hóa Phật giáo*, Số 207: 42-43.

[11] Xem thêm: Lê Xuân Thông (2018), “*Chùa Việt Quảng Nam - Đà Nẵng thế kỷ XIX (Loại hình chùa chính thống)*”, *Đặc san Nghiên cứu lịch sử xứ Quảng*, Nxb. Đà Nẵng, Số 10: 35-43.

[12] Sallet, A (2002), sdd: 85-86.





Một trong những giá trị của Đạo Phật người phương Tây (châu Âu và Bắc Mỹ) đã và đang nghiên cứu ứng dụng, đó chính là thiền.

# Phật giáo góp phần đem lại hạnh phúc cho xã hội phương Tây

Lê Tấn Lộc\*



**Tóm tắt:** Từ lâu, Đạo Phật không còn là tài sản riêng của các nước phương Đông. Với tinh thần tùy duyên, Phật giáo đã du nhập sang các nước phương Tây, tồn tại và phát triển ở đó. Có thể nói rằng, người phương Tây đã và đang tiếp cận với Đạo Phật một cách rất thực tế. Việc thực hành để chứng ngộ về mặt tâm linh thì ở đâu cũng có, nhưng nét nổi bật nhất đối với Phật giáo phương Tây có lẽ là khả năng tham gia giải quyết các vấn đề khó khăn nảy sinh trong xã hội. Thiền Phật giáo là một bộ môn mà người phương Tây ưa chuộng. Họ đã ứng dụng nó để giải quyết nhiều vấn đề. Với tính chất tổng quan lại một số nghiên cứu tiêu biểu, bài viết phân ánh vai trò của Phật giáo trong việc góp phần đem lại hạnh phúc cho xã hội phương Tây qua tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội có liên quan đến sức khỏe tinh thần và giáo dục đạo đức, từ đó gợi mở hướng nghiên cứu ứng dụng ở Việt Nam, một đất nước tự hào là biết đến Đạo Phật từ rất sớm.



### THIỆN TRONG PHẬT GIÁO Ở PHƯƠNG TÂY

Một trong những giá trị của Đạo Phật mà người phương Tây (châu Âu và Bắc Mỹ) đã và đang nghiên cứu ứng dụng, đó chính là thiện. Thực tế, thiện của Đạo Phật đã giúp họ giải quyết nhiều vấn đề nan giải trong xã hội, nổi bật nhất là vấn đề liên quan đến sức khỏe tinh thần và giáo dục đạo đức.

### TỪ GÓC ĐỘ KHOA HỌC

Về mặt khoa học, có nhiều kết quả nghiên cứu đã chứng minh Đạo Phật nói chung và thiện Phật giáo nói riêng đóng góp tích cực vào việc cải thiện sức khỏe tinh thần và phát triển đạo đức con người trong xã hội phương Tây. Một đối tượng khá đặc biệt được các nhà nghiên cứu quan tâm, chính là cảnh sát. Hơn 600 cảnh sát ở các hạt Avon và Somerset, Bedfordshire, Cambridgeshire, Hertfordshire và South Wales của nước Anh đã được tổ chức cho hành thiện trong 06 tháng. Sau đó, các nhà nghiên cứu so sánh kết quả với nhóm đối chứng là nhóm cảnh sát không được tập thiện và rút ra kết luận là thiện có thể giúp cho cảnh sát thư giãn và tăng khả năng chịu đựng [1]. Một nghiên cứu gần đây của nhóm chuyên gia đến từ các trường Đại học của Mỹ [2] cũng cho thấy thiện đã giúp cảnh sát giải quyết áp lực căng thẳng do tính chất nghề nghiệp gây ra. Một nghiên cứu khác thực hiện ở Brasil cũng chứng minh thiện không chỉ giúp cảnh sát giải tỏa áp lực căng thẳng, giảm trầm cảm, lo âu mà còn tăng chất lượng sống và phát triển được lòng từ bi [3]. Nghiên cứu tiến hành ở cảnh sát Tây Ban Nha và cũng cho kết quả tương tự [4].

Bên cạnh đó, thiện còn đem lại lợi ích tích cực trong việc cải tạo phạm nhân ở các nhà tù phương Tây. Báo cáo tổng quan kết quả nghiên cứu về ứng dụng thiện trong nhà tù ở Mỹ của Lyons và Cantrell (2016) phản ánh có hơn



một nửa số tù nhân bị nghiện các chất gây nghiện và thiện được sử dụng như một liệu pháp can thiệp hiệu quả trong việc kéo giảm tình trạng trên. Đồng thời, hai tác giả cũng đề xuất cần thiết thành lập các cộng đồng tu tập thiện trong và ngoài nhà tù [5]. Cũng trong bối cảnh nghiên cứu tại các nhà tù ở Mỹ, Morley (2018) kết luận thiện đã giúp cho tù nhân tăng trưởng lòng từ bi và giảm tính bốc đồng [6]. Trong bối cảnh nghiên cứu tại Hà Lan, nghiên cứu của Bouw và cộng sự (2019) cũng chứng minh thiện đã giúp cho tù nhân cân bằng cảm xúc, giảm sân hận và hành vi bạo lực [7].

Mặt khác, Phật giáo cũng được ứng dụng vào giáo dục nhằm giúp giới trẻ hoàn thiện đạo đức.



Vấn đề tệ nạn xã hội như nghiện ngập cũng là một vấn nạn ở phương Tây và có bằng chứng chứng minh thiền Phật giáo có khả năng tham gia tích cực trong việc giải quyết vấn đề này. Theo nghiên cứu của Weerasinghe và Bartone (2016) tiến hành tại một tỉnh ở Canada, thiền có thể sử dụng như một trong những liệu pháp giúp con người cắt cơn nghiện, nhờ vào sự tự phản tỉnh của chính mình [8]. Hai kết quả tổng quan tình hình nghiên cứu về vấn đề liên quan đến thiền và nghiện chất gây nghiện ở Mỹ của Priddy (2018), Rosenthal (2021) cũng thể hiện khuynh hướng tích cực nêu trên [9-10].

Mặt khác, Phật giáo cũng được ứng dụng vào giáo dục nhằm giúp giới trẻ hoàn thiện đạo đức. Theo báo cáo của UNESCO, tình trạng bạo lực học đường, gồm bạo lực về thể chất, tâm lý và tình dục, đang trở nên rất nghiêm trọng và xảy ra ở hầu hết tất cả các quốc gia trên thế giới [11]. Có lẽ vì vậy, các nước phương Tây tìm mọi giải pháp để giải quyết vấn đề nạn giải trên và việc ứng dụng những giá trị Đạo Phật là một trong những giải pháp của họ. Nghiên cứu của Franco và cộng sự (2016) về tác dụng thiền đối với hành vi ứng xử của học sinh Tây Ban Nha [12], kết quả đã chứng minh thiền có khả năng làm giảm những hành vi bốc đồng và gây hấn trong lớp. Hòa thượng Thanissaro (2018), một học giả nghiên cứu về Phật học, đã nghiên cứu tác dụng của không gian thờ Phật tại nhà đối với thanh thiếu niên ở nước Anh. Sau khi phân tích số liệu, Hòa thượng kết luận không gian thờ Phật tại nhà khuyến khích được các em thực hành (tọa thiền, lễ Phật, tụng kinh) thường xuyên hơn. Nhờ vào thực hành, các em kính trọng cha mẹ hơn, thân thiện với mọi người hơn và có thái độ tránh xa việc sử dụng các chất gây nghiện [13]. Feruglio và cộng sự (2022) cũng nghiên cứu về tác dụng của thiền đối với thanh thiếu niên ở Ý và kết luận thiền có thể sử dụng như một biện pháp can thiệp để giúp cho thanh thiếu niên nâng cao tinh thần hợp tác, hoàn thiện tính cách và giảm những biểu hiện tiêu cực về cảm xúc [14].

### Ở GÓC ĐỘ THỰC TIỄN

Về mặt thực tiễn, có nhiều câu chuyện ứng dụng Đạo Phật trong xã hội phương Tây đáng được lưu tâm. Theo bài viết của tác giả Rachel Bugh trên tờ *The Guardian* [15], vấn đề nghiêm trọng cảnh sát Anh phải đối mặt chính là sức khỏe tinh thần. Một bộ phận ở trong tâm trạng căng thẳng, lo âu và trầm cảm. Tác giả đã đưa ra số liệu để chứng minh như sau: Năm

2010, có 4.544 cảnh sát ở Anh xin nghỉ phép vì lý do về các vấn đề tâm lý nêu trên và con số đã tăng lên 35%, tương ứng là 6.129 trường hợp vào năm 2015. Thiền giúp họ giảm căng thẳng và lo âu trong công việc, giúp kiểm soát suy nghĩ và cảm xúc khi làm việc. Một nam cảnh sát cho biết thiền không phải là một viên thuốc thần kỳ, nó chính là “người” tiếp thêm sức mạnh cho anh và đồng nghiệp trong việc đối mặt nguy cơ bị tấn công, đôi khi chỉ một mình. Một nữ cảnh sát cũng đã chia sẻ rằng trong nghề cảnh sát, không ai biết trước mình sẽ đối mặt với việc gì trong một ngày, có thể từ những vụ án giết người đến những vụ trộm cắp, thiền đã giúp cô đi vào thế giới bé nhỏ của riêng mình và khi bước ra với một cảm giác nhẹ tênh. Một cảnh sát trưởng cho biết đối với nghề cảnh sát thì sức khỏe tinh thần và sức khỏe thể chất đều quan trọng. Bà thực sự muốn cảnh sát khi ra ngoài giải quyết những xung đột phải có lòng từ bi và sự tinh thức sẽ giúp cảnh sát làm đúng vai trò của mình. Bà cũng giải thích thiền chỉ là một sự ứng dụng và thực hành, chứ không có gì là huyền bí cả.

Thiền cũng đã có tín hiệu tích cực trong việc giáo dục phạm nhân. Bài viết của Stephanie Chen [16] phản ánh những chuyên gia nghiên cứu về Phật giáo ở Mỹ cho biết, thiền đã giúp cho phạm nhân bình tâm lại trong môi trường nhà tù vốn dĩ đầy bạo lực và phức tạp, từ đó họ có cơ hội tự xem xét lại hành vi phạm tội của mình, vượt qua cảm giác tội lỗi và tự chuyển hóa trong quá trình cải tạo để hòa nhập lại cộng đồng. Bài viết cũng phân tích trường hợp cụ thể để chứng minh như sau. Trại giam Donaldson ở tiểu bang Alabama nổi tiếng vì tình trạng tù nhân gây bạo hành. Một nhóm tù nhân trong đó có cả những người phạm tội giết người đã hành thiền và nhân viên quản giáo ở đây đã ghi nhận mức độ bạo lực giảm đi đối với những tù nhân thực hành thiền. Kenneth Brown, 62 tuổi, đã từng bị kết án 20 năm tù vì tội cố ý đốt nhà. Khi đó, ông thấy mình mất tất cả nào là vợ, con cái và cảm thấy mình là một kẻ tội đồ mang tiếng xấu muôn đời. Nhưng thiền của Đạo Phật đã giúp ông vượt qua và cải tạo tốt. Vì vậy, ông được giảm án xuống còn 09 năm. Khi ra tù, cũng chính nhờ thiền đã giúp ông vượt qua giai đoạn khó khăn do thất nghiệp vì án tích. Tuy nhiên, ông khoe rằng đã có được rất nhiều thứ nhờ con cháu và thiền.

Về vấn đề giải quyết tình trạng nghiện ngập trong xã hội phương Tây, bài viết của Dipananda [17] đã





Một nghiên cứu khác thực hiện ở Brasil cũng chứng minh thiền không chỉ giúp cảnh sát giải tỏa áp lực căng thẳng, giảm trầm cảm, lo âu, mà còn tăng chất lượng sống và phát triển được lòng từ bi. Nghiên cứu tiến hành ở cảnh sát Tây Ban Nha và cũng cho kết quả tương tự.

kể lại một vài câu chuyện thực tập thiền để cắt cơn nghiện có hiệu quả như sau: Larry Lowndes, một Phật tử và cũng là Trợ lý Giám đốc Quỹ Second Wind thực tập chánh niệm để cắt cơn nghiện rượu và ma túy. Bài học quan trọng nhất mà anh học được từ việc thực tập thiền chánh niệm để cai nghiện là chánh niệm không kiểm soát niệm mà chánh niệm giúp anh nhận ra niệm không thể kiểm soát anh. Còn Mike, một điều dưỡng tại một trung tâm y khoa, bị nghiện rượu từ hồi anh học lớp 8. Anh đã thành công trong việc thực tập thiền để cai nghiện. Judi cũng là một người nghiện rượu suốt 45 năm. Bà đã bỏ được thói quen uống rượu, sau khi có một

giáo viên giới thiệu cho bà đến với thiền. Hiện mỗi buổi sáng bà thiền từ 15 đến 20 phút. *“Nó hữu ích. Thỉnh thoảng tôi tỉnh giấc trong tâm trạng cáu gắt, và chỉ có thiền mới làm cho tôi trầm tĩnh trở lại trước khi tất cả sự chấn động bùng lên trong đầu tôi”*, bà chia sẻ.

#### NHẬN XÉT

Như vậy, xét cả về góc độ khoa học và thực tiễn, Phật giáo nói chung và thiền Phật giáo nói riêng đã được nghiên cứu ứng dụng khá rộng rãi trong xã hội phương Tây. Chắc chắn rằng giá trị của Đạo Phật không chỉ dừng lại ở thiền mà còn nhiều giá trị



Như vậy, xét cả về góc độ khoa học và thực tiễn, Phật giáo nói chung và thiền Phật giáo nói riêng đã được nghiên cứu ứng dụng khá rộng rãi trong xã hội phương Tây.





khác nữa, nhưng qua tổng quan nêu trên có thể thấy rằng người phương Tây có thiên hướng về thiền. Vì vậy, rất cần có nhiều nghiên cứu về ứng dụng các nội dung giáo lý của Đạo Phật để làm phong phú thêm phương pháp ứng dụng. Bên cạnh đó, hầu hết các nghiên cứu chỉ dừng lại ở việc sử dụng phương pháp định lượng, thiếu phương pháp định tính để có thể lý giải vấn đề nghiên cứu một cách toàn diện hơn. Bài viết này đã phải khảo lược thêm một số trường hợp ứng dụng thiền trong thực tiễn để bổ trợ. Do đó, việc kết hợp phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu về ứng dụng Phật giáo để giải quyết các vấn đề xã hội là rất cần thiết.

Trở lại câu chuyện hạnh phúc của người phương Tây, việc vận dụng Phật giáo của họ trong phạm vi bài viết phản ánh dù chưa giúp họ đạt đến hạnh phúc tốt cùng theo quan niệm của Đạo Phật, nhưng giải quyết được vấn đề có thể sẽ là một động lực giúp họ có niềm tin và tiếp tục nghiên cứu để thực hành. Theo quan niệm của tác giả Yew-Kwang Ng trong một quyển sách mới xuất bản gần đây, một người có được hạnh phúc là lúc nào cũng có được nhiều cảm giác an lành và ít cảm giác khổ đau [18, tr.02]. Đây có thể là một quan niệm phù hợp để lý giải cho hạnh phúc mà người phương Tây đạt được khi tiếp cận với Đạo Phật trong những trường hợp nêu trên.

Từ kinh nghiệm ứng dụng những giá trị của Đạo Phật trong phạm vi bài viết khảo sát, có thể gợi mở cho việc nghiên cứu và ứng dụng Phật giáo giải quyết các vấn đề xã hội trong bối cảnh Việt Nam. Rõ ràng những vấn đề xã hội thì ở đâu cũng có, nhưng quan trọng là làm sao nghiên cứu và ứng dụng thành công để tham gia giải quyết được các vấn đề, đem lại hạnh phúc cho cá nhân, gia đình và xã hội thì mới thực sự thể hiện hết tinh thần đạo pháp vì dân tộc.

#### Chú thích và tài liệu tham khảo:

\* Lê Tấn Lộc - Nghiên cứu sinh Phật học, Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. Booth, R. 2019. "Stop and breathe: police staff offered meditation lessons." *The guardian*, ngày 05-11. Truy cập tại địa chỉ <https://www.theguardian.com/uk-news/2019/nov/05/mindful-policing-uk-staff-to-receive-meditation-lessons>.
2. Grupe, D. W., J. L. Stoller, C. Alonso, C. McGehee, C. Smith, J. A. Mumford, M. A. Rosenkranz, and R. J. Davidson. 2021. "The impact of mindfulness training on police officer stress, mental health, and salivary cortisol levels." *Frontiers in Psychology*. DOI: 10.3389/fpsyg.2021.720753.
3. Trombka, M., M. Demarzo, D. Campos, S. B. Antonio, K.

- Cicuto, A. L. Walcher, J. García-Campayo, Z. Schuman-Olivier, and N. S. Rocha. 2021. "Mindfulness training improves quality of life and reduces depression and anxiety symptoms among police officers: Results from the POLICE Study—A multicenter randomized controlled trial." *Frontiers in Psychology*. DOI: 10.3389/fpsyg.2021.624876.
4. Navarrete, J., M. A. García Salvador, A. Cebolla, and R. Baños. 2022. "Impact of mindfulness training on Spanish police officers' mental and emotional health: a non-randomized pilot study." *Mindfulness*. <https://doi.org/10.1007/s12671-022-01827-5>.
5. Lyons, T. and W. D. Cantrell. 2016. "Prison meditation movements and mass incarceration." *International Journal of Offender Therapy and Comparative Criminology*, 60(12): 1363-1375.
6. Morley, R. H. 2018. "The impact of mindfulness meditation and self-compassion on criminal impulsivity in a prisoner sample." *Journal of Police and Criminal Psychology*, 33(2): 118-122.
7. Bouw, N., S. C. J. Huijbregts, E. Scholte, and H. Swaab. 2019. "Mindfulness-based stress reduction in prison: Experiences of inmates, instructors, and prison staff." *International Journal of Offender Therapy and Comparative Criminology*, 63(15-16): 2550-2571.
8. Weerasinghe, S. and Bartone, S. 2016. "Mindfulness for addiction recovery: A cognitive disciplinary preventive approach to avoid relapse into substance abuse." *Journal of Basic & Applied Sciences*, 12: 81-91.
9. Priddy, S. E., M. O. Howard, A. W. Hanley, M. R. Riquino, K. Friberg-Felsted, and E. L. Garland. 2018. "Mindfulness meditation in the treatment of substance use disorders and preventing future relapse: neurocognitive mechanisms and clinical implications." *Substance Abuse and Rehabilitation*, 9: 103-114.
10. Rosenthal, A., M. E. Levin, E. L. Garland, and N. Romanczuk-Seiferth. 2021. "Mindfulness in treatment approaches for addiction - Underlying mechanisms and future directions." *Current Addiction Reports*, 8:282-297.
11. UNESCO. 2019. *Behind the numbers: Ending school violence and bullying*. Paris: UNESCO.
12. Franco C, Amutio A, López-González L, Oriol X and Martínez-Taboada C (2016) Effect of a Mindfulness Training Program on the Impulsivity and Aggression Levels of Adolescents with Behavioral Problems in the Classroom. *Frontiers in Psychology*. 7:1385. DOI: 10.3389/fpsyg.2016.01385.
13. Thanissaro, P. N. 2018. "Buddhist shrines: bringing sacred context and shared memory into the home." *Journal of Contemporary Religion*, 33(2): 319-335.
14. Feruglio, S., S. Pascut, A. Matiz, A. Paschetto, and C. Crescentini. 2022. "Effects of mind-body interventions on adolescents' cooperativeness and emotional symptoms." *Behavioral Sciences*, 12(33). <https://doi.org/10.3390/bs12020033>.
15. Pugh, R. 2016. What can mindfulness teach the police force? *The guardian*, ngày 14-6. Truy cập tại địa chỉ <https://www.theguardian.com/society/2016/jun/14/mindfulness-police-rising-stress-anxiety-depression>.
16. Chen, S. 2009. *Prison inmates go Zen to deal with life behind bars*. Truy cập ngày 02/6/2018 tại địa chỉ <http://edition.cnn.com/2009/CRIME/10/09/prison.meditation/>.
17. BD Dipananda. 2017. Refuge recovery groups in the US use mindfulness and meditation to fight addiction. *Buddhistdoor*, truy cập tại địa chỉ <https://www.buddhistdoor.net/news/refuge-recovery-groups-in-the-us-use-mindfulness-and-meditation-to-fight-addiction>.
18. Ng, Y. 2022. *Happiness-concept, measurement and promotion*. Singapore: Springer.





# TRI ÂN ĐỨC THẾ TÔN

## Liên Diệu

*những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc”.*

(Kinh Vekhanassa, Trung Bộ kinh)

Từ khi có ánh sáng chân lý của Ngài soi sáng, biết bao người con Phật đã tìm thấy được đường đi lối về trong đêm tối của sự vô minh. Ngài cho chúng con hiểu được trong cuộc đời giả tạm này những gì là khổ, nguyên nhân của khổ, sự dứt khổ và con đường đưa đến sự chấm dứt khổ đó là Bát chánh đạo. Những chân lý vi diệu ấy đã làm lay động lòng con và đã làm cho con thức tỉnh giữa giấc mộng đời.

Qua những lời dạy của Ngài, con hiểu rằng thế gian là một ngôi nhà lửa với sức nóng không thể nào đo được, biết mình phải mau chóng thoát ra khỏi ngôi nhà ấy. Và giờ đây con đang dần bước từng bước chân để ra khỏi ngôi nhà lửa với mỗi bước là sự tu tập không dừng nghỉ để chuyển hóa tham, sân, si trong tâm mình. Con hiểu được sự sống thiêng liêng và con biết tôn trọng sự sống của muôn loài. Con biết tập sống trong sự tỉnh thức để cảm nhận rằng hạnh phúc luôn có mặt, ở ngay đây, ngay lúc này. Khi gặp những điều bất như ý hay những thứ làm mình đau khổ, con đã biết cách chấp nhận và buông bỏ chúng. Hạnh phúc hay khổ đau là do tâm mình cảm nhận, vì vậy trước những buồn vui của cuộc đời con luôn tìm thấy những điều tích cực cũng như giữ tâm bình thản khi đối mặt với những hoàn cảnh ấy. Những lúc buồn, chán nản, bế tắc con luôn nghĩ về Phật, về những lời dạy của Ngài và con nhận ra rằng Tam bảo chính là chỗ dựa vững chắc nhất trong cuộc đời con. Được về chùa, đứng chấp tay trước Phật con thấy lòng mình thật bình yên, những phiền não trong lòng bỗng tan biến hết trước sự từ bi vô lượng của Ngài. Nhờ có Phật và giáo pháp của Ngài mà con thấy mình thật may mắn, hạnh phúc khi có cơ hội được thực hành những lời dạy ấy vào đời sống hằng ngày để con được tự tại và an lạc hơn trước cuộc đời lắm những thăng trầm, khổ đau. Những câu thơ trong bài *Hạnh phúc là khi* của thầy Tánh Tuệ cũng là những gì mà con đã

Một mùa Phật đản nữa lại về trong không khí hân hoan trên khắp thế giới. Mùa trăng Rằm tháng Tư của 2.566 năm về trước đã đi vào lịch sử của Phật giáo và trong lòng của bao người con Phật. Đó là ngày Đức Phật Thích Ca xuất hiện ở thế giới Ta bà, Ngài Đản sanh trong niềm hạnh phúc ngập tràn của chư Thiên và nhân loại.

*Bảy bước sen vàng nâng gót Ngọc  
Ba nghìn thế giới đón Như Lai.*

Ngài đã xuất hiện rất nhẹ nhàng từ cung trời Đâu Suất đi vào hồng Hoàng hậu Ma Da bằng một chú voi ngà trắng. Tiếp sự kiện vi diệu đó Ngài lại nhẹ nhàng Đản sanh tại vườn Lâm Tỳ Ni dưới gốc cây vô ưu bằng bảy bước sen nở nâng gót chân Ngài. Ngài Đản sanh bằng sự chào đón của mấy tầng trời và chư Thiên các cõi. Cách Ngài đến thế gian này thật đẹp làm sao. Con là kẻ hậu thế sanh vào thời vắng bóng Ngài nhưng qua kinh sách con cảm nhận được niềm hạnh phúc đang dâng lên trong lòng như chính mình là một trong những người dân thành Ca Tỳ La Vệ thời ấy. Đức Thế Tôn đã đến, cho chúng con có cơ hội thoát khỏi mọi sự khổ đau và giác ngộ qua những chân lý mà Ngài đã chứng ngộ. “*Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho*



cảm nhận được từ khi bước vào ngôi nhà Phật pháp:

*Hạnh phúc là khi biết được Người*

*Đôi bàn tay đã biết buông lời*

*Những ngọn gió trần... thôi vương bận*

*Mặc nắng, mưa qua... giữa cuộc đời...*

...

*Hạnh phúc là khi giữa đôi thay*

*Lặng yên - trọn vẹn phút giây này...*

*Ngắm bình minh đến, hoàng hôn lại*

*Thả hết ưu phiền... theo gió bay...*

Dù bao năm tháng đã qua, vạn vật đã bao lần thay đổi, nhưng những chân lý mà Người để lại vẫn không đổi thay, vẫn phù hợp trong mọi thời cuộc. Tất cả mọi người, dù ở đâu, giai cấp hay địa vị nào nếu thực hành đúng những lời dạy của Ngài chắc chắn sẽ tìm thấy được sự an lạc từ nội tâm. Nhờ sự truyền bá và xiển dương của các bậc Tôn túc Tăng Ni, những lời dạy cao quý của Ngài vẫn còn đọng lại trong tâm thức của bao người. Những giáo lý hàm súc, làm chất liệu chuyển hóa thân tâm con người; những công trình nghệ thuật đồ sộ vượt thời gian; những nhân cách sống đã thấm sâu vào nền văn hóa của mỗi vùng, mỗi quốc gia. Đức Phật thị hiện nơi cuộc đời này như đóa hoa bất diệt nở trong vòng sanh diệt. Sự xuất hiện của Ngài đã phá tan tất cả vọng chấp, si mê, điên đảo của chúng sanh, để lại cho đời hương thơm giải thoát và lan tỏa mãi đến hơn 25 thế kỷ sau vẫn thơm ngát giữa cuộc đời.

Chúng ta thấy chỉ có Đức Phật là bậc giác ngộ thấy rõ nguồn gốc khổ đau của tất cả chúng sanh, nên Ngài ra đi tìm chân lý giải thoát để chỉ dẫn cho chúng sanh khỏi biển khổ trầm luân và được giải thoát như Ngài. Đọc kỹ về cuộc đời Đức Phật, chúng ta sẽ thấy được tình thương của Ngài dành cho chúng sanh thật vô bờ bến. Thật cảm động biết bao, vì thương chúng sanh sống trong đêm dài của sanh tử khổ đau nên Ngài sẵn sàng từ bỏ địa vị danh vọng tột đỉnh mà bao người mơ ước; bỏ những người thân yêu nhất, một mình dẫn thân vào rừng sâu núi thẳm, chịu biết bao khổ nhọc, đói lạnh; sáu năm khổ hạnh nơi rừng vắng, thân thể chỉ còn da bọc xương; bốn mươi chín ngày tham thiền nhập định và chứng ngộ thành bậc vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thương chúng sanh nên sau khi Thành đạo, Ngài bắt đầu dẫn thân vào con đường hoàng pháp lợi sinh, dấu chân của Ngài in gần khắp đất nước Ấn Độ trong suốt 49 năm để truyền bá chánh pháp, đem lại lợi ích an lạc cho chúng sanh.

Trong suốt cuộc đời hoàng pháp, Ngài đã hóa độ cho rất nhiều người không phân biệt giai cấp, địa vị, từ hàng vua chúa cho đến hạng cùng đinh hạ tiện. Ngài đến với mọi người bằng tâm từ bi, bình đẳng và hết lòng tha thiết chỉ dạy cho mọi người thực hành theo con đường giải thoát giác ngộ, thoát khỏi cảnh trầm luân sanh tử trong sáu nẻo. Có thể thấy rằng, nơi nào Ngài đặt chân đến hay giáo pháp được thực hành thì nơi ấy đều hiện hữu sự bình an. Tấm lòng từ bi của Người như tán cây rợp bóng rộng lớn và chúng con như những chú chim bé nhỏ đang được nương tựa và chờ che dưới bóng mát của tán cây ấy. Nhờ có giáo pháp của Ngài mà chúng con có được sự an lành, hạnh phúc giữa cuộc đời lắm khổ đau này. Công ơn Phật dành cho chúng ta bao la như thế. Chúng ta muốn báo ơn Ngài thì tự mình tinh tấn tu học, đoạn trừ các pháp ác, thực hành các pháp thiện và hóa độ cho chúng sanh, đó là chúng ta báo đáp công ơn và thực hiện hoài bảo của Phật.

Giờ đây, Ngài đã xa cách chúng con hơn 25 thế kỷ nhưng sự tôn kính Ngài trong lòng chúng con vẫn còn mãi. Kể từ khi ánh sáng giác ngộ của Ngài chiếu soi vào đêm đen lạnh lẽo của thế gian thì nơi đêm đen biến thành bình minh ấm áp, chúng con tri ân Thế Tôn vô hạn. Ngài đã cho chúng con hiểu được lẽ tươi sáng của cuộc đời, lẽ vô thường của cuộc sống. Nhờ có Phật mà con và biết bao người tìm được hạnh phúc trong chánh pháp, biết sống tốt hơn mỗi ngày. Nhờ có Phật mà giờ con đã có đường đi, đó là con đường đưa đến sự an vui và giải thoát. Ân đức lớn lao ấy của Ngài chúng con không thể dùng ngôn ngữ thế gian mà có thể diễn tả hết được. Chúng con nguyện là những đóa sen tinh khiết trong vườn hoa Phật pháp để kính dâng lên Ngài, nguyện sống và thực hành theo những lời mà Thế Tôn đã chỉ dạy.

Mùa Phật đản lại về, con xin cung kính dâng lễ Đức Thế Tôn, bậc Thầy vĩ đại của trời, người mà chúng con thường hay tán thán:

*Đấng Pháp vương vô thượng*

*Ba cõi chẳng ai bằng*

*Thầy dạy khắp trời người*

*Cha lành chung bốn loại*

*Quy y tròn một niệm*

*Dứt sạch nghiệp ba kỳ*

*Xương dương cùng tán thán*

*Ưc kiếp không cùng tận.*



Những chương trình

**Phật Sự**

Online

Thực hiện



BẢN TIN PHẬT SỰ 20H



BẢN TIN PHẬT SỰ TIẾNG ANH



HOÀNG PHÁP ONLINE



ĐỌC LẠI TẬP CHÍ  
VĂN HÓA PHẬT GIÁO



AN CƯ LẠC NGHIỆP



HƯỚNG DẪN CẨM HOA



CHUYỆN CỦA THIÊN



ĐƯỜNG VÀO NỘI TÂM



NGUYỄN LÂM CON THẢO



PHẬT PHÁP HỎI ĐÁP



PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG



SÔNG NHƯ NHỮNG ĐÓA HOA



CÂU CHUYỆN BÊN TÁCH TRÀ



ĐỒNG VỌNG PHÁP



NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



NGƯỜI CON PHẬT



LỜI CON DÂNG PHẬT  
TRĂNG THÁNG TƯ



TÒA NGÁT HUƠNG SEN



LỜI PHẬT DẠY

Liên hệ **Live** và đăng tin tức

Chùa Minh Đạo - 12/3 Kỳ Đồng, P.9, Q.3, TP.HCM

Đại đức THÍCH TUỆ TÂN - 0944 020802

Email: PSOmiennam@phatsuonline.com

Văn phòng Miền Bắc - Chùa Bằng: 63 Bằng Liệt - Hoàng Mai - HN  
ĐT: 097 553 5330 - Email: PSOmiennam@phatsuonline.com

Liên hệ Trực tiếp (Livestream) - Chùa Phật Quang - Kiên Giang  
ĐT: 0888 188 311 - Email: livestream@phatsuonline.com





PHẬT GIÁO

**VĂN HÓA  
& ĐỜI SỐNG**





# Giá trị lịch sử văn hóa chùa Cảnh Phước

Trần Văn Dũng\*

Cố đô Huế nổi tiếng bởi không chỉ sở hữu những danh lam thắng cảnh đẹp tuyệt vời mà còn lưu giữ nhiều di tích lịch sử, văn hóa nghệ thuật mang nhiều giá trị độc đáo. Trong đó không thể không nhắc đến chùa Cảnh Phước - một trong những ngôi chùa cổ ở xứ Huế. Nằm cách xa trung tâm TP. Huế khoảng 40km về phía Nam, chùa Cảnh Phước tọa lạc tại làng Cao Đồi (thuộc thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế) đã được công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh năm 2016. Từ bao đời nay, chùa Cảnh Phước là nơi dân làng thành tâm lễ Phật vào những ngày lễ, Tết và cũng là chốn văn cảnh của du khách thập phương.

## 1. VÀI NÉT VỀ QUÁ TRÌNH TỰ CƯ, KHAI THIẾT XÃ HIỆU

Làng Cao Đồi là một trong những ngôi làng còn bảo tồn được khá nhiều yếu tố gốc của một làng Việt cổ truyền vùng duyên hải miền Trung, được thành lập sớm ở xứ Thuận Hoá. Quá trình tự cư lập nghiệp của cư dân nơi đây gắn liền với quá trình di dân mở cõi về phía Nam của lưu dân Việt. Theo ghi chép của

*Quốc Sử Quán triều Nguyễn*, thời Bắc thuộc, từ năm 179 trước Công nguyên đến thế kỷ thứ II, Thừa Thiên Huế là vùng đất thuộc quận Nhật Nam [1]. Năm 192, Khu Liên cùng nhân dân Champa nổi dậy đánh đuổi quân Hán ra khỏi quận Nhật Nam, giành nền độc lập, từ đó quận Nhật Nam trở thành lãnh thổ nước Lâm Ấp. Khoảng từ thế kỷ IV, Thừa Thiên Huế nằm trong địa bàn phía Bắc của vương quốc này, về sau được gọi là châu Lý. Năm 1306, vua Champa là Chế Mân đem hai châu Ô và Lý làm sính lễ cưới Huyền Trân Công chúa nhà Trần. Từ đây, hai châu Ô và Lý thuộc Đại Việt, được vua Trần đổi tên thành Thuận Châu, Hóa Châu năm 1307. Từ đây, Thừa Thiên Huế thuộc vùng đất Hóa Châu. Thời nhà Minh cai trị đầu thế kỷ XV, Hóa Châu thuộc phủ Thuận Hóa, được chia thành 07 huyện: Lợi Bồng, Sạ Lệnh, Tư Dung, Bồ Đài, Bồ Lăng, Sĩ Vang, Trà Kệ [2]. Từ thế kỷ XIV-XVI, ngoài cư dân Champa còn có thêm sự hiện diện cộng đồng cư dân Việt. Những người đến đây lập nghiệp đã lao động hăng say, khai hoang vỡ đất, dần dần thành lập nhiều làng xã trù phú. Có thể nói, Cao Đồi đã thiết lập xã hiệu trong bối cảnh lịch sử này. Trong sách *Ô Châu cận lục* do Dương Văn An viết năm 1553, Cao Đồi có tên trong 69 xã của huyện Tư Vinh, phủ Triệu Phong, xứ Thuận Hóa [3], với nghề tơ lụa truyền thống nổi tiếng: “*Dâu Cao Đồi buông rũ cảnh xanh, đầy hòm tuyết trắng*” [4]. Như vậy, danh xưng Cao Đồi xuất hiện với tư cách của một đơn vị hành chính là vào khoảng đầu thế kỷ XVI.





Hoành phi chùa Cảnh Phước. (Ảnh: Tác giả)



Bảng công đức tại chùa Cảnh Phước. (Ảnh: Tác giả)



Đến năm 1558, Đoàn Quận công Nguyễn Hoàng (1525-1613) vào trấn thủ Thuận Hóa, mở ra một thời kỳ mới đối với vùng đất này. Trong *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* do Đỗ Bá Công Đạo vẽ vào năm 1686 có nhắc đến làng Cao Đôi như sau: “*Trọ ở quán Cao Đôi, ăn thì ở Từ Chính..., ăn thì ở núi Hải Vân. Trọ thì ở Chân Đăng, ăn thì ở chợ Hàn Quảng. Trọ thì ở Từ Cú, ăn thì ở kho Hội An. Trọ thì ở quán Thị Lại. Lại có một con đường thượng đạo, vốn bị cấm không cho đi. Trọ thì ở Cao Đôi, ăn thì ở Cây Mít*” [5]. Như vậy, vào thế kỷ XVII, làng Cao Đôi có nhiều quán trọ dành cho khách bộ hành nghỉ chân.

Theo *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn viết năm 1776, xứ Thuận Hóa vào thời kỳ này gồm hai phủ, tám huyện, một châu và 882 thôn, phường, giáp; trong đó làng Cao Đôi thuộc tổng Dã Lê (có 11 xã, 03 thôn, 09 phường, 01 sách), huyện Phú Vang [6]. Vào giữa thế kỷ XVII, thời chúa Nguyễn Phúc Tần, do dân số ngày càng đông nên làng Cao Đôi chia tách thành 03 làng, gồm: Cao Đôi xã, Cao Đôi sách và Cao Đôi ấp. Trong đó, Cao Đôi xã là làng chính, Cao Đôi sách là làng nằm ven chân núi Bạch Mã, Cao Đôi ấp là ngôi làng nhỏ nằm dọc theo khu vực sông Cầu Hai [7]. Đây là một hiện tượng tách lập làng mới trên cơ sở làng cũ có từ trước diễn ra khá phổ biến dưới thời chúa Nguyễn (1558-1775).

Đến thời các vua đầu triều Nguyễn, làng Cao Đôi vẫn thuộc thuộc tổng Dã Lê, huyện Phú Vang. Địa giới của làng được ghi chép cụ thể như sau: “*Xã Cao Đôi, Đông giáp các phường Cao Đôi, Trung An, La Chữ Trung Hiền, Quảng Bình, thôn Mậu Tài, sách Cao Đôi, núi, khe suối; Tây giáp các phường Trung An, Vồng Trì, Cao Đôi, Phụ Ổ Tiên Nộn, La Chữ Trung Hiền, Quảng Bình, An Mỹ, các thôn Đông Kiều, Mậu Tài, xã Gia Cốc, núi; Nam giáp các phường Cao Đôi, Phụ Ổ Tiên Nộn, La Chữ Trung Hiền, Quảng Bình, Trung An thôn Mậu Tài, xã Gia Cốc, núi; Bắc giáp Vồng Trì, Cao Đôi, Trung An, Phụ Ổ Tiên Nộn, Quảng Bình, An Mỹ, các thôn Đông Kiều, Mậu Tài, khe suối*” [8]. Sau này, làng Cao Đôi thuộc tổng Lương Điền, huyện Phú Lộc. Sách *Đồng Khánh dư địa chí* (1885-1888) cho biết, “*tổng Lương Điền gồm 31 xã, thôn, ấp, giáp, sách: Giáp Thượng xã Lương Điền, Giáp Đông xã Lương Điền, xã Sư Lỗ Đông, xã Vĩ Dạ Hạ, ấp Quý Lộc La Chữ, ấp Đồng Dân, ấp Tiên Nộn Phụ Ổ, ấp Thái Bình Dã Lê, ấp Mỹ An Vĩ Dạ, ấp La Chữ Hạ,*

*ấp Khuê Chữ, ấp Hoàn Lương, ấp Cao Đôi, ấp Hòa Bình, thôn Thiện Loại, ấp Mỹ Thành, ấp Tế Xuân, thôn Đông Kiều, sách Cao Đôi, xã Gia Cốc, ấp Lương Năng, ấp Phú Sùng, ấp Trung An, ấp Vồng Trì, thôn Mậu Lâm, ấp Lương Trì, ấp Bạch Thạch, xã Cao Đôi, ấp Trúc Đăng, ấp An Mỹ, ấp Lương Sơn*” [9]. Đến tháng 5/1958, chính quyền Sài Gòn ban hành Nghị định số 214HV/P6/NĐ chia nhỏ đơn vị hành chính huyện, xã; trong đó huyện Phú Lộc chia thành 03 quận: Phú Lộc, Nam Lộc và Vinh Hòa. Quận Phú Lộc gồm các xã khu I, II: Lộc An, Lộc Bồn, Lộc Điền, Lộc Hải, Lộc Sơn, Lộc Thủy, Lộc Trì, Lộc Tụ, quận lỵ đóng ở Cầu Hai. Trong đó, làng Cao Đôi thuộc xã Lộc Trì quản lý.

Sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975), đến tháng 3/1977, Chính phủ quyết định nhập 03 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế thành tỉnh Bình Trị Thiên, thì Phú Lộc là một huyện thuộc tỉnh Bình Trị Thiên gồm: 23 xã, một thị trấn, trong đó làng Cao Đôi thuộc thị trấn Cầu Hai, huyện Phú Lộc. Đến tháng 10/1990, sau khi chia tỉnh Bình Trị Thiên thành 03 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, huyện Phú Lộc được tách thành 02 huyện Phú Lộc và Nam Đông. Huyện Phú Lộc có 17 xã, một thị trấn: Thị trấn Phú Lộc và các xã Lộc Bồn, Lộc Sơn, Lộc Bồn, Lộc An, Lộc Bình, Lộc Vĩnh, Lộc Thủy, Lộc Tiến, Lộc Hải, Lộc Trì.... Lúc này, địa phận làng Cao Đôi thuộc thị trấn Phú Lộc và một phần của xã Lộc Trì cho đến ngày nay.

Cùng với quá trình tự cư lập làng, hệ thống thiết chế văn hóa ở làng Cao Đôi nhanh chóng được quan tâm xây dựng, trở thành những điểm quy ngưỡng tâm linh của đại bộ phận người dân nơi đây. Chùa làng là một phần kỷ ức của những lưu dân Việt được mang theo trong suốt hành trình mở đất về phương Nam.

## 2. CHÙA CẢNH PHƯỚC - CHỖN QUY HƯỚNG TÂM LINH CỦA CỘNG ĐỒNG

Trong hệ thống thiết chế văn hóa ở các làng xã vùng Huế, chùa làng là một thực thể kiến trúc có vai trò rất quan trọng trong đời sống văn hóa tín ngưỡng chốn hương thôn. Chúng ta không có nhiều tư liệu để xác định chắc chắn thời điểm tạo lập chùa làng Cảnh Phước. Nhưng có thể khẳng định một điều chắc chắn rằng, thời điểm chùa xuất hiện, tổ chức làng Cao Đôi lúc đó đã có một sự ổn định nhất định về mặt cơ cấu tổ chức.





Chánh điện chùa Canh Phước. (Ảnh: Tác giả)

Người Việt luôn quan niệm “Đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt”. Vì vậy, vị trí xây dựng chùa Canh Phước luôn được cộng đồng làng Cao Đôi ưu tiên lựa chọn nơi có thể đất tốt. Vì người xưa tin rằng sự yên ổn của chùa có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống người dân trong làng. Ngày trước, đình làng Cao Đôi là nơi hội họp, gặp gỡ bàn luận những công việc trọng đại trong làng và chỉ dành cho nam giới, còn chùa Canh Phước là nơi luôn mở rộng cửa đón nhận tất cả mọi người. Đối với mỗi người dân Cao Đôi, chùa Canh Phước là trung tâm chiêm bái, ngưỡng vọng, nơi gắn kết tất cả mọi thành viên chung tay xây dựng quê hương ấm no, thuận hòa. Chùa được xây dựng theo lối kiến trúc nhà rường gỗ, kiểu ba gian hai chái, mái lợp ngói liệt. Sau này, chùa được trùng tu, tôn tạo lại nhiều lần nhưng vẫn giữ nét kiến trúc truyền thống.

Chánh điện chùa Canh Phước được thiết trí gồm có 03 tầng: Tầng cao nhất thờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi tọa thiền trên đài sen ở giữa, hai ngài Quan Thế Âm Bồ tát và Địa Tạng Vương Bồ tát đứng ở hai bên; tầng giữa thờ pho tượng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và 02 vị Hộ pháp bằng gỗ xưa được chạm khắc tinh xảo; tầng dưới cùng thờ tượng Ngọc Hoàng Thượng đế ở giữa, Nam Tào và Bắc Đẩu ở hai bên cũng chế tác bằng gỗ. Hai bên tả hữu chánh điện có thiết trí hai bàn thờ: Bên tả thờ Quan Công,

đứng hầu hai bên là Quan Bình và Châu Thương, các tượng thờ này được tạc bằng gỗ quý, đặt trong khám thờ bằng gỗ sơn son thếp vàng; bên hữu là bàn thờ các vị khai khẩn, khai canh của làng Cao Đôi, với năm bài vị cũng được đặt trong khám thờ sơn son thếp vàng. Năm bài vị khai khẩn, khai canh được thiết trí và có nội dung như sau: Ở giữa, Phụng thỉnh tiền khai khẩn Võ Đại lang húy Công Hảo tước phong Dực Bảo Trung Hưng Linh Phò chi thần; phía hữu 01, Phụng thỉnh khai canh Võ Phước húy Dũ quý công chi thần vị; phía hữu 02, Phụng thỉnh khai canh Võ Tôn húy Giai quý công chi thần vị; phía tả 01, Phụng thỉnh khai canh Võ Chiêm húy Tinh quý công chi thần vị; phía tả 02, Phụng thỉnh khai canh Võ Công húy Thích quý công chi thần vị [10].

Phía trên liên ba gian chánh điện chùa Canh Phước có treo ba bức hoành phi bằng gỗ sơn son thếp vàng, đường viền xung quanh chạm khắc biểu tượng “lưỡng long triều dương” (hai con rồng châu mặt trời), mây dây lá cách điệu. Bức hoành phi treo chính giữa chánh điện chùa chạm nổi 05 chữ: *Sắc tứ Canh Phước Tự - 敕賜境福寺*; lạc khoản: *Bảo Đại thập tứ niên thập nhị nguyệt nhị thập nhật - 保大十四年十二月二十日, Lễ Công bộ đại quan Tôn Thất cung lục - 禮工部大臣尊室恭錄* (Ngày 20/12 niên hiệu Bảo Đại năm thứ 14 [1939], đại quan Tôn Thất bộ Lễ kính viết).





Am thờ  
Thiên Y A Na Thánh Mẫu.  
(Ảnh: Tác giả)

Bên phải treo bức hoành phi đề chữ: “*Di đa phước* - 貽多福” (Đề lại nhiều phước đức); lạc khoản: *Duy Tân Giáp Dần đông - 維新甲寅冬, Võ Phước tộc phụng cúng - 武福族奉供* (mùa Đông năm Giáp Dần niên hiệu Duy Tân [1914], Võ Phước tộc phụng cúng). Bên trái treo bức hoành phi đề chữ: “*An thả mỹ* - 安且美” (Yên ổn và đẹp đẽ); lạc khoản: “*Khải Định Kỷ Mùi đông - 啓定己未冬, Võ Văn Tộc phụng cúng - 武文族奉供*” (mùa Đông năm Kỷ Mùi niên hiệu Khải Định [1919], Võ Văn Tộc phụng cúng). Ngoài ra, trên các hàng cột còn trang trí các câu đối bằng chữ Hán:

1. Nguyên văn:

景福片覃云者青者黄非闹地  
高堆萬寶授而根而葉是恩天

Phiên âm:

*Cảnh Phước phiến đàm vân, giả thanh giả hoàng phi náo địa;*

*Cao Đồi vạn bảo thọ, nhi căn nhi diệp thị ân thiên.*

Tạm dịch:

*Cảnh Phước muôn ngàn đám mây lành nào xanh nào vàng đều không phải cảnh ồn náo;*

*Cao Đồi nào cảnh ngọn nào gốc rễ đều là một bầu trời âm đức.*

Dòng lạc khoản:

“*Duy Tân tam niên tạo - 維新三年造; Đại sư hiệu Phước Phong [11] phụng cúng - 大師號福豐奉供*” (chế tạo vào niên hiệu Duy Tân năm thứ 03 [1909]; Đại sư hiệu Phước Phong phụng cúng).

2. Nguyên văn:

境悟慧根色是空空是色  
福圓妙菓心即佛佛即心

Phiên âm:

*Cảnh ngộ huệ căn, sắc thị không, không thị sắc;*

*Phước viên diệu quả, tâm tức Phật, Phật tức tâm.*

Tạm dịch:

*Cảm nhận được bằng huệ căn, thì sắc tức là không, không tức là sắc;*

*Phước tâm không động thì tâm tức là Phật, Phật tức là tâm.*

Từ hàng cột nhất gian giữa phía trong chánh điện trở về sau chùa được thiết kế một vách ngăn bằng gỗ tạo thành hậu điện và trở hai lối ra vào chánh điện với phía sau. Gian giữa hậu điện thiết trí án thờ tượng Đạt Ma Sư Tổ, hai bên là án thờ phụng những người đã quá cố. Phía trên gian giữa treo một bức hoành phi bằng gỗ, sơn son thếp vàng, đề chữ: “*Hữu lợi tai - 哉利有*” (Có lợi thay); lạc khoản: “*Khải Định Mậu Ngọ hạ, Võ Đức tộc phụng cúng - 啓定戊午夏, 武德族奉供*” (mùa Hạ năm Mậu Ngọ niên hiệu Khải Định, họ Võ Đức phụng cúng).

Chùa Cảnh Phước hiện đang còn gìn giữ một đại hồng chung bằng đồng quý. Hiện nay, các Phật tử vẫn sử dụng chuông này trong pháp sự của chùa. Chuông dáng thon dài, miệng loe, quai chuông tạo hình con bò lao hai đầu với bốn chân bám vào đỉnh chuông, mặt ngoảnh về hai hướng, miệng ngâm



ngọc. Xung quanh thân chuông đúc nổi các đường gờ chia thân chuông thành 4 ô trên hình chữ nhật đứng và 4 ô dưới hình chữ nhật ngang. Mỗi ô chữ nhật thân trên đúc nổi hoa văn gấp thước thợ ở 4 góc. Chính giữa 4 ô trên này đúc nổi 4 chữ Hán: “Cảnh Phước tự chung - 境福寺鐘. Văn chuông chùa viết: “Giáp Tuất niên tam nguyệt cát nhật tạo - 甲戌年叁月吉日造” (Chú tạo vào ngày tốt tháng 3 năm Giáp Tuất [1934]); “Sắc tứ Vạn Phước tự tôn chứng hiệu Giác Hạnh A xà lê sư chứng minh - 敕賜萬福寺尊證號覺苻阿闍梨師證明”; “Cao Đồi xã Cảnh Phước tự Công Thiện phổ Hộ chủ Võ Hữu Sung pháp danh Nguyên Mãn tự Tâm Chơn đồng bốn phổ tịnh thiện nam tín nữ đẳng phụng cúng đại hồng chung nhất quả - 高堆社境福寺公善譜會主武有充法名源滿序心真仝本譜並善男信女等奉供大洪鐘壹菓”; “Trọng bát thập bát cân - 重捌十捌” (Trọng lượng 88 cân). Qua nội dung văn chuông cho thấy, Hộ chủ Võ Hữu Sung cùng thiện nam, tín nữ đúc chuông đồng trọng lượng 88 cân (khoảng 53kg) cung tiến vào chùa Cảnh Phước vào tháng 3 năm Giáp Tuất (1934), dưới sự chứng minh của Hòa thượng Thích Giác Hạnh (1880-1981), trụ trì chùa Sắc tứ Vạn Phước [12].

Việc đúc chuông đồng chùa Cảnh Phước cũng đã được ngài Võ Hữu Sung ghi chép một cách rõ ràng trên bảng công đức bằng gỗ (hiện còn treo ở hậu điện chùa) vào ngày mồng 2 tháng 10 năm Bảo Đại thứ 09 (1934). Chúng tôi xin trích dẫn nguyên văn nội dung bản dịch lưu tại chùa Cảnh Phước như sau: “Phía Bắc là núi cao trùng điệp, phía Nam là Đào Thành, ở đó, xã này đã kiến tạo một ngôi chùa Phật, có hiệu là chùa Cảnh Phước, đã nhiều năm rồi. Đêm đến thì trăng soi cảnh Phật; ngày về thì mặt trời ánh lên rắng màu rực rỡ, tưởng chừng bảo lạc trang nghiêm. Cảnh vật lung linh, phảng phất cảnh giới châu ngọc. Nơi đây có một đại hồng chung chưa kịp đúc tạo. Vào tháng sáu năm Quý Dậu. Tôi, kẻ hèn mọn Võ Hữu Sung và Nguyễn Chút cùng các thiện nam tín nữ tâm thành tự nguyện, mỗi người bỏ ra ít nhiều tiền của nhà mình, thỉnh hồng chung này phụng cúng vào Chùa. Qua mùa Hạ năm Giáp Tuất, từ ngày 24 đến 26 tháng 5, cung kính cử hành lễ khai chuông, tụng kinh, thí thực... Lòng thành đốt nén tâm hương, nguyện cầu cho tất cả đều được thập phần viên mãn. Kính nguyện âm vận hồng chung sẽ cùng trống pháp luôn vang vọng đến tận đất trời. Hễ ai được nghe, đều không nên

được lòng mình, bắt chợt rủ bỏ tục lụy, phát khởi tâm Bồ đề. Mới biết, hồng chung chính là pháp khí lớn để cảnh tỉnh cho mọi người.

Tịnh tài cúng dường có được, dù ít hay nhiều, cho khắc vào bảng để biểu thị lòng thành của mỗi người. Nay xin được ghi chép ra đây:

- Xã này phụng cúng mười đồng.
  - Quan Tri huyện của Huyện này là Hồ Ngạn phụng cúng năm đồng.
  - Kiểm thảo Võ Hữu Quang phụng cúng năm đồng.
  - Kiểm thảo Võ Thành Tế phụng cúng năm đồng.
  - Hồng Lô Tôn Thất Bằng phụng cúng năm đồng.
  - Trần Duy Chi phụng cúng năm đồng.
  - Nguyễn Xuân Điền phụng cúng năm đồng.
  - Lê Thị Vượng phụng cúng năm đồng.
  - Hoàng Như Ký phụng cúng năm đồng.
  - Lê Thị Đình phụng cúng năm đồng.
  - Ngô Nguyễn Phù phụng cúng năm đồng.
  - Phạm Thị Nậy phụng cúng năm đồng.
  - Tùng lục Tôn Thất Vũ phụng cúng ba đồng.
  - Trợ giáo Nguyễn Hữu Kỳ phụng cúng hai đồng, năm hào.
  - Trợ giáo Tôn Thất Đồi phụng cúng hai đồng, năm hào.
  - Thừa phái Chu Văn Liệu phụng cúng hai đồng.
  - Võ Thị Hoàn phụng cúng hai đồng.
  - Võ Đức Hòe phụng cúng hai đồng.
  - Gia Hưng Hiệu phụng cúng hai đồng.
  - Võ Đức Sắc phụng cúng một đồng, năm hào.
  - Đãi chiếu Võ Diễm phụng cúng một đồng.
  - Nguyễn Tuyển phụng cúng một đồng.
  - Võ Phước Tế phụng cúng một đồng.
  - Đãi chiếu Hoàng Như Sơ phụng cúng một đồng.
  - Ám sanh Nguyễn Hữu Tăng phụng cúng một đồng.
  - Võ Khiêm phụng cúng một đồng.
  - Nguyễn Cửu Lai phụng cúng một đồng.
  - Hoàng Thị Chiêu phụng cúng một đồng.
  - Nguyễn Cửu Thị Thừa phụng cúng một đồng.
  - Phạm Uyên phụng cúng một đồng.
  - Võ Lư phụng cúng năm hào.
  - Võ Phương phụng cúng năm hào.
  - Nguyễn Thị Ốc phụng cúng năm hào.
  - Trần Thị Xuân phụng cúng năm hào.
  - Trần Thị Chi phụng cúng năm hào.
  - Phan Thị Sương phụng cúng ba hào.
  - Lê Huyền phụng cúng ba hào.
  - Võ Bông phụng cúng một quan tiền.
- Ngày mồng 2 tháng 10 năm Bảo Đại thứ 09  
Võ Hữu Sung pháp danh Nguyên Mãn tự Tâm Chơn ghi lại” [13].

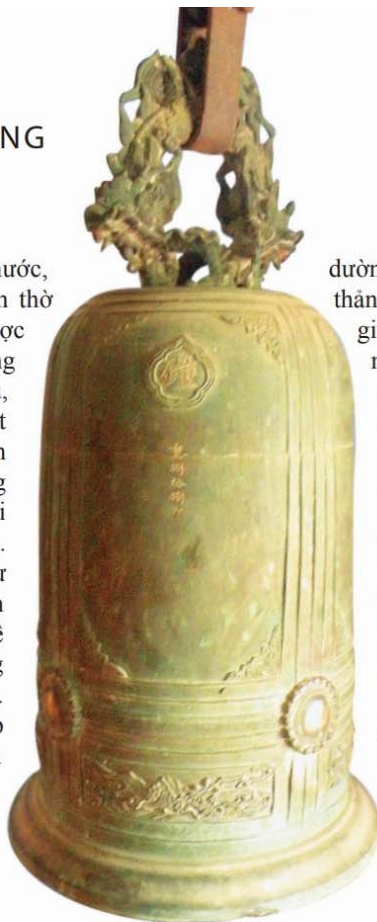


## PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

Trong khuôn viên chùa Cảnh Phước, dân làng còn xây dựng một am thờ Thiên Y A Na Thánh Mẫu. Bà được vua nhà Nguyễn ban sắc phong làm Thượng đẳng thần. Từ lâu, Thiên Y A Na đã trở thành một vị thần chủ chiếm vai trò quan trọng trong đời sống tín ngưỡng dân gian làng xã vùng Huế nói chung và làng Cao Đài nói riêng. Người dân luôn tôn kính Bà như một người Mẹ, một vị phúc thần luôn che chở, truyền dạy nghề và mang lại cho họ cuộc sống ấm no, an bình và hạnh phúc. Hàng năm cứ mỗi độ vào dịp xuân tế (tháng 3 Âm lịch) và thu tế (tháng 7 Âm lịch) thì người dân tổ chức cúng tế Thiên Y A Na Thánh Mẫu.

Chùa Cảnh Phước là một công trình kiến trúc độc đáo, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, đồng thời chùa được xây dựng, trùng tu bảo quản qua hàng trăm năm lịch sử nhờ vào ý thức của dân làng Cao Đài nên nó lưu giữ những giá trị tiêu biểu của chùa làng xứ Huế. Bên cạnh giá trị nổi bật về mặt lịch sử, chùa Cảnh Phước còn hàm chứa giá trị về mặt văn hóa nghệ thuật, chủ yếu trên lĩnh vực kiến trúc gỗ truyền thống, di tích mang phong cách nhà rường truyền thống Huế với kết cấu ba gian hai chái. Các đồ án trang trí theo lối nghệ thuật thời Nguyễn thế kỷ XIX, gắn liền với các ngành nghề thủ công truyền thống địa phương như: Chạm khắc gỗ, khảm sành sứ, nghề đắp nổi... Hệ thống tuồng mộc ở chùa được bố trí với kết cấu chuẩn mực, hài hòa với hệ thống tuồng nề, chứng minh bàn tay người thợ tinh xảo của thế kỷ trước. Các họa tiết trang trí, chạm khắc ở hai đầu trên, kèo, hoa văn đắp nổi ở bờ quyết, đạt đến sự tinh xảo và mang tính thẩm mỹ cao.

Từ khi khởi dựng cho đến nay, chùa Cảnh Phước luôn đóng vai trò quan trọng đối với đời sống văn hóa, sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân làng Cao Đài nói riêng và huyện Phú Lộc nói chung. Mái chùa Cảnh Phước cùng với tiếng chuông sớm chiều ngân vang trong không gian làng quê yên bình,



Chuông đồng chùa Cảnh Phước. (Ảnh: Tác giả)

đường như rót vào lòng người sự thanh thản, cảm giác được che chở yên bình, giúp họ vững tâm hơn để đối diện với muôn vạn khó khăn, thử thách của cuộc sống trần tục; đồng thời đó là cách thức để cho những con người ở đây cố kết cộng đồng và cũng là nơi cho người dân làng Cao Đài đi làm ăn xa tụ họp mỗi dịp trở về thăm quê hương.

### Chú thích và tài liệu tham khảo:

\*Tiền sử Trần Văn Dũng, Phòng Quản lý Di sản văn hóa, Sở Văn hóa và Thể thao Thừa Thiên Huế.

[1] Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 1, Bản dịch Hoàng Văn Lâu, Nxb. Lao động, 2012, tr.443.

[2] Lê Quý Đôn, *Phủ Biên tạp lục*, Trần Đại Vinh dịch, bổ chính, Nxb. Đà Nẵng, 2015, tr.21.

[3] Dương Văn An, *Ở châu cận lục*, Trần Đại Vinh, Hoàng Văn Phúc hiệu đính, dịch chú, Nxb. Thuận Hóa, 2001, tr.64.

[4] Dương Văn An, *Ở châu cận lục*, *Sđd*, 2001, tr.64.

[5] *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư và Giáp Ngọ niên bình Nam đồ*, Chuyên đề sử liệu Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, số 109, 2014, Sở Khoa học và Công nghệ Thừa Thiên Huế, tr.41.

[6] Lê Quý Đôn, *Phủ Biên tạp lục*, *Sđd*, 2015, tr.60.

[7] Cũng trong thời kỳ này, do kiêng tên húy của vợ chúa Nguyễn Phúc Tần là bà Tống Thị Đới nên làng Cao Đài được đổi tên thành làng Cao Hai, theo nghĩa thuần Việt thì Đới cũng là Hai. Địa danh Cầu Hai là trong thời kỳ Pháp thuộc, khi lập bản đồ, phiên âm chữ Quốc ngữ bị ghi nhầm Cao Hai thành Cầu Hai và từ đó đến nay Cầu Hai là tên gọi phổ biến được người dân địa phương hay dùng, mỗi khi nhắc đến vùng đất này.

[8] Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, *Địa danh làng xã Việt Nam qua tài liệu địa bạ triều Nguyễn*, Tập II, Bắc Trung bộ (từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên), Nxb. Hà Nội, 2020, tr.537.

[9] Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin (Chủ biên), *Đồng Khánh địa dư chí*, Tập 2, Nxb. Thế Giới, 2003, tr.1423-1424.

[10] Qua đây cho thấy, ngài Võ Công Hảo là người đến sớm nhất canh phá đất đai và có công lao lớn nhất trong việc mở đất lập làng Cao Đài nên được dân làng đồng thuận tôn vinh làm tiền khai khẩn và được triều đình nhà Nguyễn ân ban sắc phong Dực Bảo Trung Hưng Linh Phò chỉ thân; còn các ngài Võ Phước Dũ, Võ Tôn Giai, Võ Chiêm Tinh, Võ Công Thích là những người đến sau nên được dân làng tôn vinh làm khai canh. Như vậy, đối với làng Cao Đài, vị khai khẩn có danh phận lớn hơn vị khai canh.

[11] Đại sư Phước Phong có tên húy là Võ Phước Lễ, phái hạ họ Võ Phước làng Cao Đài.

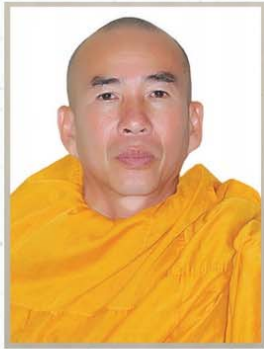
[12] Chùa Vạn Phước tọa lạc tại ấp Bình An, phường Trường An, thành phố Huế.

[13] Theo bản dịch lưu tại chùa Cảnh Phước.



# Chùa Thanh Lương

## Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang



Chùa Thanh Lương tọa lạc tại trung tâm thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chùa được thành lập từ năm 1960 bằng cây lá. Năm 1992 Thượng tọa Thích Giác Tấn được Giáo hội tỉnh bổ nhiệm về làm trụ trì, qua nhiều lần trùng tu chùa Thanh Lương ngày nay là ngôi Già lam trang nghiêm thanh nhã. Tăng Ni, Phật tử về nương tựa, tu học rất đông.

Chùa nằm trên Quốc lộ 80, tuyến đường Rạch Giá – Hà Tiên. Nhiều đoàn khách thập phương khi đi ngang qua cũng ghé vào chùa thấp hương chiêm bái. Nhờ thuận tiện về giao thông nên công tác Phật sự của chùa cũng hanh thông phát triển. Hằng năm chùa Thanh Lương được sự trợ duyên từ quý Phật tử gần xa trong công tác từ thiện, an sinh xã hội ước tính trên 1,5 tỷ đồng. Đặc biệt, đạo tràng tu học Một ngày An lạc tại chùa vào ngày chủ nhật tuần thứ tư của mỗi tháng quy tụ hàng trăm Phật tử về sinh hoạt tu học. Chùa còn tổ chức cúng hội vào ngày 15 và 30 mỗi tháng theo nghi thức hệ phái Khất sĩ. Những ngày lễ hội lớn như tết Nguyên Đán, Rằm tháng Giêng, Đại lễ Phật Đản, Lễ hội Vu Lan... Phật tử địa phương và các nơi về chùa rất đông.



Qua quá trình đọc và theo dõi ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mỗi tháng 2 số phát hành, Thượng tọa trụ trì đã nhận báo biểu tặng cho quý Phật tử đến tham dự các khóa tu. Từ đó đã tạo nên sự lan tỏa mạnh và yêu thích Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo của đạo tràng Phật tử. Qua đây, đạo tràng đã chung tay cùng với chùa Thanh Lương cùng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) cho mỗi số và cúng dường 10 số liên tiếp để hùn phước in Tạp chí gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, chùa Thanh Lương đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đã cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

### Chùa Thanh Lương

- Địa chỉ: QL 80, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Trụ trì: **TT. Thích Giác Tấn**.
- Điện thoại: 0918316388
- Email: [chuathanhluong1@yahoo.com.vn](mailto:chuathanhluong1@yahoo.com.vn)







# Chùa Sơn Tiêu (Bắc Ninh) và những lớp trầm tích văn hóa

Thích Nữ Mai An

**P**hật giáo đã đồng hành với vận mệnh của dân tộc ta từ buổi sơ khai. Nhà Sư không chỉ là người thầy dạy giáo lý nhà Phật, mà còn dạy đạo đức, chữ nghĩa, bốc thuốc chữa bệnh, tư vấn mọi khó khăn trong tâm lý và đời sống con người, thậm chí đóng vai trò trung gian hòa giải cho những bất đồng xã hội. Vào những giờ phút vận mệnh xã tắc lâm nguy, lại có những nhà Sư đứng ra đóng vai trò cố vấn, định hướng, nâng đỡ, góp phần lèo lái con thuyền vận mệnh dân tộc vượt qua sóng gió. Vì thế, một ngôi chùa Việt đôi khi có vẻ ngoài bình dị, nhưng chứa đựng bên trong biết bao giá trị lịch sử, nhân văn. Chùa Tiêu Sơn ở Bắc Ninh là một trong những ngôi chùa như vậy. Ngôi chùa đã chứng kiến biết bao thăng trầm thời

cuộc và gắn bó với những con người làm nên lịch sử, là Thiền sư Vạn Hạnh, vua Lý Thái Tổ, Thiền sư Như Trí. Tác giả mong muốn tổng hợp những tư liệu lịch sử rời rạc để đưa ra bức tranh toàn cảnh về chùa Tiêu Sơn với những giá trị lịch sử, văn hóa của nó. Bởi vì, những di tích không chỉ là lịch sử mà còn là bài học sống động từ tiền nhân, là món ăn tinh thần không thể thiếu cho con người thời hiện đại.

## SƠ LƯỢC VỀ BẮC NINH VÀ TRUNG TÂM PHẬT GIÁO LUY LÂU

Luy Lâu là một địa danh có nhiều cách định nghĩa. Trước hết, đó là tên gọi một thành cổ nơi đặt lỵ sở của chính quyền đô hộ nhà Hán trên quận Giao Chỉ và từng là thủ phủ của cả Giao Châu (nay thuộc xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh). Địa danh ấy cũng từng được gọi cho đơn vị hành chính cấp huyện thời thuộc Hán và nhiều thế kỷ sau. Nhưng ngày nay, tên gọi này gọi chung cho cả một vùng văn hóa Việt cổ. Tuy qua những thời kỳ khác nhau, phạm vi địa danh rộng hẹp có khác, nhưng tọa độ trung tâm văn hóa cổ vẫn thuộc Bắc Ninh.





Cổng vào khu di tích thành cổ Luy Lâu. (Ảnh: Alltours.vn)



Cổng chùa Tiêu Sơn (Ảnh: chuaviettoancau.com)



## PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

Nơi đây bằng phẳng, cao ráo, có dòng sông Dâu, sông Đuống chảy qua và có nhiều con đường sông đi ra tới biển, vì thế vị trí địa lý thuận lợi cho giao thương trong nước và quốc tế từ thời cổ đại. Do đó, nơi đây sớm trở thành trung tâm kinh tế - chính trị, giao lưu văn hóa và cũng là nơi Phật giáo bén rễ sớm ở Việt Nam, có thể sớm hơn cả Trung Quốc [1].

Tại Bắc Ninh, ngày nay vẫn còn lưu lại những di tích được coi là những ngôi chùa đầu tiên ở Việt Nam như: Chùa Tổ Phúc Nghiêm thờ Phật Mẫu Man Nương, cùng hệ thống chùa Tứ Pháp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện - thờ các Nữ thần: Mây, mưa, sấm, chớp)... ghi dấu sự hòa quyện độc đáo giữa văn hóa Phật giáo và văn hóa bản địa trong buổi ban đầu Phật giáo du nhập vào nước ta. Ngoài ra, tại Bắc Ninh còn những di tích cổ mang đậm dấu ấn văn hóa dân tộc như các đền thờ Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân và Âu Cơ, các tướng thời Hai Bà Trưng, Lý Bát Đế. Còn nhiều làng nghề cổ truyền như: Đúc đồng, dệt lụa, tranh Đông Hồ... Trong bối cảnh nhiều tầng văn hóa - lịch sử đậm đặc đó, có một ngôi chùa cũng đặc sắc vô cùng, nhưng đứng trước nguy cơ sẽ bị lãng quên nếu không được chú ý đúng mức. Đó là chùa Tiêu Sơn, ở núi Tiêu, phường Tương Giang, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

### LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CHÙA TIÊU SƠN

Chùa Tiêu Sơn, hay thường được gọi là chùa Tiêu, nằm cách Hà Nội 20km về phía Bắc, dọc theo quốc lộ 1A thuộc phường Tương Giang, TP. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Từ chùa ra tới quốc lộ khoảng 600m. Chùa được xây dựng từ thời Tiền Lê và đã qua nhiều lần trùng tu nhưng vẫn còn mang kiến trúc mộc mạc truyền thống, cảnh quan thanh nhã. Chùa được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa quốc gia ngày 25/01/1991.

Theo nghiên cứu của Sở Văn hóa và Thông tin Hà Bắc [2], trên núi Tiêu có hai ngôi chùa, tên là Thiên Tâm và Trạng Liêu, nằm cách nhau 200m. Chùa Thiên Tâm thường được gọi là chùa Tiêu Sơn hay Ba Sơn. Còn chùa Trạng Liêu còn gọi là chùa Lão. Hai ngôi chùa này đều do Thiền sư Vạn Hạnh trụ trì. Hiện trên núi chỉ còn chùa Tiêu Sơn, vì chùa Trạng Liêu đã bị hủy hoại trong thời chiến tranh, nay chỉ còn quả chuông chùa với hàng chữ “Trạng Liêu tự chung” được lưu giữ tại chùa Tiêu Sơn. Ở vùng này,



nhiều tên đất, tên làng, tên núi cùng có chữ Tiêu. Trước đây, vùng này có 03 làng tên là: Tiêu Sơn, Tiêu Long, Tiêu Thượng, nên tên gọi Ba Sơn hay Tiêu Sơn cũng gắn với những địa danh này.

Chùa Tiêu trải qua nhiều đời trụ trì không theo cùng một mạch truyền thừa tông phái, được ghi lại đơn sơ trong khoa cúng Tổ của chùa. Thời kỳ đầu được lịch sử biết đến nhiều nhất là Thiền sư Vạn Hạnh. Từ đó trải qua nhiều đời trụ trì, có những vị đến nay vẫn chưa xác định chính xác thuộc tông phái nào, như Thiền sư Như Trí. Hiện trụ trì chùa Tiêu là Sư cụ Đàm Chính và Sư cụ vẫn tiếp nối truyền thống của ngôi chùa hơn 1.000 năm nay không có hòm công đức. Ngày nay, trải qua hơn nghìn năm, chùa Tiêu Sơn đã không còn hình dạng ban đầu, nhưng vẫn mộc mạc, giản dị và hàm chứa giá trị văn hóa - lịch sử trường tồn.

### GIÁ TRỊ KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT VÀ HIỆN VẬT CỦA CHÙA TIÊU SƠN

#### Mô tả di tích

Chùa Thiên Tâm (chùa Tiêu) nằm trên sườn Tây của núi Tiêu, xây theo thế trước sông, sau núi. Thời Thiền sư Vạn Hạnh, có lẽ quy mô lớn hơn ngày nay nhiều. Vì nhiều công trình như: Viện Cầm Tuyền, Lầu Tiên Linh, nhà Thượng Điện,... được sử sách ghi lại nay đã không còn.





Bia Lý gia linh thạch  
(mặt trước và mặt sau)  
(nguồn: chuaviettoancau.com)



Vào thời kháng chiến chống Mỹ, chùa Thiên Tâm cũng bị hủy hoại, chỉ còn lại khu vườn tháp Tổ. Đến những năm 80 của thế kỷ XX, chùa được dựng lại đơn sơ. Năm 1992, Nhân dân dựng bảo tháp thờ vọng Thiền sư Vạn Hạnh trước tòa Tam bảo và trên đỉnh núi dựng tượng Thiền sư Vạn Hạnh cao khoảng 05m, cộng cả bệ tượng khoảng 08m, mặt hướng về kinh thành Thăng Long. Năm 2003, tòa Tam bảo được xây dựng mới nhưng vẫn theo kiến trúc xưa.

Ban thờ Tam bảo gồm 04 hàng, từ trên xuống thờ: Tam thế Phật, Di Đà Tam Tôn, ba pho Tam Phủ, Nam Tào - tòa Cửu Long - Bắc Đẩu. Các pho tượng bằng gỗ tốt, nghệ thuật chạm khắc mang phong cách thời Lê. Ngoài ra, còn những nội dung khác như: Hai câu đối, hoành phi, 03 bức đại tự, bia đá. Trước đây, trong chùa còn có hai hàng tượng La Hán, nhưng qua thời Nguyễn đã hư hỏng nên đã bị hóa.

Ngoài 05 gian Tam bảo thì bên phải có khu thờ Quan Âm Thị Kính và ban thờ vong - cúng tử cữu ở cạnh đầu hồi. Nhà Tổ cũng đã được xây dựng lại vào năm 2002. Đối tượng thờ chính ở đây là tổ Bồ Đề Đạt Ma, tượng và bài vị Thiền sư Vạn Hạnh, nhục thân Thiền sư Như Trí. Nhiều tượng gỗ của nhà Tổ trước đây cũng đã bị hóa do hư mục. Hai

gian bên của nhà Tổ, bên phải thờ Tứ ân, bên trái thờ Thánh. Khu vườn tháp của chùa có 14 tháp thờ các vị Sư tổ từng trụ trì ở đây. Ngoài ra, chùa còn một số công trình mới xây dựng như: Công chùa xây năm 1986, Đài Bỏ tất Quán Thế Âm dựng năm 2001 giữa hồ nước lớn trước chùa.

#### ***Di vật***

Các đồ thờ như: Bình hương, án thờ, bệ thờ,... đều có dáng vẻ mộc mạc và chỉ còn những hiện vật niên đại các thời Lê, Nguyễn. Những tác phẩm thời Lê giá trị còn lại các tượng Phật, tượng Tổ, đặc biệt là tượng Thiền sư Vạn Hạnh và tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay, tượng Tuyết sơn, tượng Quan Âm Thị Kính. Có hai hiện vật rất giá trị là chuông đồng chùa Trường Liêu ghi dấu ấn sự tồn tại của một ngôi chùa nay đã không còn và tấm bia “Lý gia linh thạch” ghi dấu ấn sự phát tích của triều đại nhà Lý từ ngôi chùa này.

#### ***Bia Lý gia linh thạch [3]***

Vào đầu những năm 80 thế kỷ XX, tấm bia bị lấp 03 mặt trong bệ thờ. Đến khi sửa chữa di tích, người ta mới gỡ nó ra. Trụ trì chùa là Ni sư Đàm Chính thấy bia có chữ Hán, nghĩ rằng là cổ vật quý nên đưa xuống nhà Tổ. Ngày nay, đã dựng nhà bia ở



vị trí đối diện lối đi chính lên chùa. Bia “Lý gia linh thạch” cao 0,69m, ngang 0,39m, dày 0,235m niên đại Cảnh Thịnh 1793, được tạc từ đá sa thạch, kỹ thuật thô vụng, có nhiều chữ đã bị khuyết mất. Toàn bia có 336 chữ. Mặt trước khắc chữ “Lý gia linh thạch”, mặt sau có 178 chữ gồm 09 dòng thẳng đứng ghi lại sự tích ra đời mang tính huyền thoại của vua Lý Công Uẩn. Hai mặt cạnh bên ghi các địa danh và họ tên, chức danh một số người.

#### **Chuông đồng Trường Liêu**

Trên chuông ghi rõ tên chùa Tràng Liêu (Trường Liêu, còn gọi là chùa Lão) và niên đại đúc chuông là “Thiệu Trị tam niên, Quý Mão tam nguyệt cát nhật” (niên đại Thiệu Trị, 1843). Về nghệ thuật đúc đồng, chiếc chuông thuộc mỹ thuật thời Nguyễn. Về ý nghĩa lịch sử, đây là di vật có ý nghĩa quan trọng vì chứng minh sự tồn tại của ngôi chùa Trường Liêu mà theo nghiên cứu của Sở Văn hóa - Thông tin Hà Bắc năm 1990, đây chính là ngôi chùa Lục Tổ được sử ghi lại là nơi Thiền sư Vạn Hạnh dạy dỗ Lý Công Uẩn thời thơ ấu. Qua nghiên cứu thực địa, những dấu vết để lại cho thấy chùa Trường Liêu là chùa Lục Tổ.

#### **NHỮNG NHÂN VẬT LỊCH SỬ GẮN LIỀN VỚI CHÙA TIÊU**

##### **Thiền sư Vạn Hạnh (938 - 1018)**

Theo *Thiền uyển tập anh*, Thiền sư họ Nguyễn, người hương Cổ Pháp, phủ Thiên Đức (nay là làng Đại Đình, xã Tân Hồng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Thuở nhỏ Ngài sớm thông tuệ, giỏi Tam giáo. Năm 21 tuổi, Ngài xuất gia học đạo với ngài Thiền Ông ở chùa Lục Tổ. Sau khi Thiền Ông viên tịch, Sư kế thế trụ trì chùa Lục Tổ, là đời thứ 12 thiền phái Vijnāracūci (Tỳ-ni-đa-lưu-chi). Sư chuyên tu theo *kinh Tổng Trì Tam Ma Địa*, lời Sư tiên đoán thường ứng nghiệm, nên người đời xem là sấm ngữ.

Vận mệnh nước ta trước thời Lý thường bị ngoại bang lấn le thôn tính. Thiền sư Vạn Hạnh đã thực hiện sứ mạng đào tạo nên một nhân vật làm thay đổi lịch sử, mang lại nền thái bình thịnh trị cho nước nhà, như mong đợi của nhiều thế hệ Thiền sư cũng như trí thức ưu tư với thời cuộc. Thiền sư đã dạy dỗ Lý Công Uẩn từ lúc lên ba cho đến trưởng thành. Ngài lại tạo điều kiện để Lý Công Uẩn lên ngôi, chuyển từ triều Tiền Lê sang nhà Lý không hề đổ máu, mở ra một triều đại huy hoàng của nền văn minh Đại Việt, được các sử gia đánh giá là triều đại

thuần từ nhất trong lịch sử dân tộc. Triều đình tôn Thiền sư là Quốc sư. Hiện nay, tại chùa Tiêu vẫn còn tháp mộ của Thiền sư và có tượng Thiền sư mới xây trên đỉnh núi Tiêu.

*Sách Văn học đời Lý*, tác giả Lê Văn Siêu viết: “Cuộc đảo chánh năm 1010 của Vạn Hạnh (...) không mất một giọt máu, không gây một oan cừ, dầu muốn dầu không cũng đã là một tác phẩm nghệ thuật” và “sư Vạn Hạnh khi thành công đã không chịu nhận một chức tước gì trong triều của ông vua vốn là học trò của mình, mà ngại vàng lại đã do chính tay mình đem đến, tư cách ấy nào khác gì với tư cách của Phù Đổng Thiên vương” [4].

Vua Lý Nhân Tông làm bài kệ như sau:

*Truy tán Vạn Hạnh Thiền sư  
Vạn Hạnh dung tam tế  
Chân phù cổ sấm cơ  
Hương quan danh Cổ Pháp  
Trụ tích trấn vương kỳ.*

Dịch:

*Hành tung thấu triệt ba đời  
Ngữ ngôn phù hợp muôn lời sấm xưa  
Quê hương Cổ Pháp bấy giờ  
Dựng cây tích tượng, kinh đô vững bền.* [5]

Thiền sư đã kế thừa truyền thống nhập thế tích cực của dòng thiền Tỳ-ni-đa-lưu-chi và là một biểu tượng nhập thế của Phật giáo Việt Nam vào thời nhà Lý.

##### **Lý Thái Tổ (974 - 1028)**

Thiền sư Vạn Hạnh khi lần đầu gặp Lý Công Uẩn, nhận thấy cậu bé khí chất hơn người liền nói: “Đứa bé này không phải người thường, sau này lớn lên ắt có thể giải nguy gỡ rối, làm bậc minh chủ trong thiên hạ” [6]. Từ thời thơ ấu đã vào chùa, được sự giáo huấn của Thiền sư Vạn Hạnh, Lý Công Uẩn đã trưởng thành văn võ song toàn, thành bậc hiền tài được lòng trong triều ngoài nội, ông còn được vua Lê Hoàn gả con gái cả là Công chúa Lê Thị Phất Ngân cho. Vì vậy, khi vua Lê Long Đĩnh vừa qua đời, ông đã được suy tôn lên làm vua mà không hề trải qua một cuộc nội chiến máu đổ đầu rơi. Vua Lý Thái Tổ đã áp dụng Phật pháp một cách nhuần nhuyễn vào việc trị quốc an dân, sử dụng chánh pháp để cai trị đất nước, đúng như lời dạy của Đức Phật. Đối với Phật pháp, nhà





Chiếu dời đô  
treo tại chùa Tiêu Sơn  
(nguồn: phatthuvietnam.net)

vua cũng có công lớn, *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi lại vua 03 lần độ dân làm Sư (1010, 1016, 1019), số lượng rất đông, riêng năm 1016 là hơn 1.000 người. *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi nhận về ông như sau: “Vua ứng mệnh trời, thuận lòng người, nhân thời mở vận, là người khoan thứ nhân từ, tinh tế hòa nhã, có lượng Đế vương” [7].

Những gì vua làm được cho đất nước rất nhiều và thể hiện tính chất từ bi, trí tuệ của nhà Phật mà vua đã thấm nhuần từ thời thơ ấu đến lúc trưởng thành. Có thể kể qua một số việc ý nghĩa như:

- Quyết định dời đô về Thăng Long, thể hiện một tầm nhìn vượt thời gian.
- Sửa chữa, xây dựng chùa chiền, độ dân làm Tăng, cho người thỉnh kinh, chép kinh, chăm lo cho đời sống tâm linh của nhân dân, nhờ thế nhân dân có đời sống thuần hòa, đạo đức.
- Thường xuyên miễn giảm thuế khóa cho dân, nhờ vậy dân no ấm, không đói khổ.
- Việc quân sự chăm lo hùng mạnh, các nước láng giềng không xâm lấn được.

#### **Thiền sư Như Trí (? - 1723)**

Thiền sư Như Trí là vị trụ trì đời thứ 15 tại chùa Tiêu Sơn. Ngài có công lớn trong việc sưu tập và in ấn các tác phẩm Phật giáo. Trong đó có việc in các bộ sách về Đạo Phật qua các thời kỳ có nhiều giá trị

về triết học, văn hoá. Đặc biệt, vào năm 1715, tại chùa Tiêu Sơn, Thiền sư đã tổ chức khắc in “*Thiền uyển tập anh*”, tác phẩm sử học và văn học có giá trị, ghi chép về các vị anh tú trong vườn thiền thời Lý. Đây là tác phẩm rất ý nghĩa đối với nền văn học sử Phật giáo nước nhà. Cho đến nay, đó là bản trùng san cổ nhất về “*Thiền uyển tập anh*” mà chúng ta còn có được.

Điều đặc biệt thứ hai là sau khi viên tịch, Thiền sư đã để lại cho đời nhục thân vẫn còn tồn tại tới ngày nay. Đó là một dấu ấn của sự thành tựu tâm linh, một minh chứng cho sự vượt thoát sinh tử của người tu hành Đạo Phật. Nhục thân của Ngài được an trí trong tháp Viên Tuệ trong điều kiện thời tiết thông thường, đã tồn tại qua 300 năm, cho đến khi Ni sư trụ trì chùa Tiêu Sơn hiện tại phát hiện ra. Nhờ sự giúp đỡ của Hòa thượng Thích Thanh Từ (trụ trì Thiền viện Trúc Lâm - Đà Lạt), dự án tu bổ và bảo quản nhục thân Thiền sư Như Trí được tiến hành, do Sở VH TT Bắc Ninh là cơ quan lập thiết kế và phương án thi công dự án, với PGS.TS. Nguyễn Lân Cường là chủ nhiệm dự án, cùng thực hiện với họa sĩ sơn mài Đào Ngọc Hân.

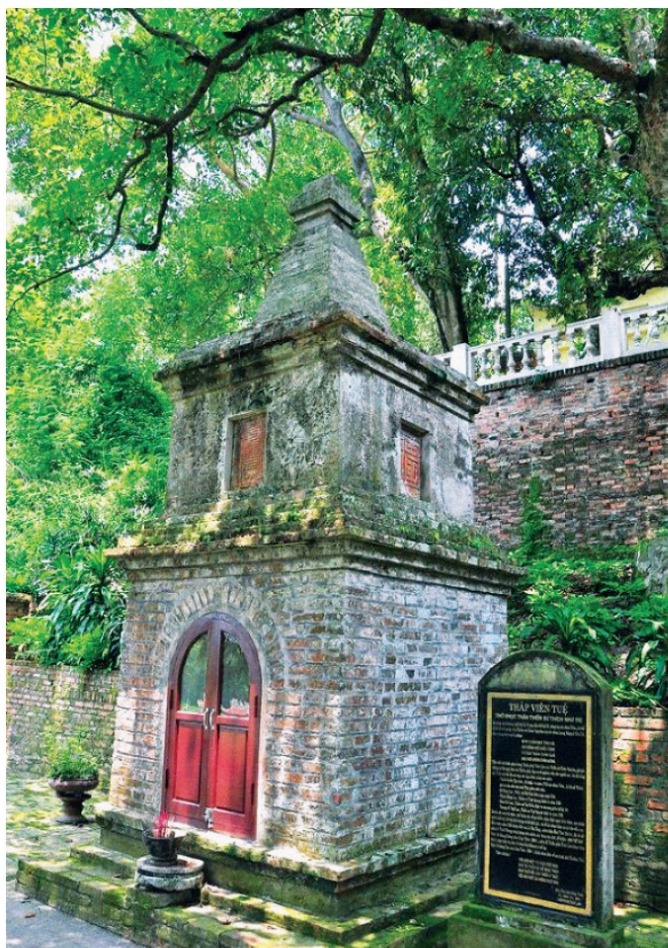
Ngày 11/5/2004, điều khiển PGS.TS. Nguyễn Lân Cường và các đồng nghiệp ngạc nhiên là lần đầu tiên ở Việt Nam phát hiện và chứng minh



được có phần nội tạng trong bụng một pho tượng Thiền sư, chứng tỏ nhục thân còn nguyên vẹn không trải qua hút bỏ nội tạng để ướp xác như nhiều nền văn hóa khác. Ở pho tượng này, các nhà chuyên môn kết luận nhục thân được bó cốt ngay sau khi tịch.

### TỪ CHÙA TIÊU NGHĨ ĐẾN CÔNG TÁC BẢO TỒN DI TÍCH PHẬT GIÁO

Ngày nay, chùa Tiêu vẫn hòa mình trong nếp sống làng quê yên bình ở Bắc Ninh và ít người Việt Nam biết đến giá trị sâu sắc của ngôi chùa này. Chỉ có Ni sư Đàm Chính, trụ trì chùa hiện tại đang âm thầm giữ gìn truyền thống hơn một ngàn năm nay.



Tháp Viên Tuệ - nơi Ni sư Đàm Chính phát hiện nhục thân Thiền sư Như Trí. (nguồn: phatgiaio.org)

Điều đáng tiếc nhất qua khảo sát về chùa Tiêu, đó chính là việc chùa bị hủy hoại bởi thời gian và những sự kiện lịch sử như chiến tranh, khiến cho bị hủy hoại rất nhiều, hầu hết cổ vật không còn. Những vật thể liên quan đến thời Tiên Lê và thời Lý đã không còn, kể cả kiến trúc thời Hậu Lê cũng đã mất. Về các thể hệ trụ trì của chùa cũng không được ghi chép lại đầy đủ. Do đó, một phần là lý do khách quan của lễ vô thường, nhưng một phần cũng là do sự chậm trễ trong việc quan tâm bảo tồn di tích và vốn cổ. Đó là bài học kinh nghiệm lớn cho chúng ta trong công việc tiếp nối giữ gìn di sản Phật giáo. Bởi vì quá khứ và hiện tại là không thể tách rời. Chính những thành tựu văn hóa lịch sử trong quá khứ là những bài học quý giá cho dân tộc trong thời hiện đại. Những thành tựu ấy sẽ được chứng minh tính xác thực là qua những di tích và di vật còn để lại. Cũng như nếu không có những trụ đá của vua Asoka thì hậu thế cách 2.500 năm sẽ rất nhiều người hoài nghi về sự hiện diện của Đức Phật Sakyamuni. Nếu không có chùa Tiêu, chùa Trường Liêu và những di vật liên quan, mai này hậu thế cũng có thể sẽ hoài nghi về sự hiện diện của một Thiền sư Vạn Hạnh mà công đức vô tiền khoáng hậu, không có nhục thân Thiền sư Như Trí người ta sẽ mơ hồ về năng lực siêu việt sinh tử của người tu.

### Kết luận

Qua tìm hiểu, có thể thấy ngôi chùa Tiêu Sơn với bề dày giá trị văn hóa - lịch sử, như một mỏ khoáng sản di tích mà dỡ hết lớp đá quý này lên lại thấy lớp đá quý khác. Ngôi chùa không đơn thuần là vật thể mà đã trở thành biểu tượng của một thời kỳ lịch sử huy hoàng của Phật giáo dân tộc, nơi mà người con Phật tìm về để học hỏi, bồi dưỡng đạo tâm của mình.

### Chú thích và tài liệu tham khảo:

- [1] Ngô Đức Thọ (dịch giả), *Thiền Uyển Tập Anh*, Nxb. Văn Học - Hà Nội, 1990, tr.70 theo bản mềm của <https://nigioikhatsi.net/kinhsach-pdf/Thien-Uyen-Tap-Anh-Ngo-Duc-Tho.pdf>.
- [2] Bảo tàng tỉnh - Sở VH TT Hà Bắc (1990), *Lý lịch di tích lịch sử chùa Thiên Tâm nơi trụ trì của Thiền sư Lý Vạn Hạnh*.
- [3] Nguyễn Hùng Vĩ - Nguyễn Đức Dũng, *Quan sát tám bia Lý gia linh thạch*, trong bộ sưu tập Ký yếu Hội nghị - Hội thảo ĐHQGHN, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 67-74, 2001.
- [4] Lê Văn Siêu, *Văn học đời Lý*, Nxb. Hướng Dương, Sài Gòn, tr.107 và 111, 1957.
- [5] Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2009, tr.118-119.
- [6] *Đại Việt sử ký toàn thư*, tr.80.
- [7] *Đại Việt sử ký toàn thư*, tr.80.



# PHẬT TRONG CON

Hương Yên



Thuở còn bé nằm trên tay bố  
Cả bầu trời rộng lớn ước mơ  
Là màu xanh, ba lô gợi nhớ  
Mũi cối, sao vàng gọi “bố ơi!”

Cuối tuần về có vở, bút, quà  
Bố có cả phần màu đủ sắc  
Cho con vẽ gia đình hạnh phúc  
Vẽ bình yên ở trước sân nhà.

Rồi từng năm, từng tháng đi qua  
Con học hành, nuôi sự nghiệp xa  
Bố vẫn nhen ước mơ bé nhỏ  
Cuộc sống con hạnh phúc như người...

Nhưng con chẳng theo chân chúng bạn  
Vui mừng với hạnh phúc lứa đôi  
Mà lại vui câu kinh tiếng kệ  
Gặp minh Sư - nguyện bước chẳng nề

Phật trong con lớn dần năm tháng  
Phật là bố, là mẹ, muôn nơi  
Dạy con biết từ bi, hiếu đạo  
Đời vô thường, nhân - quả, thành thoi.

Bố buồn lắm, con biết bố thương  
Sợ con trẻ vụng dại lạc đường  
Nhưng kiếp người sinh, già, bệnh, chết  
Chuyện thế gian đâu biết tỏ tường

Con xin đi con đường xuất thế  
Dầu gặp ghềnh chí nguyện sắt son  
Theo Thầy Tổ tiếp bước, dẫn con  
Tu hạnh lành, niềm vui trọn Đạo.

Chiều nay ngắm nhành lan bố tặng  
Nơi vườn nhà - tay bố xới vun  
Gửi lại bố vườn lan thắm nắng  
Mái chùa an - nguyện gắng tu hành!





# Dị tích kiến trúc Phật giáo thời Lý - Trần trên vùng đất kinh đô Văn Lang

Đỗ Minh Nghĩa\*  
Nguyễn Anh Tuấn\*\*

**T**óm tắt: Phật giáo du nhập vào nước ta những năm đầu Công nguyên với trung tâm là vùng Kê Dậu (Thuận Thành, Bắc Ninh), trụ sở quận Giao Chỉ cùng với đó là hệ thống chùa Tứ pháp (Vân, Vũ, Lô, Điện). Từ đây, Phật giáo lan truyền khắp cả nước và phát triển cực thịnh dưới thời Lý - Trần. Phú Thọ nằm ở vị trí cửa ngõ của kinh thành Thăng Long, nhận tác động và lan tỏa của văn hóa Thăng Long, Đạo Phật có điều kiện phát triển, nhiều ngôi chùa được xây dựng để phục vụ nhu cầu tâm linh của nhân dân địa phương.

## VÙNG ĐẤT CÓ ĐÔ VĂN LANG - PHÍA TÂY KINH THÀNH THĂNG LONG

Phú Thọ là vùng đất có bề dày lịch sử và văn hiến lâu đời, được xem là cội nguồn và trung tâm sinh tụ của người Việt cổ thời đại các vua Hùng. Mảnh đất này trải qua mấy ngàn năm lịch sử còn tồn tại và lưu giữ hệ thống các di tích lịch sử, văn hóa khảo cổ, công

trình kiến trúc nghệ thuật lâu đời... Mảnh đất nơi đây gắn với huyền thoại về dòng giống Tiên Rồng của dân tộc ta cũng như lịch sử dựng nước và giữ nước từ thời đại Hùng Vương - khởi nguyên lịch sử nước ta.

Truyền thuyết kể lại rằng: Nhà vua đi mãi, qua bao nhiêu nơi có cảnh đẹp mà vẫn không chọn được nơi nào nhà Vua ưng ý. Khi tới một vùng đất trước mặt có 03 con sông tụ hội, hai bên có núi Tản, Tam Đảo châu vể, lại có những dãy núi như những khúc thân rồng uốn lượn, dân cư đông vui. Nhà vua nhận thấy nơi đây có thể hiểm để giữ, để mở, có chỗ cho muôn dân tụ hội nên quyết định chọn vùng đất này thành kinh đô nước Văn Lang. Miền đất Tổ với đền đài, lăng tẩm vua Hùng trên sườn núi Nghĩa Lĩnh được bao phủ bởi lớp sương huyền thoại với những sắc màu lung linh, kỳ ảo khiến cho mỗi góc cây, ngọn cỏ, mỗi đường nét kiến trúc trong các di tích nơi đây cứ như ẩn như hiện giữa hiện thực cuộc đời.

Trong quá trình phát triển của lịch sử loài người, cư dân Phú Thọ chính là những con người đã góp phần dựng xây và gìn giữ văn hóa dân tộc. Tới thời Lý - Trần đã kế thừa và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc tạo thành một nền văn minh Đại Việt - thời đại của sự phục hưng những giá trị văn hóa truyền thống và tiếp biến văn hóa mới với những công





# 奉聖夫人黎氏墓誌

皇越奉聖夫人黎氏墓誌銘序  
 神宗仁孝皇帝夫人黎氏諱蘭春即輔天太王之季女也妙日瑞聖公主譽字正  
 皇之淑女也長箋曰瑞聖公主即 聖宗皇帝之孟女也祖謝罪射真登洲實所  
 觀察使節禦臺大王之親姪寔黎家大行皇帝之孫輔天太王有子息二十有  
 太后一夫人王公公主四太子等一十有二天彰賢嗣二年甲寅皇帝初納太王孟  
 女寔感聖皇太后見夫又姿美兼有四教又聘之為妃暫入公宮而明知婦導先  
 登宗室而體銅陰風服用必中度言勤必中節四年丙辰進冊奉聖夫人是時願  
 之心行節史主之化修采桑之職不失小星之惠及下協皇英之嬪虞贊震自餽  
 猶好舉之輔周先揚 帝道五年丁巳號迷宮車普留陵寢執匪懈之心而現莫  
 修行上道而教 麗夫人貌端梁而性深靜慈怒不形於色使人則以悅留無吝素  
 迫始今上即位 太后輔政每朝望則詣朝止駕殿之與言則極情無愆小來如  
 有私語 上及皇太后常幸其宮室見其舉置嘉其為人而嘆曰古之明世夫人  
 人有第一請景信恭順合禮位至顯城家恭皆為於敬常念衣錦之鄉祖不忘奉  
 願勝錄以答 先聖之眷遇迨終則寔其側以通先人之榮禮也乃卜中江州  
 塔惟藏靈鄉為休崗密攢秀而環列江湖清碧而帶遠從陰陽向背之圖資使阮  
 抱彌之勢特蒙 聖旨給賜人工掘材尾而立實所斧藻云畢而香火不息之其  
 願也事政隆實應九年九月夫人宸疾 上親親華餌百而弗瘳以當年十月十  
 八日己未之晨薨年六十有二 上為之震悼輟朝三日乃勅降賻贈之物也具  
 祭常可謂茂榮之禮有加詔太傅陳公洎內侍省奉議郎黎公監護喪葬密安為厚  
 下如昭聖皇后之故事十一年冬十二月初八日丙寅之晨 慈旨別葬于地  
 仰所璞山延齡福聖寺之西隅乃命國史述此方猷誌于墓石銘曰  
 竟靈虎伏翠秀氣 中江往往產豪貴 夫人懿行顯當時 神姿綿約合為異  
 王使堂宮室亞后 心同琴瑟無妬忌 宮車晏駕奉陵寢 使無凡雨難逾至  
 日遇高山氣奄奄 人間痛惜潛然矣 歲豐新墓立貞珉 俾月愈久十萬世

Thác bản văn bia Phụng Thánh phu nhân Lê thị mộ chí.  
 (Nguồn: Viện Nghiên cứu Hán Nôm)





Chân tảng thời Lý ở chùa Phúc Thánh (chụp khi hạ giải tòa Tam bảo) - (Nguồn Hoàng Văn Diệp)

trình kiến trúc nghệ thuật mang đậm dấu ấn Phật giáo trên vùng đất Tổ. Di tích Lý - Trần và những gì còn sót lại đã xác nhận Phú Thọ là một trong những trung tâm văn hóa của người Việt cổ, nó đánh dấu bước đi huy hoàng của mỹ thuật thuộc giai đoạn đầu thời kỳ tự chủ và cũng góp phần khẳng định về sự phát triển đa dạng của các loại hình ở thời kỳ tiếp theo. Những di sản này đã trở thành mạch nối của quá khứ, hiện tại tới tương lai và góp phần khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc.

Thời Lý - Trần, giáo lý nhà Phật thâm nhập qua chính sách an dân trị nước nên các vua thời kỳ này đã chinh phục nhân dân bằng đức trị thay cho pháp trị. Các vua thời Lý - Trần được thừa hưởng những thành quả tốt đẹp của thế hệ trước, đồng thời phát huy những tinh hoa gạn lọc từ bên ngoài, biến thể sao cho phù hợp với quốc dân thủy thổ mà không đánh mất bản sắc dân tộc. Do có chính sách kinh tế, chính trị - xã hội đúng đắn nên nền kinh tế cũng như xã hội ổn định và phát triển. Đây chính là điều kiện đầu tiên và có ý nghĩa quan trọng trong công tác xây dựng các công trình kiến trúc Phật giáo uy nghi dưới thời Lý - Trần.

#### **ĐẶC ĐIỂM CHUNG KIẾN TRÚC CHÙA THỜI LÝ - TRẦN Ở PHÚ THỌ**

Dưới thời Lý - Trần, bên cạnh việc coi trọng Nho giáo, Đạo giáo và các tín ngưỡng dân gian, Phật giáo được nâng đỡ để trở thành quốc giáo. Các vị vua sớm giáo dục và phát triển giáo dục theo lối kiến thức của kinh Phật, họ chuyên tâm nghiên cứu về Phật pháp, cho xây dựng những cơ sở Phật giáo, trong đó đặc biệt là các kiến trúc chùa và tháp có quy mô đồ sộ mang dấu ấn của chính họ. Bởi vậy, đã có nhiều công trình kiến trúc nổi tiếng được ra đời như: Chùa Một Cột, tháp Tường Long, chùa Trấn Quốc,... Những công trình đó không chỉ mang giá trị kiến trúc cao mà nó còn ẩn chứa những tinh hoa của dân tộc. Đây là yếu tố thuận lợi thứ hai dẫn đến sự hình thành của những ngôi chùa cổ trên vùng đất Tổ.

Nhìn chung, kiến trúc chùa thời Lý - Trần ở Phú Thọ có những đặc điểm chính sau:

##### **Thứ nhất về mặt bằng**

Chùa không phải là một ngôi nhà mà bao giờ cũng là một quần thể kiến trúc, gồm những ngôi nhà sắp





Trang trí hình rồng trên cấu kiện tháp đất nung ở khu di tích núi Ông (Phú Thọ) (Nguồn: Tác giả)

xếp cạnh nhau hoặc nối tiếp nhau. Tùy theo cách bố trí những ngôi nhà này mà người ta chia thành những kiểu chùa khác nhau. Nhìn chung, các công trình kiến trúc Phật giáo trong giai đoạn này thường được bố trí theo các kiểu: Hình chữ “*Nhất*”, chữ “*Nhị*”, chữ “*Tam*”, chữ “*Công*”, lớn hơn nữa thì “*nội Công ngoại Quốc*”. Trong số kiến trúc chùa còn lại ở Phú Thọ thì phổ biến là kiểu chữ “*Đình*” và chữ “*Công*”. Từ mặt bằng tổng thể của các di tích chùa thời Lý ở Phú Thọ rất khó có thể xác định chính xác quy mô kiến trúc vì hiện nay các di tích này không còn nguyên vẹn. Nhưng qua một số vết tích còn lại, cho ta thấy kiến trúc thời Lý khá đơn giản, sang thời Trần thì kiến trúc và các di tích có phần đồ sộ hơn.

#### **Thứ hai về địa thế**

Xây chùa bao giờ cũng là công việc trọng đại đối với người dân làng quê Việt Nam. Trước tiên phải chọn đất xây chùa. Việc chọn đất thường bị chi phối bởi quan niệm phong thủy, cho rằng vị trí của chỗ ở, thế đất có một ảnh hưởng quan trọng đối với con người sống trên đó. Quan niệm đó được thể hiện trong một câu thơ của nhà sư Không Lộ (? - 1119)

thời Lý: “*Trạch đắc long xà địa khả cư*” (nghĩa là chọn được thế đất rồng rắn, có thể ở yên). Nhìn chung, chùa thường được dựng ở những nơi có vị trí cao ráo, thoáng mát, bên cạnh thường có ao, hồ, khe suối. Chùa thời Lý - Trần thường dựng trên ngọn đồi cao hay trên núi, xa nơi dân cư để không gian được tịch mịch, thanh nghiêm. Về sau, khi Đạo Phật không còn đóng vai trò chủ đạo, nhiều chùa chiền dần được chuyển về trong thôn xóm.

#### **Thứ ba về hướng**

Các kiến trúc tôn giáo thường quay về hướng Nam hay Đông Nam mặt mẽ.

#### **Thứ tư, về vật liệu kiến trúc**

Vật liệu xây dựng trong các di tích chùa thời Lý - Trần cũng không nằm ngoài các vật liệu xây dựng truyền thống như: Đá, gỗ, đất nung, sỏi và một số kim loại (đồng, sắt) nhưng có điều tại các phế tích thời Lý, do dễ bị hủy hoại bởi môi trường và thời gian nên chưa tìm thấy vật liệu bằng gỗ. Hiện nay, các vật liệu chủ yếu còn lại trong các di tích chùa là đá, đất nung và kim loại. Sang đến thời Trần, vật



liệu đá và đất nung vẫn được sử dụng phổ biến [1]. Vật liệu đá được sử dụng để làm bó thêm, dùng làm lan can thành bậc, chân tảng và nhiều cấu kiện được chạm hoa văn trang trí đặc sắc.

### MỘT SỐ DI TÍCH KIẾN TRÚC PHẬT GIÁO THỜI LÝ - TRẦN TIÊU BIỂU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ

#### *Chùa Diên Linh Phúc Thánh (xã Hương Nộn, huyện Tam Nông)*

Nằm trên núi Ngọc Phác, hữu ngạn sông Hồng, gần đường quốc lộ 32. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, chùa được dựng năm Ất Sửu (1145) [2]. Văn bia *Phụng Thánh phu nhân Lê Thị mộ chí* 奉聖夫人黎氏墓誌 niên đại Chính Long Bảo Ứng thứ 11 (1174) [3] hiện còn ở tòa Tam bảo cho biết thêm do bà Phụng Thánh phu nhân [4] đứng ra chủ trì xây dựng, đồng thời được vua Lý Anh Tông cấp nhân công và gỗ, ngói. Ngôi chùa hiện nay có kiến trúc chữ Nhị, kể cả bức cánh phong thì chùa có hình chữ Tam. Mặt trước của bức cánh phong được đắp nổi hình hổ phù, hai bên có hai con hươu cặp nhánh lá. Mặt trong đắp hình rồng chầu mặt nguyệt, hai bên là hạc chầu. Sau bức cánh phong là đền toà Thiệu hương và Thượng điện. Hiện nay, chùa còn một số di vật bằng đá chạm thời Lý rất quý hiếm. Ngoài tám bia mộ ở tòa Thiệu hương là những tảng đá kê chân cột ở tòa Thượng điện. Tảng đá kê chân cột được chạm hình hoa sen, khắc chìm hình mây cụm, sóng nước. Toàn bộ di vật trông như những bông hoa sen đang nở rộ.

Những di vật này vừa mang đậm dấu ấn của nghệ thuật chạm khắc đá thời Lý vừa thể hiện quan niệm về tín ngưỡng, suy tư, ước vọng về cuộc sống bình yên, hạnh phúc. Dưới thời Lý, chùa Diên Linh Phúc Thánh đã là một trong những trung tâm Phật giáo nổi tiếng, được văn bia thời đó xếp là nơi “*anh linh cổ tích đại danh lam*”. Ngôi chùa mang đậm nghệ thuật kiến trúc dân gian với kiến trúc gỗ và điêu khắc đá. Có thể nói đây là một di tích kiến trúc nghệ thuật có ý nghĩa văn hoá, giáo dục, tâm linh sâu sắc.

#### *Chùa Phổ Quang (xã Xuân Lũng, huyện Lâm Thao)*

Hiện trong tòa Thượng điện của chùa còn bảo lưu được nhiều di vật quý, tiêu biểu nhất là Phật bản thạch (nhiều người gọi là bệ đá hoa sen hay bệ tượng Phật) thời Trần thế kỷ XIV. Bệ đá này có kích thước lớn: Cao 1,05m; rộng 1,25m; dài 3,3m. Cấu tạo của

bệ đá hoa sen theo dạng hình hộp chữ nhật, gồm có 05 tầng tạo bởi các phiến đá xanh.

Tầng trên cùng dài 2,3m, rộng 1,2m, cao 0,2m, được tạo bởi 09 phiến đá ghép lại. Bốn bề được chạm khắc những cánh sen sống động khiến cho cả bệ đá như một đóa sen đang nở rộ. Phần giữa của tầng này hơi chùng (sự sáng tạo này lại tạo cho cả bệ đá có hình dáng như một con thuyền cổ với hai đầu hơi cong). Các cánh sen được trang trí cả bốn mặt với ba lớp cánh, phía trong có diềm khắc chìm, ở giữa có những chấm tròn tượng trưng cho bốn phương tám hướng của Đạo Phật.

Tầng hai dài 03m, rộng 1,2m, cao 0,1m, gồm 10 phiến đá ghép lại, được trang trí thành diềm cánh sen cách điệu ở cả bốn bề, mỗi cánh sen lại chạm khắc thành hai lớp: Lớp trong là cánh sen úp xuống, viền ngoài được chạm cách điệu làm cho đầu cánh sen thành hai vòng xoắn quay trở vào.

Tầng thứ ba dài 03m, rộng 1,2m, cao 0,24m, 10 phiến đá ghép lại. Mặt trái chạm hình con hươu, sừng dài, dáng đi thư thả, đầu ngoảnh lại. Mặt trước của bệ chia làm năm ô nhỏ trang trí. Mặt trái bệ được trang trí một cảnh hoa trong ô hình chữ nhật, cảnh hoa được khắc nổi một bông hoa và một cành lá, bông hoa có năm lớp cánh đang độ mãn khai, cành lá theo kiểu lá cúc biến thể, nhỏ nhắn, mềm mại với ba lá nhỏ đỡ hoa.

Tầng thứ tư dài 3,05m, rộng 1,01m, cao 0,18m, được cấu tạo bằng 13 phiến đá, có tám ô trang trí, diềm tròn trang trí nửa cánh sen cách điệu. Mặt bên phải có hai ô chạm khắc hình sư tử vườn hoa hải đường và sư tử đuôi hình xoắn. Mặt phía trước có bốn ô trang trí sư tử vườn hoa. Mặt trái bệ có hai ô thể hiện đề tài cá chép hóa rồng với kiểu dáng toàn thân thẳng, chân uốn khúc, mồm ngậm ngọc, đầu rồng, đuôi cong.

Tầng thứ năm được cấu tạo thành chân bệ đá với hai cấp: Cấp trên cao 0,2m, rộng 1,22m, dài 3,21m được tạo dáng theo kiểu chân quỳ, bốn góc bệ chạm hình mây cụm. Cấp dưới cao 0,1m, rộng 1,3m, dài 3,3m gồm 13 phiến đá ghép, cả ba mặt đều trang trí hình hoa cúc chìm rất rõ nét, mặt trước bệ chạm hai bông hoa cúc to chính giữa, hoa cúc không có đài, xếp đều đặn, các bông cúc được trang trí cách đều



Phật bản thạch thời Trần ở  
chùa Xuân Lũng (chụp khi  
hạ giải tòa Tam bảo)



nhau [5]. Nội dung chữ Hán khắc trên bệ đá cho biết di vật này cho Sư đài Diên ngự thư Đô chính thủ Nguyễn Lạp cùng Thái học điển trừ Tiểu Chi hầu Nguyễn Chiêu và vợ là Nguyễn Thị Sửu cung tiến vào ngày 12 tháng 02 năm Đinh Mão, niên hiệu Xương Phù thứ 10 (1386), đời vua Trần Phế Đế.

#### **Chùa Bồng Lai (xã Hà Thạch, thị xã Phú Thọ)**

Theo truyền thuyết dân gian, chùa Bồng Lai được xây dựng từ thời Lý. Ngôi chùa mang những đặc trưng của thời kỳ Đạo Phật phát triển trên đất nước ta với phong cảnh hữu tình và những di vật quý hiếm. Hiện nay, ngoài kiến trúc, bia ký và các đồ thờ, trong chùa còn có bệ tượng Phật bằng đất nung. Mặc dù chưa tìm thấy niên đại chính xác của bệ đất nung nhưng khi nghiên cứu hoa văn và kết cấu bệ có thể ước định chiếc bệ có từ thời Trần, khoảng thế kỷ XIV. Bệ được thiết kế giật cấp ba tầng và có trang trí rất nhiều hoa văn như: Hoa cúc, cánh sen. Với những giá trị nghệ thuật, tâm linh, ngôi chùa thực sự là một di sản văn hoá của dân tộc cần được gìn giữ.

#### **Di tích kiến trúc Phật Giáo Núi Ông (xã Xuân Áng, huyện Hạ Hoà)**

Nằm ở độ cao 370m so với mực nước biển, đứng trên đỉnh núi nhìn về phía Đông Bắc là sông Hồng, phía Đông Nam là ngôi Lao, theo thuật phong thủy của các cụ ta ngày xưa đây là thế đất rất chuẩn mực. Công trình kiến trúc có thể tựa vào dãy Hoàng Liên Sơn trùng điệp, phía trước mặt là sông Hồng và ngã ba cửa ngôi Lao đổ ra sông Hồng. Bao bọc xung quanh núi Ông là những ngọn đồi như bát úp nổi lên giữa những cánh đồng, tạo nên không gian sinh thái hấp dẫn, vừa trang nghiêm của thế giới tâm linh, vừa thoát tục giống như các công trình Phật giáo thời Lý - Trần, cách ngày nay gần nghìn năm tuổi, các chùa tháp thường được xây dựng ở những khu

đồi núi cao, sơn thủy hữu tình, tạo nên không gian trầm mặc, u tịch linh thiêng, hoà hợp với thế giới Phật pháp. Khu di tích được phát hiện từ năm 2006. Di tích đồ nát từ bao giờ người dân xung quanh ba xã: Xuân Áng, Chuế Lưu, Vô Tranh (nơi có cột mốc ranh giới ba xã) đều không biết. Những kỷ ức người dân về một ngôi chùa hay ngôi tháp cổ đều đã đi vào quên lãng. Các cụ già cũng không được truyền lại ở núi Ông có một công trình kiến trúc Phật giáo.

Khi phát rừng, người dân đã phát hiện những viên gạch, mảnh tháp nung vỡ thành từng mảnh nằm lẫn lộn trong cây cỏ rậm rạp của rừng núi. Phải chăng di tích trên núi Ông đã đồ nát từ lâu mà người dân trong vùng chẳng ai biết tới có một công trình kiến trúc cổ vô cùng đẹp đẽ sầm uất của một thời.

Gạch, mảnh tháp đất nung nằm trong lòng đất lâu ngày khi được lấy lên hoa văn vẫn còn sắc nét như vừa từ bàn tay nghệ nhân hôm nay sáng tạo. Những người khảo sát bước đầu đã tìm thấy dấu vết kiến trúc, qua hai hố thám sát. Hố thứ nhất rộng 01m x 10m, hố thứ hai rộng 02m x 2m, các nhà khảo cổ đã phát hiện ra hòn kê hệ thống chân cột và những viên gạch rộng cỡ 38cm x 19cm x 4,8cm của thế kỷ XII - XIII dùng để lát nền. Tuy mới chỉ là khảo sát bước đầu dưới lưới cuốc khảo cổ, dần dần các dấu tích của một công trình kiến trúc Phật giáo cổ xưa đã hiện lên. Căn cứ vào hòn kê, công trình quay hướng Bắc, mặt tiền hướng ra sông Hồng, ở vị trí này sườn đồi cao và dốc đứng. Vì thế nhiều khả năng các công trình sau đó đồ sập, phần lớn hiện vật kiến trúc rơi rải rác xung quanh phần đỉnh núi Ông. Người dân nơi đây còn kể, cách đây hơn 02 năm một người dân Vô Tranh làm trang trại đã phát hiện cả một lô bát đĩa cổ ven núi Ông. Thực ra núi Ông là tên gọi của người dân nơi đây vì nó cao, có





TS. Nguyễn Anh Tuấn



Đỗ Minh Nghĩa

thể là ngọn núi chúa và đối xứng với núi Ông có núi Bà thấp hơn. Cư dân Xuân Áng, theo các cụ kể lại, chủ yếu từ nơi khác đến. Gốc gác của 05 họ lớn lập nên làng Xuân Áng: Họ Bùi, Nguyễn, Ngô, Hà, Đinh, chủ yếu là người vùng Hà Đông tới sinh cơ lập nghiệp. Nghề nghiệp của họ là làm ruộng, khai thác lâm thổ sản, vỡ rừng,... Khi đi qua cánh rừng trên núi Ông, đoàn khảo sát còn gặp rất nhiều hố có đường kính khoảng 0,5m - 01m, sâu 02m trông như cái giếng cổ. Người dân ở đây nói rằng đó là bẫy hổ, hươu, nai, lợn rừng. Dưới chân núi là các khe đá mài, khe vắt trong, vắt ngoài, khe lá han, lõm Gù Hương (vị trí ở đây mọc nhiều cây Gù Hương), khe suối cây sô (nơi có nhiều cây sô). Xưa cũng như nay dưới chân núi vẫn không có nhà ở mà chỉ có lán trại của ít gia đình tới làm trang trại thời gian gần đây.

Vật liệu xây dựng qua thống kê có 60 viên gạch lát nền còn nguyên hình chữ nhật với kích thước 38cm x 19,5cm x 4,8cm đến 39,8cm x 17,6cm x 4cm. Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi thấy nhiều loại được chắt đôi bằng 1/2 viên gạch trên, loại này có 110 viên. Đây có nhiều khả năng đời sau sử dụng lại nên có ý thức băm đôi viên gạch, do vậy viên gạch có kích thước từ 23,2cm x 19,5cm x 4,1cm đến 19cm x 19,7cm x 4,5cm.

Về hòn kê, mới phát hiện 07 viên có các kích thước khác nhau từ 33cm x 29cm x 15cm đến 46cm x 46cm x 8cm. Về các mảnh đất nung vỡ từ tháp có trang trí hoa văn, thống kê được 110 mảnh. Mới đầu tiếp xúc, chúng tôi cảm nhận hoa văn sống cồng, hoa văn cúc đầu ngói ông một phong cách vốn xuất hiện ở các sản phẩm nghệ thuật trang trí thời Lý. Ngoài ra, còn các loại văn đồng tiền, văn hoa thị, văn hoa cúc, hoa chanh. Đặc biệt, các hoa văn lá đề, rích

rắc (hồi văn) biến thể hoa sen cánh dẹo... một số mảnh tháp trang trí văn rồng hình yên ngựa, hay trang trí viên gạch tầng cửa tháp những con chim thần Garuda. Chính vì niên đại tuyệt đối chưa tìm được, qua trang trí hoa văn trên gạch tháp mà chúng tôi tạm thời xếp khu vực tháp có niên đại cuối triều Lý, đầu thời Trần (nửa đầu thế kỷ XIII).

Quần thể kiến trúc núi Ông với những gì đã phát hiện và xuất lộ trên bề mặt, có thể khẳng định: Đây là một khu di tích kiến trúc Phật giáo độc đáo và tiêu biểu cho văn hoá thời Lý. Di tích chùa tháp thời Lý phát hiện ở nhiều nơi nhưng trên đỉnh núi Ông tại xã Xuân Áng nơi cách Thăng Long trên 100km ở độ cao trên 300m là một hiện tượng độc đáo đáng được nghiên cứu. Ngoài kinh thành Thăng Long, Kinh Bắc có các công trình thời Lý, núi Ông là một hiện tượng lạ. Ở vùng biên viễn xa xôi cách biệt với kinh thành Thăng Long - trung tâm chính trị - kinh tế - xã hội văn hoá thời Lý mà quy mô vẫn khang trang, bề thế, vị trí xây dựng tuân thủ thuật phong thủy. Phải chăng đây là một trong những trung tâm Phật giáo thời Lý, cũng là một tiền đồn quan trọng trấn giữ của triều đại lúc ấy trên con đường thiên lý Bắc - Nam.

#### **Chuông quán Thông Thánh (phường Bạch Hạc, TP. Việt Trì)**

Chuông Bạch Hạc Thông Thánh quán chung ký 白鶴通聖觀鐘記 được Hứa Tông Đạo cho đúc năm Tân Dậu (1321), niên hiệu Đại Khánh, đời vua Trần Minh Tông. Trên chuông khắc bài minh, căn cứ khoa học chân xác nhất cung cấp nhiều thông tin về quán Thông Thánh, cung Thái Thanh, cuộc chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông, về vấn đề ruộng đất và đời nét về cư sĩ Phật giáo mộ đạo Văn Huệ Vương Trần Quang Triều. Quả chuông đã được Hội đồng Bộ



lão, Nhân dân làng Bạch Hạc phục chế lại. Việc làm đó thể hiện tấm lòng tri ân công đức Tổ tiên, đồng thời cũng góp phần gìn giữ và phát huy giá trị di sản văn hoá trên mảnh đất địa linh nhân kiệt này.

## MỘT VÀI NHẬN XÉT

Quy hoạch cảnh quan tổng thể và kiến trúc nội ngoại thất các công trình cũng như điêu khắc và trang trí trên kiến trúc thời Lý - Trần trên vùng đất Tổ, là sự kế thừa truyền thống kiến trúc và điêu khắc của dân tộc để từ đó sáng tạo ra các loại hình riêng, phù hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội và tín ngưỡng, tôn giáo của thời đại đã sản sinh ra chúng. Nhìn chung, bố cục tổng thể và cảnh quan kiến trúc cùng trang trí mang những nét đặc trưng truyền thống như: Phong cách kiến trúc dung dị, khoáng đạt, phù hợp với phong tục, tập quán dân tộc và khí hậu nhiệt đới gió mùa nước ta. Chùa thường được xây dựng với kiến trúc chữ Đinh và chữ Công kiểu kiến trúc phổ biến ở vùng trung du Bắc Bộ (chùa Bông Lai, chùa Hưng Giác, chùa Hữu Đô, chùa Chương Xá...).

Với vị trí, địa hình, mô thức kiến trúc và trang trí nghệ thuật trên các công trình luôn được kết hợp chặt chẽ, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, bố cục cân xứng mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc lại có tính thời đại rất rõ ràng. Chùa thời Lý - Trần bao giờ cũng là một quần thể kiến trúc, được dựng đặt ở những nơi có cảnh trí thiên nhiên tươi đẹp và có mối liên hệ cộng đồng dân cư gần làng, sát nước mà yếu tố nước bao giờ cũng là hằng số không đổi đối với những ngôi chùa này. Con đường dẫn lên các ngôi chùa được coi là con đường tu hành dẫn dắt con người đi từ đời thường của phong cảnh thiên nhiên tới sự thoát tục của thế giới cửa Phật. Ông cha ta lựa chọn vị trí xây dựng các ngôi chùa phù hợp với cảnh quan môi trường, đạt hiệu quả cao về chức năng sử dụng và đảm bảo tính thẩm mỹ của công trình kiến trúc để hạn chế tối đa tác hại và tận dụng tối ưu những lợi thế của môi trường. Hệ quả là tạo ra được sự hài hòa lâu dài giữa con người với công trình và thiên nhiên. Sự đa dạng, phong phú của các công trình kiến trúc được bổ sung thêm điêu khắc tượng tròn, tượng phù điêu, với nhiều đề tài trang trí khác nhau càng tôn vinh tính nghệ thuật độc đáo cho mỗi công trình. Sự kế thừa và phát triển truyền thống văn hóa dân tộc trong nghệ thuật tạo hình kiến trúc và điêu khắc là rất rõ ràng. Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc thời Lý - Trần đã góp phần to lớn để

sáng tạo ra những giá trị của “*đỉnh cao văn hóa, văn minh thứ hai*” của người Việt ở thời đại này.

Cư dân cổ Phú Thọ bằng bàn tay khéo léo và khối óc sáng tạo đã biến những vật vô tri như đá, đất nung thành những tác phẩm nghệ thuật điêu luyện và hoàn mỹ. Về đẹp kiến trúc và điêu khắc ở các di tích chính là điểm hấp dẫn để thu hút khách thập phương xa gần, góp phần tích cực vào việc giới thiệu những nét độc đáo của văn hóa truyền thống Việt Nam. Vì vậy, chúng ta những thế hệ đi sau phải giữ gìn những bản sắc văn hóa đó, nhất là trong quá trình trùng tu và tôn tạo. Kiến trúc và điêu khắc được bảo tồn và giữ nguyên trạng sẽ càng làm tôn thêm vẻ đẹp cổ kính đầy bản sắc của các di tích này.

### Chú thích:

\* Đỗ Minh Nghĩa, Viện Bảo tồn di tích.

\*\* Nguyễn Anh Tuấn, nguyên Giám đốc Bảo tàng Hùng Vương.

[1] Nguyễn Anh Tuấn (2015), *Tiến trình nghệ thuật tạo hình miền đất Tổ*, Bảo tàng Hùng Vương - Sở VH TT & DL Phú Thọ, tr.94.

[2] Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư - dịch theo bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), tập I*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.316.

[3] Bìa dựng ngày 08/12 năm Chính Long Bảo Ứng thứ 11, tức ngày 12/01/1174.

[4] Bà họ Lê, húy là Lan Xuân, năm 1134 được vua Lý Thần Tông đón làm Phi, đến năm 1136 tiến phong là Phụng Thánh Phu nhân. Bà là em ruột của Cầm Thánh Hoàng Thái hậu và cũng là mẹ kế, di ruột của vua Lý Anh Tông.

[5] Nguyễn Anh Tuấn (2015), *Tiến trình nghệ thuật tạo hình miền đất Tổ*, Bảo tàng Hùng Vương - Sở VH TT & DL Phú Thọ, tr.102.

### Tài liệu tham khảo:

1. Trần Lâm Biền, *Đồ thờ trong di tích của người Việt*, Nxb. Thế giới, 2018.
2. Hà Văn Tấn chủ biên, *Khảo cổ học Việt Nam, tập III: Khảo cổ học lịch sử Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2002.
3. Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, Phạm Ngọc Long, *Chùa Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
4. Robert E. Fisher, *Mỹ thuật và kiến trúc Phật giáo*, Nxb. Mỹ thuật, 2002.
5. Tống Trung Tín, *Nghệ thuật điêu khắc Việt Nam thời Lý và thời Trần (thế kỷ XI-XIV)*, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 1997.
6. Nguyễn Anh Tuấn, *Đi tìm dấu tích kinh đô Văn Lang*, Sở Văn hóa Thông tin Phú Thọ, 2007.
7. Nguyễn Anh Tuấn, *Tiến trình nghệ thuật tạo hình miền đất Tổ*, Bảo tàng Hùng Vương - Sở VH TT & DL Phú Thọ, 2015.
8. Trương Thìn, Đại đức Thích Minh Nghiêm, *Lên chùa lễ Phật*, Nxb. Hà Nội, 2009.
9. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, *Đại Việt sử ký toàn thư - dịch theo bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), tập I*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998.
10. Trần Quốc Vương, *Văn hóa Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2003.



Mô típ chung  
trong truyền cổ tích  
mang màu sắc  
**Phật giáo**  
ở Đông Nam Á  
Dương Thụy



Truyền thống tư tưởng Phật giáo, đặc biệt là quan niệm luân hồi, quả báo thấm sâu vào đời sống văn hoá đã góp phần tạo thành nếp nghĩ, tính cách cũng như nhân sinh quan của các dân tộc theo Phật giáo ở Đông Nam Á.







**T**ruyện cổ dân gian mang màu sắc Phật giáo sở hữu các mô típ đặc thù, thực thi chức năng tôn giáo. Ngoài ra, chúng còn thể hiện nhiều vấn đề phức tạp liên quan đến những khía cạnh lịch sử, văn hoá, đặc biệt là ý nghĩa nhân sinh xã hội và triết lý sống của nhân dân lao động. Qua khảo sát, chúng tôi thu thập được 7 mô típ có thể coi là đặc thù của truyện cổ dân gian mang màu sắc Phật giáo. Trong đó, có 4 mô típ chung đồng thời xuất hiện ở truyện của Việt Nam và các nước Đông Nam Á, có hai mô típ chỉ xuất hiện ở truyện cổ các nước bạn và một mô típ chỉ có ở truyện cổ Việt Nam. Chúng ta cùng xem bảng đối sánh hệ thống mô típ và sẽ phân tích về những mô típ chung.

| Việt Nam            | Các nước khác            |
|---------------------|--------------------------|
| Tái sinh - hoá kiếp | Tái sinh - hoá kiếp      |
| Thử lòng tốt        | Thử lòng tốt             |
| Quy thiện           | Quy thiện                |
| Xây chùa, đúc tượng | Xây chùa, đúc tượng      |
|                     | Bạch tượng đón tân vương |
|                     | Tìm đường hóa Phật       |
|                     | Niệm Phật được an lành   |

## 1. MÔ TÍP TÁI SINH - HOÁ KIẾP

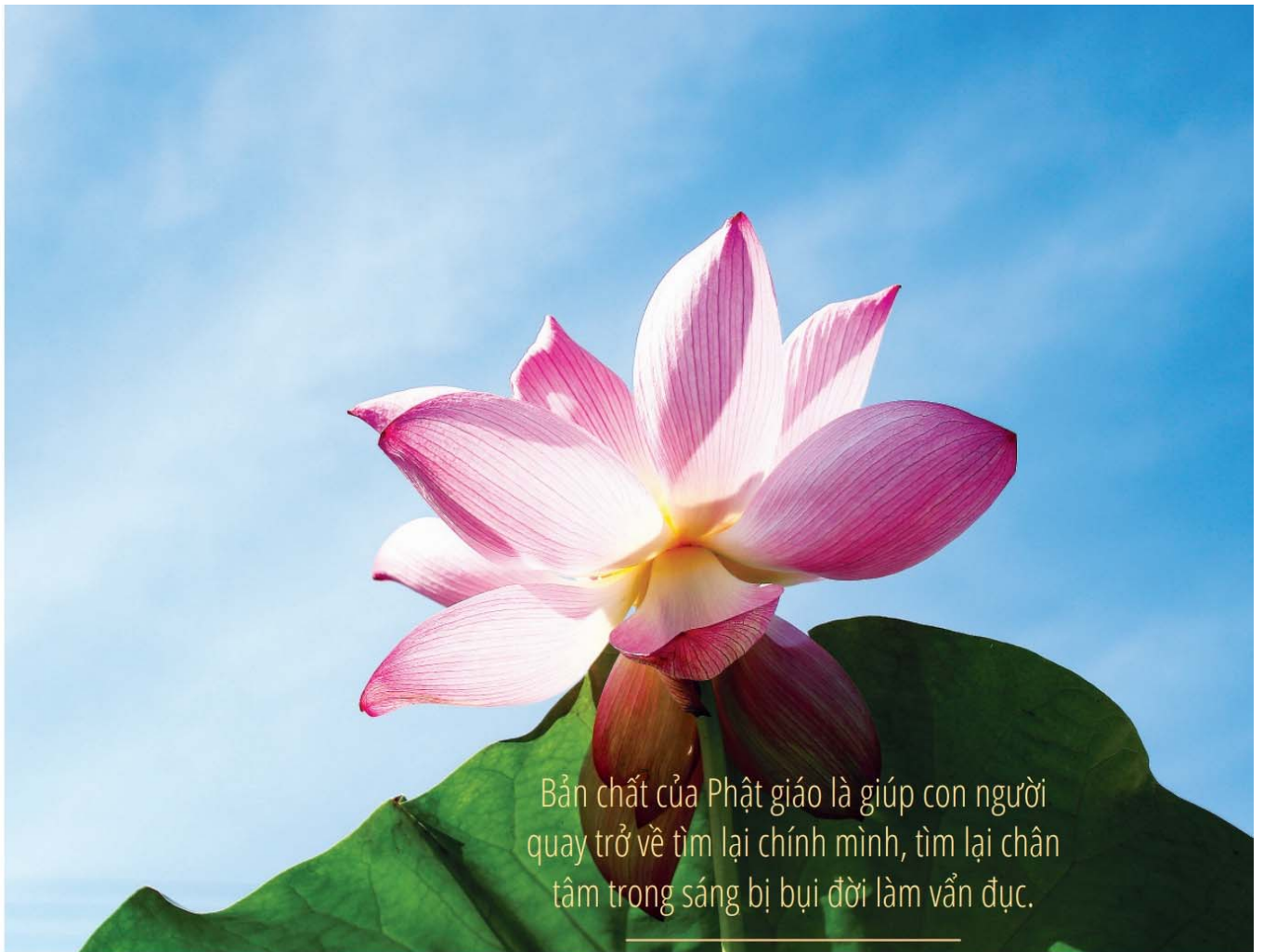
Có thể coi đây là mô típ nòng cốt của nhóm truyện cổ dân gian mang màu sắc Phật giáo. Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy mô típ *Tái sinh - hoá kiếp* xuất hiện với tần số khá cao: 20/53 truyện đối với nhóm truyện của Việt Nam (tỷ lệ khoảng 38%) và 36/121 truyện đối với nhóm truyện của các quốc gia khác ở Đông Nam Á (tỷ lệ khoảng 30%). Về đại thể, mô típ này có thể được miêu tả như sau: Nhân vật tạo nên nghiệp tốt, xấu hay có những ân oán chưa giải quyết được ở kiếp trước, sau đó tái sinh để hưởng phúc hoặc chịu họa và đền ơn trả oán xứng đáng với những gì mình đã tạo ra.

Truyền thống tư tưởng Phật giáo, đặc biệt là quan niệm luân hồi, quả báo thấm sâu vào đời sống văn hoá đã góp phần tạo thành nếp nghĩ, tính cách cũng như nhân sinh quan của các dân tộc theo Phật giáo ở Đông Nam Á. Nhiều câu chuyện vẫn giữ nguyên bản truyện kể về tiền kiếp của Đức Phật, giữ nguyên những quan niệm chính thống của hệ thống triết lý Phật giáo về vấn đề nghiệp duyên, tái sinh, chuyển

kiếp: *Vesandar, Hình thỏ trên mặt trăng, Chó sói và sếu, Kamanit, Sự tích ngày lễ Phchum ben, Một kiếp luân hồi, Chatthan Jataa,...* Bên cạnh đó, truyện cổ dân gian mang màu sắc Phật giáo thể hiện sự biến hoá đa dạng các yếu tố tôn giáo, thổi vào đó hệ thống luân lý của người bình dân với những lo toan, những ước mơ cùng những tâm tình tha thiết. Thông qua hình thức tái sinh, chuyển kiếp, nhân dân đã gửi gắm những suy nghĩ mông mạc đôi khi trần trụi về sự sống và cái chết nhưng chứa chan niềm yêu thương mãnh liệt trong tình mẫu tử thiêng liêng (*Tám Cám, Nàng Utthara, Mẹ rùa vàng và nàng Maégué, Cô gái hiếu thảo,...*), tình yêu lứa đôi, tình nghĩa vợ chồng thủy chung gắn bó (*Duyên nợ tái sinh, Hạc vàng,...*) và những ân oán, trả vay vừa nông đượm, vừa cay đắng của nhân tình thế thái (*Con rắn và người nuôi rắn, Vợ là oan gia, Cái Kiến mảy mệng củ khoai,...*). Ấn hiện đậm nét sau lớp vỏ tôn giáo là tình nghĩa, trách nhiệm và niềm tin mãnh liệt vào lẽ phải và tình người. Ngoài ra, truyện các dân tộc nổi lên hiện tượng dân gian nhiều khi hiểu về vấn đề luân hồi khá hồn nhiên, như ở các truyện: *Người vợ đức hạnh, Cây cỏ may, Sức mạnh của thần số mệnh,...*

Có sự khác biệt lớn trong cách thể hiện mối quan hệ kiếp trước - kiếp sau khi miêu tả vòng luân hồi sinh tử của nhân vật trong truyện cổ dân gian mang màu sắc Phật giáo của Việt Nam so với các quốc gia khác cùng khu vực. Truyện Việt Nam, phần lớn hướng đến *kết quả* của những hành động mà nhân vật đã tạo tác ở hiện tại (tạm gọi là **dạng cấu tạo 1**). Dạng này chủ yếu xuất hiện ở truyện sự tích và mô típ *Tái sinh - hoá kiếp* được bố trí ở phần kết thúc truyện. Theo đó, nhân vật thiện, ăn ở hiền lành, đạo đức, làm nhiều việc phúc thì kết thúc truyện sẽ được tái sinh một kiếp khác tốt đẹp. Thủ Huồng (truyện *Thủ Huồng* hay *Sự tích sông Nhà Bè*) kịp thời sửa chữa lỗi lầm, ăn ở hiền lương, tu nhân tích đức nên kiếp sau đầu thai làm vua Trung Quốc. Mười tám tên cướp (*Sự tích mười tám ông Phật La hán*) thành tâm quy thiện, kiếp sau được hoá thân thành những vị Phật La hán được người đời thờ kính,... Ngược lại, nhân vật làm nhiều điều ác hoặc không giữ được thiện tâm, Phật tính, đến kết thúc câu chuyện sẽ bị hoá kiếp không ra gì hoặc bị tái sinh chịu nhiều đau khổ. Người vợ bất nghĩa, phản trắc (*Sự tích con muỗi*) bị hoá kiếp thành con vật chuyên đi hút máu người vì thiếu những giọt máu chung tình của người chồng đã hết lòng yêu quý dùng để cải tử





Bản chất của Phật giáo là giúp con người quay trở về tìm lại chính mình, tìm lại chân tâm trong sáng bị bụi đời làm vẩn đục.

hoàn sinh. Người sư nữ kiêu căng và đồ kỵ (*Sự tích ông bình vôi*) dùng mẹo lừa lấy mạng hai mẹ con cùng tìm đường sang đất Phật đã nhận lấy kết cục thảm thương: Rơi từ trên cây cao xuống tan xác, hoá kiếp thành bình vôi để cho người đời mọc ruột,...

Thống kê ghi nhận khoảng 75% truyện Việt Nam có sự tham gia của mô típ *Tái sinh - hoá kiếp* 15/20 truyện) có cấu tạo mô típ *Tái sinh - hoá kiếp* theo dạng một, chiếm tỷ lệ áp đảo so với số lượng truyện có cùng cách cấu tạo mô típ này ở các nước Đông Nam Á khác (13/36 truyện, 38%). Cũng phải xác nhận, tần số xuất hiện của mô típ *Tái sinh - hoá kiếp* có cấu tạo dạng một khá cao ở nước bạn. Song, đối sánh tỷ lệ 75% - 38% cho thấy một sự chênh lệch rất lớn. Có thể điếm qua một số truyện có lối cấu tạo mô típ *Tái sinh - hoá kiếp* dạng này ở các nước khác: *Kamanit*, *Sự tích con cú mèo*, *Chuyện vượn khóc chồng*, *Con rùa đen*,...

Trong khi đó, khá nhiều truyện của các nước trong khu vực xuất hiện một dạng cấu tạo khác mà ở truyện

Việt Nam khá thừa thớt. Khi kể về vòng luân hồi của nhân vật, truyện của các quốc gia này, phần lớn hướng đến việc giải thích *nguyên nhân* tiền kiếp cho những sự sướng - khổ, cao quý thấp hèn của nhân vật ở hiện tại (chúng tôi tạm gọi đây là **dạng cấu tạo 2**). Mô típ *Tái sinh - hoá kiếp* cấu tạo theo dạng này thường ít xuất hiện ở truyện sự tích và được bố trí tương đối lỏng lẻo hơn, không cố định, có thể ở phần mở đầu truyện hoặc ở phần phát triển của cốt truyện. Anh em Vorvong và Sourivong (*Vorvong và Sourivong*) là hoá thân của thần Badoha. Do đó, kiếp trước, Vorvong là một thợ săn. Một lần trú mưa ở một ngôi chùa nọ, vô tình gặp hai con nai, chàng bắt được một con nhốt trong cũi nên kiếp này chàng gặp quả báo, bị vua Thormit bắt oan và bị nhốt trong cũi 6 năm liền. Kiếp trước là một người con hiếu thảo, vị tha, nhân hậu, khoan dung, từ bi, chánh tâm tu hành nên kiếp này Ro-thi-sen (*Chàng Ro-thi-sen*) được một vị tu sĩ đạo hạnh cao cường nhận làm đệ tử. Việc hai anh em lười biếng (*Hai đứa trẻ lười biếng*) nhờ số phận rong ruổi trở thành vua của hai



vương quốc được giải thích như là kết quả của sự tích tạo công đức từ kiếp trước. Bọn nga quỷ (*Sự tích ngày lễ Pchum Ben*) phải chịu kiếp đói khát vất vả là do kiếp trước chúng là những kẻ gian dối, ăn chặn khẩu phần của chư Tăng...

Bức tranh cấu tạo mô típ *Tái sinh - hoá kiếp* ở truyện của các quốc gia khác khá đầy đặn trong khi bức tranh ấy ở truyện của ta có một khoảng thưa thớt. Điều đó cho thấy vấn đề nhận thức và quan niệm về sự tái sinh, luân hồi ở các nước bạn có phần hướng chuẩn hơn, bài bản hơn. Nhân dân ở các nước này tỏ ra quan tâm đến giáo lý nhiều hơn cho nên mô típ *Tái sinh - hoá kiếp* tham gia vào truyện cổ của họ mang đậm màu sắc tôn giáo hơn so với truyện của người Việt. Trong đó, nhiều truyện hướng đến việc giải thích nguyên nhân, tình trạng cuộc đời của nhân vật ở hiện kiếp với ý nghĩa sâu xa, chạm đến vấn đề gốc rễ của luân hồi như: *Một kiếp luân hồi, Kamaniit, Maha Maya*... Đây là tâm điểm của triết lý Phật giáo về sự khổ và cũng là một trong những nội dung mang tính triết luận sâu xa của Phật pháp. Phải chăng, chính mối quan tâm hàng đầu trong sinh hoạt tu tập của nhân dân là vấn đề bổ thí và tri giới để tạo lập công đức đã được phản ánh thông qua sự lựa chọn cách thức đưa quan niệm luân hồi, quả báo của họ vào trong truyện cổ. Suy cho cùng, khuynh hướng quan tâm nhiều đến vấn đề duyên khởi của luân hồi thể hiện qua truyện cổ cũng chính là thể giới quan, nhân sinh quan của người dân đất nước chùa tháp nói riêng và các nước Đông Nam Á theo Phật giáo Theravada nói chung.

Sự xuất hiện của lối cấu tạo mô típ dạng này, dù chủ quan hay khách quan, cho thấy Phật giáo thâm nhập vào đời sống văn hoá của người dân các nước theo Phật giáo Theravada thực sự sâu đậm, mang tính chính thống rất cao. Vấn đề này tất yếu dẫn đến nảy sinh mâu thuẫn giữa khuynh hướng thế tục hoá, dân gian hoá Phật giáo với khuynh hướng Phật giáo hoá đại chúng (giữ chức năng tôn giáo và chức năng phi tôn giáo) của truyện cổ. Nếu như ở truyện *Hai đứa trẻ lười biếng*, do sự can thiệp quá đà của tư tưởng tôn giáo, thể hiện một cái nhìn khá tiêu cực về những nỗ lực của mỗi cá nhân trong cuộc sống thì truyện *Xactinho Glaisan* thể hiện một cái nhìn ngược lại, hoàn toàn mang tính chất thuần hậu của dân gian: cuộc sống xa hoa sung sướng do sự sắp đặt của người cha ở kiếp trước không làm *Xactinho*

*Glaisan* cảm thấy hạnh phúc. Sống nơi nguy nga tráng lệ, vật chất không thiếu bất cứ thứ gì nhưng chàng trai nghèo khổ vẫn muốn được trở lại cuộc đời lao động vất vả của mình ở trần thế. Ý nghĩa ngợi ca lao động, đề cao những nỗ lực thực sự của mỗi người trong cuộc đời trần thế còn thể hiện ở các truyện *Luyện vàng* [1], *Cơm cháy*, ...

Trong khi đó, người Việt khi tiếp thu Phật giáo, không quan tâm đến những vấn đề triết luận sâu xa, cao siêu và phức tạp. Một phần do tính phóng khoáng của tinh thần Phật giáo Đại thừa, kết hợp với đặc điểm dân tộc tính cởi mở cùng lối tư duy mềm dẻo cũng như một nhân sinh quan thiết thực, người Việt gạt bỏ nhiều vấn đề công thức và chi tiết của giáo lý, chỉ giữ lại cái tinh thần chung, cái đại thể phù hợp với niềm tin, đạo lý và nguyện vọng của dân tộc. Do vậy, khi đưa quan niệm luân hồi vào trong truyện cổ dân gian, người dân có khuynh hướng đặt nặng vấn đề “hậu báo”, vấn đề “kết quả” cụ thể và trực tiếp mà không quan tâm giải quyết vấn đề gốc rễ của luân hồi (samsara) để đi đến giải thoát (niravara) như nội dung truyện cổ của các nước theo Phật giáo Theravada cùng khu vực. Đặc điểm trên là nét đặc trưng của người Việt trong lịch sử tiếp biến các hệ thống tư tưởng triết học, tôn giáo [2].

## 2. MÔ TÍP QUY THIỆN

Bản chất của Phật giáo là giúp con người quay trở về tìm lại chính mình, tìm lại chân tâm trong sáng bị bụi đời làm vẩn đục. Do đó, hướng đến giác ngộ là đặc điểm nổi bật và là một trong những nội dung quan trọng của truyện cổ dân gian mang màu sắc Phật giáo. Thống kê cho thấy tần số xuất hiện mô típ *Quy thiện* ở truyện của người Việt và các dân tộc anh em không có sự chênh lệch lớn: Việt Nam có 8/53 truyện, các nước khác có 12/121 truyện. Nhìn chung, tỷ lệ truyện có mô típ này khoảng 10% - 17%. Có thể mô tả mô típ này như sau: *Nhân vật đang trong vòng tội lỗi hay bị sự vô minh che lấp trí sáng suốt cơ duyên xuất hiện nhân vật chứng ngộ, đoạן tuyệt tội lỗi, lấy lại trí sáng suốt.*

Có thể nói, đây là một trong những mô típ thể hiện tính chất tôn giáo rõ nhất và thường đóng vai trò điểm nhấn cho việc thể hiện tư tưởng Phật giáo. Nếu như gần đây, giới nghiên cứu, phê bình văn học hay đề cập đến tính “*giải thiêng*” của khuynh hướng sáng tác hiện đại trên con đường quay về với những



mô típ của mảnh đất văn học dân gian, đặc biệt là ở những huyền thoại và truyện cổ, thì những mô típ dạng này, trong truyện cổ dân gian mang màu sắc tôn giáo nói chung và truyện cổ dân gian mang màu sắc Phật giáo nói riêng, thể hiện tính chất “*khử tục*” (tạm gọi) khá đậm đặc. Nhằm khẳng định chân lý Phật giáo, dân gian thường lái diễn biến sự việc của câu chuyện tạo nên sự thay đổi đột ngột bản chất nhân vật, làm cho nó “đào thoát” khỏi sự kiểm toả của quy luật thông thường, sự phát triển tâm lý và tính cách. Tướng cướp Angkuliman (truyện *Kamanit*) có ân oán với Satakien, trên đường lần theo dấu vết, định giết chết kẻ thù thì gặp Đức Phật, được Ngài nhiếp phục, từ bỏ ý đồ trả thù, trở thành một tu sĩ. Con cạp (truyện *Con cạp và con kết*) vì nghĩ kiếp trước mình vốn là một thầy tu mắc nợ, không muốn tạo thêm chương nghiệp nên đã từ bỏ ngay ý định xé xác gã lang thang để trả thù cho bạn kết của nó. Triệu phú Mikkiarak (truyện *Nàng Visakha*) vốn là một người bất kể Phật pháp, coi thường Tăng giới, được nghe giảng pháp đã trở nên kính ngưỡng Đức Phật Thích Ca, thâm nhuần giáo lý, quy y đầu Phật. Bác đồ tể (truyện *Sự tích cây huyết dụ*) thấy con heo định giết thịt để năm heo con bỗng nhiên sám hối tội lỗi sát sinh trước nay, quy trước Phật xin giải nghệ. Cầm động trước câu chuyện trả nghĩa của con ngựa, mười tám tên cướp (truyện *Sự tích mười tám ông Phật La hán*) bỏ hết hung khí, thể đoạn tuyệt nghề đạo tặc,... Về hiện tượng này, nhà nghiên cứu Nguyễn Đồng Chi từng bộc lộ cái nhìn độc đáo khi nhận định “*Mục tiêu của cuộc đấu tranh chính - tà, thiện - ác của con người không phải là diệt trừ cái ác cho đến tận gốc mà vấn đề cốt thiết hơn là làm sao chuyển ác thành thiện, làm cho mặt chính lớn dần trong cái đối lập gay gắt với nó là cái tà. Sự chứng mực về đạo trong tâm lý dân tộc ở đây trở thành một yếu tố nghệ thuật đầy ý nghĩa*”. Theo tác giả, vì thế mà “*Cuộc sống trong truyện cổ tích Việt Nam là cuộc sống đã bớt tàn nhẫn và thô bạo, về bản chất không phải là sự tóe chuốt nghệ thuật mà chính là do có sự can thiệp của tâm lý, tính cách dân tộc. Tình cảm tự nhiên, tinh thần lạc quan, lí tưởng nhân đạo tổng hợp nên cảm quan thẩm mỹ của quần chúng*” [4, tr.121-122, 1620, 1624].

Nhân vật trong truyện Việt Nam tuy một mặt có sự tác động của đạo đức tôn giáo nhưng phần lớn lại được sự soi rọi nhiều hơn của đạo đức thế tục, của

lương tri, lòng nhân đạo, sự nhân nghĩa trong ứng xử xã hội. Nếu như nhân vật trong những truyện cổ của các nước bạn mà ta đang xét chủ yếu chịu sự dẫn dắt, tác động, thuyết phục từ bên ngoài (Đức Phật hoặc bậc tu hành) thì nhân vật của truyện cổ Việt Nam thường được dành cho sự tự thân hướng nội, chiêm nghiệm, để cho lương tri tự vấn mà giặt mình tinh ngộ, sám hối lỗi lầm. Ngay cả khi có sự tác động từ một nhân vật khác như ở truyện *Sự tích con bìm bịp* thì màu sắc giáo hoá cũng hết sức mờ nhạt, tinh thần tự thân hướng thiện của nhân vật vẫn được bộc lộ nhiều hơn. Truyện *Sự tích cá he* chỉ kể rằng đạo hạnh của nhà Sư đã cảm hoá được mẹ con Ác Lai, tuyệt nhiên không hề có chi tiết nào kể về việc nhà sư rao giảng giáo pháp cho hai mẹ con tên cướp. Nếu như truyện của các nước khác chủ ý nhấn mạnh tính chân lý và sự nhiệm màu của Phật pháp, đề cao khả năng thuyết pháp, cảm hoá của Đức Thế Tôn và chư Tăng thì truyện cổ Việt Nam hướng đến sự thức tỉnh lương tri của bản thân nhân vật, nghiêng về màu sắc tình cảm, đạo lý, lẽ phải ở đời. Ở truyện Việt Nam, màu sắc thế tục đậm đà hơn kéo theo tính “*khử tục*” không cao bằng truyện của các nước cùng khu vực.

### 3. MÔ TÍP XÂY CHÙA ĐỨC TƯỢNG

Tuy không phải là mô típ đặc trưng bậc nhất trong truyện cổ dân gian mang màu sắc Phật giáo của các quốc gia Đông Nam Á, nhưng mô típ *Xây chùa đức tượng* cũng đã góp mặt như một thành tố nghệ thuật đặc thù thể hiện diện mạo cũng như chiều sâu văn hoá Phật giáo trong đời sống nhân dân. Tỷ lệ xuất hiện mô típ này trong nhóm truyện đang khảo sát dao động trong khoảng 8% - 10%, nghiêng về các quốc gia theo Phật giáo Theravada trong khu vực (12/121 truyện). *Xây ra những sự kiện khá đặc biệt nhân vật muốn lập công đức/ kiến thiết đất nước/ hoàng dương Phật pháp/ sám hối tội lỗi xây đền chùa, đức tượng Phật.*

Nhìn chung, mô típ này gắn với những ý nghĩa hết sức đẹp đẽ, thể hiện lòng hiếu thảo đối với cha mẹ (*Sự tích ngôi đền Băntay Chmar*), lòng thành kính đối với Đạo Phật (*Truyện thuyết về sư Tổ Địa, Truyện thuyết Thera Upakut vĩ đại*), tình cảm yêu nước nồng nàn (*Khổng Lồ đức chuông hay Sự tích trâu vàng hồ Tây, Sự tích Ấng Co vát và vát No Ko, Bà Mãng và chiếc chuông đồng...*) cũng như tinh thần hướng thiện trong tâm thức của nhân dân các





Tuy không phải là mô típ đặc trưng bậc nhất trong truyền cổ dân gian mang màu sắc Phật giáo của các quốc gia Đông Nam Á nhưng mô típ *Xây chùa đúc tượng* cũng đã góp mặt như một thành tố nghệ thuật đặc thù thể hiện diện mạo cũng như chiều sâu văn hoá Phật giáo trong đời sống nhân dân.

dân tộc (*Sự tích sông Nhà Bè* hay truyền *Thủ Huồng*, *Sự tích tượng Prôma* trong chùa *Nakor Ratay*, ...).

Mô típ này chiếm số lượng cao hơn ở nhóm truyện cổ dân gian mang màu sắc Phật giáo của các nước Đông Nam Á theo Phật giáo Theravada so với truyện của Việt Nam... Trong 12 truyện có xuất hiện mô típ *Xây chùa đúc tượng*, có 04 trường hợp xây chùa tháp với ý nghĩa sám hối tội lỗi, trở về chánh đạo, 03 trường hợp thể hiện tinh thần yêu nước, 05 trường hợp gắn với ý nghĩa hướng Phật, lập công đức, vun đắp cho tôn giáo Từ bi. Thái tử, con trai của quốc vương Yos-ke, trải qua bao sóng gió hiểm nguy bởi nạn ngoại xâm, cuối cùng, khôi phục lại vương quốc, dựng ngôi đền lớn Bantey Chmar. Sau khi mẹ qua đời, thái tử đưa tro của bà vào thờ ở đền này (*Sự tích quốc vương Yos-ke và ngôi đền Bantey Chamar*). Sư Nasagen ở chùa Asokare cả đời tu đạo, đến tuổi xế chiều mới hoàn thành được tâm nguyện lớn nhất đời mình: Tạc một pho tượng lớn bằng ngọc bích để cho dân chúng có

chỗ lễ Phật (*Pho tượng Phật bằng ngọc bích*). Thái tử Phya Pan phạm tội lỗi tày trời, giết chết những đấng sanh thành dưỡng dục, đã làm theo lời khuyên của các bậc tu hành xây ngôi chùa cao nhất, lớn nhất để thành tâm sám hối (*Câu chuyện về Nakorn Pathom*). Sau mọi nỗ lực ngăn chặn bước tiến xâm lăng của quân Xiêm, ông Khổng Lồ cùng em gái cố gắng thi tài xây tháp để giúp cho dân Campuchia tránh khỏi nạn binh đao nhưng nỗ lực cuối cùng ấy đã thất bại. Theo truyền thuyết của người Khmer thì Ăng Co Vát và Vát No Ko là những chứng tích cuộc thi tài của những con người yêu nước thuở xưa (*Sự tích Ăng Co Vát và Vát No Ko*)... Ở truyện Việt Nam, mô típ này xuất hiện khá khiêm tốn: 4/53 truyện. Phải chăng, mặc dù việc xây chùa và đúc tượng Phật là một hoạt động khá phổ biến ở nước ta [3] nhưng chưa trở thành nếp sống văn hoá chung của đại đa số người dân lao động trong lịch sử. Trong khi đó, tình hình hoàn toàn ngược lại ở các nước bạn cùng khu vực. Việc xây chùa tháp, đúc tượng Phật, bố thí, cúng dường đã trở thành



những nếp sinh hoạt thường nhật của quần chúng và chuẩn mực đạo lý dân tộc [4]. Người ta gọi Campuchia là *Đất nước chùa tháp*, gọi Myanmar là *Xứ sở chùa Vàng*... Khắp nơi đâu đâu cũng thấy bóng áo cà sa thấp thoáng dưới những mái vòm sừng sững của những ngôi chùa thiêng vang rền tiếng chuông đại giá. Kiến trúc nổi tiếng nhất ở các quốc gia Đông Nam Á như Thái Lan, Lào, Campuchia, Myanmar... là những ngôi chùa thờ Phật. Chùa được coi là trung tâm sinh hoạt quan trọng nhất của mỗi làng hay đô thị. Người dân dành một khoảng lợi tức khá lớn cho việc cúng dường vào các chùa. Hầu như tất cả những dịp lễ hội lớn nhỏ, mọi người dân đều đến chùa lễ bái. Nhà vua cũng thường đích thân đến quốc tự dâng lễ cho các vị Tăng thống Phật giáo. Việc xây bảo tháp cũng là một hình thức đánh dấu một sự kiện trọng đại, ăn mừng chiến thắng, thành công, chúc phúc,...

#### 4. MÔ TÍP THỬ LÒNG TỐT

Có thể nói, hình ảnh nhân vật chính hiền lành, tốt bụng sẵn sàng giúp đỡ những người nghèo khổ hay những con vật bị nạn là một trong những hình ảnh thường gặp bậc nhất trong truyện cổ. Nó thể hiện một phẩm chất cốt lõi và quan trọng hàng đầu của con người, đó chính là tính người, tình người, lòng nhân từ, bản tính thiện nơi con người. Phật giáo với chủ trương từ bi vô sai biệt đối với mọi chúng sinh đã hoà vào nguồn mạch nhân văn trong tâm thức nhân loại chảy xuyên suốt hành trình lịch sử của các quốc gia dân tộc, trong đó, đặc biệt in đậm dấu ấn trên chi lưu văn học - nghệ thuật ngay từ phía đầu nguồn. Do đó, mô típ *Thử lòng tốt*, vốn là tài sản dân gian thuần túy, được dễ dàng tiếp thu, bảo lưu và biến hoá theo tinh thần Phật giáo góp phần cấu tạo nên nhóm truyện khá đặc thù mà chúng ta đang tiến hành khảo sát. *Tình huống đặc biệt xuất hiện (ngẫu nhiên hoặc có sự sắp đặt của một nhân vật khác), nhân vật phản ứng tính cách, phẩm chất được bộc lộ*.

Tần số xuất hiện của mô típ này trong truyện cổ dân gian Việt Nam và các nước cùng khu vực dao động trong khoảng từ 10% (đối với truyện Việt Nam) đến 14% (đối với truyện của các nước khác). Trên đại thể, mô típ *Thử lòng tốt* được triển khai qua bốn dạng chính: (1) *Thử thách lòng nhân từ của nhân vật qua tình huống người đói khổ bệnh tật chờ đợi bố thí hay chăm sóc*, (2) *Thử thách lòng nhân từ*

*của nhân vật qua tình huống con vật bị nạn cần sự cứu thoát, cứu mang*, (3) *Thử thách lòng nhân từ của nhân vật qua tình huống người tu hành cần sự bố thí, cúng dường*, (4) *Thử thách sự trì giới ở người tu hành bằng những cám dỗ khêu gợi sự ham muốn*, (5) *Thử thách sự ngay gian của hai người tranh chấp bằng cách tiến hành một phép thử*.

Trong đó, dạng cấu tạo thứ nhất chiếm tỷ lệ cao nhất ở nhóm truyện của các nước bạn cùng khu vực. Trong 17 truyện có mô típ *Thử lòng tốt*, số truyện có cấu tạo mô típ *Thử lòng tốt* theo 3 dạng đầu (ba dạng cấu tạo này nhằm thể hiện từ tâm của nhân vật chính) là 11 truyện (chiếm tỷ lệ khoảng 70%). Điều này ít nhiều đưa lại những dẫn chứng khá thuyết phục về một trong những nét đặc trưng của văn hoá Phật giáo ở những quốc gia theo Phật giáo Theravada: hoạt động bố thí, cúng dường vừa là một sinh hoạt vừa là một nhu cầu tối quan trọng trong đời sống của nhân dân.

Bố thí là tiêu chí số một và xuyên suốt trong mọi biểu hiện lập công đức, là một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu của nhân dân các nước theo Phật giáo. Đây là một hành động điển hình nhất của lòng từ bi, một trong hai hạnh cao nhất của Phật tử. Trong bốn pháp được đem thực hành có thể thu phục quần chúng, thì Bố thí là pháp thứ nhất, sau đó mới kể đến các pháp khác như: *Nói lời dịu hiền*, *Làm điều có lợi cho người (lợi hành)*, *Cùng làm việc với người (đồng sự)*. Trong sáu hạnh của người tu theo Đạo Phật thì Bố thí được kể đến đầu tiên, tiếp theo mới là: *Trì giới*, *Nhẫn nhục*, *Tinh tấn*, *Thiền định*, Bố thí đúng nghĩa là bố thí với tinh thần tự nguyện, vui vẻ (lạc thí), cảm thấy đó là một việc phúc. Lạc thí cũng là một danh hiệu mà người đời tặng cho ông Anathapindika (trưởng giả Cấp Cô Độc) [5]. Của bố thí không phân biệt sang hèn [6], tùy theo khả năng của mỗi người, vật bố thí có thể có giá trị khác nhau. Người ta ví công đức mà việc bố thí mang lại sáng trong chẳng khác nào ánh trăng ngày rằm. Bố thí có nhiều mức độ khác nhau, trong đó, xả thân bố thí là mức độ bố thí cao nhất, Phật giáo gọi hình thức bố thí đó là Bố thí Ba la mật. Trong vòng luân hồi sinh tử của mình, Đức Phật từng đạt đến hạnh bố thí hoàn thiện, mỹ mãn ấy [7]. Ở các nước theo Phật giáo Nam tông: Sri Lanka, Lào, Thái Lan, Campuchia,... Việc dâng thức ăn, y áo cũng như những dụng cụ phục vụ sinh hoạt tu tập cho Sư là một hoạt động diễn ra hằng ngày và hết





Bồ thí là tiêu chí số một và xuyên suốt trong mọi biểu hiện lập công đức, là một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu của nhân dân các nước theo Phật giáo. Đây là một hành động điển hình nhất của lòng từ bi, một trong hai hạnh cao nhất của Phật tử.



sức quan trọng trong đời sống văn hoá của người dân... Như vậy, sinh hoạt tu tập thường nhật của nhân dân đã in dấu sâu đậm lên truyện cổ. Trong bức tranh chung của sinh hoạt thực hành tôn giáo ấy, việc bố thí là một mảng màu đậm đà và bền bỉ, vừa là thước đo đạo hạnh của Phật tử, vừa là chuẩn mực đạo đức và tiêu chí đánh giá nhân cách mỗi người dân.

Mô típ này xuất hiện ở truyện Việt Nam khá khiêm tốn: 6/53 truyện (chiếm khoảng 10%). Thiết nghĩ, cũng nên đặt dấu hỏi với con số ít ỏi này. Theo dẫn chứng của Nguyễn Tấn Đắc trong công trình nghiên cứu Văn hoá Đông Nam Á, sau vị trí số một là tinh thần yêu nước, người Việt Nam coi trọng những giá trị bắt nguồn từ Phật giáo như từ thiện, tốt bụng (88%), thật thà, trung thực (87%), lòng tốt, lòng nhân từ, sự tử tế (79%). Theo Chu Xuân Diên, giá trị thứ hai trong thang bậc giá trị văn hoá của người Việt Nam là gắn bó với cộng đồng, thứ ba là lòng nhân ái. Phải chăng ở đây có sự khập khiễng? Chúng tôi cho rằng, mô típ *Thử lòng tốt* là một điển hình về sự bất nhịp và hoà hợp mềm dẻo nhất giữa tinh thần Phật giáo và đạo đức của quần chúng. Trong tất cả các mô típ mang tính đặc thù của nhóm truyện, đây là mô típ dễ dàng thoát ra ngoài phạm vi ảnh hưởng của những tư tưởng Phật giáo để trở về với tính chất thuần dân gian của nó. Đặc biệt, đối với những quốc gia không có được những điều kiện thuận lợi để Phật giáo phát triển huy hoàng, liên tục và trở thành quốc giáo như: Việt Nam, Indonesia, Philippin, Malaysia,... thì những yếu tố cốt lõi của Phật giáo dễ dàng bị hoà tan vào trong tiềm thức các dân tộc này, thể hiện ra ở phần chung nhất mà tôn giáo Từ bi bất nhịp với luân lý của người bình dân. Chúng tôi nghĩ rằng rất có thể mô típ này xuất hiện ở những truyện dân gian thuần tuý, không có dấu hiệu kèm theo để nhận diện yếu tố Phật giáo của tác phẩm. Hơn nữa, một truyện cổ dân gian mang màu sắc Phật giáo không nhất thiết phải hội đủ tất cả những mô típ *Tái sinh - hoá kiếp*, *Quy thiện*, *Thử lòng tốt*,... Tuỳ theo mục đích của người kể chuyện muốn chuyển tải vấn đề nào trong hệ thống tư tưởng Phật giáo mà có sự gia giảm hay tăng cường các mô típ trong việc bố trí các thành tố nghệ thuật của tác phẩm. Và quan trọng nhất, như chúng tôi đã phân tích ở trên, thực tế sinh hoạt văn hoá Phật giáo trong sinh hoạt thường nhật của nhân dân có ý nghĩa chi phối rất lớn đến cấu tạo của nhóm truyện này.

Trong năm dạng cấu tạo của mô típ *Thử lòng tốt*, truyện của Việt Nam tập trung nhiều ở dạng cấu tạo thứ tư: *Thử thách sự trì giới ở người tu hành qua hành động kêu gọi sự ham muốn*, ở các truyện: *Sự tích chim tu hú*, *Sự tích con nhái*, *Sự tích đèo Phật tử*. Hiện tượng này có liên quan đến quan niệm của nhân dân về việc tu hành và thái độ của người dân đối với Tăng giới như chúng tôi đã trình bày ở phần so sánh cấp độ nhân vật. Một hiện tượng khác đáng quan tâm là ở nhóm truyện của các quốc gia Đông Nam Á khác có xuất hiện dạng thứ năm: *Dùng phép thử để xác định ngay gian mà ở* truyện Việt Nam hầu như vắng bóng. Qua thống kê, có 6/17 truyện (khoảng hơn 30%) có mô típ *Thử lòng tốt* được cấu tạo theo dạng này: *Vị Bồ tát khôn ngoan*, *Cái dù*, *Thần cây ngoài mũi*, *Bốn chàng Bà la môn*, *Bốn thầy tu và túi vàng*. Đặc biệt, trong đó có 4/6 truyện liên quan đến việc phân xử của hai nhân vật nổi tiếng: Bồ tát và Tiều thư Thudamma.

Tu tập để đạt đến trí tuệ thù thắng và siêu việt là một trong hai nhiệm vụ quan trọng nhất của người tu theo Đạo Phật. Điển hình là xuyên suốt những câu chuyện tiền kiếp của Đức Thế Tôn, song hành với lý tưởng từ bi là trí tuệ sáng suốt như ngọn đuốc soi đường cho các hoá thân của Ngài tránh khỏi những hệ lụy của cuộc đời. Nếu Đức Phật thác sinh vào kiếp người thì đó là những chàng thanh niên nhanh trí, người thương gia sáng suốt hay vị đại thần hiền trí,... Nếu Đức Phật đầu thai vào kiếp vật thì đều là những con vật có trí khôn tuyệt vời như: Con nai khôn ngoan, con cua thông minh, con khỉ mưu trí,... Hiện tượng ngợi ca nhân vật thô như một vị quan toà thông minh tuyệt trí ở các nước Campuchia, Myanma, Lào... cũng không nằm ngoài ý nghĩa trên. Vị Bồ tát xét xử tài ba và công bằng xuất hiện trong truyện cổ với những cách xử lý đầy trí tuệ, tình, lý vẹn toàn. Trước quyết định táo bạo của Bồ tát, người mẹ thực sự của đứa bé ôm mặt khóc vì không nỡ làm con đau đớn (*Vị Bồ tát khôn ngoan*), cũng như người chủ thực sự của tấm lụa tỏ ra đau lòng vì tiếc công, xót của khi phải chứng kiến sản phẩm lao động của mình bị xé làm đôi (*Cái dù*). Thế là trắng đen được phơi bày. Đặc biệt, truyện của Myanmar xuất hiện một nhân vật nữ huyền thoại nổi tiếng thông minh, tài trí, coi trọng chánh pháp, thường can thiệp, hoà giải, xét xử công bằng chẳng khác gì một vị Bồ tát sống trong tình cảm của nhân dân. Cũng như nàng Tăn



Tay của Lào, Tiểu thư Thudamma Sari ở Madari (Myanmar), con quan tể tướng, là người uyên bác, tinh thông luật lệ, thuộc lòng kinh điển. Nàng nhớ rất rõ và hiểu biết tất cả ý nghĩa tinh thần của mười điều luật dành riêng cho hoàng tử, nhớ rõ năm điều luật Jilax trong kinh Phật. Tất cả những sách vở triết học và luân lý cũng không hề xa lạ với nàng. Tiếng tăm lòng lẫy của nàng ai cũng biết và mọi người dù có địa vị quan trọng đến đâu, dù ở bất cứ đâu trên thế gian này cũng đến nhờ nàng phân xử hộ những vụ khó khăn, phức tạp. Chỉ bằng một câu chuyện, Tiểu thư Thudamma Sari đã tìm ra thủ phạm lấy cắp túi vàng trong khi trước đó các quan toà cùng triều thần trong nước đều bó tay, bí lối (*Bốn chàng Bà la môn hay Bốn thầy tu và túi vàng*).

### Kết luận

Truyện cổ dân gian mang màu sắc Phật giáo không chỉ thu hút những mô típ của truyện cổ dân gian mà còn xác lập cả một hệ thống các mô típ mang tính đặc thù thực thi chức năng tôn giáo. Trong đó, luôn có hai xu hướng gần như đối lập tồn tại song hành và chuyển hoá lẫn nhau góp phần cấu thành nên chỉnh thể nghệ thuật tác phẩm: *Xu hướng Phật giáo hoá truyện cổ dân gian và xu hướng thể tục hoá những quan niệm Phật giáo*. Những mô típ này phản ánh nên bức tranh đời sống văn hoá nói chung và văn hoá Phật giáo nói riêng ở các dân tộc khu vực Đông Nam Á khá sinh động và thuần hậu trên nền tảng văn hoá lúa nước với lối sinh hoạt cũng như những suy nghĩ và tình cảm chất phác, dễ mến, chuộng sự hoà hợp, thích sự ổn định, coi trọng quan hệ cộng đồng,... Trong đó, Phật giáo và đạo lý theo quan niệm Phật giáo giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong tình cảm nhân dân.

Bên cạnh những mô típ chung, các dân tộc xây dựng cho mình một quỹ mô típ riêng, phản ánh những nét độc đáo, cá biệt mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc. Nếu như nhân dân các nước Campuchia, Lào, Thái Lan, Myanmar có truyền thống tôn kính, sùng bái quốc vương, gán cho người trị vì vương quốc những phẩm tính của Đức Phật và việc tu tập được ưu tiên hàng đầu trong đời sống thường nhật của người dân, thì người Việt Nam có cái nhìn hồn nhiên hơn, thực dụng hơn. Chung quy cũng là do có sự khác nhau về điều kiện phát triển Đạo Phật trong lịch sử giữa nước ta với các quốc gia khác cùng khu vực.

### Chú thích:

- [1] Truyện này không có mô típ *Tái sinh - hoá kiếp*.
- [2] Có thể thấy một hiện tượng điển hình về vị trí của Đạo giáo và Phật giáo trong quan niệm dân gian. Tâm thức nhân dân không phân biệt Phật giáo và Đạo giáo, có việc gì hệ trọng họ cầu cứu ở Trời Phật. Đối với họ, Trời, Phật tuy hai mà một. Vì thế, truyện Phật bà chùa Hương, có đoạn được nhân dân kể như sau: "*Thượng đế sắc phong đức chúa Bà là Đại từ Đại bi cứu khổ cứu nạn linh cảm Quán Thế Âm Bồ tát, ban tặng toà bàu hoa sen, trao phó vĩnh viễn làm chủ đạo tràng núi Phổ Đà biển Nam Hải*" [8, tr.95].
- [3] Theo Lê Quý Đôn toàn tập: "*Vua Lý Thái Tổ (1010 - 1028), khi đã dời đô đến Thăng Long đã cho xây bên tả là cung Thái Thanh, bên hữu dựng chùa Vạn Tuế. Suốt đời nhà Lý, tăng đạo đầy dân gian, chùa quán khắp trong nước*" [6, tr.387].
- Theo Việt Nam Phật giáo sử luận, trên một cái bia ở chùa Thiện Phúc, nhà Nho Lê Quát viết: "*Cái thuyết hoá phúc của nhà Phật sao mà cảm động lòng người sâu sắc đến thế? Trên từ vương công, dưới đến thú dân, hễ nói đến bố thí cúng dường vào Phật sự thì dù hết tiền hết của cũng không tiếc. Ngày hôm nay được cúng tiền vào việc xây chùa dựng tháp thì lấy làm hân hoan như là ngày mai sẽ được báo ứng tốt đẹp. Thế nên từ trong kinh thành cho đến ngoài châu phủ, khắp nơi thôn cùng ngõ hẻm, không cần ra lệnh mà cũng tuân theo, không bắt phải thế mà vẫn giữ đúng. Hễ chỗ nào có nhà ở thì có chùa Phật. Chùa hư nát thì sửa lại, lâu dài chuông trống chiếm tới phân nửa dân cư. Sự hưng thịnh của Đạo Phật quả để dâng mà sự tôn sùng cũng rất mực...*" [7, tr.413].
- [4] Trong lễ hội Bun Pimay của người Lào, người ta ra sông lấy cát đắp thành những ngọn tháp xung quanh cây đa cổ thụ để các nhà sư đến cầu kinh chúc phúc cho mọi người. Phật tử ở Myanmar coi việc dâng cúng tượng Phật cũng là một việc tích tu công đức. Họ xây những quazaung, là những ngôi nhà để tượng Phật. Payataya là một phương thức chữa bệnh đặc biệt của người Miến xưa bằng cách tạo nạn các tượng Phật bằng đất sét hay giấy bồi để xua đuổi ốm đau... [5, tr.84, 325, 366]
- [5] Vào thời quốc vương Asoka, trường giả Cấp Cô Độc (Sudatta Anathapindika), một người rất giàu có ở thành Vaisali (Ấn Độ), rất sùng Đạo Phật, đã xây dựng và cúng dường rất nhiều cho Phật và tăng chúng, hay bố thí cho người nghèo, sống cô độc nên gọi là Cấp Cô Độc.
- [6] Cấp Cô Độc (Anathapindika) bố thí đến lúc tài sản khánh kiệt, một hôm, ông ta chỉ có một nồi cháo nấu từ ngày hôm trước, rất muốn cúng dường nhưng ngại. Đức Phật nói với ông ta: "*Này gia chủ, gia chủ chớ có ngại khi bố thí những món thô xấu. Khi tâm tốt thì đồ vật cúng dường nào cũng tốt cả.*" [9, tr.5].
- [7] Chẳng hạn trong truyện chú thỏ sống cùng rái cá, khi và giả can bên bờ sông Hằng [10, tr.3-14], câu chuyện về vua Sivi bố thí cấp mắt cho người Bà-la-môn, hay chuyện khi chúa sẵn sàng hy sinh thân mình để cứu cả dân thoát khỏi hoạ sát thân [11, tr.115-127]...

### Tài liệu tham khảo:

1. Thích Minh Châu (dịch) (1991), *Chuyện tiền thân Đức Phật* (tập 1-4), Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.
2. Thích Minh Châu, Minh Chi (1991), *Từ điển Phật học Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (Nhiều người dịch) (2002), *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới*, Nxb. Đà Nẵng.
4. Nguyễn Đồng Chi (2000), *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam (tập 1-5)*, Nxb. Giáo dục.
5. Ngô Văn Doanh (1995), *Từ điển văn hoá Đông Nam Á phổ thông*, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện Đông Nam Á.
6. Lê Quý Đôn toàn tập, tập 2 (1977), *Kiến văn tiểu lục (bản dịch)*, Nxb. Khoa học Xã hội, tr.387.
7. Nguyễn Lang (2000), *Việt Nam Phật giáo sử luận (tập 1-3)*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
8. Thích Viên Thành (1996), *Truyện Phật bà chùa Hương*, Nxb. Khoa học Xã hội, tr.95.
9. Lý Thái Thuận, Phi Long (2002), *Truyện tiền thân Đức Phật bằng tranh (tập 3)*, Nxb. TP HCM.
10. Lý Thái Thuận, Phi Long (2002), *Truyện tiền thân Đức Phật bằng tranh (tập 11)*, Nxb. TP HCM.
11. Lý Thái Thuận, Phi Long (2002), *Truyện tiền thân Đức Phật bằng tranh (tập 12)*, Nxb. TP HCM.





PHẬT GIÁO

**KHOA HỌC  
& TRIẾT LÝ**



# Tư tưởng Hồ Chí Minh về Phật giáo



Vũ Trọng Hùng\*

**Tóm tắt:** Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ thiên tài, người thầy vĩ đại của Cách mạng Việt Nam, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới, đã hiến dâng trọn đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, Nhân dân ta và non sông đất nước ta [1]. Hồ Chí Minh đã để lại hệ thống tư tưởng có giá trị, trong đó có tư tưởng về Phật giáo.

Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về Phật giáo có nội dung phong phú, đa dạng nhưng có thể khái quát ở những nội dung cơ bản sau:

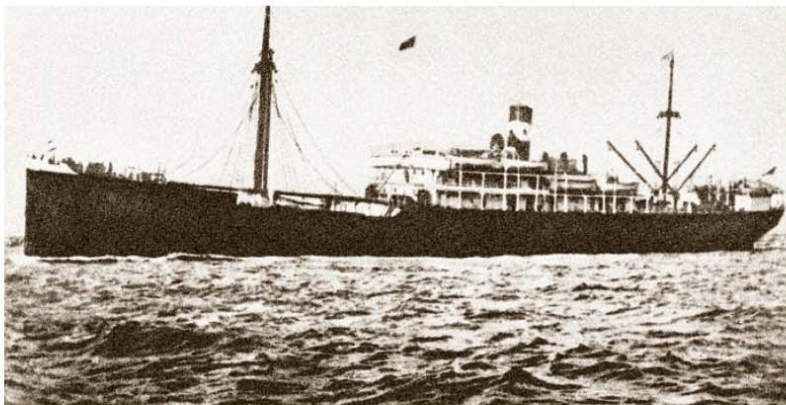
## 1. THẨM ĐUỘM TINH THẦN TỪ BI HỖ XẢ, CỨU KHỔ, CỨU NẠN, MUƯU CẦU HẠNH PHÚC, AN LẠC CHO NHÂN DÂN

Cuộc đời Hồ Chí Minh là kết tinh của tinh hoa văn hoá dân tộc Việt Nam. Trong đó, có nhiều yếu tố Phật giáo [2] với tư tưởng vị tha, cứu khổ, cứu nạn, mưu cầu hạnh phúc, an lành cho con người, bình an cho xã hội, nhất là việc xác định con đường diệt khổ. Đức Phật dạy: “Này A nan! Hãy tự mình làm hòn đảo cho chính mình và tự nương tựa chính mình. Hãy lấy Pháp làm hòn đảo, làm nơi nương tựa, đừng lấy nơi nào khác làm nơi nương tựa, làm hòn đảo, đừng nương tựa nơi nào khác” [3]. Hồ Chí





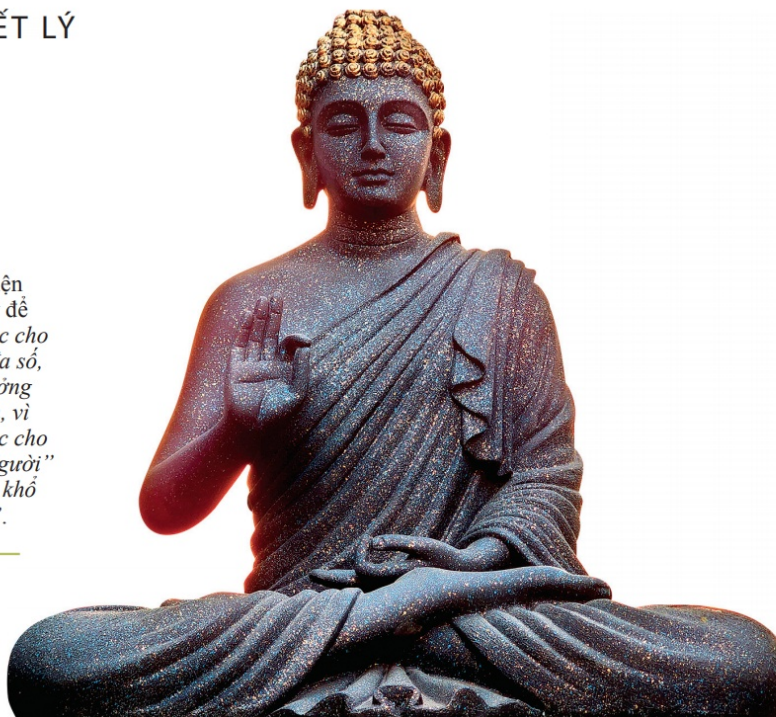
Hồ Chí Minh cũng hiến dâng trọn đời mình để xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho Nhân dân, độc lập cho đất nước: *“Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”*.



Giữa Đức Phật và Hồ Chí Minh đều coi trọng sức mạnh bản thân và trước hết cần phải chính bản thân mình thực hiện thành công mục tiêu đề ra trước khi trông chờ vào sự giúp đỡ của người khác.  
(*Ảnh tàu Đô đốc Latútơ Torêvin - Amiral Latouche Tréville*)



Đức Phật xuất hiện  
trên cuộc đời này để  
“Đem lại hạnh phúc cho  
đa số, an lạc cho đa số,  
vì lòng thương tưởng  
cho đời, vì lợi ích, vì  
hạnh phúc, vì an lạc cho  
chư Thiên và loài Người”  
và “chỉ nói lên sự khổ  
và sự diệt khổ”.



Minh cũng nhấn mạnh: “Muốn người ta giúp cho, thì trước hết phải tự giúp lấy mình đã” [4], “Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta” [5]. Như vậy, giữa Đức Phật và Hồ Chí Minh đều coi trọng sức mạnh bản thân và trước hết cần phải chính bản thân mình thực hiện thành công mục tiêu đề ra trước khi trông chờ vào sự giúp đỡ của người khác.

Cùng với việc răn dạy các đệ tử về trách nhiệm của bản thân trên con đường diệt khổ, Đức Phật còn là tấm gương sáng cho tinh thần từ bi hỷ xả, vô ngã vị tha, cứu khổ cứu nạn vì đã hy sinh bản thân đấu tranh diệt lũ ác ma. Đức Phật xuất hiện trên cuộc đời này để “Đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người” [6] và “Chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ” [7]. Hồ Chí Minh cũng hiến dâng trọn đời mình để xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho Nhân dân, độc lập cho đất nước: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” [8]. Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ là một ngày Tôi ăn không ngon, ngủ không yên. Điều này giống với “Hạnh vô ngã” của Đạo Phật, không nghĩ đến bản thân mình, luôn quên mình vì mọi người.

Trên con đường tìm đến hạnh phúc an lạc, cả Đức Phật và Hồ Chí Minh đều đặc biệt coi trọng vai trò của Nhân dân. Nếu như triết lý của Phật giáo khẳng định “Nhân thị tối thắng” - con người cao hơn tất cả, thì Hồ Chí Minh lại nhấn mạnh: “Trong bầu trời không gì quý bằng Nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của Nhân dân” [9]. Do đó, không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ lợi ích cho dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh.

Khi thực dân Pháp đốt chùa chiền, phá tượng Phật, hành hạ Tăng, Ni, tàn sát Phật tử hòng phá tan Đạo Phật [10], Hồ Chí Minh đã lãnh đạo Nhân dân kháng chiến đến cùng để cứu quốc dân ra khỏi khổ nạn, để giữ quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Thế là chúng ta làm theo lòng đại từ, đại bi của Đức Phật Thích Ca, kháng chiến để đưa giống nòi ra khỏi khổ ải nô lệ [11]. Với Người, “Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho Nhân dân. Cái gì trái với lợi ích của Tổ quốc, của Nhân dân tức là không phải chân lý. Ra sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, tức là phục tùng chân lý” [12]. Phát biểu tại lễ mừng Liên Hiệp Quốc ngày 05/01/1946, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Dân muốn gì, ta phải làm nấy”. Nói hy sinh phần đầu thì dễ, nhưng làm thì khó. Trước Phật đài tôn nghiêm, trước quốc dân đồng bào có mặt tại đây, Tôi xin thể hy sinh đem thân phần đầu để giữ vững nền



độc lập cho Tổ quốc. Hy sinh, nếu cần đến hy sinh cả tính mạng, Tôi cũng không từ [13]. Điều này rất gần với chân lý chỉ ra nỗi khổ và con đường diệt khổ của Phật giáo. Nhờ đó, Người đã thức tỉnh được lòng trắc ẩn, đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn của Đức Phật cho đồng bào Phật tử và kêu gọi họ đoàn kết cùng Nhân dân đấu tranh bảo vệ nền độc lập, hoà bình của đất nước.

Tôn chỉ, mục đích của Đạo Phật là xây dựng cuộc đời thuần mỹ, chí thiện, bình đẳng, yên vui và no ấm [14], đã được Hồ Chí Minh nâng lên thành truyền thống yêu nước, nhân văn của dân tộc và động viên đồng bào Phật tử về lòng yêu thương con người, quên mình vì mọi người, mình vì người khác... để xây dựng đất nước. Người nhấn mạnh mục đích của công cuộc chủ nghĩa xã hội là: “...làm cho Nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc, ...là làm sao cho dân giàu nước mạnh [15], ... làm sao cho Nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xóa bỏ [16]... mọi người được áo ấm, cơm no, nhà ở tử tế, được học hành [17], ...tất cả mọi người các dân tộc ngày càng ấm no, con cháu chúng ta ngày càng sung sướng...” [18].

Khi ở cương vị Chủ tịch nước, Người luôn dành thời gian đi thăm nhiều chùa và cơ sở Phật giáo như: Chùa Hương, chùa Một Cột, chùa Quán Sứ, chùa Thầy, chùa Trầm, chùa Côn Sơn, đền Ngọc Sơn, đền Hùng, Kiếp Bạc, Cổ Loa... để thấp hươu tưởng niệm Đức Phật, các bậc Thần linh, anh hùng chiến sĩ; tiếp xúc với nhiều Tăng, Ni, Phật tử và cùng với các nhà Sư “Ra sức cầu Phật cho kháng chiến chóng thành công để đất nước mạnh giàu, Nhân dân an lạc” [19]. “Phật giáo với dân tộc như bóng với hình. Dân tộc bị nô lệ dưới chế độ thực dân thì người Phật giáo cũng bị lầm than khổ sở. Do sự liên quan mật thiết giữa Phật giáo và dân tộc Việt Nam, nên khi Nguyễn Ái Quốc xuất hiện đấu tranh giành độc lập trên chính trường quốc tế thì cả dân tộc Việt Nam, trong đó có người Phật giáo, đều hướng về sự lãnh đạo của Người” [20]. Nước có độc lập thì Đạo Phật mới dễ mở mang, từ đó, nhiều người sẽ có cơ hội tiếp nhận đạo lý tinh thần mà Phật giáo truyền trao.

Như vậy, cả Đức Phật và Hồ Chí Minh đều thấm đượm tinh thần từ bi hỷ xả, cứu khổ cứu nạn; đề cao vai trò của Nhân dân; chỉ ra nguyên nhân và con đường diệt khổ để đi đến hạnh phúc an lạc cho mọi người; đồng thời, đưa ra nguyên tắc sống để mọi người nương vào đó thực hiện.

## 2. HỒ CHÍ MINH CHỦ TRƯỞNG ĐOÀN KẾT PHẬT GIÁO VỚI CÁC TÔN GIÁO KHÁC TRONG XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

Đạo Phật nổi tiếng với tư tưởng “Lục hoà” (Thân hòa đồng trụ (cùng hòa đồng khi ở chung). Khẩu hòa vô tránh (miệng nói cùng hòa hợp nhau, không gây gỗ, không nói lời dữ, lời nặng nề, không tranh hơn thua với nhau). Ý hòa đồng duyệt (ý của những thành viên trong cộng đồng hòa hợp, vui vẻ với nhau). Kiến hòa đồng giải (chia sẻ những thấy biết của mình). Giới hòa đồng tu (cùng giữ giới hạnh đối với nhau để cùng an vui tu tập). Lợi hòa đồng quân (có được lợi thì cùng chia đồng đều cho nhau))... Do đó, khi du nhập vào nước ta, tư tưởng “Lục hoà” rất phù hợp với truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam, nên nhanh chóng bám rễ sâu vào đời sống Nhân dân và được Hồ Chí Minh phát huy cao độ. Trong đó, Hồ Chí Minh dành sự quan tâm đặc biệt đến việc xây dựng khối đoàn kết giữa Phật giáo với các tôn giáo khác nhằm thực hiện thành công các nhiệm vụ chính trị đề ra.

Để Cách mạng giành thắng lợi thì người giàu, người nghèo, quý tộc và nông dân, Hồi giáo và Phật giáo, đều hợp sức đoàn kết [21]. Do đó, ngày 19/5/1941, Người quyết định thành lập Hội Việt Nam Độc lập Đồng minh (Mặt trận Việt Minh) với các Hội Cứu quốc, như: Phật giáo Cứu quốc, Công nhân Cứu quốc, Nông dân Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Phụ lão Cứu quốc, Nhi đồng Cứu quốc... để chống kẻ thù chính của dân tộc Việt Nam lúc ấy là thực dân Pháp và phát xít Nhật [22]. Người nhấn mạnh: “Việt Nam Độc lập Đồng minh, không phải là một đảng mà là một mặt trận toàn dân, bao gồm các đảng phái (Đảng Dân chủ, phái Xã hội), các phân tử Quốc dân Đảng, Đảng Cộng sản (đã tự động giải tán) và các đoàn thể yêu nước không đảng phái như: Hội Thanh niên Cứu quốc, Hội Phật giáo Cứu quốc, Hội Cơ đốc giáo Cứu quốc...” [23]. Như vậy, Hội Phật giáo Cứu quốc là một thành viên quan trọng của Mặt trận Việt Minh và cần tăng cường đoàn kết với các tổ chức tôn giáo khác để sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc đến thành công.

Với giác quan chính trị nhạy bén và sự miễn cảm



kiệt xuất, Hồ Chí Minh thấy rõ Phật giáo là một điểm tựa vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân đấu tranh giành độc lập dân tộc, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho con người. Người nhấn mạnh: “... Phật giáo Việt Nam với dân tộc như hình với bóng, tuy hai mà một. Tôi mong các Hòa thượng, Tăng, Ni và Phật tử hãy tích cực thực hiện tinh thần Từ bi, Vô ngã, Vị tha trong sự nghiệp cứu nước, giữ nước và giữ đạo để cùng toàn dân sống trong Độc lập, Tự do, Hạnh phúc”. “Tôi kính cầu nguyện Đức Phật bảo hộ Tổ quốc và đồng bào ta và Tôi gửi lời thân ái chào các vị trong Hội Phật tử. Từ ngày nước ta trở nên Dân chủ Cộng hoà, Hiến pháp ta tôn trọng tự do tín ngưỡng, thì Phật giáo cũng phát triển một cách thuận tiện” [24].

Phát biểu tại lễ mừng Liên Hiệp Quốc gia ngày 05/01/1946, Hồ Chí Minh khẳng định: “Nước Phật ngày xưa có những 04 đảng phái làm ly tán lòng dân và hại Tổ quốc. Nhưng nước Việt Nam ngày nay chỉ có 01 đảng phái là toàn dân quyết tâm giành độc lập. Tín đồ Phật giáo tin ở Phật; tín đồ Giatô tin ở Đức Chúa Trời; cũng như chúng ta tin ở Đạo Khổng. Đó là những vị chỉ tôn nên chúng ta tin tưởng” [25]. “Mục đích cao cả của Phật Thích Ca và Chúa Giêsu đều giống nhau, Thích Ca và Giêsu đều muốn mọi người có cơm ăn, áo mặc, bình đẳng, tự do và thế giới đại đồng”. “Chúa Giêsu dạy đạo đức là bác ái. Phật Thích Ca dạy: Đạo đức là từ bi. Khổng Tử dạy: Đạo đức là bác ái”.

Khi chính quyền Ngô Đình Diệm thi hành chính sách kỳ thị tôn giáo, chia cắt lâu dài nước ta, Hồ Chí Minh kêu gọi Tăng, Ni và đồng bào Phật tử: Đã đoàn kết thì càng đoàn kết hơn để góp phần xây

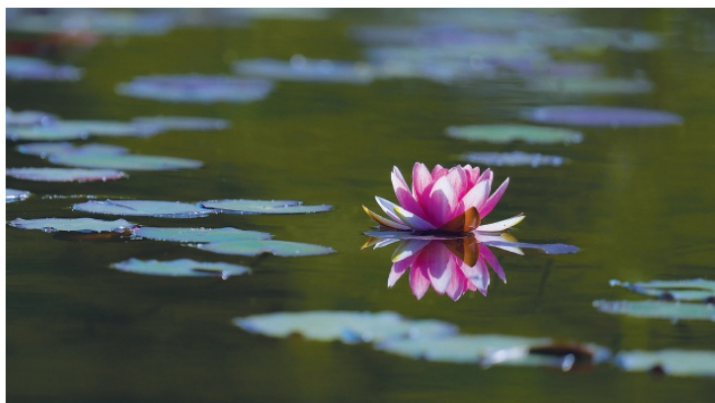
dựng hoà bình chống thắng lợi. Hãy ra sức giúp đỡ cán bộ, hăng hái thực hiện mọi công tác của Chính phủ, chấp hành đúng chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, ngăn chặn âm mưu của Mỹ - Diệm và bọn tay sai lợi dụng tôn giáo hòng chia rẽ khối đoàn kết toàn dân, hãy ra sức đấu tranh giành thống nhất đất nước [26].

### 3. HỒ CHÍ MINH ĐÁNH GIÁ CAO NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA TĂNG, NI, PHẬT TỬ TRONG SỰ NGHIỆP ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC

Phật giáo luôn đồng hành cùng dân tộc và có những đóng góp quan trọng đối với sự phát triển của đất nước. “Nhìn lại lịch sử dân tộc và lịch sử Phật giáo kể từ khi được truyền vào nước ta, đều khẳng định trên cả hai phương diện dựng nước và giữ nước, cũng như đấu tranh chống bất công và cường quyền, Tăng, Ni và Phật tử Việt Nam đã khẳng định mình là một bộ phận gắn bó chặt chẽ với dân tộc, đã góp tiếng nói và công sức vào cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì cuộc sống và hạnh phúc của Nhân dân” [27].

Trước sự xâm lược của thực dân Pháp, Hồ Chí Minh vận động Nhân dân đoàn kết để tạo thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước [28]. “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng, của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy” [29]. Lực lượng Tăng, Ni và Phật tử tham gia tích cực vào công cuộc bảo vệ độc lập dân tộc vì không ai có thể đứng yên nhìn đất nước bị diệt vong. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Tăng, Ni

Hồ Chí Minh đánh giá cao những đóng góp, hy sinh của Tăng, Ni, tín đồ Phật giáo. Trong “*Thư gửi Hội nghị Đại biểu Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam*” ngày 28/9/1964, Người nhấn mạnh: Các vị Tăng, Ni và tín đồ Phật giáo trước đây đã có công với kháng chiến, nay thì đang góp sức cùng toàn dân xây dựng miền Bắc giàu mạnh và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.





và Phật tử tham gia phong trào yêu nước. Ngày 15/3/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký quyết định thành lập Hội Phật giáo Việt Nam, đặt trụ sở tại 73 phố Quán Sứ, Hà Nội. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng ghi nhận những đóng góp của Tăng, Ni và Phật tử trong cuộc kháng chiến và kiến quốc. Người mong đồng bào cố gắng cho đến ngày kháng chiến thắng lợi, nước nhà độc lập [30], Người khen ngợi các vị Tăng, Ni, tín đồ đã sẵn lòng nồng nàn yêu nước, hăng hái làm tròn nghĩa vụ của người công dân và xứng đáng là Phật tử...[31].

Để phản đối việc chính quyền Ngô Đình Diệm cấm treo cờ Phật giáo thế giới vào dịp lễ Phật đản năm 1963, ngày 11/6/1963, Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu tại Sài Gòn với hạnh nguyện: “*Khóí thom cảnh tình bao người ác, Tro trắng phẳng san hố bất bình*”. Trước sự hy sinh phi thường và dũng cảm của Hòa thượng Thích Quảng Đức, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức cảm động và có câu đối kính viếng Hòa thượng: “*Vị pháp thiêu thân vạn cổ hùng huy thiên nhật nguyệt. Lưu danh bất tử bách niên chính khí địa sơn hà*” [32].

Ngày 28/8/1963, Hồ Chí Minh lên án chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp dã man Tăng, Ni, Phật tử. Người viết: *Bọn Ngô Đình Diệm đốt phá chùa chiền, khủng bố Sư sãi và đồng bào theo Đạo Phật... Tội ác của chúng, Nhân dân ta đều căm giận. Cả thế giới đều lên tiếng phản đối, Nhân dân tiến bộ Mỹ cũng tỏ lòng bất bình...* Trước tình hình ấy, đồng bào miền Nam ta đã đoàn kết nhất trí, không phân biệt sĩ, nông, công, thương, không phân biệt chính kiến, tôn giáo, kiên quyết đấu tranh để giành lại tự do dân chủ, tự do tín ngưỡng và cảm ơn Nhân dân thế giới đã ủng hộ cuộc đấu tranh của Tăng Ni, Phật tử miền Nam chống chế độ bạo quyền Ngô Đình Diệm: “*Thay mặt Nhân dân Việt Nam, Tôi chân thành cảm ơn Nhân dân và Chính phủ các nước Phật giáo, các nước Xã hội Chủ nghĩa anh em, cảm ơn Nhân dân yêu chuộng hòa bình và chính nghĩa trên thế giới, cảm ơn Nhân dân và nhân sĩ tiến bộ nước Mỹ đã nghiêm khắc lên án Mỹ - Diệm và nhiệt tình ủng hộ Nhân dân miền Nam*” [33].

Hồ Chí Minh đánh giá cao những đóng góp, hy sinh của Tăng, Ni, tín đồ Phật giáo. Trong “*Thư gửi Hội nghị Đại biểu Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam*” ngày 28/9/1964, Người nhấn mạnh: Các vị Tăng, Ni

và tín đồ Phật giáo trước đây đã có công với kháng chiến, nay thì đang góp sức cùng toàn dân xây dựng miền Bắc giàu mạnh và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà. Nhân dịp này, Tôi thân ái gửi lời chúc mừng Hội nghị thành công tốt đẹp. Nhân đây, chúng ta tỏ lòng đoàn kết với đồng bào Phật giáo ở miền Nam đang hăng hái tham gia cuộc đấu tranh yêu nước và chống đế quốc Mỹ xâm lăng. Đồng bào Phật giáo cả nước, từ Bắc đến Nam, đều cố gắng thực hiện lời Phật dạy là: “*Lợi lạc quần sinh, vô ngã vị tha*”. *Chúc toàn thể Tăng, Ni và đồng bào Phật giáo góp phần xứng đáng trong sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh*” [34].

#### Chú thích và tài liệu tham khảo:

- \* Tiến sĩ Vũ Trọng Hùng - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
- [1] Theo Tư tưởng Hồ Chí Minh - Di Sản Văn hóa Dân tộc, Nxb. Quân Đội Nhân dân, Hà Nội, 2002, tr.05.
- [2] Theo Hòa thượng Thích Minh Châu, *Cuộc đời của Hồ Chủ tịch trong mối quan hệ với Phật giáo và dân tộc*, trích trong tập “*Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo*”, nhiều tác giả, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2011, tr.128.
- [3] Xem kinh “*Tập A Hàm*”, kinh số 638 và 639 (ĐCT2.tr.176-177).
- [4], [28] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.02, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.293, 29.
- [5], [22] Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.03, tr.554, 662.
- [6] Hoà thượng Thích Minh Châu dịch, *Tăng Chi Bộ kinh*, tập I, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2005, tr.46.
- [7] Hoà thượng Thích Minh Châu dịch, *Kinh Trung Bộ*, tập I, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2005, tr.140.
- [8], [13], [23], [25], [29] Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.04, tr.187, 169, 137, 169, 14.
- [9], [16], [17], [18], [26], [31] Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.10, tr.453, 591, 72, 371, 472, 472.
- [10] Thư gửi cho Hội Phật tử Việt Nam ngày 13/8/1947 (tức Rằm tháng 7).
- [11] Trần Viết Lưu - Nguyễn Văn Lũy, *Phong cách giao tiếp Hồ Chí Minh*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội 2007, tr.121-122.
- [12] Xem Hồ Chí Minh, *Về Mặt trận dân tộc thống nhất*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1972, tr.39-50.
- [14] *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, t.04, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1958, tr.39.
- [15] Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.08, tr.226.
- [19] Vũ Kỳ, *Càng nhớ Bác Hồ*, tr.330.
- [20] Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật Giáo, *Sđd*, tr.77.
- [21] Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.01, tr.56.
- [27] Lê Cung, *Phong Trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963*, Nxb. Thuận Hóa, Huế 2008, tr.337.
- [30] Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.05, tr.228.
- [32] Báo Sài Gòn Giải Phóng, ngày 30/5/2005.
- [33] Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.12, tr.744.
- [34] Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.14, tr.383.



Tìm hiểu ý nghĩa //

người



Ngoài ra, vị giảng sư còn  
phải là một người hòa đồng,  
vui vẻ, luôn sát cánh đồng  
hành cùng Tăng đoàn.



# thuyết pháp"

## thông qua hình ảnh Tôn giả Puṇṇa Mantāniputta

**Tỳ kheo Thích Từ Thông**

*“Này các Tỳ-kheo, nghe pháp có năm lợi ích này. Thế nào là năm?  
Được nghe điều chưa nghe, làm cho trong sạch điều được nghe,  
đoạn trừ nghi, làm cho tri kiến chánh trực, làm cho tâm tịnh tỉnh” [1].*

Có một vấn đề không phải chỉ riêng trong thời đại Đức Phật mà ngay cả trong thời điểm hiện tại đặt ra, đó là yêu cầu về những tiêu chuẩn và phẩm chất cần thiết mà mỗi một vị Pháp sư hay Hoằng pháp viên cần phải có. Một vị được xem là thuyết pháp giỏi, một vị giảng sư giỏi có phải là do họ có tài tranh luận với giọng nói trong trẻo trầm bổng, ngoại hình ưa nhìn, gương mặt sáng láng, y áo trang nghiêm? Hay là những phẩm chất đạo đức của vị ấy cần phải được phát xuất từ sự thực nghiệm trong quá trình tu tập? Chúng ta hãy thử tìm hiểu về ý nghĩa “*Người thuyết pháp*” thông qua hình ảnh Tôn giả Puṇṇa Mantāniputta.

### 1. SƠ LƯỢC VỀ TIỂU SỬ CỦA NGÀI PUṆṆA MANTĀNIPUTTA

Theo sự ghi nhận trong *Trường lão Tăng kệ* [2], ngài Puṇṇa Mantāniputta được sinh trưởng trong thời đại của Đức Phật, quê hương của Ngài ở tại Doṇavatthu, không xa Kapilavatthu, trong một gia đình Bà-la-môn. Mẹ của Ông là Mantānī, bà là chị gái của Trường lão Āñña Koṇḍañña; Ngài được đặt tên là Puṇṇa với ý nghĩa là phúc lành, thiện lành. Ngài có đến năm trăm đồ chúng cùng trong gia tộc và tất cả đều xuất gia. Tôn giả Puṇṇa rất giỏi về mười căn bản của thuyết giảng: *Biết đủ, sống giản dị, viễn ly, độc cư, tinh tấn, giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến*. Ngoài ra, trong kinh điển Pāli và Hán tạng đều có những bài kinh với nội dung tương tự đề cập đến Tôn giả Puṇṇa, điều này chứng tỏ rằng Ngài là một trong những vị Thánh đệ tử đại diện, bậc mô phạm vào hàng xuất chúng trong Tăng đoàn.





*“Này các Tỳ-kheo, nghe pháp có năm lợi ích này. Thế nào là năm? Được nghe điều chưa nghe, làm cho trong sạch điều được nghe, đoạn trừ nghi, làm cho tri kiến chánh trực, làm cho tâm tịnh tỉnh”. (Ảnh: sưu tầm)*

## 2. ĐỊNH NGHĨA VỀ “NGƯỜI THUYẾT PHÁP”

Khi nhắc đến Tôn giả Punṇa Mantāniputta, người ta lập tức liên tưởng đến vị được Đức Phật ngợi khen là bậc thuyết pháp tối thắng trong các vị Tỳ-kheo [3]. Nhưng phải như thế nào mới có thể được gọi là một vị giảng sư, vị thuyết pháp (*dhammakathika*) tối thắng?

Trong kinh *Tương Ưng Bộ*, một số bài kinh đã định nghĩa như thế nào là vị “Thuyết pháp”, điển hình như: *Dhammakatthikasutta* và *Dutiyadhammakatthisutta* [4]. Ngoài ra, chúng ta còn bắt gặp những bản kinh với nội dung tương tự, định nghĩa như thế nào để được xem là vị “Thuyết pháp Sư” (說法師) trong *Tạp A-hàm kinh*: *Kinh số 26* và *kinh số 29* [5].

Trong *Tạp A-hàm* định nghĩa: “Nếu người nào đối với sắc mà nói pháp khiến sanh ra yếm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, thì đó gọi là Pháp sư. Nếu người nào đối với thọ, tưởng, hành, thức mà nói pháp khiến sanh yếm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, thì gọi đó là Pháp sư. Đó cũng gọi là những gì mà

Như Lai đã nói về Pháp sư” [6]. Trong kinh *Tương Ưng*, định nghĩa rằng: “Vị thuyết pháp về yếm ly, ly tham, đoạn diệt đối với sắc”, “vị thực hành về yếm ly, ly tham, đoạn diệt về sắc; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỳ-kheo thực hành pháp, tùy pháp”, “do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc, được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là vị Tỳ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại” (tương tự đối với thọ, tưởng, hành, thức) [7].

Như vậy thì theo quan điểm của những bài kinh vừa trích dẫn, Đức Phật đã định nghĩa như thế nào là một vị “Pháp sư”, vị “Thuyết pháp”. Được gọi như vậy tức là những vị Tỳ-kheo phải giảng dạy giáo pháp đúng với tinh thần Duyên khởi, Vô ngã trong Phật giáo, những bài pháp nào liên hệ đến sự nhàm chán, từ bỏ, đoạn tận tham đối với năm uẩn và vị đó phải là người thực hành con đường dẫn đến sự đoạn tận tham (Niết-bàn); vị thuyết pháp như vậy tức là vị thực hành pháp và tùy pháp, có thể đạt đến Niết-bàn ngay trong hiện tại.



### 3. NHỮNG TỐ CHẤT CỦA VỊ GIẢNG SƯ THÔNG QUA HÌNH ẢNH TÔN GIẢ PUNNA MANTĀNIPUTTA

Trong *Rathavināsa-sutta* [8]; *Thất xa kinh* [9] và bài kinh số 10 trong Đẳng Pháp phẩm thuộc Tăng nhất A-hàm [10], ghi lại câu chuyện rằng, một thời Thế Tôn trú ở thành Rajagaha tại Veluvana, Kalandakanivapa. Sau ba tháng An cư mùa mưa, các Tỳ-kheo địa phương tới đánh lễ Đức Thế Tôn. Đức Phật hỏi rằng: “*Này các Tỳ-kheo, ai ở tại địa phương được các Tỳ-kheo đồng phạm hạnh cùng một địa phương tán thán như sau: “Tự mình thiếu dục và giảng về thiếu dục cho các Tỳ-kheo; tự mình tri túc và giảng về tri túc...; ... độc cư; ... không ô nhiễm; ... tinh cần, tinh tấn; ... thành tựu giới hạnh; ... Thiền định; ... trí tuệ; ... giải thoát; ... giải thoát tri kiến; ... vị giáo giới, vị khai thị, vị trình bày, vị khích lệ, vị làm cho phấn khởi, vị làm cho các vị đồng phạm hạnh hoan hỷ?”* [11]. Khi đó, các Tỳ-kheo địa phương đều đồng ngợi khen và vinh danh Tôn giả Punna Mantāniputta, là vị mà có những đặc điểm đầy đủ như Đức Thế Tôn vừa mới đề cập.

Khi đó, ngài Sāriputta ngồi cách Thế Tôn không xa. Ngài suy niệm rằng, thật hạnh phúc thay Tôn giả Punna, Tôn giả đã được các vị đồng phạm hạnh có trí tấn thân từng điểm một trước mặt bậc Đạo Sư và được Thế Tôn chấp nhận, Ngài mong muốn có thể sẽ có một cuộc đàm luận với Tôn giả Punna. Sau đó, Trưởng lão Sāriputta hỏi rằng: “*Hiền giả, với mục đích gì, sống phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn?*”. Ngài Punna nói rằng, Ngài sống phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn là với mục đích “*Vô thủ trước Bát-niết-bàn*” với bảy cấp độ giải thoát, tương tự như bảy trạm xe đặt giữa Sāvathi và Saketa. Bảy cấp độ đó là: *Giới thanh tịnh; tâm thanh tịnh; kiến thanh tịnh; đoạn nghi thanh tịnh; đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh; đạo tri kiến thanh tịnh và tri kiến thanh tịnh*; bảy trạm xe này dẫn đến mục đích duy nhất là *vô thủ trước Bát-niết-bàn* (anupādānparinibbāna).

Sau khi nghe những lời giải thích, ngài Sāriputta đã không ngớt lời khen ngợi: “*Những câu hỏi sâu kín đã được trả lời từng điểm một bởi một đệ tử nghe nhiều, đã biết rõ giáo lý của bậc Đạo Sư và vị đệ tử ấy là Tôn giả Punna Mantāniputta*” [12]. Ngài còn nói rằng: “*Đây là niềm hạnh phúc cho các vị đồng phạm hạnh khi được thân cận, gần gũi, hầu hạ Tôn*

*giả Punna Mantāniputta*”. Như vậy, vị giảng sư là những vị phải am tường về pháp học và cả pháp hành, là vị có thể giảng giải giáo pháp một cách vắn tắt cho đến rộng rãi, có khả năng khiến cho người nghe pháp sanh khởi niềm tin vào Chánh pháp, lòng kính tín Tam bảo và định hướng cho sự tu tập tăng thượng Tâm, tăng thượng Giới, tăng thượng Tuệ.

Ngoài ra, vị giảng sư còn phải là một người hòa đồng, vui vẻ, luôn sát cánh đồng hành cùng Tăng đoàn, điển hình như Tôn giả Punna, chắc chắn rằng Ngài là một con người hòa đồng, dễ mến, với thái độ khiêm cung, tôn trọng đối với những vị mới xuất gia và cả các vị Thượng tọa, Tỳ-kheo, chính vì vậy mà Ngài đã được các Tỳ-kheo ở địa phương hết lòng ca ngợi trước mặt Đức Phật. Ngay cả ngài Ānanda khi trú ở Sāvathi, Ngài nói với các vị Tỳ-kheo rằng: “*Chư hiền giả, Tôn giả Punna Mantāniputta, khi chúng ta mới tu học, đã giúp đỡ chúng ta nhiều. Tôn giả ấy giảng cho chúng ta lời giáo giới này. Sau khi nghe Tôn giả Punna Mantāniputta thuyết pháp, chúng ta hoàn toàn chứng tri [Chánh] pháp (Dục lưu quả)*” [13]. Kinh *Thất Xa* trong Trung A-hàm, còn miêu tả thêm ngoại hình của ngài Punna là vị “*trắng trẻo, mũi cao như mỏ chim oanh vũ*” [14], có khả năng Ngài sở hữu phước tướng trang nghiêm do những thiện công đức đã tích góp trong nhiều kiếp tu tập.

Do đó, vị giảng sư theo định nghĩa của kinh điển, tức là vị thuyết giảng về những giáo lý liên hệ đến Duyên khởi, Vô ngã, có mục đích duy nhất đó là khiến thính chúng hướng về viễn ly, đoạn diệt, an tịnh, Niết-bàn. Vị giảng sư đó cũng phải là người đang thực hành hoặc đã thực hành viên mãn những giáo pháp ấy (dự vào dòng Thánh). Vị giảng sư không chỉ có ở về ngoài hào nhoáng, bóng bẩy, mà vị ấy cần phải được nuôi dưỡng trong Giới, Định, Tuệ; hơn nữa vị ấy là người hòa đồng, biết lắng nghe và có khả năng khích lệ động viên người khác tu tập theo Chánh pháp.

### 4. TÍNH THẦN THUYẾT PHÁP VÔ SỞ ÚY THÔNG QUA HÌNH ẢNH TÔN GIẢ PUNNA

Một vị giảng sư một khi đã được an trú trên nền tảng Giới, Định và Tuệ, thì tâm của vị ấy luôn được an tịnh và khó có thể bị lay động. Tính thần thuyết pháp Vô sở úy đó đã được biểu hiện một cách xúc động qua cuộc trò chuyện giữa Đức Phật và Tôn giả Punna Mantāniputta [15].





Học pháp, hành pháp  
và hoằng pháp là  
nhiệm vụ, là mục đích  
thiêng liêng, cao thượng  
mà mỗi người đệ tử  
Phật cần phải ưu tư.

Sau khi Tôn giả Puṇṇa được nghe lời giáo giới từ Đức Phật rằng nếu như không hoan hỷ, không chấp thủ với các đối tượng nhận thức của sáu giác quan, do đó không có dục hỷ sanh và dẫn đến sự diệt tận của mọi đau khổ. Sau đó, Đức Phật hỏi ngài Puṇṇa sẽ sống ở quốc độ nào, Tôn giả nói rằng Ngài sẽ sống ở Sunāparanta. “*Này Puṇṇa, người nước Sunāparanta là hung bạo, ... là thô ác... nếu người nước Sunāparanta mắng nhiếc ông, nhục mạ ông, thời này Puṇṇa, tại đây ông sẽ như thế nào?*”-- “*Bạch Thế Tôn, nếu người nước Sunāparanta mắng nhiếc con, nhục mạ con, thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: ‘Thật là hiền thiện... Thật là chí thiện, người nước Sunāparanta này! Vì rằng họ không lấy tay đánh đập ta’.*”

“... lấy tay đánh đập ông...?”-- “... ‘Thật là thiện,... Vì rằng họ không lấy các cục đất ném đánh



ta’.”; “... lấy các cục đất ném đánh ông...”--“... ‘Thật là hiền thiện... Vì rằng họ không lấy gậy đánh đập ta’.”; “... lấy gậy đánh đập ông...”--“... ‘Thật là hiền thiện... Vì rằng họ không lấy dao đánh đập ta’.”; “... lấy dao đánh đập ông...”--“... ‘Thật là hiền thiện... Vì rằng họ không lấy dao sắc bén đoạt hại mạng ta’.”; “... lấy dao sắc bén đoạt hại mạng ông...”--“... con sẽ nghĩ như sau: ‘Có những đệ tử của Thế Tôn, ưu phiền và nhàm chán thân thể và sinh mạng đi tìm con dao (để tự sát). Nay ta khỏi cần đi tìm đã được con dao ấy’.” [16].

Thông qua cuộc trò chuyện này, chúng ta nhận thấy một con người đã thấy được các pháp, vị ấy không còn những chấp thủ về ngã và ngã sở; người ấy thuyết pháp với tinh thần Vô sở úy, đầy đủ tất cả những oai lực của bậc Thánh đã không còn bị buộc ràng bởi những triền phược của thế gian. Đức Phật đã tán thán, ngợi khen Tôn giả Puṇṇa: “Lành thay, lành thay, này Puṇṇa! Này Puṇṇa, ông có thể sống trong nước Sunāparanta, khi ông có được đầy đủ sự nhiếp phục và an tịnh này. Này Puṇṇa, ông nay hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời” [17].

Có một điều mà chúng ta cần phải biết về tinh thần Vô úy trong Phật giáo, điều đặc biệt ở đây là đức tính không sợ hãi này lại được phát xuất từ sự tu tập các thiện pháp thông qua Giới, Định và Tuệ. Trong kinh *Tăng Chi* cũng ghi nhận về sự việc này: “Tỳ-kheo không có lòng tin, giữ ác giới, biếng nhác, nghe ít và ác tuệ. Thành tựu năm pháp này, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo rơi vào trong sự sợ hãi”. Nhưng ngược lại: “Nếu Tỳ-kheo có lòng tin, có giới, có nghe nhiều, tinh cần tinh tấn và có trí tuệ. Thành tựu năm pháp này, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo không có sự sợ hãi” [18]. Do đó, chúng ta có thể nói rằng, Tôn giả Puṇṇa đã thành tựu được năm pháp này, ngoài ra đối với vị giảng sư thì năm pháp này chính là yếu tố giúp cho vị thuyết pháp đầy đủ tự tin, đầy đủ sự oai nghi, được sự bảo vệ của Giới luật, Trí tuệ và tinh tấn với thiện pháp. Vị ấy sẽ không bị người khác chỉ trích về những khiếm khuyết về giới luật, người đó trở thành một người mẫu mực “*Tri hành hợp nhất*”.

Chính nhờ có những đức tính cao đẹp về một vị giảng sư mẫu mực này mà Tôn giả Puṇṇa đã đi đến và sinh sống trong nước Sunāparanta, trong mùa mưa An cư năm đó, Ngài đã nhiếp độ khoảng năm trăm nam cư sĩ, năm trăm nữ cư sĩ, cũng trong

thời gian ấy ngài Puṇṇa đã chứng được Tam minh. Đức Phật cũng xác nhận rằng: “*Này các Tỳ-kheo, thiện nam tử Puṇṇa là bậc Hiền trí. Vị ấy thực hành pháp và tùy pháp. Vị ấy không phiền nhiễu Ta với những câu hỏi về pháp. Này các Tỳ-kheo, thiện nam tử Puṇṇa đã nhập Niết-bàn*” [19].

## 5. ĐẠO ĐỨC CỦA MỘT VỊ GIẢNG SƯ

Một vị giảng sư cần được chú trọng đầu tư về pháp học và pháp hành, bởi vì khi giáo lý không được nắm vững thì có thể dẫn đến những hướng dẫn sai lạc cho người khác, hơn nữa trong kinh nghiệm tu tập cần phải có thời gian trải nghiệm, từ đó mới có thể giảng giải cho mọi người. Trong kinh *Tăng Chi*, Đức Phật xác nhận rằng có năm pháp khiến cho Diệu pháp hỗn loạn và biến mất, nguyên nhân đầu tiên là do “*các Tỳ-kheo học thuộc lòng kinh điển bị nắm giữ sai lạc với những văn cú đặt sai lầm, ... với văn cú đặt sai lầm, ý nghĩa bị hưởng dẫn sai lạc, đây là pháp thứ nhất, này các Tỳ-kheo đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất*” [20]. Do đó, muốn trở thành một vị hoằng pháp, trước tiên cần phải có hiểu biết vững vàng về giáo lý, bởi vì không nắm vững về pháp học và pháp hành sẽ dẫn đến sự suy vi cho mạng mạch Phật pháp.

Vị giảng sư không chỉ học về các giáo pháp, mà ngoài ra vị ấy cần phải được phòng hộ bởi Giới luật, tu tập Thiền định để có được Trí tuệ để thấy biết sự thật các pháp như nó đang xảy ra. Trong *Trường lão Tăng kệ* còn ghi lại kệ ngôn của Tôn giả Puṇṇa: “*Ở đây, chỉ có giới là cao cả; Tuy nhiên, người có trí tuệ là tối thượng. Ở giữa loài người và chư Thiên, sự chiến thắng là nhờ vào giới và trí tuệ*” [21]. Do đó, vị giảng sư không phải chỉ là vị có hiểu biết về giáo lý mà còn phải là người có đầy đủ giới luật và trí tuệ chính là thành quả của sự tu tập, nó cũng là phương tiện để vận dụng, khai triển giáo pháp một cách vô ngại.

Vị giảng sư phải là người “*Thuyết Pháp thanh tịnh*”, tức là vị thuyết pháp không vì mục đích cung kính, lợi dưỡng, danh vọng, tiền tài chi phối; vị ấy thuyết pháp vì lòng từ mẫn, muốn cho mọi người cùng được hưởng vị ngọt của Chánh pháp. Trong *Candūpamasutta* Đức Phật đã dạy các Tỳ-kheo, khi đi đến với các gia đình thân tâm phải đề dặt, cũng như bàn tay giữa hư không, không bị trôi buộc, dính mắc khi đi đến các gia đình: “*Tỳ-kheo*



Vị giảng sư là những vị phải am tường về pháp học và cả pháp hành, là vị có thể giảng giải giáo pháp một cách  
văn tất cho đến rộng rãi, có khả năng khiến cho người nghe pháp sanh khởi niềm tin vào Chánh pháp, lòng kính  
tín Tam bảo và định hướng cho sự tu tập tăng thượng Tâm, tăng thượng Giới, tăng thượng Tuệ.

nào với tâm như thế này thuyết pháp cho các người khác: ‘Pháp được Thế Tôn khéo giảng, pháp ấy liên hệ đến hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hưởng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu. Ôi, mong họ được nghe pháp ta giảng. Sau khi nghe pháp, mong họ hiểu rõ pháp, ... mong họ thực hành. Duyên pháp thiện tánh thuyết pháp cho người khác. Duyên lòng Từ bi, duyên lòng từ mẫn, khởi lòng lân mẫn thuyết pháp cho các người khác’ [22].

## 6. Kết luận

Học Pháp, hành Pháp và hoằng Pháp là nhiệm vụ, là mục đích thiêng liêng, cao thượng mà mỗi người đệ tử Phật cần phải ưu tư. Do đó, cần xác định rõ ràng về ý nghĩa cao đẹp của vị “Thuyết pháp”, tránh tình trạng làm sai lệch và mất đi những ý nghĩa cao quý của vị “Nhu Lai sứ giả”.

### Chú thích và Tài liệu tham khảo:

- [1] Kinh Tăng Chi Bộ, Chương 5, *kinh Nghe Pháp*, TTTDPGVN, HT. Thích Minh Châu dịch, Nxb. Hồng Đức, 2021, tr.682.  
[2] Tiểu Bộ Kinh II, *Trường lão Tăng kệ*, VNCPHVN, HT. Thích Minh Châu dịch, Nxb. Tôn Giáo, 2015, tr.195.  
[3] Kinh Tăng Chi Bộ, Chương I, *Phẩm Người Tối Thắng*, TTTDPGVN, HT. Thích Minh Châu dịch, Nxb. Hồng Đức, 2021, tr.25.  
[4] Kinh Tương Ưng Bộ, *kinh Vị Thuyết Pháp & kinh Vị Thuyết Pháp Thứ Hai*, TTTDPGVN, HT. Thích Minh Châu dịch, Nxb. Hồng Đức, 2020, tr.634-635.  
[5] CBETA 2022.Q1, T02, no.99, p.5c9 và CBETA 2022.Q1, T02,

no.99, p. 6a12.

- [6] CBETA 2021.Q4, T02, no.99, p.5c14-18  
[7] Kinh Tương Ưng Bộ, *kinh Vị Thuyết Pháp*, TTTDPGVN, HT. Thích Minh Châu dịch, Nxb. Hồng Đức, 2020, tr.635.  
[8] Kinh Trung Bộ, 24. *Kinh Trạm Xe*, TTTDPGVN, HT. Thích Minh Châu dịch, Nxb. Hồng Đức, 2020, tr.175-180.  
[9] CBETA 2021.Q4, T01, no.26, p.429c28  
[10] CBETA 2022.Q1, T02, no.125, p. 733c28.  
[11] Kinh Trung Bộ, 24. *Kinh Trạm Xe*, TTTDPGVN, HT. Thích Minh Châu dịch, Nxb. Hồng Đức, 2020, tr.175.  
[12] Kinh Trung Bộ, 24. *Kinh Trạm Xe*, TTTDPGVN, HT. Thích Minh Châu dịch, Nxb. Hồng Đức, 2020, tr.180.  
[13] Kinh Tương Ưng Bộ, *Kinh Ānanda*, TTTDPGVN, HT. Thích Minh Châu dịch, Nxb. Hồng Đức, 2020, tr.591.  
[14] CBETA 2021.Q4, T01, no.26, p.430b12-13.  
[15] Xem thêm, kinh Trung Bộ, 145. *Kinh Giáo Giới Phú-lâu-na*, TTTDPGVN, HT. Thích Minh Châu dịch, Nxb. Hồng Đức, 2020, tr.1093-1095.  
[16] Xem thêm, kinh Trung Bộ, 145. *Kinh Giáo Giới Phú-lâu-na*, TTTDPGVN, HT. Thích Minh Châu dịch, Nxb. Hồng Đức, 2020, tr.1093-1095.  
[17] Kinh Trung Bộ, 145. *Kinh Giáo Giới Phú-lâu-na*, TTTDPGVN, HT. Thích Minh Châu dịch, Nxb. Hồng Đức, 2020, tr.1095.  
[18] Kinh Tăng Chi Bộ, Chương 5, *kinh Sự Hải*, TTTDPGVN, HT. Thích Minh Châu dịch, Nxb. Hồng Đức, 2021, tr.638.  
[19] Kinh Trung Bộ, 145. *Kinh Giáo Giới Phú-lâu-na*, TTTDPGVN, HT. Thích Minh Châu dịch, Nxb. Hồng Đức, 2020, tr.1095.  
[20] Kinh Tăng Chi Bộ, Chương 5, *Kinh Diệu Pháp Hỗn Loạn Thứ Ba*, TTTDPGVN, HT. Thích Minh Châu dịch, Nxb. Hồng Đức, 2021, tr.635.  
[21] Theragāthā, *Puṇṇattheragāthā*, phẩm thứ 7, Tỳ-khưu Indacanda dịch.  
[22] Kinh Tương Ưng Bộ, *kinh Ví Dụ Mặt Trăng*, TTTDPGVN, HT. Thích Minh Châu dịch, Nxb. Hồng Đức, 2020, tr.439.



# HƯƠNG VỀ CỬA PHẬT

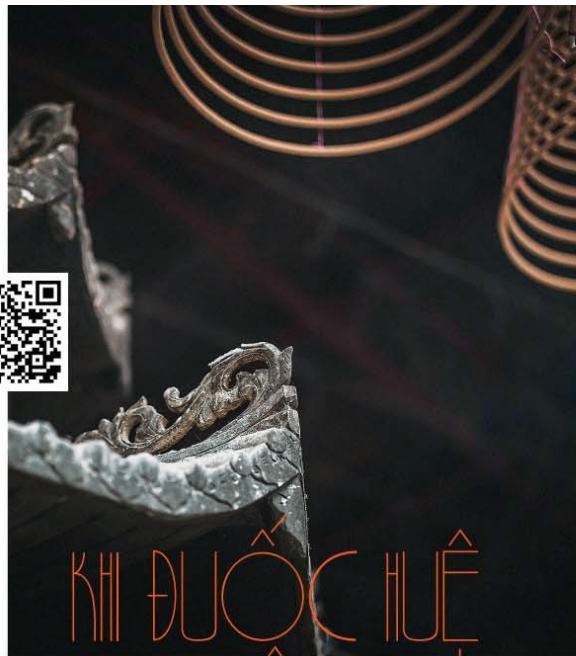
**Lê Minh Hải**

Một ngày thơm ngát hương hoa  
Nhân gian đón Phật Thích Ca giáng trần  
Hào quang bao bọc tấm thân  
Bảy bông sen đón bước chân của Người

Phật mang trí tuệ sáng ngời  
Ngọn đèn soi thấu kiếp người khổ đau  
Từ bi mang những nhiệm màu  
Chúng sinh hoan hỉ cùng nhau hướng về

Giúp người qua nỗi u mê  
Khai tâm tránh những bộn bề lợi danh  
Hơn thua cũng chỉ hư vinh  
Hướng tâm theo Phật để mình an vui

Hoa đàm thơm tỏa kiếp người  
Tiếng chuông giác ngộ cho đời an nhiên  
Chấp tay hướng đến cửa thiền  
Thấy ngời mắt Phật sáng miền thiện tâm...



# KHI ĐƯỢC HUỆ SOI TÂM

**Lê Đức Đồng**

Giữa bể đời trong đục  
Được huệ soi tâm mình  
Từng nhịp lòng hồi hả  
Tuôn sắc màu lung linh...

Được sống trong cõi đời  
Là vô cùng hạnh phúc !  
Được được huệ soi tâm  
Vọng tiếng đời thúc giục...

Nếu mình còn nhỏ nhen  
Thì mở lòng đón nhận .  
Nếu còn tham, sân, si  
Tự mình tròn bổn phận...

Sống từ bi, hi xả  
Sống là cho cuộc đời  
Sống là tình chia sẻ  
Tỏa hương lành nơi nơi...

Khi được huệ soi tâm  
Thấy chân trời sáng rõ  
Thấy niềm vui mỗi ngày  
Thấy tâm mình rộng mở...

Khi được huệ soi tâm  
Duyên lành mình đã đến.  
Biết an lạc với đời  
Trái lòng càng thương mến...



# Hình tượng Đức Phật

Kinh Pháp Hoa có nói:  
"Các Đức Phật Như Lai chỉ  
giáo hóa Bồ tát, những điều  
làm ra thường vì một việc:  
Chỉ đem tri kiến Phật cho  
chúng sanh tỏ ngộ thôi".





# Đản sanh

## và đi bảy bước trên bảy đóa sen

**Thiện Giác\***

### **DẪN NHẬP**

Cách đây hơn 2.500 năm tại tiểu lục địa Ấn Độ, một bậc Thầy của trời và người đã ra đời, chính là Thái tử Siddhartha, con của vua Suddhodana (Tịnh Phạn), mẹ là Hoàng hậu Maya (Ma-da). Vì tầm cầu con đường giải thoát khỏi sự sanh, lão, bệnh, tử cho chúng sanh nên Ngài đã rời bỏ cung vàng điện ngọc để đi tìm chân lý rốt ráo. Sau 06 năm tu khổ hạnh và 49 ngày hành thiền dưới cội cây Bồ đề, Ngài đã đạt thành quả Chánh Đẳng Chánh Giác cùng với trí tuệ siêu việt, là một bậc Thầy của trời người. Từ khi mới sinh ra, Đức Phật đã có những điểm khác biệt với bao đứa trẻ khác, đó chính là hình ảnh hài nhi khi vừa sinh ra đã đi bảy bước trên bảy đóa sen.

### **NƠI ĐỨC PHẬT ĐẢN SANH**

Xứ cộng hòa của bộ tộc Sakya thủ đô là Kapilavatthu [1] (và vùng lãnh thổ cổ sơ hiện nay nằm giáp ranh ở biên giới Ấn Độ - Nepal chia cắt) chính là quê hương của Đức Phật [2]. Theo văn hóa đương thời tại đây, người phụ nữ mang thai đứa con đầu lòng phải trở về quê ngoại để sinh [3], Hoàng hậu Maya

cũng tuân theo lệ đó. Theo tác phẩm Đức Phật lịch sử [4], khi đến thời kỳ sắp sinh Thái tử, Hoàng hậu đã khởi hành từ Kapilavastu về quê ngoại ở Devadaha [5] để sinh con. Cuộc hành trình bằng xe ngựa hay xe bò cóc cách đã làm cho việc lâm bồn của bà xảy ra trước khi về đến Devadaha. Gần làng Lumbini [6] (nay là Rumindai), nơi đây không có nhà cửa, thầy thuốc nào lo việc hộ sản, chỉ có tàng cây Vô Ưu. Theo Lịch sử Phật giáo Ấn Độ [7] cho rằng Đức Phật sinh ngày mùng 08 tháng 4 năm 624 trước Công nguyên. Bên cạnh đó, các nước như Sri Lanka, Myanmar, Thái Lan thường lấy năm Đức Phật nhập Niết bàn là năm 544 TCN để làm lễ kỷ niệm [8] Hội Phật giáo thế giới năm 1952 đã thống nhất lấy năm Đức Phật diệt độ đó làm năm kỷ niệm “Phật lịch”, tức là Đức Phật sinh năm 624 TCN.

Vào năm 1896, Lumbini đã được các nhà khảo cổ học khai quật. Họ tìm thấy di chỉ quan trọng nhất chính là một thạch trụ cao 6,5m do Hoàng đế Asoka dựng năm 245 TCN ghi rằng: “Hai mươi lăm năm sau khi lên ngôi, quốc vương Devanampiya Piyadasi



Là một bậc Thầy của trời người, từ khi mới sinh ra, Đức Phật đã có những điểm khác biệt với bao đứa trẻ khác. Đó chính là hình ảnh hài nhi khi vừa sinh ra đã đi bảy bước trên bảy đóa sen.



(*Thiên Ái Thiện Kiến*) ngự đến đây chiêm bái, vì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bậc hiền nhân của bộ tộc Thích Ca đã Đản sanh tại đây. Nhà vua ban lệnh khắc một tượng bằng đá (?) và dựng một thạch trụ. Ngài miễn thuế đất ở làng Lumbini và giảm thuế hoa lợi từ 1/4 theo lệ thường xuống 1/8)” [9].

Cho đến ngày nay, những di tích gắn với cuộc đời của Đức Phật từ lúc Đản sanh vẫn còn được các nhà khoa học nghiên cứu và bảo tồn. Đức Phật với một con người bằng xương bằng thịt, được sinh ra và có bằng chứng chứ không phải một nhân vật hư cấu, truyền thuyết.

#### Ý NGHĨA HÌNH ẢNH ĐI BẢY BƯỚC TRÊN BẢY ĐÓA HOA SEN

##### Ý NGHĨA 7 ĐÓA HOA SEN

Hoa sen chính là loài hoa tượng trưng cho Phật giáo. Hoa sen là một loài hoa tinh khiết, đẹp với năm điều đặc biệt được Đức Phật khen ngợi. Kinh Pháp Hoa [10] đã đề cập đến vẻ đẹp của hoa sen như sau:

*Một, có hoa là có gương, đó là nhân quả đồng thời. Hai, mọc trong bùn lầy mà vẫn trong sạch thơm tho. Ba, cọng bông từ gốc tách riêng, không chung cành với lá.*

*Bốn, ong và bướm không bu đậu.*

*Năm, không bị người dùng làm trang điểm.*

Như vậy, hoa sen có năm đặc tính tốt đẹp mà các loài hoa khác không có. Đó là hình ảnh của hoa sen. Nhưng tại sao truyền thống kể lại rằng Ngài đã bước đi trên bảy đóa sen mà không phải là con số khác?

Trong kinh *Trường A Hàm* Đức Phật đã nêu rõ, sờ dĩ Đức Phật bước đến bước thứ bảy rồi ngừng lại nói:

*Thiên thượng thiên hạ*

*Duy Ngã độc tôn*

*Nhứt thiết chúng sinh*

*Giai hữu Phật tính.*

Vì mỗi một hoa sen là một Đức Phật trước đó, hiện tại Ngài là Đức Phật thứ 07. Trong kinh *Sơ Đại Bốn Duyên* (Nhân duyên giảng sanh, thành đạo, giáo hóa của bảy Đức Phật trong thế giới Ta bà) thuộc *Trường Bộ Kinh*, kể lại có ba Đức Phật của kiếp quá khứ (Trang nghiêm kiếp) và bốn Đức Phật của kiếp hiện tại (Hiện kiếp). Kinh không nói đến kiếp vị lai (Tịnh tú kiếp). Bảy Đức Phật gồm [11]: Một là Đức Phật Tỳ Bà Thi của kiếp quá khứ.





Muốn đạt được sự cứu cánh giải thoát thì chúng sanh phải bỏ qua tâm ích kỷ, hẹp hòi của mình, biết thực hành Lục Độ Ba La Mật như Bồ tát Địa Tạng đã phát nguyện: “*Địa ngục vị không thệ bất thành Phật, chúng sanh độ tận phương chứng Bồ đề*”.

Hai là Đức Phật Thi Khí của kiếp quá khứ. Ba là Đức Phật Tỳ Xá Bà của kiếp quá khứ. Bốn là Đức Phật Câu Lưu Tôn của kiếp hiện tại. Năm là Đức Phật Câu Na Hàm của kiếp hiện tại. Sáu là Đức Phật Ca Diếp của kiếp hiện tại. Bảy là Đức Phật Thích Ca của kiếp hiện tại giáo hóa chúng sanh trong thế giới Ta bà.

Sở dĩ Đức Phật dừng lại ở hoa sen thứ 07 và đọc bài kệ vì hoa sen thứ 07 chính là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hiện tại vừa giáng sinh để giáo hóa chúng sanh trong cõi Ta bà này. Đó chính là ý nghĩa của bảy đóa hoa sen xuất hiện trong lúc Đức Phật Đản sanh.

#### **Ý NGHĨA 7 BƯỚC ĐI CỦA ĐỨC PHẬT**

Chắc hẳn ai cũng biết khi Đức Phật vừa giáng sinh đã đi 07 bước, sau đó Ngài chỉ ngón tay lên trời, ngón tay chỉ xuống đất và đọc bài kệ vừa nói trên. Với trí tuệ siêu việt, phương tiện thuyết pháp cho chúng sanh, những cử chỉ của những bậc xuất thế thường khác với những người thường và mang giá trị giáo lý cao. Hình tượng Đức Phật vừa sinh ra đã đi 07 bước mang một ý nghĩa vô cùng sâu sắc. Sự xuất hiện của một vị Phật là cả một quá trình

trải qua nhiều kiếp, từ một người phạm phu phải tu nhiều đời nhiều kiếp để được thành Phật và dấu hiệu của một vị Bồ tát tái sanh để trở thành Phật chính là vừa giáng trần đã đi 07 bước, 07 bước đó thể hiện cho việc đắc được 07 đạo Bồ đề. Việc đó được dẫn chứng trong kinh *Ưu Bà Di Tịnh Hạnh Pháp Môn* như sau:

**Bước đi thứ nhất, chỉ về phương Đông, vì làm người dẫn đường cho các chúng sanh** [12]. Phương Đông là phương của mặt trời mọc, tượng trưng cho trí tuệ của chúng sanh. Trong kinh *Pháp Hoa* có nói: “*Các Đức Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ tát, những điều làm ra thường vì một việc: Chỉ đem tri kiến Phật cho chúng sanh tỏ ngộ thôi*” [13]. Và Đức Phật tái sanh để giáo hóa, giúp chúng sanh được khai mở trí tuệ, ngộ nhập tri kiến Phật vốn có của chính mình.

**Bước đi thứ hai, chỉ về phương Nam vì làm ruộng phước lành cho chúng sanh** [14]. Đức Phật là một bậc Đại Giác Lương Túc Tôn, Ngài đã huấn tập tu hạnh nhẫn nhục, bỏ thí một cách Ba-la-mật từ vô thi kiếp. Bỏ thí cả cung vàng điện ngọc, vợ đẹp, con ngoan, cả mắt, tai, mũi, lưỡi... Ngài nhận ra rằng,





muốn giải thoát thì trí tuệ thôi chưa đủ, phải có thêm phước đức. Nếu thiếu một trong hai thì như chim chỉ có một cánh không thể bay được. Vì thế, Ngài cần có đầy đủ phước đức và trí tuệ để làm ruộng phước cho chúng sinh nương vào đó mà gieo hạt.

**Bước đi thứ ba**, chỉ phương Tây vì đời này của Bồ tát đã tận, đây là thân cuối cùng [15]. Nhắc đến phương Tây, người ta sẽ nghĩ đó là nơi yên nghỉ lặng lẽ. Thân của Đức Phật sẽ đi vào cõi vô sanh bất diệt hay gọi là Niết bàn khi Phật pháp có người truyền thừa, nhưng trí tuệ và phước đức vô biên của Đức Phật vẫn còn hiển hiện nơi đây để cho chúng sinh gieo phước cúng dường.

**Bước đi thứ tư**, chỉ về phương Bắc, vì với tất cả chúng sanh thì Bồ tát đã đắc Vô thượng Bồ đề [16]. Trong quá trình tu tập để đạt đến đạo quả Bồ

đề, với trí tuệ siêu việt. Ngài nhận ra tâm Phật và chúng sanh vốn không sai biệt, nhưng muốn đạt được sự cứu cánh giải thoát thì chúng sanh phải bỏ qua tâm ích kỷ, hẹp hòi của mình, biết thực hành Lục Độ Ba-la-mật như Bồ tát Địa Tạng đã phát nguyện: “Địa ngục vị không thệ bất thành Phật, chúng sanh độ tận phương chứng Bồ đề”. Nhưng không dừng lại ở hạnh nguyện đó, phải tiếp tục hạnh nguyện độ tha cho đến khi đạt đến Phật quả mới thôi. Vì lòng từ bi vô lượng, Đức Phật đã tu tập đến quả vị Vô Thượng Bồ đề để cho chúng sanh nương nhờ mà lấy đó làm gương.

**Bước đi thứ năm**, chỉ phương dưới vì muốn phá tan binh ma để chúng thối lui [17]. Phương dưới là những nơi u tối, ví như những phiên não chương và sở tri chương. Không những thế, còn có những cảm dỗ ngoại ma bên ngoài tác động,



làm cho chúng sanh vướng phải, là nguyên nhân của việc sanh tử luân hồi. Thấy được điều đó, Ngài đã phát nguyện tu hành vì chúng sanh mà hàng phục những ma chướng đó. Đó là quá trình Bồ tát phát khởi tu tập xả bỏ chấp trước nội tâm hay ngoại cảnh để thành tựu “*Tứ vô lượng tâm*” (từ, bi, hỷ, xả). Bởi chỉ khi đạt được chánh quả thì mới hàng phục được những ma chướng này, mới làm thầy dẫn đường cho chúng sanh đạt được giải thoát cứu cánh.

**Bước đi thứ sáu, chỉ phương trên vì làm chỗ quy y cho trời, người** [18]. Đức Phật thấy được chúng sanh tuy phát tâm tu hành, dùng trí tuệ Bát nhã để quán chiếu dẹp trừ ma chướng cho chính mình. Đồng thời, Ngài cũng thấy rằng, trên lộ trình giải thoát sanh tử đó chúng sanh khi ý chí mỗi một rất cần nơi nương tựa, cần có một bậc giác ngộ toàn năng chỉ đường. Là Người cha lành của muôn loài, đã vì chúng sanh mà phát hạnh nguyện lợi tha. Vì lòng từ bi bao la đó, Đức Phật sẽ là người cho chúng sanh nương tựa, tiếp thêm sức mạnh, nghị lực cho chúng sanh, dẫn dắt chúng sanh trên con đường tìm cầu Phật đạo, giải thoát cho chính mình.

**Bước đi thứ bảy, rống tiếng Sư tử vì là bậc tối thượng, tối tôn trong trời người tất cả chúng sanh không ai sánh bằng** [20]. Trong kinh *Trường A Hàm* cũng đã đề cập đến:

“*Thiên thượng thiên hạ - Duy Ngã độc tôn  
Nhứt thiết chúng sinh - Giai hữu Phật tính*”.

Có nghĩa là khắp trong thế gian chỉ có ta tôn quý. Chúng sanh trong thế gian đều bị chi phối bởi sinh, già, bệnh, chết. Hay nói cách khác rõ hơn, trên trời dưới đất chỉ có chân ngã, chính là bản tâm thanh tịnh là đáng tôn kính. Chính cái chân thể độc tôn này là viên ngọc Phật tánh thường hằng, thanh tịnh bất biến trong mỗi con người. Tất cả chúng sanh ai cũng có Phật tánh. Chỉ có cái chân thể độc tôn này mới cho chúng sanh an lạc, giải thoát cứu cánh.

Qua đó thấy được, Đức Phật ra đời và đi 07 bước trên 07 đóa sen để cho chúng sanh thấy rằng Ngài xuất hiện trên thế gian này với tâm, trí tuệ vô nhiễm. Xuất hiện để giáo hóa chúng sanh, để làm nơi nương tựa, dìu dắt chúng sanh ra khỏi biển luân hồi đạt đến cứu cánh giải thoát.

## KẾT LUẬN

Cách đây hơn 25 thế kỷ, nhân gian đã hân hoan chào đón một vị Thái tử với hạnh nguyện lợi tha, vì chúng sanh mà xuống nhân gian hóa độ. Đó chính là Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni của chúng ta là người khai sáng ra Đạo Phật tại Ấn Độ và hiện hữu trên khắp thế giới, là một Bồ tát giáng trần, khi vừa mới sinh ra Ngài đã bước đi 07 bước trên 07 đóa sen. Hình tượng đó mang một ý nghĩa vô cùng to lớn và sâu sắc. Hình tượng 07 đóa sen chính là Đức Phật muốn cho chúng sanh biết được bảy Đức Phật trong quá khứ và Ngài là vị Phật thứ 07. Còn hình ảnh bước đi 07 bước rồi chỉ tay lên trời đọc bài kệ chính là sự khẳng định lúc đó Ngài là một vị Bồ tát đã đắc được bảy đạo Bồ đề và giờ đây sẽ thị hiện nơi nhân gian để giáo hóa chúng sanh, sẽ là ruộng phước điền cho chúng sanh gieo hạt giống phước báu, là nơi cho chúng sanh nương tựa trên lộ trình tu tập giải thoát của mình. Với lòng từ bi vô thượng. Đức Phật đã giáng sanh vào cõi nhân gian để thực hiện hạnh nguyện lợi tha cao cả của mình. Để tưởng nhớ đến ngày kỷ niệm của Đức Thế Tôn Đản sanh, hằng năm, mỗi chùa thường tổ chức lễ Phật đản để tưởng niệm đến Người cha hiền đã đem chánh pháp đến nhân gian độ chúng sanh còn u mê, lầm lạc.

### Chú thích và tài liệu tham khảo:

\*Bút danh của Thích Nữ Huệ Giác

- [1] Phiên âm là Ca-tỳ-la-vệ
- [2] H.W.Schumann - Trần Phương Lan (dịch), *Đức Phật lịch sử*, Nxb.. Thành phố Hồ Chí Minh, 2000, tr.34-35
- [3] Viên Trí, *Ấn Độ Phật giáo sử luận*, Nxb. Phương Đông, 2014, tr.56
- [4] H.W.Schumann - Trần Phương Lan (dịch), *Sdd*, tr.40-41
- [5] Một thị trấn lớn thuộc bộ tộc Sakya
- [6] Phiên âm là Lâm-tỳ-ni
- [7] HT. Thích Hạnh Kiêm, *Lược sử Phật giáo Ấn Độ*, Nxb. Tôn giáo, 2014, tr.32
- [8] HT. Thích Hạnh Kiêm, *Sdd*, tr.33
- [9] W.Schumann – Trần Phương Lan (dịch), *Sdd*, tr.40-41
- [10] HT. Thích Trí Tịnh (dịch), *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, Nxb.. Tôn giáo, 2005, tr.93
- [11] *Kinh Trường A Hàm*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1991, tập 1, tr.13-84
- [12] *Sdd*, tr.68
- [13] HT. Thích Trí Tịnh, *Sdd*, tr.66
- [14] Ns. Diệu Châu, *Kinh Ưu Bà Di Tịnh Hạnh Pháp Môn*, 2009, tr.68, PDF
- [15] *Sdd*, tr.68
- [16] *Sdd*, tr.68
- [17] *Sdd*, tr.68
- [18] Ns. Diệu Châu, *Kinh Ưu Bà Di Tịnh Hạnh Pháp Môn*, 2009, tr.68, PDF
- [19] *Sdd*, tr.68.





## HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT MẠNG XÃ HỘI PHẬT GIÁO BUTTA

- 01** Vào trang web <http://butta.vn> từ trình duyệt trên máy điện thoại:
- 02** Ấn nút hoặc
- 03** Ấn nút **NHẬN** hoặc **Cài đặt** tại kho ứng dụng
- 04** Mở ứng dụng Butta, nhập các thông tin: Họ tên (Pháp danh), Ngày sinh, Giới tính để đăng ký tài khoản
- 05** Xem thêm hướng dẫn tại: <http://butta.vn/huongdan>

# Phật Sự

[www.phatsuonlinetv.com](http://www.phatsuonlinetv.com)

# Online



QUÉT MÃ CODE

- Quét mã để xem tất cả các video của Phật sự OnlineTV

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 68.000 đồng

**PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG**



# quangminh

CANDLE



THƯƠNG  
HIỆU  
NẾN

ĐƯỢC  
YÊU  
THÍCH  
NHẤT



quangminh

CANDLE

## NẾN QUANG MINH

Đc : 20 Đường Số 4, Khu dân cư City Garden Hills Phan Văn Trị,  
P.5, Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại : 028 6257 9494 - 0942 835 715



Hotline CSKH

**0903 955 018**

[www.quangminhcandle.vn](http://www.quangminhcandle.vn)







# Bảo Hải Linh Thông Tự

QUẦN THỂ VĂN HÓA TÂM LINH BÊN VỊNH DI SẢN

